

VĂN HỌC MỚI

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



TRONG SỐ NÀY

Nguyễn Vy Khanh - Hoàng Xuân Sơn - Đặng Phùng Quân - Đức Phổ - Nguyễn Văn Sâm - Phan Tấn Hải - Nguyễn Trung Hối - Hà Nguyên Du - Phạm Quốc Bảo - Đặng Thơ Thơ - Lê Thị Huệ & Đào Trung Đạo - Nguyễn Lương Ba - Huỳnh Liễu Ngạn - Lê Hưng Tiến - Ngô Nguyên Nghiễm - Trâm Cà Mau - Quỳnh Thi - Quỳn Di - Trần Việt Hải - Sa Chi Lệ - Khaly Châm - Nguyễn Đức Tùng - Trần Hoài Thư - Phan Ni Tấn - Doãn Khánh - Mã Lam - Hạ Du - Xuân Thủy - Nguyễn Vĩnh Long - Khê Kinh Kha - Nguyễn Thị Khánh Minh - Đỗ Quỳn - Nguyễn Minh Triết - Chu Thụy Nguyên - Hà Bạch Quỳn - Lê Hữu - Nguyễn Thị Hồng Hải - Nguyễn Khôi Việt - Trần Dzap Lữ - Trần Yên Hòa - Ngã Phương Huyền ...

Tháng 6 năm 2019 **3**



**TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
PHÁT HÀNH MỖI NĂM 4 SỐ**

**Điều hành: Hà Nguyễn Du
Phụ tá: Vương Thư Sinh (VHT)
Kỹ thuật nhà xuất bản VHM:
Phạm Hồng Thái**

**Thư từ, bài vở, ngân phiếu xin gửi về:
(Văn Học Mới - Literature Magazine)**

**To: Ha Nguyen (Ha Nguyen Du)
10291 Arundel Ave.
Westminster, CA 92683 - 5821**

**vanhocmoi68@gmail.com
hanguyendu@gmail.com
<https://vanhocmoi.com>**

ĐẠI DIỆN PHÁT HÀNH

**Toronto: Nguyễn Vy Khanh <nguyenvykhanh@yahoo.com>
Vancouver BC: Nguyễn Đức Tùng <bachnguyen@shaw.ca>
Phan Ni Tấn <phannitan@yahoo.ca>
USA: Georgia: Đức Phổ <dducpho@gmail.com>
Nguyễn Thị Thảo An <thaoan2009@gmail.com>
Louisiana: NgT Hồng Hải <nhattannguyen575@yahoo.com>
Quan Dương <quancduong@yahoo.com>
Dallas: Nguyễn Lương Ba <bal@nguyen.us>
Houston: Nguyễn Minh Triết <lnnt_2000@yahoo.com>
San Jose: Phạm Hồng Thái <thaihpam@gmail.com>**



Quý tác giả và bạn đọc thân mến...

Bắt đầu bước vào mùa hè là tạp chí Văn Học Mới số 3 sẽ đến tay quý thân hữu, quý vị sáng tác và quý bạn đọc

Qua 3 số báo, đã là một sự thử thách lớn, một giá rất đắt phải trao đổi. Sự trao đổi, vậy mà cũng mang nặng tính máu xương. Nhất là phải cực kỳ nhẫn nhục, chịu đựng mới mong đối phó với nhiều nghịch lý... Tưởng chừng như những thứ nghịch lý phi nhân bản...

Bởi, vốn của tờ báo ra đời như một phục sinh, từ những cây đinh tàn bạo đóng lên đôi tay hay toàn thân, nhuộm đầy máu trên cây thập tự đời mình...

Thân càng cô thế thì càng dũng cảm, càng mạnh bước tiến hơn dù chân mềm, đá cứng.!! Nhắm đến minh xác tính công bằng nhân loại, dù khoác bất cứ áo mão nào trên trần gian hay dưới ánh mặt trời này cho sự làm người của chúng ta...

Một tự tin mãnh liệt nhất...vào vốn liếng căn bản nhất là năng khiếu nghệ thuật trời cho tâm hồn người nghệ sĩ, hòa nhập với vốn liếng căn bản trường lớp, trường đời!! Từ những hành trang trên, dầu biết rằng mỗi chúng ta đều có khả năng thật giới hạn, nhưng nếu gọi là đóng góp vào việc làm VHNT, thì nên làm với lương tâm chân chính đi với đạo đức Thẩm Mỹ Học...

Sự đóng góp nhỏ bé của mỗi chúng ta, hy vọng như thêm vào cho một nền Văn Học với nhiều tính Chân Thiện Mỹ hơn... Tránh hết những giả dối, tâng bốc hay bẻ phái, vây cánh... Một chủ trương thuần tính VHNT, không pha trộn hay hoen ố những màu sắc nhất thời, những màu sắc ma mị, phi nhân tính, (mà đôi lúc người ta bị quan cho rằng như chỉ là một trò chơi chữ nghĩa!!)

Văn Học Mới, qua 3 số báo, đã vô cùng biết ơn đến quý tác giả cộng tác, ngày càng đông hơn, càng “hùng hậu hơn”.

Thưa quý vị...

Văn Học Mới số 3, phát hành từ tháng 3 đến tháng 6 / 2019, những tháng xuyên qua ngày tưởng niệm Quốc Hận 30 tháng 4 ở Hải Ngoại. Ngày này của 44 năm trước, một ngày như tận thế, một ngày vô cùng kinh hoàng và thảm khốc của Miền Nam Nước Việt... Để sau đó, quân, cán, chính bị lừa vào trại tập trung cải tạo!! Mà trong số đó có người viết bài này, phải trải qua bao nhiêu trại tù với 7 năm đầy thử thách xương máu, may mà sống còn để về với gia đình và được sang Mỹ với chương trình chính thức (Political Prisoners Sub Committee) hay chương trình dành riêng cho cựu tù nhân chính trị, thường gọi là HO.

(Riêng người dân thì tìm đường vượt thoát, để phải làm mồi cho cá, cho thú dữ hay bọn hải tặc hoành hành!! Xác người trên rừng, trên biển, hay trong các trại tù, không sao đếm xuể!! Nói đến ngày này, chúng ta hãy thành tâm cầu nguyện cho vong linh của triệu triệu người đã chết!!)

Cứ đến ngày 30 tháng 4, là lòng người tị nạn không khỏi bồi ngùi và xót xa cùng tận, khi quay lại trong trí nhớ cuộn phim vụt đứt ngang của quá khứ!! Tự dừng viết cho lời tòa soạn, đến đây chợt nhớ đến bài thơ mang nhiều cảm xúc của người viết, tưởng cũng nên đưa lên đây, kính tặng quý bạn đọc và thân hữu:

ÔM TRĂNG VÀNG NGÔI KHÓC NHỮNG SAO BĂNG

Vi vu gió như tiếng tiêu Buồn quay quắt.
Buốt vai sương Lay lắt ... Dậm ly tình
Ta rợn người Như vắng những hồn linh
Những oan khuất Nơi núi rừng Sông rạch
Em biết không Về ta Người lữ khách ..??
Ôm trăng vàng Ngôi khóc Những sao băng ...!!

Chút lệ khô Còn đọng Mắt môi cần ...!!
Tâm chiêu niệm Nghe dậy hồn Cung kiếm...!!
*Em có ngày sinh Ta có thêm Ngày chung liệm...!! **
Ta có thêm ngày chết Em nhớ không ??
Ngày mẹ cha Hoảng loạn Nát tan lòng ...!!
Cùng em út Đứng chờ Nơi cửa ngõ ...

Ngày ta chết ...Ừ thôi ...!! Em đã rõ ...
Bạn bè ta Như mỗi rượu Tiệc tùng
Vợ mất chồng Con lạc chợ Trôi sông ...!!
Một bi kịch Đứng đầu Trong nhân loại ...!!
Một chuỗi chấm than Một tràng dấu hỏi (!!!!!?????)
Một lặng câm Một bất lực ngôn từ ...!!
Thời đại ta Một khối lệ Âm u ...!!
Một dấu chấm Cuối câu Rồi kết liễu ...!! (.)
Em đã hiểu được gì Em đã hiểu ??

Cùng quý độc giả thân mến...

Mùa hè vừa sang, chưa mang oi bức đến... Vẫn còn như lai vãng những âm hưởng xuân... Văn Học Mới xin chúc sức khỏe, an lành và hạnh phúc đến với quý vị, nhất là dù mùa nào đi qua, trong lòng chúng ta vẫn còn đọng lại chút hương vị của Xuân cùng với tờ báo VHNT mà quý vị có trong tay, như Văn Học Mới chẳng hạn... Mong quý vị vừa lòng, hoặc nếu ngược lại... Chúng tôi xin hoan hỉ đón nhận ý kiến đóng góp trong tinh thần xây dựng của quý vị...

Trân Trọng...
Tạp Chí Văn Học Mới



VĂN HỌC MỚI SỐ 3 / THÁNG 6 / 2019

MỤC LỤC :

THƯ TÒA SOẠN 3

MỤC LỤC 6

NGUYỄN VY KHANH 8 biên khảo : thơ và làm mới thơ

HOÀNG XUÂN SƠN 18 thơ - of men & men

ĐẶNG PHÙNG QUÂN 20 - biên khảo: tình yêu với platon

ĐỨC PHỔ 34 thơ - bến cũ

NGUYỄN VĂN SÂM 36 - truyện - lão hát rong trên bờ biển cạnh đặc khu

PHAN TẤN HẢI 45 thơ - sẽ tới một ngày tại mình làm thính

NGUYỄN TRUNG HỐI 48 - biên khảo: sự bệnh hoạn của văn chương

HÀ NGUYỄN DU 66 thơ - đời là mộ phần, em có về ta, lạnh trắng, độc thoại.

PHẠM QUỐC BẢO 78 - vui vầy thế sự (thơ TCS & BG)

ĐẶNG THƠ THƠ 88 truyện - vườn lan

LÊ THỊ HUỆ 103 phỏng vấn nhà văn ĐÀO TRUNG ĐẠO

NGUYỄN LƯƠNG BA 128 thơ - căn nhà ở vân dương

HUỲNH LIỄU NGẠN 130 thơ - lục bát huỳnh liễu ngạn
 LÊ HƯNG TIẾN 132 thơ - chuyện của mấy người, thực đơn tôi
 NGÔ NGUYỄN NGHIÊM 134 biên khảo: nguyên tôn nhan, cuộc hành trình...
 TRÂM CÀ MAU 148 thơ - con đường chinh chiến
 QUỲNH THI 151 thơ - dòng đa nhim có một thời như thế, niềm vui
 QUYÊN DI 154 truyện - chị Bích Khuê
 TRẦN VIỆT HẢI 168 kể chuyện về giáo sư trần quang hải
 SA CHI LỄ 175 thơ - yêu em trời mọc trở bông
 KHALY CHÀM 176 thơ - tội đồ chỉ đứng một chân, xin một lần
 NGUYỄN ĐỨC TÙNG 178 truyện - cô dâu
 TRẦN HOÀI THU 186 - tản mạn về thơ
 PHAN NI TẤN 189 truyện - cưới huế
 DOÃN KHÁNH 193 trò chuyện với phan ni tấn qua có một thời ở quê hương tôi
 MÃ LAM 220 thơ - điên cuồng kỷ niệm êm, nhạt tình yêu rớt vỡ đôi
 HẠ DU 222 thơ - mưa phố núi, sương khói bay
 XUÂN THỦY 224 thơ - gặp lại em
 NGUYỄN VINH LONG 226 truyện - trăng giữa ban ngày
 KHÊ KINH KHA 239 thơ - như mây lạc đường
 NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH 240 thơ & tản văn - có giấc mơ, mùa nào...
 ĐỖ QUYÊN 248 thơ - hai kiếp đợi chờ, thơ bí yêu
 NGUYỄN MINH TRIẾT 250 bkh: đọc hiểu văn bản & sự tương tác nv với ng đọc
 CHU THỤY NGUYỄN 261 thơ - căn phần
 HÀ BẠCH QUYÊN 262 thơ - khai nguồn
 LÊ HỮU 264 biên khảo: hương trinh đã tan rồi (về minh đức hoài trinh)
 NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI 272 truyện - nhà cũ - thơ - dụ ngôn tình yêu
 NGUYỄN KHÔI VIỆT 278 hồi ký - những ngày bị thương năm TYV cộng hòa...
 TRẦN DZA LỬ 285 thơ - đêm ở bl'ao, phản đòn
 TRẦN YÊN HÒA 287 truyện - hậu "hại điện"
 NGÃ PHƯƠNG HUYỀN 296 - giới thiệu sách
 VĂN HỌC MỚI 299 - trả lời thư tín
 TÒA SOẠN VHM 300 - thể lệ gửi bài về vhm
 GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN 301 ...
 QUẢNG CÁO 303 ...
 NXB VĂN HỌC MỚI 306 ...



NGUYỄN VY KHANH

THƠ VÀ LÀM MỚI THƠ

Thi ca thường đòi hỏi thử nghiệm, tìm tòi, sáng tạo, cái mới, cái lạ, nhưng nói chung, dễ gì được chấp nhận ngay! Vấn đề muôn thuở vốn là đi tìm hình thức, ngôn-ngữ và nội-dung thích hợp với tâm tình và thi hứng, và để được xem là nghệ-thuật! Nhưng đối với người Việt, trong cũng như ngoài nước, thi ca vẫn sống mạnh theo hàng ngang. Thơ lấn lướt về "tác giả", ấn phẩm, nhưng không có cách tân, thử nghiệm thật sự có thành tích dù có nhiều cố gắng sáng tạo độc đáo và cả lập dị! Khủng hoảng vì người làm thơ có thể nhiều hơn người đón nhận thơ một cách tự nhiên và tích cực, thơ nay không bán ở hiệu sách, thơ chỉ để tặng cho người đồng cảm, cho bạn bè, thù tạc hoặc để tự vinh danh, kỷ niệm (chúc thư) để lại cho đời. Thơ được in ra ngày càng nhiều, dưới nhiều hình-thức, nhưng không còn chỗ đứng trong các nhà sách. Thơ biến chất và trở thành sản phẩm trình diễn ... xã-hội, cộng-đồng, cả "hàng giả"; thơ biểu tặng phần nào cũng vì dễ dàng trong con chữ biểu hiện hoặc trong

mục-đích không văn-chương. Nhiều người không bận tâm phẩm chất, ta cứ làm và in thơ. Đó là lý do một số nhà thơ ít nhiều tên tuổi trước nay làm thơ quá dễ dàng, một đề tài có thể thành hàng trăm bài, và trong một thời gian rất ngắn. Nhiều người làm thơ như viết tiểu-thuyết feuilleton, xướng đáp, hoạ thơ, tặng nhau tới tấp. Nếu xếp loại, thơ nay có thêm loại kể lể, dai dẳng, dài dòng,... Tiếp là nạn thơ ... nhóm, hễ một phe là thơ hay, "thi sĩ" lớn! v.v. và v.v.

Đối với vài nhà thì thơ tùy hứng tuôn ra, đưa lên không gian toàn cầu Internet, đã như một sản phẩm tiêu thụ, phải có, cho có, đến cả bội thực. Nhưng độc giả thì thiếu vắng hoặc không đón nhận kịp hoặc thờ ơ như bao chuyện chung khác. Hiện nay trong nước cũng như ở hải-ngoại đã và tiếp tục chứng kiến tấp nập nhiều hội thơ và số người làm thơ chứng minh tiên-đề rằng mỗi người Việt là một nhà thơ. Tuy nhiên nếu dùng lại hình ảnh và định nghĩa thế nào là thi sĩ của Platon thì con số nhà thơ hải-ngoại sẽ dễ đếm hơn, nghĩa là các tuyển tập thơ gần đây ở hải-ngoại sẽ phải dọn lại và những "thi-sĩ" "cộng đồng, thù tạc, mua vui cũng được một vài ..." sẽ có chỗ đứng ở nơi khác! Độc giả, người thưởng thức thơ là trọng tài – thường bất lực, thụ động, cho nên thi-ca là thể-loại văn-chương đang có vấn-đề. vấn-đề vì với “khối lượng” thơ này, khó có thể nói đến thi-ca nghệ-thuật, cũng như cứu rỗi hay tiếng nói (thật) của tâm hồn. Đây trở nên một loại văn-hóa tiêu thụ và thơ đã bị hiểu lầm, sử-dụng sai trái. Tuy nhiên, may thay, vẫn còn có một thiểu số người làm thơ tôn trọng thi-ca như một bộ môn nghệ-thuật và đã có những cố gắng và đóng góp cần được tìm hiểu, đón nhận.

Dù mỗi người Việt là một nhà thơ, thì thi-ca hôm nay (cũng như văn, tuy khác và nhẹ hơn) đã và đang lâm vào tình trạng bế tắc. Không được hỗ trợ bởi những nhà phê bình thi ca, các phân khoa đại học, các tạp chí chuyên ngành, trình độ thưởng thức bình thường của người làm thơ và người đọc,... đó là những lý do của tình trạng. Nhiều người làm thơ có tài nhưng có thể đời sống vật chất, tinh thần và không khí văn nghệ đã không tạo hoàn cảnh sáng tác thuận lợi chăng?

Thơ hôm nay muốn là cái gì khác, khác đi, khác hẳn, có một vị trí khác, cung cách khác! Thay vì thống nhất, đoàn kết, dựng

tượng, thơ hôm nay làm gãy đổ bức tượng non yếu của cấu trúc thi ca, nêu vạch những điểm yếu, khuyết điểm của một ngôn ngữ thi ca tưởng là vững chắc, vào khuôn, thường hằng, rồi hướng con chữ về một hướng khác thử nghiệm đo lường sức choáng váng của chữ nghĩa! Thi ca hôm nay có một định mệnh mới, khác, "hậu" tất cả! Vị thế của nhà thơ hôm nay đành phải ở chỗ khác và thi ca hôm nay trở thành tập hợp của những tiếng thơ khác biệt. Không đồng nhất, không là duy nhất, nhưng là đa, là khác. Thật ra muôn điệu vẫn hơn nhưng giữ được cái hài hòa nào đó! Nếu phải làm một cuộc trưng cầu dân ý, mỗi người làm thơ và mỗi độc giả thơ một lá phiếu thì thơ luật, thơ thù tạc cũng như thơ lục bát và tự-do sẽ chiếm đa số phiếu, trong khi thơ cụ-thể, tính-dục và Tân Hình-thức có thể sẽ lọt sổ! Thi ca biến đời thường thành một thế giới khác, hiện thực trở thành siêu thực, dị thường, huyền-hoặc qua thơ, hoặc siêu thực, kỳ dị trở thành hiện thực. Thi ca ngay cả trong những dự phóng, ám ảnh, chết chóc, hủy hoại, hư vô,... cũng giúp con người siêu thoát khỏi những ốc đảo cô độc! Trở về căn nguyên, nguồn cội của thi ca, không phải ở sự lặp lại, mà là cách-tân, tẻ lăm cũng như tắm lại cùng nguồn nước, mà nước thì đã hết như xưa!

Đây đó, trong ngoài, vẫn có những nhà thơ đi tìm tính thơ, tìm nguyên lý thi ca, định-nghĩa lại thi-ca, một cách tiếp thừa thi ca, tư duy bằng hành-cử thi ca, nhưng trong viễn tượng mới, không gian văn hóa khác! Hiện đại hóa là qua đường, nhà thơ hôm nay trở thành kẻ qua đường. Có kẻ qua đường gây dựng nổi cơ đồ thi ca, nhưng có người rồi ra vẫn chưa đến bến. Có người nhờ kỹ thuật thể hiện, cho nội dung mới vào ngôn ngữ thơ mà trở nên thơ hơn, được đón nhận hơn, dù bước đầu có thể đi lại trên con đường người trước như Thơ Mới có người làm theo nhưng với ngôn ngữ, ý tình hôm nay, ngữ điệu độc đáo riêng, tạo bản sắc, có thi tính riêng! Nói thơ tình yêu chưa chắc thời nào cũng như nhau là do lẽ đó! Có thời trang thành một (mode) lâu dài, có khi lại chỉ là đồ chưng xa xỉ không cầm cự được với thời gian! Lý luận cho lăm rớt lại, văn chương là ở cách thể hiện. Thẩm mỹ học mới, ý thức mới quan trọng, vì chính ý thức sáng tạo có mới, có độc đáo, khác biệt, riêng tư,... thì kỹ thuật, ngữ điệu, ngôn từ, hồn thơ mới cất cánh bay được! Với người Việt, thiển nghĩ phải rời quá khứ, phải ra khỏi mọi trường phái, thời thượng,...

thi ca mới bay bổng và có mới! Cứ nhập nhằng truyền thống, quá khứ, núp bóng, theo lối mòn, theo gót,... thì lại quy-hồi, trở lại điểm khởi hành mất! Phải tự tin và tự túc, tự hình thành! Vũ trụ thơ là một vũ trụ con chữ, xử dụng với mỹ học khiến thơ hay. Ngôn ngữ có những ký hiệu ước định của nó. Có ngôn ngữ mới có văn chương, nhờ hư cấu, sáng tạo mà ngôn ngữ trở nên văn chương và ngôn ngữ đó đến được với người khác, với ký hiệu ước định của ngôn ngữ thơ! Thật vậy, tổ chức ngôn ngữ tạo nên thi-tính, tức, thơ có cách tổ chức ngôn ngữ riêng. Thơ luôn ở tiếng nói của con người xử dụng nó trong thời gian và không gian! Tóm, thơ hay là thơ thành công, độc đáo, khi tự thi-bản thơ là một vũ trụ, một khối tự lập hình thành từ nhiều cấu trúc, yếu tố, và một khi đã thành, trở nên một ngôn ngữ riêng biệt! Thi-bản / văn-bản phân phối lại ngôn ngữ, nhưng ngôn ngữ cũng phân phối lại văn bản. Những câu lục bát bị cắt, chấm câu, xuống hàng và viết hoa theo nhịp điệu, ý thơ, v.v. đến với người thưởng thức như một văn bản mới và như một ngôn ngữ thơ mới, khác. Thơ cần hình thức để dễ nhận diện, đó là lý do tại sao Tân Hình Thức vẫn giữ hình thức thơ. Nhưng theo thiên ý hình thức thơ chưa đủ, đã là thơ thì phải có tính thơ (poétique); có thi tính thơ mới đạt được cảm xúc, có cảm xúc mới đi đến vấn đề khái niệm hóa và từ đó mới có lý thuyết, lý luận thi ca! Thơ là để cảm (người khác), tìm đồng cảm, đánh động tâm linh, tâm thức. Sáng tạo trong thơ là tác động cá nhân, riêng tư, nhưng một khi đăng báo, xuất bản, thơ đã mang ý nghĩa xã hội, văn hóa rồi - trước khi trở thành một lý thuyết, trường phái. Canh tân, làm mới, phải có ý thức mỹ học trước rồi đưa đến tiêu hóa sau mới ra đời thành nghệ thuật! Thơ hôm nay đòi hỏi độc giả “mới” nhưng hình như giới này thu hẹp, chia phân! Và như thế, thơ lại đang ở ngã ba đường, hay nói khác đi, nếu không có cũng không hại chi đến nên văn-học nói chung!

*

Thi-ca tiếp tục trò chơi ngôn ngữ, trước hết là những “cách tân” trong làng thi ca Việt trong cũng như ngoài nước từ hơn bốn thập niên qua, bắt đầu với thơ lục bát, gia tài riêng của thi ca Việt, được tiếp tục làm mới, cái Ta được biến thể, hóa trang và cập nhật. Hơn ba thập niên qua, thể-loại lục-bát đã bị xâu xé giữa truyền

thống và mỹ học hôm nay. Lục bát cách tân dưới nhiều hình thức, biến thể tự do về chấm câu và xuống hàng trong cái khuôn tiên-thiên 6-8. Những Du Tử Lê, Ngu Yên, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Tôn Nhan, Huy Tưởng, Nguyễn Nam An đều đã thử nghiệm cách tân thơ lục-bát, mỗi người một cách thể, tư duy và thể hiện. Gần đây thơ lục-bát được thêm nhà thơ thử nghiệm, như Phạm Hiền Mây, Nguyễn Hàn Chung,...

Thơ Tự-do là thể loại ngày càng được người làm thơ yêu chuộng, phát triển đa dạng với một số nỗ lực canh tân làm mới thơ trên các tạp chí chủ yếu là tạp chí Thơ, nhưng để được đón nhận và thành công, những con chữ tự do ấy phải đầy tính thuyết phục nghĩa là vừa mới và vừa văn-chương! Thơ tự do hôm nay có thể bỏ hết những ràng buộc vần, điệu, luật,... nhưng những bài có thể thuyết phục người đọc thường vẫn có một cú pháp, hình thức hoặc có hồn!

Để được tự do, người làm thơ còn dùng kỹ thuật thụt chữ khi xuống hàng, con chữ rời rạc, nhiều cách quãng - ngoài khoảng cách không gian trên trang giấy, khoảng cách này còn tương đương như những dấu slash /, //, /// đánh dấu nghỉ khi đọc mà có người cắt nghĩa là để cô đọng thơ, làm khác ngôn ngữ đời thường. Kỹ thuật cách quãng, để trống này được nhiều người làm thơ áp dụng trong hai thập niên qua ở hải ngoại. Riêng dấu / còn để cho người đọc chọn chữ, như với Du Tử Lê. Bốn thập niên qua, thơ tự do bắt đầu có lý thuyết hoặc ý thức đằng sau con chữ. “Trường phái” dùng dấu của chữ viết máy điện toán, những dấu /, @,... và xử dụng nhiều dấu chấm phết, hai chấm, chấm than trong thơ và ngay cả tựa thơ, có Du Tử Lê, Viên Linh và những người đăng trên tạp chí Thơ, Việt, v.v. Họ Lê đề nghị thơ “biến dịch” (interactive poetry / self-serve) ngắt, đổi vị trí các chữ trong câu để có thể có nhiều cách đọc ngược xuôi. Có bài mang hơi hướm siêu thực, nhưng thường chỉ là hiện thân của một thời đại kỹ thuật tin học, vô tâm, lãnh đạm, vui ngắn hạn,...

Thi-ca sự vật hay **thơ cụ-thể** (Concrete Poetry) cũng đã xuất hiện ở trường văn hải ngoại, với những bài thơ tạo hình. Ngày xưa trong thơ có họa, nay họa thơ cụ thể thành hình thể, quang cảnh nhà thơ muốn người đọc nhìn thấy. Vừa là cánh tay nối dài của dadaisme vừa do ảnh hưởng của phim ảnh, với những hình thể vật lý, thơ gợi hình đến với người đọc bằng thị giác (visual poetry / poésie

thay vì bằng tâm thức. Thơ cụ-thể đến với người thưởng ngoạn bằng âm thanh (sound poetry). Nhóm Hồn Quê đã thử nghiệm thơ Linh-họa, thơ với phương tiện âm thanh, tranh ảnh, hoạt họa,... Một loại cấy giống mới hay lai-giống (hybridation) giữa văn bản với nhạc và họa hình. Thi-ca trở thành một nơi thử nghiệm văn-chương mà tiểu thuyết đã đầu hàng! Thử nghiệm thơ Linh-họa này hãy còn hạn chế ở giới trẻ quen dùng máy điện toán, chưa phổ biến trong giới làm thơ người Việt. Thi-ca sự vật còn ở những đề tài tầm thường, tầm mùn, xù xì, trơ trụi tính thơ dù thể loại thường dùng có thể là thơ tự do hoặc thơ văn xuôi. Vấn đề ở đây là thơ mang ý nghĩa gì, nói cái gì hay không cần đặt câu hỏi như vậy. Thơ cụ-thể đối với giới làm thơ người Việt chỉ mới ở chạng thử nghiệm ngập ngừng, chưa gây tiếng vang cũng như chưa nhiều đệ tử! Con chữ trở thành phương tiện để diễn tả, như thấy gì nói đó, không hẳn phải cần đến thi tính. Ở đây thi-ca hết còn là ngôn ngữ tiềm lắng cần được nắm bắt một cách nghệ thuật!

Thơ được điện toán hóa với “chữ nghĩa” của máy, hay thành thơ”biến dịch” (interactive poetry) hay tự chọn (self-serve). Có những “bài thơ” trong thực tế chỉ là những “hình dáng” hay “tiếng động” vô nghĩa (nếu đọc lên) đã được viết thành con chữ. Đồng hành với khuynh hướng phổ nhạc gần như tự nhiên của nhiều người làm thơ. Vừa là sáng tạo vừa phá hủy sáng tạo, thi ca thường đòi hỏi thử nghiệm, tìm tòi, cái mới, cái lạ, nhưng dễ gì được chấp nhận ngay! Vấn đề muôn thuở vốn là đi tìm hình thức thích hợp với con người thời đại, hợp tâm tình và thi hứng! Chủ nghĩa Hậu hiện đại, Tân hình thức, thơ Cụ thể, văn chương liên mạng siêu/tân văn-bản (hypertext),... được tìm đến, được thử nghiệm trong thơ văn. Cụ thể như đời thường, trần tục, có khuynh hướng tiến thành tình dục.

Thi-ca ngoài nước bước trước thêm một bước đến cửa bản năng. Hành cử, thái độ, tâm tình tình dục xưa thâm kín, gián tiếp, riêng tư,... nay thành nhãn hiệu cầu toà! Từ châu thân kín đáo, nhẹ nhàng đến thân thể có thực rồi đến xác thịt phóng đại, con này cái kia. Nếu ngày xưa với kỹ thuật, thể loại cũng như phương tiện, ngôn ngữ, để tế nhị gợi cảm tài hoa, đọc trong đầu, gợi hình, v.v. nay thì trắng trợn như gợi nhục cảm và bày ra trước mắt! Ở đây thơ

đi xa hơn ngôn ngữ tiểu thuyết gọi là “rẻ tiền”, khai thác bàn nắn! Thơ ở đây phải nhọc cảm vào con người và muốn có phản ứng liền, không khác truyện đam tình! Thơ không chỉ đề cập, nhắc đến sự vật, đối tượng, mà diễn ngôn cả hành cử làm tình, làm-tình-như-sống, như câu cá, ngắm trăng,... cũng như bày cả bối cảnh của hành cử đó, một cách kể chuyện đam tình! Cái Tôi thường ẩn khuất, chìm, underground, nay được đưa trời lên mặt nổi, một thứ thi-ca nữ quyền. Người nữ hết bị bắt phải câm nín, họ nói, họ hét, cả những điều thầm kín và rất riêng tư, cho tha nhân nghe, biết. Nâng cao, công khai, để tự giải phóng!

Nam giới trong lãnh vực tính-dục có ít ra hai khuynh hướng chính, nếu không phá giá người nữ và tầm thường thân xác nữ thì tìm khoái lạc tự kỷ. Và thơ tình đồng phái tính, về một không gian khác thường (queer), cũng đã nhập dòng thơ của người Việt! Nơi đây, thơ giống tiếng bình-quyền, người đi xa thì nhìn quan hệ như những chuẩn mực xã hội (Lê Thị Huệ, Lê Thị Thấm Vân, v.v.) hoặc đến độ nhìn tính giống và tình yêu như những liên hệ trao đổi vật chất cụ thể (Đỗ Kh., Nguyễn Hoàng Nam, Trần Sa, ...). Người ta đánh mất cái Tôi “trong-trắng” của thời trước. Cái Tôi hôm nay đầy mâu thuẫn nội tại và là một tổng-thể nhiều bất ngờ, khó hiểu - nếu nói theo lý luận của thời cổ điển hay lãng mạn! Cái Tôi chủ quan thời hậu hiện đại thể hiện qua thơ nói đến phái tính và dục tính! Có còn chăng cái biên giới giữa ngôn ngữ thường ngày, của chốn thân mật tư riêng, và một ngôn ngữ văn chương? Hội nhập văn hóa xã hội vì người Tây phương hiện đại bị bí lối trong thân xác, do đó qua các hoạt động, tổ chức văn hóa, họ tìm cách giao tiếp qua trung gian lời nói, ngôn ngữ vì ngoài ra thân xác đó đến với tha nhân chỉ qua những gần gũi xác thịt và liên hệ gia đình. Phần còn lại chỉ là văn hóa do đó họ chủ trì thân xác là chủ thể mà tạo hóa và thiên nhiên đã cho họ. Họ coi trọng thân xác, họ lắng nghe tiếng nói và đòi hỏi của thân xác và đi theo con đường của thân xác! Thân xác, dục tính đi vào thơ và ngôn ngữ thơ tự nhiên như đi vào cuộc sống, là vậy! Thơ ở đây cũng là phản ánh đời sống hôm nay, rất vật chất và cuồng vội, nhẹ tôn giáo, tâm linh, muốn không ý thức hệ hay gốc rễ, của người Việt (trong cũng như) ngoài nước!

Ở Úc, Lê Văn Tài chủ trì loại thơ đồ họa, cùng Nguyễn Tôn Hiệt (Hoàng Ngọc-Tuấn) và Phan Quỳnh Trâm. Riêng Nguyễn Tôn

Hiệt thử nghiệm một thể ‘thơ truyện’ – dù không thể thay thế được văn Thạch Lam, Nguyễn Tuân đã “thơ truyện” hơn thế nhiều!

Hình-thức mới đã đến với thơ và với văn xuôi nhưng hình thức thể loại vẫn giữ, thơ thì 8 chữ, có cả lục-bát, văn thì đầy trang, còn xuống hàng và viết hoa thì tùy ... húng! Đời sống hiện thực ảnh hưởng đến thi-húng và hình-thức thơ như bạo lực, tình dục buông thả/tự do, đổ vỡ của những phong hóa, nếp sống cũ như sống thử, ly dị, sống tận hưởng,... ở bất cứ lứa tuổi nào. Ngoại trừ trường hợp Tân hình-thức và khuynh hướng nữ-quyền, các nhà văn hải-ngoại uyển chuyển không theo thời hoặc theo hẳn một trường phái nghệ-thuật nào! Những năm gần đây, nhất là từ khi trong ngoài nước liên hệ văn-chương dễ dàng và tự-phát thành-tâm hơn, đã thấy có những tìm tòi (chung) về hình-thức, kỹ thuật; tâm hồn được đào sâu, kịch-tính, thi-tính và văn-chương tính được thử nghiệm một cách liên tục và có những tác-phẩm đáng để ý! Nghĩa là có hy-vọng vì văn-chương được thưởng thức và sáng tác như là văn-chương hơn là cái gì khác!

Thơ Tân Hình-thức sau một thời-gian hùng-cử trên văn đàn và tạp-chí *Thơ*, nay vẫn được theo đuổi và đã có khuynh-hướng hậu hiện-đại hơn khi đưa hình ảnh vào thơ hay dùng hình làm thơ! Khoảng đầu năm 2000 trường phái Tân Hình-thức (New Formalism), xuất hiện trước hết và chủ yếu trên tạp chí *Thơ* xuất bản ở Nam California, sau trên tạp chí *Việt* ở Úc đồng tình cũng như các tạp chí văn học khác. Rồi lắng xuống nhiều năm, đến 2014 trong nước hân hoan đón nhận, mở hội thảo, nghiên cứu và ở ngoài, nhóm cũ vài người trụ trở lại, lập Câu-lạc-bộ Tân Hình-thức và cho ra “báo giấy” số 1 (tháng 4-2014). Phong trào thơ Tân Hình-Thức từ khi xuất hiện trên trường thi ca Việt-Nam hải-ngoại (rồi vào trong nước), sau nhiều tranh luận, thử thách đã vững bước với những lý luận, tiểu luận và tác-phẩm xuất-bản. Về tác-phẩm đã có những *Thơ Không Vần*, tuyển tập tân hình-thức/*An Anthology of Vietnamese New Formalism Poetry* (2009), ...rồi *Thơ Bất Tận* của Nguyễn Đăng Thường do nhà Giấy Vụn xuất-bản năm 2014. Khế Iêm, người cật lực với thể-loại Tân hình-thức đã soạn tập lý thuyết và thực hành *Tân Hình Thức, Tứ Khúc và Những Tiểu Luận Khác* (Văn Mới, 2003), tuyển tập *Thơ Khác/Other Poetry* (ấn bản song ngữ, J. Do Vinh translator, Tân Hình-Thức Publishing Club, 2011)

và để lại nhiều thi tập khác không ngừng nghỉ.

Tân Hình-thức muốn phá linh hồn thời mới vào thơ, thời không anh hùng, thời ca tụng không cần bằng chứng và lý luận không bằng ngôn ngữ mà bằng thủ thuật và kỹ thuật ngôn từ. Một thứ mỹ học mới của hôm nay! Đây là một hình thức hội nhập văn hóa tự nhiên như các nhà thơ Mới ở thập niên 1930-40 đã tiếp xúc hội nhập với dòng thi ca Pháp dù trẻ tràng. Con người hôm nay, nhất là sống ở Âu Mỹ, sống thời của TV mặt bằng, truyền thông dễ dàng và nhanh chóng, Internet, nhưng đồng thời rất cô đơn trong khi những giá trị văn hóa truyền thống ngày càng biến dạng - cơ cấu gia đình, ý nghĩa cuộc đời, rồi lý tưởng, vấn đề dân tộc, v.v. Thành thử cần lối thoát, cần cảm thông giao tiếp qua lời, qua kể lể, nhạc Rap, vừa nhảy vừa thẩm thấu lời người khác vừa tự mình kể lể ai muốn nghe thì nghe! Kể lể có thể nói là cái nền cho văn hóa mới, kể lể tức lời nói đời thường. Đơn điệu, nhưng không phải là cái đơn điệu xưa kia của thơ luật, ở đây đơn điệu có nhạc tính. Đơn điệu nhưng với một nội dung, tâm sự nồng nàn, da diết, lời như dán vào da thịt người nghe, người đọc; với nhịp nồng nàn, dồn dập, tha thiết như nhạc Rap! Những lời phản kháng khôn nguôi, những tình ý xưa nay trộn lẫn. Không dễ đoán trước tứ thơ, chữ dùng, cả chấm câu, chỗ ngừng nghỉ lấy hơi! Nói rằng thơ Tân Hình-thức chỉ để đọc, là như thế! Nhưng không hẳn lúc nào cũng trơn tru, đa số thơ nhức nhối con chữ, ý, điệu, hình ảnh bất thường! Chân Phương, Ngu Yên, Khế Iêm, Nguyễn Hoàng Nam, Nguyễn Đăng Thường, Hà Nguyên Du,... ở trong trường hợp này!

Tiểu thuyết thành truyện kể đã đành, thơ cũng đi vào con đường trần thuật từ cuối thế kỷ trước: người làm thơ như cút bắt với thơ, thơ xuôi mà không xuôi, thơ mà như nói thường, phần nộ, đối thoại, giao tiếp... Câu có thể 8 chữ nhưng vắt dòng bất kể; vẫn không ngừng ở các dấu ngừng hay xuống hàng mà vắt dòng, muốn ngừng thì ngừng trong tâm thức, giữa câu, giữa dòng! Vì thơ Tân Hình-thức có tính truyện, kể lể, đưa đến kỹ thuật “vắt dòng” (hay vắt khổ, run-on, emjambé, enjambement) trong cùng một khổ thơ và vắt

dòng qua khổ sau. Những bài gọi là thơ Tân Hình-thức lúc ban đầu như lời nói của đời thường thật, xuống hàng để giữ hình thức thơ, nhưng rồi lý thuyết rõ ra, những bài sau này vô khuôn thơ thường là 8 chữ, vắt dòng có tổ chức hơn và hay lập lại lời hơn, láy và lập lại âm thanh chữ dùng cũng như nhịp điệu ngắt câu. Mặc cảm hậu-thuộc-địa hãy còn ngự trị trong thử nghiệm và thuyết lý của những nhà thơ Tân Hình-thức Việt. Mượn cái vỏ, nhịp điệu và kỹ thuật của nhiều thể thơ đã chắc tạo nên được một cú pháp thơ? Với Âu Mỹ, từ thập niên 1960, thi-ca đã cất cánh thành ngôn ngữ thơ và văn-bản, còn chúng ta? Đã là thời đại thì vè dễ trở thành một hiện tượng nhất thời.

Bài viết không trích thơ vì đây chỉ là vài ý nghĩ rời rạc tạm thời được cô-động của chúng tôi.

NGUYỄN VY KHANH



OF MEN & MEN

tặng Hà Nguyên Du

người có tài
hay kiêu ngạo
(tôi không thích những kẻ ta đây)
tự tỏa sáng mình
ốc đảo
vênh vao
tự nhấn chìm
dưới biển cát
không lời
âm hao

tôi thích chơi với
người biết chia
sẻ
chút tâm tư
bé mọn
một chút tình
cỏn con
một đại dương phía trước
bát ngát
cối
vuông tròn

tôi khoái la cà
 cùng
 bạn nhậu
 nói cười
 hể hả
 xỏ nho
 từng bưng
 không ai kềm
 chẳng ai soát
 tất cả bằng đầu
 bằng đuôi
 trong cuộc say như tử
 tôi
 lóng rày
 ù tai
 điếc đặc
 tôi lượm lật
 chiếc giường

tôi lược gương
 thường trực
 rung bản bật
 chăm mai
 bón chiều
 cốt kết dây thiếu
 tôi hư thân
 hư đồn
 mất nét tề
 nư đời
 hãy ngã tôi vào
 tình luyện
 cho tôi biết đường
 lộn về
 nơi chẳng biết

HOÀNG XUÂN SƠN

tháng mười hai ở Denver 2018

(một xì-tao thơ. kiểu duyên)

* John Steinbeck – Of Mice&Men



ĐẶNG PHÙNG QUÂN

Giáo sư triết học, nhà văn, nhà viết tiểu luận. Sinh ngày 23.1.1942 tại Nam Định. Quê ở Thái Bình. Dạy Đại học Văn khoa Saigon trước 1975.

Vượt biên đường bộ sang Cambodia, Thái Lan đến định cư ở Hoa Kỳ năm 1981. Hiện cư ngụ tại Houston, Texas. Trong Nhóm chủ trương Giai Phẩm Chủ Đề Oregon, 2000; Tạp chí Gió Văn, Texas, 2004.

Tác phẩm đã xuất bản: *L'existence d'autrui et la fidelite dans l'oeuvre de Gabriel Marcel* (1967). *Hiện Hữu Tha Nhân với Gabriel Marcel*, 1969; *Ca Ngợi Triết Học*, 1970; *Triết Học và Khoa Học*, 1972; *Triết Học Aristote*, 1972; *Tiểu Thuyết của Khái Hưng*, 1972; *Chân Dung Triết Gia*, 1973; *Triết Học và Văn Chương*, 1974; *Miền Thượng Uyển Xưa*, 1983; *Văn Chương và Lưu Đày*, 1985; *Một Dặm Tương Thân* (viết chung với Hàn Song Tường), 1987; *Tự Truyện*, 1997; *Hành Trạng Tư Tưởng giữa Hai Thế Kỷ*, 2002; *Phê Phán Hệ Tư Tưởng Mác-Xít*, 2002...

TÌNH YÊU VỚI PLATON

Hãy yêu triết gia! Đi tìm những thiên khúc ca ngợi tình yêu diễm tuyệt nhất của nhân loại, chúng ta không thể không nói đến tác phẩm của Platon. Đã hẳn Platon chắc chắn là một tên tuổi lớn nhất trong triết học Tây Phương, vĩ đại đến nỗi người ta không ngần ngại cho rằng mọi triết gia về sau chỉ có một công việc là viết những chú giải ở dưới mỗi trang sách trong các tác phẩm của ông. Văn Platon còn là một nguồn suối đầy thi vị, thể hiện sự hợp nhất giữa văn chương và triết lý trước khi chia cách, nơi những tác phẩm viết cho công chúng mà người ta quen biết dưới dạng những Đối thoại: vẻ tự nhiên của ngôn từ không thể bắt chước được, nét duyên dáng nơi tính cách đùa rỡ của chữ nghĩa, giọng châm biếm nhẹ nhàng đầy bất ngờ, cuộc nói chuyện văn giữa những nhân vật nhưng mang điểm thanh thoát của thi ca, sức mạnh nơi trí tưởng phô trương trong huyền thoại và lịch sử, đến bút pháp cao độ của nghệ thuật phản ca và điều khó khăn nhất là liên hợp những chủ đề khác biệt (trong công việc triết lý, làm thế nào tranh luận giữa các thể tài khác nhau trên một tương quan tự nhiên; trong công việc văn chương làm thế nào kể nhiều chuyện cùng một lúc: nét đặc sắc của nghệ thuật hiện đại!) nơi cùng một bản văn.

Những đối thoại của Platon có thể là những thiên tùy bút triết lý sống động, có thể là bi kịch hay hài kịch, có thể là lịch sử về nhiều người chung quanh một cái bóng lớn (Socrate?), hay nhiều cái bóng chung quanh một Vấn đề (Con người?), một lý thuyết thẩm mỹ trong dạng thức của kinh nghiệm vừa thành hình, hay một suy tưởng về kinh nghiệm cảm xúc, những đối thoại ấy có thể là những tác phẩm tân tiểu thuyết, hay những tiểu thuyết đang trên đà phá vỡ sự cấu thành tác phẩm, sự chối từ tác phẩm, phủ nhận Triết học, phản Văn chương, phi Ngôn ngữ... Đối thoại như sự hiện diện của Platon hiện đại. Những điều nghịch lý quan trọng chính là Platon đề cao diễn ngôn của Lời nói và phủ nhận sự trung thực của Văn tự ngay nơi những thiên Đối thoại được viết ra (bởi vì là những tác phẩm công truyền, viết cho người đọc – không phân biệt người nào, đám công chúng lạ mặt, vô danh). Cho nên đọc

Platon, có nghĩa là từ khước những điều đã ghi lại, để trở về với dòng diễn ngôn sinh động của Đối thoại, bỏ rơi khán trường vô tội này để bước vào một sân khấu linh hoạt của cuộc Đấu khẩu, liệng quyển sách ra ngoài cửa sổ để hòa mình trong thế giới trầm tư, vươn lên khỏi cái vỏ nhị nguyên xâu xé để tham dự vào khối sinh thành phức thể, ngõ hầu hy vọng tìm ra được cái Một, cái Nhất thể chưa...

* **

Anh có thể là người không đọc Platon? Triết lý, thực vậy, sự xa lạ mà mỗi con người chúng ta trong đời sống hàng ngày bận rộn với công việc một cách hữu lý, giải quyết chuyện đời một cách khôn khéo mà có khi suốt đời không cần bận tâm đến triết học làm gì. Nhưng có điều ít ra một lần trong đời anh hẳn đã nói tới, hay nghĩ tới: tình yêu cao thượng (kinh nghiệm của cảm xúc, mối tình đầu hay một tình yêu nào đó, trong một thoáng qua hay đã thành kỷ niệm... tình yêu không mặc cảm?) – thứ tình yêu người Tây Phương lấy từ bài học của Platon khoác cho hình dung từ *platonisch*, *platonique*, *platonique*... Ca ngợi tình yêu, nhưng không phải là lý thuyết về tình yêu, bởi Platon đã nói đến tình yêu trong nhiều thiên Đối thoại, và ở đó người ta sẽ không phải gặp một thể loại mà chính ông không muốn, và chúng ta cũng không muốn phải chấp nhận – đó là một siêu hình học làm cho chán ngán, luận về tình yêu. Chúng ta sẽ được mời gọi, trong những hoàn cảnh khác nhau, đôi khi khá bất ngờ, vào những câu chuyện tán gẫu, rồi tình cờ khởi nói đến tình yêu. Ca ngợi tình yêu, bởi vì ca ngợi ngôn từ. Và nếu phải đưa đẩy tới một luận thuyết về tình yêu, thì cũng chính ở đó là dịp kết án văn tự Platon đã chọn lựa dịp này để nói về tình yêu, mà cũng bày tỏ sự buồn nản của văn tự, ngay nơi văn tự thuyết minh cho tình yêu.

Như thiên Đối thoại Phèdre: chàng thanh niên cả quyết với Socrate là chàng không học thuộc lòng bản văn của nhà ngụ biện Lysias, song Socrate vẫn nghi ngờ là trong bàn tay trái giấu dưới cái áo bành tô của chàng chính là bản văn (*ton logon auton* – 228e). Bản văn quả có tính cách khêu gợi như một liều độc dược, đã kích thích Socrate phải đi ra ngoài, chẳng khác gì như khi người ta bắt những con vật háu đói phải cử động theo họ bằng một nhánh cây hay một trái cây Phèdre chỉ cần đưa ra trước mặt Socrate những tờ

rời ghi bài diễn ngôn của Lysias (1). Sau cùng Phèdre cũng đọc bản viết của Lysias về tình yêu và Socrate cũng chỉ khen ngợi vẻ thanh nhã của lời văn diễn tả trước sự ngỡ ngàng của chàng thanh niên vẫn còn đang thán phục những luận chứng phong phú nơi bản văn. Không có một lý thuyết về tình yêu, bởi vì không có niềm tin tưởng nào nơi những bản văn nghị luận về tình yêu. Có thể nói chuyện yêu, ca ngợi yêu, làm một đề tài để tán gẫu, bỏ qua những tính cách nghiêm nghị không thể nào phù hợp với chuyện yêu đương. Hãy thử tưởng tượng một con người đạo mạo đứng trên tòa giảng cao thuyết giáo về ái tình, một nhà tu dạy dỗ nghệ thuật yêu trước ngưỡng cửa hôn nhân... cũng hài hước như bất kỳ thứ “tồi tệ triết lý” nào mà Nietzsche đã nói tới.

Tác phẩm ca ngợi tình yêu của Platon mang cái tên Symposium, quả thực chỉ là một dãy những diễn ngôn sống động phát biểu chung quanh bàn tiệc của chàng thi sĩ Agathon, trong dịp ăn mừng tác phẩm đầu tay của chàng trúng giải bi kịch (khoảng năm 416 trước T.L.) Symposium lại mang hai ý nghĩa, trong ngôn ngữ Tây Phương: bữa tiệc và những cuộc hội nghị, tranh luận, hội thảo. Mọi hình thức hội nghị đều xây dựng trên cơ bản truyền thông, đối thoại và lẽ ra, đúng nghĩa hơn là nói chuyện với nhau bên những ly rượu, chén trà, tách cà phê và hơi thuốc lá... Chúng ta hãy cùng nhau tiến vào phòng tiệc (đó cũng là ý nghĩa của từ ngữ Symposium), nơi Socrate ăn nhậu với các thân hữu của ông, trong buổi chiều này. Thật vậy, bữa tiệc nào theo truyền thống lại không diễn ra vào buổi chiều! Anh không cần phải ngại ngùng, vì như Socrate đã nói “những con người tốt đến ăn ở nhà những con người tốt khỏi cần phải mời”. Hãy đến đây, đưa nhỏ lại rửa bàn chân cho anh ngồi vào bàn. Căn phòng tiệc có nhiều chiếc giường nhỏ, ở vào thời đại này người ta ăn nhậu trong khi nằm ngả nghiêng trên giường, chống người trên khuỷu tay thật thoải mái. Trên bàn, những đĩa đồ ăn đã được dọn đi, còn lại những bình rượu và những chén lớn. Mọi người đều đã dùng xong, làm phép rảy rượu, xưng tụng thần thánh và sau những nghi lễ thủ tục khác, họ bắt đầu uống. Mọi người đều đồng ý là trong bữa tiệc hôm nay chỉ uống theo khoái ý, chứ không đi tới độ say ngất ngư. Trong khi uống, bày trò gì đây? Ông thầy thuốc Eryximaque (không giống

như đa số các anh chàng thầy thuốc ngày nay chỉ biết ăn chơi cho thống khoái) luôn luôn có những sang kiến, đề nghị cho nàng ca kỹ vừa mới bước vào đi chỗ khác chơi, hay nếu cô ta muốn, hãy vào giúp vui cho bàn tiệc đàn bà ở phòng trong (thật vậy, thú đàn hát chỉ cần cho những kẻ không đầu óc, không biết tìm ra cách giải trí từ chính nơi họ), còn đối với những người trí thức ngồi đây tốt hơn hết là tiêu khiển thời giờ bằng cách nói chuyện – tranh luận, một trò chơi thuần túy có tính cách hy lạp! Mọi người đều hoan hỉ tán thành. Nhưng tranh luận về đề tài nào đây? Cũng vẫn Eryximaque lên tiếng, nhắc lại một ý kiến của Phèdre trước đây: Phèdre nhận xét thật là kỳ lạ khi bao nhiêu các vị thần khác được các thi sĩ xưng tụng qua biết bao nhiêu bài thần thi, thì riêng vị Thần Ái tình Eros khả kính và đầy quyền lực như vậy dường như chưa thấy có thi sĩ nào ca ngợi. Thế là mọi người đều đồng ý, lần lượt theo thứ tự chỗ ngồi, lên tiếng tán thán tình yêu. Mở đầu bằng Phèdre, chàng thanh niên ham thích hiểu biết, nhưng lại đam mê môn tu từ học một cách quá độ. Phèdre ca ngợi Tình yêu Eros là vị thần xứng đáng được ngưỡng mộ cho con người cũng như các thần vì nhiều lý do, nhưng quan trọng hơn cả vì Eros là vị thần trong những vị thần xưa nhất.

Bằng chứng: Hésiode, Parménide, Acousilaos đều chung một cảm nghĩ là sau thần Chaos, đến Trái đất và Eros sinh ra. Quan niệm vũ trụ khai dịch luận này phản ánh tình tự vũ trụ đạ(c sắc của người Hy Lạp, vẫn trong tinh thần huyền thoại, nhưng chứng thực qua thời Hỗn mang (Chaos), Thế giới khai sinh trong sự điều hòa của Tình yêu bởi như Parménide đã nói, thần sinh sản nghĩ tới Eros trước mọi vị thần khác. Tình yêu là một đại ân nhân của nhân loại, bởi vì đó là một tình cảm ngự trị trong mọi hành vi của con người, nếu như con người muốn sống một cách lương thiện với nhau. Tình yêu khiến con người hổ thẹn nếu nghĩ đến điều dữ, và tranh đua với nhau làm điều thiện, nếu không từ cá nhân đến xã hội, không thể nào tạo ra được điều tốt đẹp lớn lao. Con người khi yêu, sẽ cảm thấy hổ thẹn nếu làm điều gì lầm lỗi, không phải trước mặt người cha hay bằng hữu mà trước mặt người yêu; y có thể đào ngũ hay trốn tránh trước mặt quân đội nhưng chắc chắn y sẽ hổ thẹn nếu hành động như vậy trước mặt người yêu, cho nên y thà chết chứ không thể chịu để nhục nhã như vậy. Quả thực nói như

Homère, thần Ái tình đã thổi luồng sinh khí can đảm vào những chàng anh hùng mã thượng đang yêu. Cho nên một quốc gia lý tưởng, có đức hạnh hơn cả là quốc gia gồm toàn những kẻ yêu và những kẻ đươ.c yêu. Tình yêu còn mẫu nhiệm không phải đối với đời sống, mà cả với cái chết. Chỉ có những kẻ yêu nhau mới biết chết cho nhau. Lòng can đảm và sự tận tâm là hai đức hạnh từ nguồn tình yêu, đã được đền bù xứng đáng cho Alceste và Achille, trong khi Orphée vì không có can đảm chết cho tình yêu nên đã bị trừng phạt.

Hình ảnh thần Tình yêu Eros và Phèdre xung tụng nơi đây quan trọng hơn cả là Eros không có cha, có mẹ; phải chăng Tình yêu từ cội nguồn ban sơ không chút phiền hủ của mặc cảm phạm tội? Đến lượt Pausanias, chàng thanh niên lại là người tình của thi sĩ Agathon (một thứ tình yêu hy lạp? đồng tính luyến ái?) lên tiếng phê bình hình ảnh tình yêu khiếm khuyết của Phèdre. Bởi vì có nữ thần Aphrodite, mới có Eros, nhưng có tới hai Aphrodite, tất nhiên phải có hai Eros. Một Aphrodite Ourania thuộc về thiên giới và một Aphrodite Pandèmos của đại chúng. Tình yêu đến từ Aphrodite bình dân gắn liền với tha^n xác, không phân biệt phái tính, không phân biệt điều lành, điều xấu; còn tình yêu nơi Aphrodite thuộc về thiên giới, gắn liền với nam giới, loại trừ phái nữ, là thứ tình yêu “cổ kính nhất và không biết tới bạo động” (181c). Đời sống của những người tình cùng trang lứa, ở bên nhau và sống chung với nhau, thay vì chạy theo những mối tình khác; cho nên tình yêu tự nó không xấu, không đẹp, nhưng thứ tình yêu của đại chúng vì ưa thích nhục dục hơn tâm hồn nên xấu, còn tình yêu của một tâm hồn cao thượng thì chung thủy tuyệt vời. Ý nghĩ về tình yêu của Pausanias đã khiến nhiều người về sau tưởng là bày tỏ ít nhiều điều trong quan niệm của Socrate, nhưng thật ra diễn tả được chính tình cảm của một lớp người sống ở Nhã Điển, chấp nhận mọi hình thức điên cuồng của tình yêu. Nhưng còn tình yêu điên cuồng nào hơn sự đồng tính luyến ái, dầu là thánh thiện nơi người tín đồ đối với giáo chủ? Đó là lúc can thiệp nhà thầy thuốc Eryximaque, môn đệ của Héraclite đã quan niệm trong thiên nhiên, có một khuynh hướng thiên về sự điều hòa, nên ông nhận ra nơi sự phân biệt ra hai Eros của Pausanias, lãnh vực ngự trị của thần Tình yêu không phải chỉ ở nơi tâm hồn con người, nhưng còn chứng tỏ uy quyền trên vạn vật. Tình yêu trở thành sự thống nhất

và điều hòa giữa các thành phần tương phản. Khởi từ kinh nghiệm y học, Eryximaque trình bày tính nhị nguyên nơi bản chất thể xác, bởi vì phần lành mạnh và phần bệnh hoạn nơi cơ thể là những sự vật hoàn toàn khác biệt, the`m khát và yêu thích khác nhau. Cho nên cũng như đối với các khoa học khác như âm nhạc, thể dục, canh nông...thần Tình yêu Eros ngự trị y học, bởi vì khoa học này là khoa học về tình yêu trong mọi cơ thể, tương quan với sự sung khuyết và hư không, nên người thầy thuốc giỏi là kẻ biết thiết lập sự điều hòa giữa các phần tương phản, như nóng với lạnh, khô với ẩm, đắng với ngọt – nghĩa là thiết lập tình thân hữu và yêu đương giữa những thành phần xung khắc nhất của cơ thể. Tình yêu thật là mâu nhiệm và phổ quát! Đến lượt nhà viết hài kịch Aristophane lên tiếng nói về tình yêu. Con người luôn luôn đối nghịch với Socrate, chỉ nhìn sự vật qua khía cạnh hài hước, lỗ bịch lại xuất hiện giữ một vai trò khả kính trong Đối thoại của Platon (chúng ta cũng không quên Platon sẵn sàng mời những tác giả bi kịch ra khỏi thành phố của ông). Và Aristophane đã lên tiếng, trong vẻ nghiêm chỉnh để mời gọi mọi vị thần quen thuộc và đầy quyền lực của người Hy Lạp ra làm chứng cho ông. Nghiêm chỉnh, vì Aristophane đề cập một vấn đề nền tảng: bản chất và những biến đổi của con người. Mời gọi các vị thần, như Zeus, Jupiter, Apollon, Hèphaistos vì ông sắp kể một huyền thoại, chắc chắn đầy vẻ độc đáo, kỳ cục vì xuất phát từ trí tưởng mang chất hài tính nơi ông.

Tình yêu, thật vậy không phải là những ý tưởng trừu tượng mà thể hiện dưới những hình thức cụ thể. Yêu, là yêu một vật gì hay một người nào đó. Sở dĩ phải hướng về đối tượng, chính là muốn kết hợp và hòa mình vào với đối tượng được yêu, không phải là vong thân mà là tìm về bản tính. Khởi từ đó, chúng ta có thể sẵn sa`ng nghe huyền thoại do Aristophane phát kiến ra: Xưa kia bản chất con người không như hiện tại, mà có ba loại người: Người đàn ông kép, người đàn bà kép và con người lưỡng tính (âm dương), hình dạng tròn, có bốn cánh tay, cẳng chân, hai bộ mặt đối diện trên một cái đầu. Những con người đầy quyền lực này toan tính lên trời chống nhau với các thần. Do đó Zeus và các thần phải hiệp nhau lại quyết định trừng phạt con người, nhưng không có ý tiêu diệt, bằng cách nhờ thần Apollon phân cách con người ra làm đôi, nhưng lại thương hại chuyển bộ phận sinh dục ra đằng trước

để người nam và người nữ có thể giao hợp, sinh con đẻ cái mà duy trì đời sống (và nếu giữa hai người nam, sự thỏa mãn sẽ phân cách họ để có thời giờ làm việc, mưu sinh). Huyền thoại của Aristophane giải thích tình yêu tự nhiên của con người hai phái, và những tính bất thường về tình dục của những người đồng tính ái là do sự thúc đẩy của bản năng xuất phát từ nguồn gốc bản tính con người. Thần Hèphaistos còn xuất hiện để đáp ứng ước nguyện của những người đồng tính ái là kết hợp họ lại như keo sơn, chung sống trong đời này mà cả sau khi chết đi, về với Diêm Vương (Hades) họ không còn là hai nữa, mà là một, cùng chung một cái chết. Con người, hữu-thể-hướng-về-cái-chết, phải chăng để thực hiện khát vọng này? Ca ngợi Eros, chính vì hạnh phúc lớn lao nhất ở trần gian này là gặp được người tri kỷ (X.193d). Hữu thể tự nguyên ủy là một toàn thể đầy đủ, chính nỗi khát vọng và theo đuổi cái toàn thể này mang tên gọi Tình yêu (193a). Dường như nhà viết hài kịch đã nói lên một điều nghiêm trọng, nhưng ông không nói gì hơn. Nghề của ông là làm những điều đáng để suy nghĩ trở nên cười cợt. Phải chờ đợi ở một người khác, điều còn ẩn giấu trong quên lãng.

Dường như Agathon chính là người được chờ đợi để nói lên điều đó. Nhà thơ bắt đầu từ chỗ nhấn mạnh đến việc ca ngợi Eros như thế nào, bởi vì những lời phát biểu của những người nói trước chỉ xưng tụng những con người đã được hưởng thụ từ nơi Eros, nhưng không cho biết Eros là gì. Eros là gì? – Nếu chúng ta đi tìm từ điển ngôn nhà thơ, e rằng chúng ta cũng sẽ như Socrate rơi vào cảnh bối rối trước vẻ đẹp phong phú của diễn ngôn. Tốt hơn là chúng ta hãy bắt đầu từ cái đơn giản hơn: diễn ngôn của Socrate. Khởi điểm với câu hỏi: Eros là gì? Quả thực là quan trọng. Như một vấn nạn siêu hình khác: Hữu thể là gì Và câu hỏi tiếp theo của Agathon cũng thật là chủ yếu: Trong bản tính của Eros là yêu một cái gì hay không là gì cả? Trong lối vấn đáp quen thuộc của Socrate, câu trả lời dẫn tới khẳng định là yêu một cái gì – tại hữu hơn là hư vô. Nhưng vấn đề không phải đơn giản ở chỗ đó, bởi vì cũng như khẳng định là có hữu thể, song câu hỏi về chính hữu thể vẫn còn treo lủng, nhận biết yêu là yêu một cái gì, song bản tính của tình yêu vẫn còn mở ngỏ.

Eros là gì? – Socrate, khác với những người đối thoại đã có những diễn ngôn ca ngợi Eros, quan niệm phải bắt đầu từ chân lý về đối tượng mà người ta ca ngợi, bởi vì chân lý phải là nền tảng (198d). Ông không ngần ngại đả kích việc gán cho chủ thể những phẩm tính lớn nhất và đẹp nhất, dầu đúng hay không, là phương pháp tốt – thực ra, chỉ dẫn đến sai lầm. Ông khẳng định phương cách đích thực phải là chọn lựa chân lý làm nền tảng. Một diễn ngôn của Socrate phải là để nghe chân lý về Eros (199b). Eros, Tình yêu, chân lý với những ngôn từ và phương cách đích thực rõ rệt là đi tìm Minh trí. Eros = Tình yêu. Chân lý rõ rệt là hướng về Minh trí, nếu muốn nói một cách đơn giản hơn, Eros là Triết lý (Eros = Philo-Sophia). Đến đây, chúng ta có thể hiểu tại sao Socrate vẫn dùng một đường lối sở trường là đặt vấn đề quanh co Agathon về Eros, đường lối tra hỏi triết lý về chính Triết lý là gì? “Con người khát vọng điều không là hiện tại, cũng không hiện diện: điều mà người ta không có, không là, còn thiếu, đó là những đối tượng của khát vọng và của tình yêu”

– Đúng thế, Agathon trả lời (200e). Tra hỏi quanh co, tìm ra Triết lý không phải là Thiện hay là Mỹ, cũng vẫn chưa biết được Triết lý là gì. Nhưng câu trả lời không hẳn là có sẵn, chân lý vẫn là cái còn tiềm ẩn; nếu không đã không còn Triết lý. Và Socrate chỉ sẵn sàng đưa chúng ta tới một diễn ngôn của người khác về Eros. Diễn ngôn từ miệng một người đàn bà ở Mantinée, tên gọi Diotime. Diotime là một nhân vật giả tưởng của Platon, hay là một người có thực. Điều đó không quan trọng bằng sự đồng hiện diện của Socrate và Diotime. Sự hiện diện huyền thoại ở giữa những đôi nhân vật trong huyền thoại hy lạp, từ Zeus và Héra, Posédion và Amphitrite, Hèphasitos và Charis (những đôi vợ chồng); Apollon và Artémis, Hélios và Sélénè (những cặp anh, em gái); Athéna và Héraclès (người bảo mẫu và kẻ được che chở); Aphrodite và Eros (mẹ, con) hay Hermès và Hestia (người quen biết). Tương quan Socrate và Diotime có vẻ gần với tương quan của hai thần Hermès và Hestia, những thần cùng sống trên mặt đất liền (epichthonioi). Tình thân hữu tương trợ của Diotime đã dẫn khởi Socrate trong việc đi tìm hiểu Eros là gì. Trước hết, hãy loại bỏ những quan niệm thông thường về tình yêu, bởi không thể biết được gì với việc ca ngợi Eros như một vị thần, hay một số những phẩm tính mỹ miều

khóac vào nó. Điều cần là đi tìm bản tính, chức năng và vai trò của Eros trong vũ trụ. Hãy thận trọng, chúng ta có thể trượt trên một sa bàn lấm lẫn. Bởi vì Diotime đã hé lộ:

“Hỡi Socrate, tôi có thể dẫn ông đi vào những huyền nhiệm này, nhưng còn đối với những cấp độ cuối cùng của huyền nhiệm... không rõ ông có khả năng đến đó không?” (210a)

Trong những bước đường đầu của chặng nhập môn, chúng ta có thể nhìn thấp thoáng thấy Eros – triết lý là một cái gì trung gian ở giữa hai cực điểm đẹp xấu, lành dữ, khả diệt và bất tử, thần nhân... Eros ở giữa các thần và con người, như vậy phải chăng là một quỷ thần? (Suy tưởng của Socrate quả thực là lắng nghe tiếng nói thì thầm của quỷ thần trong nội giới). Đến đây, chúng ta được nghe một huyền thoại khác, vén lộ nguồn gốc thực của Eros là con của vị thần Poros (thần sung túc) và nữ thần Pénia (thần nghèo khó), nhưng vì sinh vào ngày sinh nhật của Aphrodite nên trở thành bạn đường tồi tệ cho Aphrodite (Mỹ nữ thần). Là đứa con của sự sung túc và nghèo khó, Eros thừa hưởng ở mỗi bên một số những đặc tính. Eros là kẻ săn đuổi có tài. Một tay nghệ thuật khéo léo, say mê khoa học, giàu tài năng, dùng cả cuộc đời vào việc triết lý, làm tay phù thủy, nuôi âm binh, dùng ngôn từ nguy hiểm. Eros quả thực là trung đạo của Minh trí và Ngu dốt, nghĩa là ở giữa Sophia và Philosophia:

“Không có vị thần thánh nào triết lý hay muốn trở thành hiền triết, vì đã là hiền triết; và nói chung, nếu người ta là hiền triết, người ta không đi triết lý; những kẻ ngu dốt cũng không đi triết lý nữa và không muốn trở thành hiền triết bởi sự ngu dốt rõ ràng ở điều đáng buồn này là khi không có tính Thiện, tính Mỹ, khoa học người ta tưởng là có đầy đủ lắm rồi. Thế mà khi người ta không tưởng là thiếu thốn điều gì, họ không thêm muốn điều đó” (204a).

Triết gia chính là con người ở giữa hai loại hiền triết và ngu si. Eros là ở nơi triết gia. Thực vậy bởi vì Minh trí ở giữa những điều gì đẹp nhất mà, Eros là tình yêu những điều tốt đẹp, thiết yếu Eros là triết gia. Tình yêu là triết gia. Tình yêu là triết lý. Thế nhưng xuất phát từ một nguồn mẹ nghèo khó (Pénia), triết gia thường là kẻ nghèo, cứng rắn, khô khan, đi chân không, vô gia cư, lang thang đây đó, chiếu đất, màn trời, sống giữa không gian, bên

quan môn, ngoài đường phố. Đó là hình ảnh triết gia muôn đời, và nghèo khó là người bạn đường vĩnh cửu (203d). Nhưng tình yêu nói chung là khát vọng chiếm hữu điều thiện, nên tình yêu gắn liền với dục vọng và sự thai nghén, sáng tạo. Quả thực con người có hai đường lối để yêu: thai nghén là hình thức sinh ra bằng thể xác và sáng tạo là hình thức sinh ra bằng tinh thần. Trong ngôn ngữ tha^n tộc của huyền thoại hy lạp, mỹ thể là thần Moire, nữ thần của sự sinh ra và chết đi, liên hệ với nữ thần Eileithyie, nữ thần hộ sinh. Nhưng tại sao lại sinh sản? Bởi vì con người muốn tạo ra một cái gì bất diệt và vĩnh cửu, và sự thèm khát bất tử không thể tách rời khỏi sự thèm khát điều thiện, cho nên thiết yếu tình yêu cũng là tình yêu sự bất tử (207a). Triết lý chính là đi tìm Vĩnh cửu.

Tình yêu triết lý nhằm sáng tạo bằng tinh thần, bởi vì sự sáng tạo bằng thể xác (người đàn ông yêu người đàn bà vì tin là tự tạo ra sự bất tử khi tạo ra những đứa con) chỉ đạt tới một kỷ niệm bất tử, trong khi tinh thần suy tưởng, chống lại sự lãng quên là sự trốn chạy của tri thức, khôi phục lại một ký ức mới thay thế cái đã trôi qua, nhằm duy trì tri thức mãi mãi, cho nên sống triết lý (sự đam mê yêu đương bằng tinh thần nhằm sinh sản ra vô vàn những diễn ngôn, tư tưởng tuyệt diệu để tiến tới một khoa học của mỹ tính tuyệt đối, lý tưởng, vĩnh cửu) là đời sống duy nhất đáng sống: của người yêu triết lý, và như thiên Đối thoại Phèdre xác định, trong tình yêu phải nhìn thấy có một loại mê cuồng ngất ngây.

Có hai loại mê cuồng: một do những chứng bệnh của con người gây ra, còn một do sự thúc đẩy thiêng liêng đưa con người ra khỏi những tập quán thường lệ. (Lối phân biệt này đi trước các lý thuyết hiện đại về vấn đề trí tưởng sáng tạo và mê cuồng). Trong mê cuồng thần thánh lại chia ra làm bốn thứ: mê cuồng tiên tri gợi cảm hứng từ Apollon, mê cuồng thanh tẩy dẫn đến Dionysos, mê cuồng sáng tạo đưa các thi sĩ tới Thi thần Muse và mê cuồng yêu đương dẫn những người tình tới Aphrodite và Eros. Chính loại yêu cuồng sau này mà Socrate coi là tốt hơn cả (X. Phèdre, 265b), bởi vì hình ảnh đam mê yêu đương dường như tiếp chạm với chân lý mà triết lý là tình yêu trong mô thức cao hơn cả. Đến đây, vấn đề tình yêu dường như đã dẫn vào chỗ lúng túng vì làm thế nào thu tập những khái niệm rải rác về một ý tưởng, ngõ hầu minh giải bằng định nghĩa tình yêu là gì. Có hai phương cách theo Socrate:

định nghĩa và phân chia. G. Deleuze khi viết về sự sai biệt nơi học thuyết Platon hẳn đã khởi từ câu nói này: “Đây là điều tôi say mê, hỡi Phèdre: đó là sự phân chia và tổng hợp” (Phèdre, 266b).

Đó là biện chứng pháp Platon - và chỉ có những nhà biện chứng mới nhận thức được mọi sự vật trong nhất thể cũng như phức thể của chúng. Biện chứng pháp là triết lý – và phương cách phân chia ra những ý tưởng mới hoàn tất được chức vụ là khi nhìn thấy trong tình yêu (triết lý) sự mê cuồng, nó cũng biết mê cuồng này cao cả hơn những loại mê cuồng thường trực. Trong một đoạn khác ở thiên Đối thoại Phèdre (244), người ta có thể tìm thấy lối phân tích từ nguyên của Platon giữa mê cuồng (manikè) với thần hóa (mantikè). Mê cuồng triết lý như một tặng vật tuyệt vời, bởi vì nó xuất hiện nơi triết gia, những nhà biện chứng theo Platon để phân biệt với những nhà tu từ, những ngụ biện gia. Những người ngụ biện chỉ có những khái niệm mơ hồ về nghệ thuật, không biết đến yếu tính, trong khi những nhà biện chứng đắc thủ cả hai phương cách nói trên. Không những chỉ ở những diễn ngôn bằng lời, ngay cả đối với những diễn ngôn văn tự, con người triết lý sở đắc một diễn ngôn sống động của tâm hồn trong khi diễn từ được viết ra chỉ là ảo tượng (eidolon), cho nên nếu triết gia có viết ra, cũng chỉ viết cho chân lý – Platon đã nỗ lực tìm ra văn tự của chân lý trong linh hồn (2).

Kết thúc thiên đối thoại Phèdre là lời Socrate đề nghị cầu nguyện thần Pan (toàn tri) đã đem lại sự hòa hợp giữa nội giới và ngoại giới trong linh hồn, bởi vì ở đó diễn ngôn chân lý dẫn khởi cho tình yêu. Nhưng Tình yêu chính là triết lý. Trong nguyên nghĩa của Triết lý – Philo – (Sophia), Sophia là cứu cánh, là chân lý xa vời để hướng tới, chỉ ý nghĩa của Philo đủ để hàm ngụ triết lý, bởi Tình yêu luôn luôn phải xây dựng trên nền tảng chân lý. Tình yêu quả thực có tính cách phổ quát, là nỗi khát vọng theo đuổi cái toàn thể; vai trò của Tình yêu là tạo lại cái Nhất thể đã bị phân chia, đó là vai trò triết lý. Cho nên Tình yêu mang tính cách toàn diện trong vũ trụ; đó là lý do người ta được quyền dung những từ ngữ như triết lý về đời sống, triết lý về lý học, triết lý của viên đá, nói chung triết lý về sự vật, bởi vì triết lý là yêu, nên triết lý sự vật chính là yêu sự vật. c h ủ đ ề 1 3 / 6 0 Đến đây chúng ta có thể hiểu được diễn ngôn của thi sĩ, diễn ngôn thơ ca ngợi Eros. Quyền

lực của Eros thật là vĩ đại và mầu nhiệm : hạnh phúc tối hảo cao đẹp hơn cả, bao hàm công lý, tiết độ, can đảm, khéo léo... Eros đã đem lại “bình an cho mọi người, trầm lặng cho biển cả, yên tĩnh cho sóng gió, giấc ngủ cho sự lo âu” (Symposium, 197d). Ca ngợi Eros là ca ngợi Triết lý. Ở đó, người ta có thể hiểu tại sao tình yêu cao thượng mà từ Phèdre, Pausanias, Eryximaque, Aristophane, Agathon hay Socrate nói đến, nếu chỉ nhìn qua tương quan nhục dục, là một thứ đồng tình ái bởi vì khuyến khích tình yêu của người đồng phái mời gọi đến nhau – thực ra chỉ là thứ tình yêu thuần túy hướng về Toàn Mỹ, thứ tình yêu tinh thần bởi đó là tình yêu triết lý. Tình yêu đến với Triết gia. Tình yêu cao thượng là yêu Triết gia. Hãy yêu Triết gia! Những con người đạt tới sự Điên khùng và Cuồng nộ triết lý (Symposium, 218b). Bởi vì hạnh phúc lớn lao nhất ở trần gian này là gặp được người tri kỷ, chính là Triết gia. Ngược lại, bản tính của Triết lý là Yêu. Ca ngợi Eros cũng như ca ngợi Socrate. Cho nên Socrate có rất nhiều người tình thanh niên và ông đã chết vì bị kết án là quyến rũ giới thanh niên này. Yêu nhà triết học với tất cả đam mê yêu đương, chính là một thứ đồng tình ái (xưa nay, trong lịch sử triết học, có thấy đại triết gia nào là người đàn bà?) Đến đây chúng ta có thể đọc Nietzsche, trong tinh thần không chút hài hước:

“Triết gia kinh sợ hôn nhân và những gì có thể dẫn đến hôn nhân – bởi hôn nhân là một chướng ngại tàn khốc ngăn chặn con đường dẫn về cái tối hảo. Thử hỏi giữa các Triết gia lớn có ai là kẻ lấy vợ? Héraclite, Platon, Descartes, Spinoza, Leibniz, Kant, Schopenhauer – không ông nào kết hôn cả; hơn nữa người ta cũng không thể tưởng tượng được là họ có vợ” (Zur Genealogie der Moral, III. 7).

Bởi hôn nhân là Tình yêu hướng về người đàn bà, đó là tình yêu đến từ Mỹ thần Aphrodite Pandemos của đại chúng, còn Tình yêu cao thượng đến từ Aphrodite Ourania là hướng về những tinh thần cao cả, thiêng liêng.

Chú thích:

1. Xem Đối thoại Phèdre, 230 d,e. bản dịch của E. Chambry: ‘Nhưng dường như đối với tôi, anh đã tìm ra cách để buộc tôi phải ra ngoài’. J. Derrida đã dịch câu này như sau: ‘Tuy nhiên, đối với tôi anh có vẻ như đã khám phá ra liều thuốc để bắt tôi phải ra ngoài (dokeis moi tes emes exodore to pharmakon eurekerai)’; trong La Dissémination. 2. Xem Đặng Phùng Quân: Triết Học và Văn Chương, 1974, tr. 26-27.

GS. ĐẶNG PHÙNG QUÂN

(nguồn: Khi gặp GS, Ok cho phép lấy bài từ bất cứ đâu. Bài này lấy từ tài liệu lúc làm tờ GP Chủ Đề số 13)



BẾN CŨ

Cây đèn bão treo trước mũi đò
đã tắt từ lâu
buồn tình không thắp lại.
Năm ấy tại bến này
hai ta thắp nhau bao lời hẹn ước
bây chừ gió trắng mây nước
mấy bận dâng trào
lòng non hóa đá.
Sừng sững buông tim tôi
bóng dáng người diễm mộng.
Chỉ hệt một chuyến đò
nào có ngại xa chi
mà em chẳng thấy
tôi, nửa đời thường trực nhớ mong.

Đêm chấp cánh hồn tôi bao chuyến mộng
quần quanh, chỉ một chuyến về
qua bến cũ
chẳng hẹn hò ai
mà lòng vẫn đợi.

Bao giấc mơ nở bùng tim tôi
dấu bên đêm cuộc đời thức trắng
hoang vu, hoang vu tình yêu hoa quỳnh.
Những cốc rượu tự mời
mọc lời yêu dấu
yên ủi hồn hoang sương mộng cuối đời.
Hãy khêu ngọn đèn khuya khoắc
đời tình được mấy lần vui
trong những mùa hè nổi trôi nắng rất
khốn tìm bóng phượng thơ ngây
ngày cũ tắm cá bóng chim
tội tình bến đậu.

Mấy buổi sớm mai vui cơn ngủ muộn
màng chi giấc mộng muộn màng
vẫn ư nằm găng
vội tình bến cũ bờ xưa
giấu đút chi nhau, thêm tội.

Cây đèn bão vẫn treo
mũi dò oằn nỗi nhớ.
Tôi bất kham tôi như em bất kham tôi
Trời khiến thương nhau, đành chịu!...

ĐỨC PHỔ



NGUYỄN VĂN SÂM

LÃO HÁT RONG TRÊN BỜ BIỂN CẠNH ĐẶC KHU

Đạt Giả Dương Thanh Lương

Nghe giọng ngâm thơ văng vẳng của người hát rong từ đầu kia khu phố bay trong gió biển đưa tới, ông Già Móm lộ nét vui ra mặt. Đưa tay vệt nhẹ nhẹ vài ba người chàng ràng ở chỗ đất trống thường khi, ông nói giọng hăm hở:

‘Lão Hát Rong đương tới kia. Sửa soạn chỗ thoải mái cho lão ta nha bà con!’

Một đoàn du khách Tàu ồn ào xuống xe đò bay kéo theo rờ một dương xỉ xô xì xào, chỉ chỗ. Một tên coi bộ vạm vỡ, nghênh ngang phun một bãi nước miếng xuống đất, chỗ ông định dọn cho Lão Hát Rong, ông chạy tới trước mặt hấn găm gù:

‘Tụi mày làm Trời bên Đặc Khu thì được, làm Trời bên này tao đánh chết mẹ à nhe! Đừng tưởng là du khách thì muốn làm gì làm. Bây giờ chứ không phải năm năm trước đâu! Chết nha con!’

Không đợi nghe trả lời, Già Móm, với đôi cánh tay rắn chắc, day qua thúc hối những người đứng gần đang ra chút xiu nữa. Bằng đôi mắt dụi dàng ông năn nỉ những bạn hàng ngồi chồm

bán trái cây lẻ tẻ, cử chỉ thiệt là thân thiện. Họ, không ai biểu ai, cùng nhích nhích ra nhường chỗ. Cuối cùng cũng có một khoảnh đất rộng đầu chùng bằng hai chiếc xe đồ bay. Người Hát Rong khoan thai ngồi xuống ở tâm điểm, thông thả lấy đồ nghề trong bị ra, đơn giản chỉ có cái thau nhôm hơi bụi và dàn máy âm thanh nhỏ xíu chỉ bằng hộp sữa bột trẻ con.

Có tiếng xì xầm:

‘Ổng ngâm thơ thắm thía lắm mà mỗi tuần chỉ tới đây có hai lần nên bạn hàng và dân chúng ai nấy đều trông đợi.’

Già Móm xía vô ngang:

‘Nói trông như trông mẹ về chợ thì quá đáng chớ tui từng tuổi nầy mà còn chờ đợi tới ngày Thứ Ba và Thứ Bảy để nghe ông ngâm thơ hay ca hát. Tiếng hát, giọng ngâm của ông làm tôi nhớ lại ba chục năm trước (2018) khi chúng tôi biểu tình để phản đối Luật Đặc Khu và Luật An Ninh Mạng. Trời đất ơi, tui nó khiêng tui tui như khiêng heo về công viên Tao Đàn dợt cho phù mỗ cả đám, máu me đầy mặt đầy mày vợ con nhìn không ra.’ Nói tới đây ông đưa tay lên quẹt quẹt chỗ nhân trung, trầm ngâm hên lâu. ‘Báo hại phải nằm bẹp cả tuần, ăn toàn cháo lỏng, nhúc nhích cục cựa thì rêm mình như lục phủ ngũ tạng cái cọ đòi nhà, đòi đổi chỗ.’

Vài tiếng cười rộ lên đây đó. Thấy nhiều người ngóng chuyện coi bộ muốn nghe, Già Móm tám thêm:

‘Lúc đó tôi đã hơn bốn chục, vợ con, nhà cửa, công ăn việc làm cũng đang hoàng nhưng đất nước là tài sản của ông bà để lại mà tui nó đã ký ngầm bán đứng đầu từ hồi tán hoánh rồi bây giờ đòi Quốc Hội ký hợp thức hóa để bên mua chắc ăn nên dân ngu tui tức giận đi biểu tình phản đối. Rồi bị đánh gãy hết mấy cái răng cửa. Người khác thì lớp chết, lớp bị thương, lớp bị kêu án tù...’ Ông lại nhe môi phô bày chiến tích khiến có tiếng cười vui chen lộn với tiếng hít hà. ‘Răng cở thì kệ cha nó, không thềm trồng lại. Móm sẵn rồi, móm thêm chút nữa cũng chẳng chết thẳng Tây mặt gạch nào.’

Ngừng một phút lấy hơi, ông tiếp: ‘Lúc đó thì coi như thí cô hồn cái mạng nghèo của mình. Chết sống cóc cần, vợ con gia đình gì cũng bất kể. Chỉ có lòng yêu nước tràn ngất trời cao.’

Một cô gái chừng mười một, mười hai hỏi lớn:

‘Biểu tình là gì mà bị đánh đập tàn nhẫn vậy ông ngoại?’

‘Là tụ tập ngoài đường phố đó con!’ Già Móm ngoảnh thẳng mặt con bé không quen, nói giọng hiền từ. ‘Con thường nghe tiếng tụ tập làm mất trật tự công cộng chứ không nghe tiếng biểu tình phải không? Hồi đó, tui nó dùng chữ thiệt xảo quyết, kêu là đánh tráo khái niệm, để làm mất ý nghĩa việc làm của người dân khi phản ứng trước sự kiện bán nước của bọn gia nô Quốc Hội. Biểu tình là đi ra đường để cùng nhau bày tỏ quan điểm về vấn đề quan trọng gì đó của đất nước, của một chánh sách, còn tụ tập là tùm năm tùm ba vui chơi làm mất trật tự lưu thông. Hai thứ khác nhau xa. Họ sợ biểu tình sẽ tạo nên phản ứng dây chuyền nên xài chữ khác để đánh trống lảng vậy mà. Họ mang tiếng thiếu năng não nhưng tật đổ thừa và bịnh nói xấu người khác thiệt là tài tình. Biểu tình là nói lên ý của dân, khác với ý của họ nên bị đánh đập, bỏ tù...’

Con bé coi bộ không hiểu nhiều, giương mắt tròn ngây thơ ngoảnh. Già Móm nhún vai tỏ vẻ thất vọng, hai tay xòe ra trước, ngược mặt lên trời cười nhẹ.

Lão Hát Rong góp thêm:

‘Về đánh tráo khái niệm họ thiệt tài tình: Bắt dân về phường điều tra thì nói mời về phường làm việc. Đánh người dân thì nói là xô xát, là đưa mặt vô khi họ vung tay. Nước ngập đầy đường phố thì nói đường ứ nước, bóc lột dân thì nói dân tự nguyện... Cả ngàn kiểu như vậy. Mà thôi, chuyện xưa rồi! Bây giờ thì minh bạch hơn. Có gì nói nấy.’

Trên không một đàn hạc trắng từ hướng Tây bay vô đất liền, che kín một mảng không trung. Những con hạc bay theo đội hình quả trám, vươn cổ dài, chun đuổi thẳng, cánh xòe rộng lướt gió. Không một tiếng kêu, dường như chúng dành cả năng lực cho việc tới được vùng đất an lành của mùa nên bảo vệ từng chút năng lượng trong phi trình.

Lão Hát Rong ngược mặt lên trời, nheo mắt:

‘Hạc trắng bay về đất liền vì năm năm nay chánh quyền mới không cho giết hại chim chóc và cấm không được làm kinh động những đầm chim, đầm cò. Ngày xưa hễ thấy con nào thì giết ăn thịt con nấy với tin tưởng rằng được cường dương bổ thận nên hạc, dơi, cò, chàng bè, tu hú, chí tới chim chóc nhỏ đều thiên di về Thái Lan, về Cẩm Bốt hết. Bây giờ đất lành thì chim đậu, hạc về. Chúng về tụ tập

đầy đàn ở Đầm Dơi, Xẻo Rô, Hòn Đất, Kinh Thử coi vui lắm.’

Già Móm chỉ một nhóm thanh thiếu niên vui vẻ cười nói đương đứng ở trước cửa một chùm siêu thị mỗi cái cao cả mấy chục tầng, nói với người chung quanh mà như nói với mình:

‘Kiểu bào khắp nơi trở về như dân Do Thái tròn một thế kỷ trước rồi bỏ nước tạm cư về xây dựng quốc gia của chính mình. Họ hồi hương lác đác, hăm hờ, vui vẻ bắt đầu một cuộc đời mới dẫu phần lớn nói tiếng Việt ngọng ngịu, không rành. Trước đây chỉ có người đi, người trốn, nay biết bao người xin được làm công dân Việt. Lạ thật! Tác dụng của lòng yêu nước không ai đoán trước được. Đời có khác!’

Một người đàn bà lái chiếc xe van hai tầng, bán thức ăn dọc theo bờ biển ngừng trước đám đông tụ quanh Lão Hát Rong, vừa xuống xe đã góp chuyện liền sau khi thân thiện tặng mấy hộp thức ăn cho người bà hàng ngưỡng mộ:

‘Họ về coi vậy chớ cũng nhớ gà chiên, cũng thèm hamburger, pizza, shusi nên vài năm lại đây tôi cũng đỡ khổ với cái nghề này. Người về từ xa sao mà dễ thương lạ! Lễ phép lắm chứ không như các thần ôn ngày xưa nói năng như du côn nào là rảnh háng, rảnh địt tới địt lui, chửi ông chửi cha người khác. Còn mấy ông Trời chớp bu thì phát ngôn như tui mê sảng hay ngáo đá.’

Một người nào đó trong đám khán giả lớn tiếng chọc ‘Đồ ăn có tẩm hóa chất không mà cho vậy chị, đừng có hại người nghệ sĩ già của tui tui nha bà’, rồi cất giọng ồ ề ngâm:

*Mai con lớn đồ ăn toàn bẩn độc,
Của ngon đều bị tước hết con ơi.
Mai con lớn biển sông hồ nhiễm độc,
Nước thải phương xa không ngọt đồ về.*

Tiếng phản đối vui vẻ đồng loạt trong đám đông:
‘Xưa rồi, đâu như năm thế kỷ trước lận’, Những tiếng cười khúc khích nổi lên đây đó. ‘Bây giờ thì nhắm mắt cũng có thực phẩm sạch, organic hay phân bón không độc mới phát minh gần đây. Xưa rồi Diêm, ác mộng đã qua đừng nhắc nữa làm buồn lòng người hàng xóm.’

Để thay đổi không khí và tránh khơi ngòi một cuộc cãi lầy vô

ích, già Móm hồi thúc Lão Hát Rong:

Bác giáo đầu đi chớ, bà con thèm nghe quá rồi kìa.

Nụ cười hiền của người nghệ sĩ đường phố nở ra. Ông bấm máy điện thoại di động đeo trên cườm tay như đồng hồ, một màn hình lớn mờ mờ hiện ra **trong không gian trước mặt**, trên đó chạy bài thơ ‘Nếu ngày đó.’ Ông bấm một nút nhỏ trên kiếng mát, điều chỉnh một nút đỏ trên hộp âm thanh, tăng hăng, sửa lại thể rồi cất tiếng:

*Nếu ngày ấy bến Nhà Rồng đóng cửa,
Người lang thang quay lại Nghệ An.
Làm giáo làng hay một chân thư lại,
Thì ngày nay dân đã thoát lầm than.
Nếu ngày ấy sông Sài Gòn nổi sóng,
Người đang leo bồng rớt mẹ xuống sông.
Bây sáu đói đã reo mừng rước bác,
Thì ngày sau đâu xương trắng cánh đồng!*

Dân thưởng thức cười rộ đồng loạt vỗ tay vang dội. Già Móm hăng hái đập hai tay mình vô đùi tạo tiếng vang bộp bộp thiệt lớn. Khách du Tàu vài ba người cũng ghé vô nhìn chỉ chỗ, xí xô.

Uống một ngụm nước thấm hơi, Lão Du Ngâm cất giọng tiếp:

*Nếu ngày ấy trên bong tàu đêm tối,
‘Người lao công đang quét dọn hành lang.’
Cơn sóng dữ tiễn đưa về đáy biển,
Thì ngày nay quê mẹ đã bình an.*

Chị bán hàng giơ tay lên khỏi đầu, lắc lắc chùm chìa khoá nói lớn như sợ thiên hạ không nghe mình:

‘Phải đó! Sao Long vương không cho sóng kéo chả đi lúc ấy, để làm chi cho cả dân tộc khổ hơn nửa thế kỷ vừa rồi! Long vương không có mắt thiệt tình! Hèn chi Thái Tử con ông bị Ngụy Trưng chặt đầu.’

Không ai cười trước dẫn chứng trật chĩa của chị chàng. Già Móm tới ngồi kế bên người nghệ sĩ, tay gõ vô vành thau tiền, lúc nãy coi

bộ hơi nhiều, toàn tiền mới, loại giấy năm đồng, hai đồng, mười đồng vừa phát hành hai ba năm trước, nói nhỏ nhẹ:

‘Thôi anh cho qua bài đó đi. Nghe chuyện lão sao tôi hoài quá. Hồi xưa chùa nào bọn điệu đóm xu nịnh cũng cho tạc tượng lão chêm chệ kế bên Phật Di Đà, tôi đốt nhang lạy Phật thành ra lạy lão, tới bây giờ còn ầm ỨC. Nhưng mà thôi, ta qua đề tài khác phê hơn. Những bài về Đặc Khu cho tụi Tàu khựa nghe luôn.’

Và Lão Hát Rong ngâm từ bài này sang bài khác, những bài thơ làm nức lòng nức chí mọi người ngày xưa. Có cả những bài ca đặc trưng của giai đoạn rên xiết về tổ quốc sắp mất hay vấn nạn về sự vô tâm tàn nhẫn của những tên làm chó săn cho chế độ. Người nghe im lặng tuyệt cùng. Họ uống từng chữ, thấm từng lời thơ tiếng nhạc.

.....Họ hòa đồng con người mình trong thông cảm nỗi niềm của tác giả những ngày xa xưa khi cất tiếng than vô vọng trước nguy cơ mất nước.

Thanh thiếu niên kiêu bào lũ lượt nhập bọn đứng chung quanh. Họ nắm tay nhau thành hai vòng, xoay tròn theo điệu nhạc lời thơ.

.....Mặt trời lên trên đỉnh đầu. Gió mang hơi nước mặn từ biển thổi vô liên tục. Người Du Ngâm xếp đồ nghề lại. Vài khách hào phóng giờ chót còn dăm dúi thêm chút tiền nhét vô cái túi áo thùng thình của lão.

Tiếng lộn xộn ồn ào bỗng phát lên. Cả chợ đổ xô ra biển đón chiếc tàu đi vớt người vượt biển từ Đặc Khu Phú Quốc về. Lố nhố trên tàu mấy chục gương mặt xác xơ đàn ông lẫn đàn bà. Đặc biệt là con nít rất ít, chỉ thấy một, hai.

Thiên hạ bu lại đưa trao bất cứ thứ gì họ nghĩ rằng những người vượt Đặc Khu có thể dùng được: tiền bạc, bánh trái, thức ăn kể cả áo quần một vài người mới chếp miệng lột ra. Đoàn người xấp hàng một bước xuống bãi lên xe đò bay về khu tạm cư. Có những tiếng khóc tức tưởi, có những ánh mắt chịu đựng. Mặt trời chiếu những sợi tơ nắng vàng lên mấy khuôn mặt tiêu tụy của các cô dâu bị đuổi về luôn chếp miệng nhớ con quá, nhớ con quá, chúng bắt lại hết...

Già Móm triết lý sau cái lắc đầu chán nản: ‘Cái giá phải trả hơi cao của những cô gái nhẹ dạ nghe lời dụ dỗ của mấy mụ mỗi buôn

Người Hát Rong đã đứng lên nhưng ông cũng cất tiếng ngâm vang ray rức lòng:

*Mai con lớn lấy chồng sao tránh khỏi,
Bọn Hán kia tìm mọi cách 'gieo nòi.'
Còn trai Việt thoát sao đời nô lệ,
Biết lúc nào mất nội tạng con ơi!*

Ai đó trong đám đông nói như than dài sau cái chép miệng: 'Không biết thảm cảnh mẹ lìa con nầy bao giờ mới chấm dứt. Họ coi như đàn bà người mình để con giùm vì họ bị cảnh gái thiếu trai dư.' Một bà xồn xồn phân bua:

'Hai mươi năm trước mấy mẹ mìn cũng dụ tôi qua bến làm việc trong sòng bài, tiền lương cao, boa hậu hỷ, nhưng may quá tôi đã từ chối vì thương cha mẹ già sẽ bơ vơ.'

Già Móm cười hóm hỉnh:

'Nhờ đó bây giờ tôi mới được đứng trước mặt chị đây!' Chị đàn bà cũng không kém, đốp chát liền: 'Phải chi bác không móm thì tui xách quần áo theo không cần cưới hỏi.'

Không khí trở nên vui vẻ hẳn với thật nhiều tiếng cười và những tiếng hô khuyến khích: 'Tới luôn, tới luôn đi chị!' Gió thổi những chiếc khinh khí cầu bay trên bầu trời kéo trên nền trời những những khẩu hiệu vẽ hồng tô biếc về Đặc Khu và tuyên truyền về cuộc Trưng Cầu Dân Ý để quyết định coi trả Đặc Khu về VN hay trở thành vùng đất hải ngoại của Trung quốc.

Những du khách Tàu xúm lại chụp hình người Hát Rong mặc dầu ông nầy đã hết 'tác nghiệp'. Vài ba người phách lối liệng mấy tờ nhân dân tệ nhàu nát bên ngoài cái thau. Tiếp theo đó là đám đàn bà thấy theo vỏ chuối và các thức ăn dư thừa. Mọi người chưa kịp có phản ứng thì cô gái nhỏ đã lượm hết những thứ đó, kể cả tiền, tới trả lại cho đoàn du khách với câu nói rõ ràng bằng tiếng Anh: 'Chúng tôi không cần những thứ nầy. Xin trả lại các ông các bà.' Mọi người vỗ tay lớn và sẵn sàng ứng chiến như chuyện đụng độ sắp xảy ra...

Từ tháng Chín năm đó, khu bờ biển Rạch Giá ngó qua Đặc

Khu không ai còn thấy Lão Hát Rong đâu nữa. Dân ghiền giọng ngâm của lão ngơ ngác, băng khuâng. Ông Già Móm thần thờ như người mất hồn tiêu vĩa. Những ngày Thứ Ba và Thứ Bảy ông thường đi lên đi xuống khu chợ như để tìm lại cái thời gian đã mất. Có kẻ ác miệng đưa tin đồn rằng đặc công Trung cộng bên kia đã lén ra tay... Trên hải phận Đặc Khu thuyền bè quân sự của họ vẫn tấp nập. Máy chiếc hàng không mẫu hạm, soái hạm về vườn của Nga Sô cũ và mấy nước vùng Baltique được tân trang lại ngẫu nhiên lướt nước, lính trên đó ghim súng lớn súng nhỏ đẳng đẳng sát khí tựa tình trạng chiến tranh. Trên không phận vùng biển sát với Rạch Giá Phú Quốc những chiếc drones (máy bay không người lái) của họ vẫn bay lượn chụp hình lấy tin tức. Và, trời ơi, thỉnh thoảng vài ba ngày tàu vớt người vượt biên lại đem thêm vô bờ những gương mặt thất thần xác xơ, phiến muộn.

Cư dân xóm biển thường ngày đứng bên nầy bến nước nhìn qua bên kia buông tiếng thở dài như dân Lào nghèo khổ sống bao nhiêu đời ở đất. Đặc Khu Boten mà không được phép léo hánh đến những cơ sở của vùng nầy.

Chú Năm Móm tỉnh dậy, mắt ngơ ngác đảo chung quanh. Lổn ngổn độ trăm người ngồi tay bó gối, nằm kiểu tôm khô, ai nấy đều dầu dàu. Cởi chừng ba chục người mặt mày máu me hoặc ho sặc sụa hoặc rên nho nhỏ thần thờ. Chú chưa tỉnh hẳn, giấc chiêm bao vừa rồi lẫn quẩn mơ hồ trong trí. Chú nhắm mắt lại cố nhớ những chi tiết, ngại để chút nửa thì quên. Cái chiêm bao hơi lạ. Như là báo trước chuyện tương lai.

Bên kia vách che sơ sài bằng thứ vật liệu tiền chế, phát ra những tiếng huých huých, hự hự nghe như có người bị tra tấn. Cả bọn đưa mắt nhìn nhau lo sợ. Những câu hỏi, câu trả lời để an ủi mình và làm cho người đồng cảnh bớt lo được đưa ra nho nhỏ xầm xì.

Hai người mặc thường phục đi kèm một thanh niên như bệnh nặng từ nhà thương được trả về, bước ra.

Một người nói:

Giờ sướng nhá, được về nhà. Thế chứ có quái gì đâu. Đừng có mà đại biểu tình nữa. Gắn lắm đấy!

‘Người kia cười cười pha trò:
‘Bố bảo cũng chả dám, ăn giải gì mà lại khổ thân.’
Người bệnh ngó quanh quất kiếm một chỗ hơi trống phun toẹt một
búng máu xuống. Một bà hơi lớn tuổi thốt lên:
‘Mấy chú tra tấn người ta chi mà dữ vậy, tội chết?’
‘Ai mà tra tấn ai đâu? Bà con có ai bị tra tấn không nào? Tiếng động
là do tui tui tập võ đấy thôi.’ Một tên bậm trợn trả lời trong cái
nhường mắt đe dọa. Mực ruồi trên chun mày anh ta dần ra lớn hơn.
Ai nấy đều im lặng. Người bệnh cúi xuống gom hai chiếc dép lại
xách tay, thất thểu đi ra khung cửa hẹp.

Chú Năm Móm thắc mắc, không biết hồi tối mình nằm
chiêm bao hay là mình lạc bước vào tương lai mới trở về. ‘Có thể
lắm, cảnh mình thấy, cảnh Lão Hát Rong ngâm thơ, hát hò là cảnh
trong tương lai.’ Chú lẩm bẩm và nheo mắt lại ngó lần nữa cái thằng
đã dẫn chú tê tái hôm qua, bây giờ lại trùng mắt với mọi người.
Thiệt tình nó giống Lão Hát Rong như hệt, chỉ có điều là già hơn
mà thôi. Cái mực ruồi trâu cuối chun mày kia làm sao người thứ hai
trên đời có được?

Mà sao trong tương lai nó dễ thương vậy chứ? Phải chăng nó
quay đầu về bả ngạn để phát huy chút thiện tâm nhỏ nhoi còn sót lại
trong người. Chú mỉm cười sau cơn ho xé lồng ngực mà cố nén.
Bầu trời bỗng vẩn vù, những tiếng gầm gừ rộn ràng kéo dài từ góc
trời đông sang góc trời tây. Gió thổi mạnh. Lả tả lá vàng bay. Mấy
giọt mưa đầu mùa đánh rát mặt chú, chú để yên không buồn vuốt.
Chú ngồi thẳng lại, ngó đăm đăm vô những người đồng cảnh, nghĩ
tới cái tương lai trong giấc mộng mà mỉm cười.

Canada, Tháng Bảy, 2018.

NGUYỄN VĂN SÂM



SẼ TỚI MỘT NGÀY TỰ MÌNH LÀM THINH

Thế giới bình yên
trước ngày gặp em
anh như kẻ khờ
đi giữa cõi thơ.
Rồi em tới như
mơ đất trời rủ
nhau tan vỡ nửa
khuya nắng dậy rực
rỡ kinh ngạc hồn
anh ngộp thở.

Rồi anh chạy bên
em như bóng theo
chiều chưa tắt ai
hay cõi đất chia
đôi nơi này bên
nhau ta ngồi nơi
kia sẽ hẹn nắng
rơi trời ơi trời

ơì ai hay có
phải là em hay
là vạt nắng lung
linh.

Thế giới đã tan
vỡ rồi có tình
nhân đang tìm nhau
còn đau mấy giấc
mộng xưa có lộng
gió kêu trên đồi
xưa trời ơì trời
ơì thương em mấy
kiếp tóc xanh bây
chừ tóc trắng nửa
khuya mà vẫn còn
nghe nắng dậy bên
đồi.

Thế giới từ em
đã khác có chữ
này em chưa biết
để anh ngồi viết
bài thơ để ngày
mai đọc để ngày
mốt ngẫm có bài
thơ dài có bài
thơ ngắn để em
soi gương để em

dắt vào tóc đi
ra phố để thế
gian biết rằng thơ
anh đẹp như vòng
hoa trời ơi trời
ơi thương nhau mấy
độ bên đời tìm
nhau.

Và rồi sẽ tới một
ngày anh sẽ mời
em làm thính rồi
tụi mình sẽ làm
thính để nghe tịch
lặng trời ơi trời
ơi rất mực tịch
lặng là nơi tụi
mình rồi sẽ rủ
nhau quên để mặc
kệ chữ rơi theo
lời mặc kệ chữ
rơi theo tóc mặc
kệ chữ rơi theo
nắng. Tịch lặng bên
trời.

PHAN TẤN HẢI, 2019.



NGUYỄN TRUNG HỐI

SỰ BỆNH HOẠN CỦA VĂN CHƯƠNG

The disease of language should be one of those that see death near and emanate an odor of final judgment, otherwise life, the disease of Being, cannot be reflected in it.

Guido Ceronetti, “È ancora possibile scrivere versi galanti?”

Nếu Thị Nở, nhân vật nữ trong truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao là một người bình thường, thị có thể được người đời nhắc nhở như một mỹ nhân hay một con người của lịch sử, chẳng hạn như Bao Tự, Tây Thi, Dương Quý Phi, Marilyn Monroe, Jacqueline Kennedy, Diana, vân vân... Nhưng thị lại là một người ngẩn ngơ như những người dân trong cổ tích và xấu ma chê quỷ hờn... Đã thế thị lại dở hơi; đó là một ân huệ đặc biệt của Thượng đế chí công: nếu sáng suốt thì người đàn bà ấy sẽ khổ sở ngay từ khi mua cái gương thứ nhất 1.

Thị Nở không mua gương. Và thị cũng không cần phải mua. Không phải vì thị biết mình không đẹp, nên không muốn soi gương. Sở dĩ thị không cần gương là vì thị đã từng soi bóng mình mỗi lần ra sông kín nước... Có nhìn bóng mình trong nước, thị cũng không biết mình xấu, bởi lẽ thị không biết thế nào là xấu hay đẹp, và thị cũng chưa thấy ai là đẹp, thì cũng như chuyện thị không hề sợ Chí Phèo *có thể phạm đến thị bởi cái lẽ rất giản dị là thị chưa thấy ai phạm đến thị bao giờ*. Nhưng lần đầu tiên thị thấy “yêu” vì *hắn muốn làm nũng thị như với mẹ, ôi sao mà hắn hiền...* Chí Phèo cũng “say” Thị Nở, *đàn bà không men như rượu nhưng cũng làm người say, và hắn say thị lắm...*

Nhưng do đâu mà Thị Nở “yêu” và Chí Phèo “say”?

Thị Nở tất nhiên là thấy Chí Phèo “đẹp” cũng như Chí Phèo thấy thị “đẹp” vậy (có những kẻ nào đang yêu mà lại không đẹp?) cho dù mặt chàng như một tấm thớt ngang dọc đầy dấu dao bằm, còn nàng *mặt thì bẽ ngang dài hơn bẽ dài, hai má lại hóp vào... mũi thì vừa ngắn, vừa to, vừa đỏ*. Nếu Thị Nở có “xấu” (chữ xấu hiểu theo quan niệm hay nguyên ngữ của chúng ta) thì cũng không sao cả. Pho tượng *Venus of Willendorf* (30,000 năm Trước Công Nguyên) đâu có gì đẹp? Nàng Vệ Nữ không có tay và cũng không có mắt, lại còn mang mặt nạ nữa, vì có thể nghệ thuật thời ấy chưa thấy vẻ đẹp của đôi mắt. Pho tượng *Venus of Milo* (TK 2 TCN) cũng không có tay (sau này người ta đã thử nối thêm tay vào thì thấy không đẹp và nhìn không ra gì), mũi lại có một vết nám đen, hai bầu vú lỗ đố lổm đổm rất nhiều lỗ thủng, có lẽ do nước ăn mòn khi bị chôn vùi dưới đất hơn 2000 năm (pho tượng này tìm được năm 1820). Nhìn thật kỹ tảng cẩm thạch này, chúng ta thấy chẳng khác gì Thị Nở dưới ngòi bút của Nam Cao!

Nhà mỹ học nổi tiếng Roman Ingarden (tác giả cuốn Tác phẩm Nghệ thuật về Văn chương – *Das literarische Kunstwert*, Halle 1931), trong một cuốn sách khác viết bằng tiếng Ba Lan về sự nhận thức tác phẩm văn chương (Lwów 1937) mà ông bảo là phần bổ sung cho cuốn sách nói trên, cũng đã nhắc đến trường hợp chiêm ngưỡng pho tượng *Venus of Milo* này. “Đây là một ngày chúng ta đến Paris, có dịp vào xem bảo tàng viện Louvre. Sau khi đi qua các khu trưng bày tranh tượng với dáng vẻ thờ ơ hay chăm chú vừa phải

cuối cùng trước mắt chúng ta hiện ra pho tượng Venus of Milo trắng như tuyết với dáng vẻ thon thả và rực rỡ tuyệt trần. Chúng ta thấy mũi của nữ thần như được tạc ra cùng một màu trắng, như thể bề mặt của bầu vú vẫn trơn phẳng, như thể những vết lõm đốm lổ đố đã được lấp đầy, núm vú vẫn là núm vú bình thường, không có một dấu vết gì mà chúng ta thường thấy ở đá. Với tính cách nhận thức pho tượng như thế, trong chúng ta đã hiện diện cái gọi là kinh nghiệm thẩm mỹ hay kinh nghiệm mỹ học (an aesthetic experience)”² -- Thị Nở và Chí Phèo nhìn nhau cũng đã “thấy” như thế -- Đây là trường hợp mà chúng ta có thể nói đặc tính của kinh nghiệm mỹ học là tính cách riêng của sự nhận thức của chúng ta về những đối tượng mỹ học. Có một điều đáng lưu ý là kinh nghiệm mỹ học có hay không có tính cách chung nhất, hay chỉ có thể được sử dụng một cách riêng rẽ tùy tình huống? Đây là một nghi vấn được nêu ra dựa vào kinh nghiệm, mở ra một giải đáp. Và đã có nhiều giải đáp, tuy nhiên vẫn còn không ít vấn nạn tồn tại... Thế nhưng, chúng ta có thể tin chắc một cách hợp lý về một vài điều tổng quát hoá mà một số nhà văn đã thu hoạch được bởi sự mặc tưởng minh mẫn, và đối với những điều này, mọi người chúng ta có thể trải nghiệm được theo những kinh nghiệm riêng của bản thân mình.

Cũng theo Ingarden, có một sự khác biệt giữa quan niệm nhận thức về đối tượng thật và đối tượng mỹ học. Sự khác biệt ấy là do ở kinh nghiệm mỹ học. Mikel Dufrenne, trong Hiện tượng luận về Kinh nghiệm mỹ học (*Phénoménologie de l'Expérience Esthétique*) khi phân tích học thuyết của Ingarden, gọi là “sự khác biệt giữa cái biểu hiện và cái được biểu hiện”. Trong nghệ thuật hội họa, điêu khắc, kịch nghệ hay điện ảnh, sự khác biệt này chúng ta rất dễ nắm bắt. Trong âm nhạc và văn chương, đối tượng mỹ học có tính dị danh: nó chịu sự chi phối của những phát triển chủ quan nhằm vào nó và cấu thành nó. Chính vì thế, Ingarden khẳng định tác phẩm văn chương không thể tự trị vì trước hết, nó là một hệ thống những ý nghĩa. “Ai đồng ý sự hiện hữu dị danh của những câu (và cả tác phẩm) cũng phải chấp nhận tất cả những cơ sở tự trị và không thể bằng lòng với những hành vi ý thức thuần túy”³. Người ta thường nhận thức sai lầm về kinh nghiệm mỹ học, bao gồm trong ý kiến cho rằng đối tượng của kinh nghiệm là đồng bộ với những thành phần của thế giới thật và những đối tượng của sinh hoạt hay nhận thức của chúng

ta. Điều gì sẽ xảy ra cho chúng ta khi một sáng mùa xuân nào đó kéo bức màn của sổ lên bất chợt thấy khu vườn nhà đã nở đầy hoa rực rỡ trong đêm? Chúng ta có vui thích nhìn ngắm cái cảnh tượng ấy không, những đối tượng thật mà chúng ta nhìn thấy ở thế giới chung quanh ta, cùng những kinh nghiệm mà chúng ta đã nhận thức trước khi có kinh nghiệm về cảm thức xuất thần này?

Monroe C. Beardsley, người có ảnh hưởng rất lớn trong giới lý luận mỹ học nói tiếng Anh ở thế kỷ 20 sau John Dewey, cho rằng kinh nghiệm mỹ học là kinh nghiệm mà trong đó sự chuyên tâm chú ý phải được vận dụng một cách vững vàng trên sự dị thể nhưng có tương quan với nhau, giữa những phần tử cấu thành của đối tượng mỹ học, chẳng hạn trong cách nhìn ngắm những tác phẩm hội họa hay điêu khắc; nghe âm nhạc; đọc và nhận định về những từ ngữ hay biến cố trong tác phẩm văn chương. Do đó, chúng ta có thể nói một cách không ngoa rằng đối tượng mỹ học chính là nguyên nhân của kinh nghiệm mỹ học 4.

Kinh nghiệm mỹ học còn là kinh nghiệm của sức mạnh. Kinh nghiệm mỹ học là kinh nghiệm bị chế ngự một cách sâu sắc bởi cảm giác hay sự xúc động mãnh liệt, nhưng những phạm trù này còn đang chiếm giữ một vị thế mập mờ trong lý thuyết tâm lý học. Điều mà chúng ta gọi là sự xúc động trong kinh nghiệm mỹ học có thể chỉ đơn giản là sức mạnh của chính nó. Như đã nói trên, đối tượng mỹ học cho chúng ta kinh nghiệm. Mắt nhìn đối tượng, và đối tượng kiểm tra kinh nghiệm. Kịch nghệ hay điện ảnh chỉ trình diễn những mảnh đời của con người, có phần nào có ý nghĩa và đáng chú ý, nhưng chúng ta chỉ nhận thức được chừng ấy thôi; hội họa và âm nhạc mời gọi chúng ta những gì mà chúng ta ít khi thực hiện trong cuộc sống, chỉ tạo sự quan tâm vào những gì chúng ta đang thấy và nghe, hoặc không thấy không nghe gì cả. Hội họa và âm nhạc còn tận dụng khả năng nhận thức của chúng ta cho những phạm vi hạn hẹp bất thường. Văn chương thì không thế. Đặc biệt là đối với những cuốn tiểu thuyết viết về chiến tranh, có nhiều sự kiện đột biến, chúng có thể thủ tiêu sự chuyên tâm chú ý của chúng ta bằng cách mở rộng ra ngoài giới hạn thông thường những sự hiểu biết của chúng ta. Đây là lý do tại sao chúng ta có thể nói “cảm giác không đau đớn” (feeling no pain) là đặc biệt thích hợp cho kinh nghiệm mỹ học.

Theo Beardsley, kinh nghiệm mỹ học còn là kinh nghiệm hồ tương, kết hợp với nhau một cách chặt chẽ. Sự kiện này hướng dẫn sự kiện khác, liên tục phát triển không ngừng nghỉ. Không có một khoảng trống, một sự gián đoạn nào. Ngay cả khi kinh nghiệm tạm thời bị mất đi như trường hợp chúng ta phải ngưng đọc cuốn tiểu thuyết hấp dẫn vì đến bữa cơm hoặc có khách đến thăm, kinh nghiệm vẫn tiếp tục sự liên kết khi chúng ta đọc lại cuốn sách, chúng ta lập tức trở về với thế giới văn chương, gần như không gián đoạn chút nào. Ngưng lại một bản nhạc đang nghe vì bị trở ngại về máy móc hay có chuông điện thoại reo, nhưng khi chúng ta nghe lại bản nhạc, chỉ cần hai nhịp thôi là đủ để thiết lập lại sự nối kết với những gì vừa mất đi và chúng ta tức thời nhận lại được cùng với những kinh nghiệm cũ. Đây là những động tác có ý nghĩa làm cho người ta tin, do đó, đối tượng mỹ học là đối tượng để làm-tin (make-believe). Cùng một cách gọi tương tự như thế, thật thú vị khi trong tình yêu, đối tượng mỹ học sẽ là đối tượng để làm... yêu (make-love), như trường hợp Chí Phèo và Thị Nở đã làm.

“Chúng sẽ làm thành một cặp rất xứng đôi. Chúng cũng nhận thấy thế, và nhất định là lấy nhau. Như thế năm ngày chẵn, thị ở nhà hẩn cả ngày lẫn đêm, trừ những lúc đi kiếm tiền. Hẩn không còn kinh rượu nhưng cố uống thật ít. Để cho khỏi tổn tiền, nhưng nhất là để tỉnh táo để yêu nhau. Đàn bà không men như rượu nhưng cũng làm người say. Và hẩn say thị lắm. Nhưng thị lại là người dở hơi. Đến hôm thứ sáu thị bỗng nhớ rằng thị có một người cô ở đời. Người cô ấy nội ngày nay sẽ về. Thị nghĩ bụng: hãy đừng yêu để hỏi cô thị đã.” 5

Thị Nở và Chí Phèo yêu nhau xuất phát từ một cái gì rất “ảo”, “phi thực” (nói theo Sartre) trong tiềm thức của hai người. Tâm lý học giải thích đây là do những yếu tố di truyền. Mỹ học thì gọi là kinh nghiệm mỹ học. Chúng ta yêu thích Catherine Zeta-Jones ngay khi vừa xem phim đầu tiên của nữ tài tử điện ảnh này, là vì trước đó chúng ta đã yêu mến Joan Collins, và trước nữa là Ava Gardner, một mẫu người phụ nữ vừa đài các quý phái, vừa có cái gì là hoang dã quê mùa... Vì trong ý/tiềm thức của chúng ta do di truyền, đã có sẵn mẫu người như thế. Cho nên khi chợt gặp người “trong mộng/ảo”, chúng ta bị chạm điện, bị “sét đánh” ngay!

Trong bài “Nguyễn Nhật Duật và niềm thao thức lặng lẽ”

(Chủ Đề số 2, Mùa Hạ 2000), Đào Ngọc Phong, giáo sư triết học, người từng viết luận án về Giải Minh Giấc Mơ (Die Traum-deutung) của Sigmund Freud, đã viết:

“Khi Nam Cao mô tả các nhân vật từ con người vô văn hoá như Chí Phèo, đến người có học thức như Giáo Thử, ông đứng từ nhiều quan điểm khác nhau để phân tích, nhưng ở bất cứ nhân vật nào trong văn Nam Cao vẫn tỏa ra một sức vượt thoát của chủ thể tính siêu nghiệm lên trên những điều kiện hóa khách quan. Nam Cao không hề chấp nhận một quan điểm giai cấp trước khi và trong khi viết. Văn Nam Cao là một thứ ngôn ngữ hiện tượng luận, khác hẳn văn của những nhà văn nhà nước mác xít. Nếu Nguyễn Nhật Duật khẳng định với học sinh của mình: “Các nhà văn hiện nay ở nước ta không có một người nào đáng xách giày cho Nam Cao” thì đó chính là ý thức phản kháng biện chứng đối với lối văn kinh viện lỗi thời.”

Khi Nguyễn Nhật Duật nói “các nhà văn hiện nay ở nước ta”, chúng ta nghĩ là Duật chỉ nói đến những nhà văn ở trong nước. Nhưng chúng ta thấy nhiều nhà văn ở ngoài nước cũng tệ hại không kém... Ra ở nước ngoài rồi mà họ vẫn mãi miết như còn quanh quẩn sau lũy tre xanh. Bịt tai nhắm mắt lằm lũi đi hoài trên con đường mòn vẫn đi với vốn liếng nhỏ nhoi mà thấy, cô giáo đã mớm cho từ thời học trung, tiểu học. Nhà báo, nhà giáo, cán bộ (ai dám bảo đảm là ở hải ngoại không có cán bộ VC?), thậm chí có nhiều kẻ không ở trong ba giới trên, nghĩa là chưa bao giờ đụng đến chữ nghĩa cũng nhếch nhác nhảy vào chiếu văn chương để giành chỗ...6. Không hề có một tí ý thức gì về mỹ học -- thua cả Thị Nở và Chí Phèo --, không có một quan niệm hay kinh nghiệm thẩm mỹ nào để thưởng thức cho được một tác phẩm văn chương đáng gọi là văn chương thì nói gì đến sáng tạo văn chương?

Nhưng, thông thường những kẻ điếc thì không sợ sấm.

Đó là những kẻ mà Nguyễn Tuân xem là hạng người vô liêm sỉ; Mai Thảo gọi là những kẻ ngoại đạo; Võ Phiến thì xem như là những tài xế không có “lai xăng”; Hoàng Ngọc-Tuấn thì cho là những kẻ bất tài và vô đạo đức (chuyên nghiệp); Nguyễn Hưng Quốc thì nói thẳng là những kẻ hay xả rác và ỉa bậy, là những tên bất lương ...

Giáo sư Duncan Williams trong *Trousered Apes*⁷ đã quan niệm rằng nghệ thuật có thể làm đổi trụy con người, “nghệ thuật thường không chỉ là một tấm gương phản ánh xã hội và những giá trị văn hóa mà, trái lại còn là những động lực mạnh mẽ đeo nện nên con đường trên đó con người đi và cư xử.”

Vì thế những chủ đề khủng khiếp đã chi phối văn học ngày nay, như bạo dân, thống dân, gian dân, thủ dân, kê gian, ma túy văn hóa, vân vân... và nhất là những cảnh biểu diễn “tươi mát” của chúng đã tiêm thuốc độc vào thân thể của xã hội. Kết quả là gì? -- Chủ nghĩa thú vật. “Chúng ta đang dạy sự dã man”, (ghi chú của Williams). Vì thế ông đã liên kết “những con dã nhân mặc quần” ngày nay với tổ tiên của chúng. Thực chất mục đích của giáo sư là trình bày, qua lăng kính văn học đương đại, với những Dos, Camus, Osborne, Jarry và nhiều người khác, bằng những tài liệu tuyệt vời, những sự kiện gì đã xảy ra khi con người đánh mất cái nhìn của trung tâm (như Yeats đã nói “những sự vật rời tách ra, trung tâm không thể nắm lấy”). *Trousered Apes* là nhân vật cuối cùng, với bạo lực, loạn thần kinh đã đi lang thang qua hàng nghìn kịch bản và tiểu thuyết, những phản-ảnh hù dọa của văn minh chúng ta. Từ khi J. J. Rousseau, hơn hai trăm năm trước lần đầu tiên đã vinh danh “sự quý phái man rợ”, giải phóng hết thảy những sự kiểm chế của những ứng xử xã hội văn minh, chúng ta đã chứng kiến sự tiến triển dần dần vào trung tâm của những phòng khách văn chương man rợ không quý phái – hậu-văn minh, như đối lập với tiền-văn minh của con người, con người càng ngày càng bị mất cảm giác của mục đích, những định mức giá trị, của trật tự, sự hòa thuận và đạo đức -- về cơ bản đã giảm và chắc chắn sẽ bị triệt tiêu nhiều hơn bản năng thú vật của mình.

Khi Gs Williams trình bày, văn học không còn là một lãnh vực bị cô lập, mà có những gì nhiều hơn điện ảnh, hội họa hay bất cứ những ngành nghệ thuật nào khác. Những ngành nghệ thuật này không chỉ là những thú tiêu khiển, nhưng với những tấm gương chân thật của sự bận tâm của thời gian, trong đó con người không chỉ tìm kiếm những gì họ nghĩ là lạc thú hoặc quan trọng mà còn là những khuôn mẫu thuộc tiềm thức cho những giá trị và sự ứng xử của chính mình. Khi con người ngừng tham vọng về lý tưởng, về sự Thiện Mỹ, về sự kiểm chế bản thân – trong nghệ thuật hoặc trong đời sống của mình – họ sẽ không đứng yên ở đó mà thường quay sang

con đường khác, đi tìm sự toàn thành của bản thân trong đam mê của mình, trong sự ám ảnh ba biểu cảm tối thượng của tổng thể trung tâm của bản năng: Dục tính, Bạo lực và Điên loạn.

Đó là con đường chúng ta đã đi để đến một cứu cánh. Ít ra trong nghệ thuật, sau nửa thế kỷ gần đây, đã có nhiều hy vọng hơn nữa trong sự thoái hóa và vô nghĩa đã được khảo sát. Cái gì là nguyên nhân thật của tình trạng khó xử của con người hiện đại từ đó Gs Williams đã phân tích? Câu trả lời ngầm chứa trong tác phẩm của ông bắt buộc con người phải cố gắng đứng vững trên đôi chân của mình để tìm ý nghĩa cuối cùng trong thế giới vật chất này. Những gì Williams miêu tả là những gì theo đó con người mất quan điểm của ý nghĩa vĩnh cửu của họ và của niềm tin vào Thượng Đế. Và, với một tầm nhìn bao quát hơn có phải là chúng ta không đồng ý cho rằng con người Phương Tây đã liên hợp trong cuộc phiêu lưu này quá lâu hơn hai trăm năm qua – có thể từ Thời Phục Sinh --, mà ai đó đã tự hào tuyên bố rằng con người có thể trở thành “cán cân của mọi sự vật”? Williams chứng minh những người này đã đi theo con đường chẩn đoán tính chất thực của bệnh tật. Trước hết là những lời của Yeats đã có sẵn để chứng minh những điều nói trên; sau nữa là những điều khác từ *Dunciad* của Alexander Pope, một cuốn sách đã hình thành trên đá. Ngoài ra cũng đã có ít ra hai lời trích dẫn khác không đi ra ngoài phạm vi, đã tổng kết sự phát triển bệnh tật của nền văn minh Phương Tây, mặc dù cả hai đến sớm hơn thế kỷ 18: Đầu tiên là Ulysses, văn bản nổi tiếng từ *Troilus and Cressida*; và sau đó là, từ *First Anniversarie* của Donne, miêu tả thế nào khi con người mất niềm tin ở Thượng Đế và danh dự ... Sau đó bằng một cách chắc chắn, và dần dần, đã làm cho “tất cả khuôn khổ của thế giới” rơi rớt đảo lộn lung tung; cho đến cuối cùng thế giới trở nên bệnh hoạn đến nỗi “một cơn sốt vì bệnh lao (Hectique fever) đã được chữa toàn bằng những chất gì mà không hề được kiểm tra.” Nhiều lần cứ lập đi lập lại như thế, không phải đến hôm nay, nhưng thông qua lịch sử, chúng ta lại trở về cùng một vấn đề: khi con người đánh mất trung tâm, đời sống sẽ không còn ý nghĩa nữa, và thế giới của họ cũng tiêu tan luôn. Đó là sự thật của cá nhân mỗi con người. Đó cũng là sự thật của thế giới La Mã trước chúng ta...

Nhưng dù sao thì “sự phạm tội” cũng là một hiện tượng xã

hội và là một khía cạnh của văn học đương đại.

Norman Mailer nói tỉnh bơ và rất nhân bản: "...đời sống có phạm tội hay không, sự xác định là để khích lệ những người bị bệnh tâm thần..." Ernst Junger, triết gia Đức cũng đã đi đến một kết luận tương tự như Mailer: "Phạm tội dù sao cũng tốt hơn là làm quý tộc." Sartre cũng đã ra mặt để góp phần bảo vệ luận thuyết này khi ông phong thánh cho Jean Genet (*trong Saint Genet, Comédien et Martyr*), một nhà văn đã tự nhận mình là một kẻ hư hỏng và là một tên đạo chích. T. S. Eliot viết, khi ông đề cập đến Baudelaire: "Trong cách nói đối nghịch lại, thực hiện một điều ác thật tốt hơn là không làm gì cả: vì ít ra cũng chứng minh được rằng chúng ta hiện hữu." Dĩ nhiên, ở đây Eliot chỉ trình bày lại một cách giản dị tư tưởng của Blake: "Điều ác tích cực tốt hơn điều thiện tiêu cực."

Nhận định về Būnuel, nhà làm phim Tây Ban Nha, người đã đưa lên màn bạc những hình ảnh đầy đủ của sự bạo/thống dâm (*sado/masochistic*), Henry Miller viết: "Hoặc là anh điên rồ giống như phần còn lại của nhân loại văn minh, hoặc là anh lương thiện và khỏe mạnh như Būnuel. Nhưng nếu anh là người lương thiện và khỏe mạnh thì anh là một kẻ vô chính phủ và là một tên khủng bố." Do đó, đôi lúc phải thừa nhận trong chiều hướng này có vài điều nhiều hơn là một hiện tượng thuần túy văn chương và nghệ thuật. Nó xuất hiện để quên đi hoặc không biết rằng văn học và nghệ thuật thông thường là rất thực, có tính định hình, có sức mạnh xã hội, uốn nắn nên khuôn mặt của thời đại trong khi cũng đồng thời nêu rõ chân dung của chúng.

Nếu chúng ta nhìn nhận *Poetics* và *Ethics* của Aristotle và *Essay on Criticism* và *Essay on Man* của Pope như những lý thuyết căn bản của mỹ học và đạo đức học trong thời đại của họ thì những lý thuyết đó cũng đã xuất hiện để trở thành sự thật một cách rõ ràng. Trong cả hai giai đoạn xã hội đã nhắm đến một cách ý thức sự tuyệt hảo đang đạt được, không chỉ trong kiến trúc, âm nhạc, thi ca và những hình thái khác của nghệ thuật, mà đồng thời cũng ở trong thế giới đạo đức nữa. Thánh Thomas Aquinas đã thấy vũ trụ:

"như một thánh lễ tổng thể...[như một] nguyên tắc của lý tưởng trong đó nhà nghệ sĩ cố gắng tái hiện và kết thúc tối thượng tất cả những gì đã là, là và sẽ là qui luật tối cao của tất cả những gì chúng ta làm..."

Ngày nay, tất cả những phim ảnh được quảng cáo trước đều nhấn mạnh đến khía cạnh bạo lực và dục tính của bộ phim, kể cả những phim thực hiện theo những tác phẩm của Shakespeare. Khi giới thiệu trước cuốn phim *Romeo and Juliet* của Zeffirelli, tạp chí *Playboy* đã hô hào: "...TUYỆT ĐẸP! Toàn bộ cuốn phim là một bài thơ của tuổi thanh xuân, của tình yêu và bạo lực...một sự tái hiện truyện *West Side Story* đã được các tài tử đóng với sự đam mê tinh khiết (sic)..." Cùng lúc đó, Richard Burton (tài tử chính của phim *West Side Story*) xuất hiện trong một phim mới về Macbeth, cũng phóng tác theo tác phẩm của Shakespeare, lại được quảng cáo "truyện phim đã được viết (viết lại) cho ta một *hương vị nên thơ của Bonnie và Clyde!*"

Trường phái lãng mạn Anh đôi khi cũng dung hòa Thiện và Ác. Thiên thần của Blake là "quỷ sứ" và ngược lại. Họ còn gọi Satan là người hùng của Milton. Satan, với sức mạnh sung mãn, với sự can đảm và oai hùng, đã được lựa chọn tự nhiên như là biểu tượng của sự nổi loạn và được nhìn nhận như một anh hùng, chứ không phải là một phản-anh hùng!

Ở thời kỳ mà nhiều người Phương Tây nghi ngờ, thế hệ trí thức Nga đã tìm ra và tự động công nhận văn hóa đơn thuần của nhân loại. Con Người Dưới Hầm (trong *Notes From Under-ground*) của Dos đã nhìn nhận với một sự khẳng định: "Tôi là một người bệnh hoạn... Tôi là một người đầy hản học... Tôi là một người không dịu dàng..." và cộng vào đó là sự hưởng thụ đặt trên "siêu ý thức" của "sự thoái hóa riêng tư" của anh ta. Hơn hẳn ý thức anh ta là "điều thiện và tất cả sự cao thượng và sự tốt đẹp..." -- giống như Jimmy Porter đã nói: "Tôi là một dân đen, bởi vì tôi là người kinh tởm nhất, ngu dốt nhất, thú vật nhất, ngớ ngẩn nhất và là tất cả những gì xấu xa nhất trên đời này..."

Ở đây là Người Dưới Hầm đang hân hoan trong tinh thần bệnh hoạn và thú vật, tự so sánh anh ta với những thú phải diệt trừ. Trong ý nghĩa này, tính cách Dos là nguyên mẫu phản-anh hùng đương đại của giai cấp vô sản, và những nhân vật chính của cả Dos và Osborne (Porter của *Look Back in Anger*) cùng một ước muốn tự thoái hóa họ, tự lột trần họ của tất cả kỳ vọng và đắm mình trong sự tuyệt vọng cũng như lòng xót thương của họ.

Những nhà hiện sinh đánh giá thế giới và toàn thể vũ trụ là

ngẫu nhiên, tình cờ và đôi khi là hiện tượng không có ý nghĩa đặc biệt gì và cũng không có tính cách đạo đức. Tuy nhiên, con người giữ lại sự cân nhắc của sự lựa chọn khi phải đương đầu với sự vô nghĩa của thế giới này, họ có thể quyết định như thế để “hướng dẫn một sự hiện hữu tràn đầy nhiệt tình và danh giá” (chữ của William Barrett) hoặc họ có thể sa ngã vào trong sự tuyệt vọng. Cơ bản của kẻ vô thần trong triết học là quá hiển nhiên để cần chi tiết hóa, nhưng có vài vấn nạn vẫn tồn tại không có câu giải đáp.

Tại sao không nằm lại và gào thét thỏa thích trong động tác điên cuồng nào đó mà trong ấy có lẽ có ít nhiều ý nghĩa triết lý hoặc hoạt động thuần túy nào khác? Tại sao sáng tác kịch bản và tiểu thuyết? Tại sao không hủy diệt sự tự tử hay một chủ nghĩa khoái lạc ý thức nào đó được thừa nhận (công khai)? Sắp tới, chúng ta hãy xem Situational Ethics như một biểu thị khác của sự thất bại đương đại để chấp nhận một trật tự thần thánh phi phạm siêu nhiên. Julian Huxley thừa nhận:

“Mọi xã hội, trong mọi thời đại, đều cần có vài hệ thống của niềm tin, bao gồm một trình độ cơ bản của đời sống, một tập hợp có tổ chức của tư tưởng bao quanh nó là sự xúc động và chủ định có thể tập hợp, và một quan niệm về con người vĩnh cửu. Cần phải có một khoa triết học và một niềm tin mạnh mẽ để đạt tới một hướng dẫn để sống một cách có trật tự -- nói một cách khác là một cách có đạo đức.”⁸

Mọi người đều có thể thiết lập một hệ thống đạo đức riêng cho mình: Sartre có thể phong thánh cho Genet, Mailer có thể khích lệ con người để “khai triển bệnh tâm thần” cho chính họ; không-ng-hệ thuật thì có thể làm thành nghệ thuật, vân vân...

Một điểm khác là của ý nghĩa căn bản. Nhà văn nhấn mạnh đến bạo lực trong những hoàn cảnh họ dùng để giải bày những chi tiết về niềm tin của họ. Trong *Le Mur* của Sartre, có ba người bị kết án tử hình trong cuộc Nội chiến Tây Ban Nha. Truyện đã kể lại chi tiết những hành động và cảm nghĩ của họ trong đêm trước khi bị xử bắn. Fletcher kể lại, trong *Situation Ethics* chuyện một người phụ nữ trong một chuyến đi vất vả về Miền Tây vào thế kỷ 18 ở Kentucky. Gia đình bà và nhiều người bị rút lại. Đứa con nhỏ của bà bị bệnh nên khóc lóc không ngừng. Tiếng khóc của đứa bé có thể làm cho những thổ dân Da Đỏ phát hiện và giết chết tất cả bọn họ, nên một

người phụ nữ khác đã tự tay giết chết đứa bé. Fletcher hỏi, người phụ nữ ấy đã quyết định đúng hay sai?

Chúng ta thấy cả hai nhà văn đã quan niệm không nghi ngờ rằng bạo lực bi kịch hóa tình trạng và, sống trong một thế giới bạo lực thì phải có ý định lừa gạt một cách thông minh và mang tính xã hội để minh họa cuộc sống theo một phong cách nào đó. Điều làm cho chúng ta có thể thông cảm là lời của T. S. Eliot viết trong “Những Tư Tưởng Sau Lambert”:

“Thế giới đang cố gắng thể nghiệm để hình thành một hình thái văn minh không mang tính Thiên Chúa giáo. Cuộc thể nghiệm sẽ thất bại, nhưng chúng ta phải vô cùng kiên nhẫn trong lúc chờ đợi sự sụp đổ của nó; trong lúc chuộc lại thời gian, để Đức Tin có thể bảo tồn sự sống qua những thời đại mù tối trước chúng ta; để tân trang và xây dựng lại sự văn minh và cứu vãn Thế giới thoát khỏi nạn tự hủy diệt”

Mặc dù có sự liên hợp với những kịch tác gia hiện đại như Ionesco, Beckett, Hildesheimer, Durrenmatt..., kịch Phi Lý đã có nguồn gốc từ cuối thế kỷ 19 khi kịch bản Ubu Roi của Alfred Jarry được trình diễn ở Nhà Hát Mới (Le Théâtre Nouveau) năm 1896. Bi kịch này bị bóp méo bởi một vài tiêu chuẩn của thời đại, phô bày vài điểm giống nhau (bề ngoài, hời hợt) nào đó với Macbeth và bạo lực và thú tính vẫn là những luận đề chi phối toàn bộ kịch bản. Nhưng khi phê bình Ubu Roi, Wellwarth lại cho nó là mầm mống của kịch tiên phong (avant-garde) – có thể là do ở những lời đối thoại thô lỗ, tục tĩu, không lịch sự, “không văn chương”, khác với kịch cổ điển, như cút, đá, đánh rắm, dít 9... chưa kể những cảnh trắng trợn, khiêu dâm được phô bày trên sân khấu, cũng như trong những vở Le Balcon của Genet, Le Désir Attrapé Par La Queue của Picasso... đã có những vai nữ đi tiểu ngay trên sân khấu, trên đó cũng đã dàn dựng cả nhà vệ sinh, ổ đĩm, nhà thương điên...

Nói chung, hố sâu ngăn cách giữa đạo đức và mỹ học không hề rộng hơn những gì đã có từ trước, nhưng nhiều người thừa nhận rằng không có sự nối kết gì cả giữa chúng. Susan Sontag, nhà phê bình và tiểu thuyết gia người Mỹ cho rằng Lolita của Nabokov là một “kiệt phẩm” không thể phủ nhận, bên cạnh Naked Lunch của Burrough được viết ở Anh từ Thế Chiến II. –

“Tất cả những chuyện kể của Nabokov đều tập trung vào ý thức của một người bị loạn trí, ngay cả sự ám ảnh dục tính và phạm tội giết người.” - *Lolita*, một lần nữa cũng đã được các nhà phê bình văn học và điện ảnh lớn tiếng bênh vực như thế nào (nhất là khi tác phẩm được đưa lên màn bạc lần thứ hai ở Âu Châu mấy năm trước đây), cũng như *Lady Chatterley's Lover* của D. H. Lawrence xưa kia vậy... đã tốn biết bao nhiêu giấy mực, (và tác giả đã phải ra tòa)... nhưng rồi tất cả cũng qua đi. Và điều gì còn ở lại? Đó là Tự Do, điều mà thế kỷ trước Sartre đã đề cập đến trong *Qu'est-ce que la Littérature* (Văn học là gì?) và trong nhiều tác phẩm khác của ông, tiểu luận cũng như tiểu thuyết.

“Như thế, tác giả viết là để mời gọi sự tự do của người đọc và ông ta cần nó để làm cho tác phẩm của mình tồn tại. Nhưng ông ta không chỉ dừng lại ở đó, ông còn đòi hỏi người đọc trả lại cho ông niềm tin mà ông đã cho họ, đòi họ công nhận sự tự do sáng tạo của ông và đến lúc họ phải thúc nó dậy bằng một tiếng gọi đối xứng và đảo nghịch. Quả thật ở đây xuất hiện một biện chứng đối nghịch khác của việc đọc: ta càng cảm nghiệm rõ tự do của ta bao nhiêu thì ta càng công nhận tự do của người khác bấy nhiêu; họ càng đòi hỏi ở ta bao nhiêu thì ta càng đòi hỏi ở họ bấy nhiêu.” 10

Và như thế thì việc đọc là một thỏa ước cao thượng (générosité - chữ của Sartre) giữa tác giả và người đọc: người này tin cậy người kia và ngược lại. Vì niềm tin ấy là cao thượng nên không ai có thể bắt buộc tác giả tin rằng người đọc đã sử dụng tự do của ông ta và ngược lại, ông ta đã sử dụng tự do của người đọc. “Đấy là một quyết định tự do mà người này cũng như người kia đã chọn,” Sartre nhấn mạnh.

Ở một phần khác, Sartre viết:

“Nhà văn chọn cách kêu gọi sự tự do của những người khác để, bằng những mối liên quan hỗ tương trong những yêu cầu của họ, họ làm cho con người trở lại thích hợp với cái hiện hữu toàn vẹn và kết hợp nhân loại và vũ trụ lại với nhau.” 11

và:

Mặt khác, vì đối tượng mỹ học rõ ràng là thế giới trong chừng mực nào đó được nhìn qua các điều tưởng tượng,

nên niềm vui mỹ học theo sau ý thức có lập trường cho rằng thế giới là một giá trị, nghĩa là một nhiệm vụ được đề cử tự do của nhân loại.” 12

Bây giờ xin trở lại với Thị Nở thân yêu của chúng ta!

Đúng như Sartre đã viết, đối tượng mỹ học là thế giới -- nghĩa là đối tượng thật – được nhìn trong chừng mực nào đó qua các điều tưởng tượng của nhà văn. Thị Nở trong *Chí Phèo* (hay *Đôi Lúa Xứng Đôi*, hay *Cái Lò Gạch Cũ*) không phải là Thị Nở ở làng Đại Hoàng, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam quê hương của Nam Cao. Thị Nở mà chúng ta đề cập ở đây (trong truyện *Chí Phèo*) là đối tượng mỹ học đã được Nam Cao xây dựng trong chừng mực nào đó với ý thức có lập trường (la conscience positionnelle), một chủ điểm quan trọng trong quan niệm dẫn thân của Sartre. Như Đào Ngọc Phong đã phân tích, văn của Nam Cao trong *Chí Phèo* và những tác phẩm viết trước năm 1945 là một thứ ngôn ngữ hiện tượng luận, khác với văn Nam Cao của *Ở Rừng*, *Đôi Mắt*, *Chuyện Biên Giới*... và bất kỳ một nhân vật nào của Nam Cao (trong các tác phẩm viết trước 1945), từ vô học như *Chí Phèo*, *Lão Hạc*; có học thức như *Giáo Thứ*, cũng tỏa ra một sức vượt thoát chủ thể tính siêu nghiệm lên trên những điều kiện hóa khách quan. Trước khi và trong khi viết, Nam Cao không hề chấp nhận một quan điểm giai cấp nào. Thật không có gì đáng ngạc nhiên khi một nhà văn mà tác phẩm khi nào cũng đứng về phía những người lao động nghèo khổ và luôn luôn mơ ước một cuộc sống m no hạnh phúc cho giống nòi như Nam Cao, thế mà khi được “giải phóng” lại có lúc băn khoăn tự hỏi: “Ta không còn phải là ta khi trước nữa. Những người quanh ta không còn phải là những người quanh ta khi trước nữa thì tại sao lại có thể cứ viết, cứ vẽ như trước được?” Hình như Tô Ngọc Vân cũng đã có lần bày tỏ quan điểm tương tự, và cả hai người sau đó đều hy sinh trong khi đi công tác vùng hậu địch... Bị bắt buộc từ bỏ cái tôi cá nhân, từ bỏ tự do sáng tác, viết rập khuôn theo đường lối lãnh đạo của đảng Lao Động, Nam Cao nhiều lúc thấy mình bất lực: “Cây bút của tôi bất lực. Nó không khắc ra lửa và đạn như cây súng. Nó ỳ ạch chạy theo phong trào mãi mà không kịp...lắm lúc chúng tôi muốn vứt cả bút đi để cầm súng.” 13 Đó là ý thức phản kháng để đòi quyền tự do sáng tác, nhưng không được, như *Chí Phèo* đã thét lên trong vô vọng lúc muốn trở lại làm người lương

thiện: “Tao muốn làm người lương thiện,... Nhưng ai cho tao lương thiện? Biết không?...”

Và khi Nguyễn Nhật Duật khẳng định trước học sinh thân yêu của mình “những nhà văn hiện nay ở nước ta không có một người nào đáng xách giếp cho Nam Cao” để phải bị “mất dạy”, là Duật đã đứng trên cơ sở phê bình hiện tượng luận và sự liên cảm sâu sắc tâm trạng của Nam Cao.

...Thị Nở cũng như Chí Phèo, cũng như Lão Hạc, cũng như Giáo Thứ... đều là những đối tượng mỹ học mà người đọc có toàn quyền tự do để thưởng ngoạn (vì chủ yếu là người viết mời gọi tự do người đọc), toàn quyền tự do để tìm đến niềm vui mỹ học (*joie esthétique* – chữ của Sartre). Các nhà phê bình mác-xít kinh viện, khi đọc lại những tác phẩm của Nam Cao thời “tiền chiến” đã thi đua chụp mũ những hạn chế đầy rẫy lên tác phẩm của ông: bế tắc về tinh thần của tầng lớp trí thức tiểu tư sản; sự bản cùng hóa, lưu manh hóa của đại bộ phận nhân dân lao động; nhân vật cũng như tác giả chưa biết cái sắp tới sẽ là cách mạng, là lối thoát duy nhất, vân vân và vân vân...¹⁴ Và mặc dù tán dương hết mình quá trình chuyển biến cách mạng trong sáng tác của ông, nhưng ai đã đọc *Đường Vô Nam*, *Cách Mạng*, *Ở Rừng*, *Đôi Mắt*... cũng có cảm tưởng như đọc những *feuilleton* của Mai

Thảo trên các nhật báo Sài Gòn trước 1975, sau khi ông rời Sáng Tạo và những truyện ngắn như “Đêm Giã Từ Hà Nội”, “Chuyến Tàu Trên Sông Hồng”...

Vì “tác giả viết là để mời gọi tự do của người đọc” và “ta --người viết hoặc người đọc -- càng cảm nhận tự do của ta bao nhiêu thì càng phải tôn trọng tự do của người khác bấy nhiêu,” do đó, thật có nên không áp đặt người đọc và ngược lại, người đọc có nên không áp đặt người viết, viết ra những “tác phẩm” mang những chủ đề khủng khiếp như khiêu dâm, bạo dâm, thống dâm, thủ dâm, điên loạn... nói chung là bạo lực và thú tính, với những từ ngữ “thời thượng” trần truồng dung tục mà cho là... *avant-garde*? *Cien Anos de Soledad* (Trăm Năm Cô Đơn) của Gabriel García Márquez, nếu không mang đặc tính huyền ảo thần kỳ của văn chương hậu-hiện đại, không mang tinh thần kêu gọi đoàn kết để đấu tranh, đấu tranh để chống bạo lực, đấu tranh để chiến thắng tình trạng chậm phát triển của châu Mỹ-Latinh, vân vân...thì cũng chỉ là một dâm thư,

mô tả chuyện làm tình đủ kiểu, và chuyện loạn luân... Norwegian Wood (Rừng Na Uy) của Haruki Murakami được quảng cáo là “trong bảy người Nhật thì có một người là độc giả”, cũng chỉ là một cuốn sách khiêu dâm không hơn không kém, mô tả tỉ mỉ thẳng thừng những cách làm tình, lại còn lớn tiếng cổ vũ cho bệnh thủ dâm... Không thể lấy một lý do nào để có thể bênh vực như Trăm Năm Cô Đơn, ngoài “...những điểm quy chiếu tới văn hóa Mỹ, đặc biệt là âm nhạc đại chúng... khiến người ta liên tưởng tới giới trẻ Tây phương và những tiểu thuyết theo trường phái cực thiểu (minimalism) của những năm bảy mươi...”¹⁵ Như thế cũng chỉ là bắt chước? Cũng chính vì vậy nên sau khi Rừng Na Uy được in ra (1987), tác giả của nó phải đào thoát sang Âu Châu một thời gian dài, vì chúng ta biết, nước Nhật dù đã bại trận, đã đầu hàng, nhưng với văn hóa, phong tục, nhất là truyền thống đạo đức/tinh thần võ sĩ đạo, chắc chắn không thể chấp nhận cuốn sách của Murakami gọi là đã phản ánh xã hội Nhật những năm cuối thập niên 60 của thế kỷ trước! Tuy nhiên, hoàn cảnh của Trăm Năm Cô Đơn và Rừng Na Uy có thể chấp nhận được: chúng ta chỉ cần nhìn lại tình trạng và hiện thực xã hội Mỹ-La Tinh thời ấy, tình trạng xã hội cùng sự băng hoại của một số thanh niên Nhật sau Thế Chiến II như thế nào... Còn hoàn cảnh xã hội và văn học đương đại của chúng ta thì sao? Có phải những hình thức dung tục trong văn chương thường thấy trên mạng là phong cách mới và là ý thức phản kháng như một số các nhà văn trẻ trong nước đã tuyên bố khi được hỏi nguyên nhân tại sao các bạn viết như thế không?

Thế còn trường hợp của những người cầm bút ngoài nước thì thế nào? Họ muốn phản kháng cái gì? Hoặc họ chỉ muốn chứng tỏ mình là avant-garde như Wellwarth đã phong chức cho Ubu Roi? Hoặc chỉ là một hình thức thời thượng, làm dáng... vì chắc chắn không phải họ muốn nhanh chóng nổi tiếng, vì họ vốn đã nổi tiếng? Hoặc là nói một cách riêng tư như nhà thơ Dương Tường là, khi về già càng “cảm thấy cần gần gũi các bạn trẻ”? ¹⁶

NGUYỄN TRUNG HỐI

Chú thích:

1. Nam Cao, Truyện ngắn Nam Cao (Đồng Nai: Nxb. Đồng Nai, 2001). Những đoạn in nghiêng là văn của Nam Cao trích từ truyện ngắn Chí Phèo.

2. Matthew Lipman, Contemporary Aesthetics (Boston: & Bacon, 1973).

3. X. Mikel Dufrenne, “Bản thể của đối tượng mỹ học”, bản dịch của Lê Châu trong Chủ Đề số 7, Mùa Thu 2001.

4. Alan Singer & Allen Dunn, Literary Aesthetics, A Reader (Oxford: Blackwell Publishers, 2000).

5. Nam Cao, Sđd.

6. Nguyễn Hưng Quốc, “Nhà văn không là ai”, Tạp chí Hợp Lưu số 60, 2001.

7. Sđd, New York: Arlington House, 1971.

8. Julian Huxley, “World Population”, trong Scientific American, March 1956.

9. Thử trích một đoạn trong vở Ubu Roi của Alfred Jarry:
Mẹ Ubu: Này, Bố Ubu, ông có bằng lòng với những gì ông có không?

Bố Ubu: Này bà, nhân danh cây đèn xanh của ta, đôi lúc ta bằng lòng...

Mẹ Ubu: Vậy ai đã ngăn cản ông bằng cách tiêu diệt hết dòng họ của ông và đặt ông vào tình trạng hiện nay?

Bố Ubu: Ôi! Bà Ubu, bà lãng mạ ta, ta sẽ cho bà vào chảo hầm trong một lát nữa.

Mẹ Ubu: Hả? Con cá tội nghiệp! Nếu ta ở trong chảo thì ai chiếm chỗ trong quần của ông?

Bố Ubu: Được, đó là cái gì? Không phải đít của ta cũng giống như đít của bất cứ người nào khác sao?

Và trong một đoạn sau đó, Mẹ Ubu độc thoại:

Đồ đánh rắm, đồ cứt, thật là khó đuổi hẩn đi, nhưng đồ đánh rắm, đồ cứt, ta cũng đã quậy hẩn tới rồi rồi...

10. Sđd, (Paris: Gallimard, 1948), tr. 65.

11. Sđd, tr. 73.

12. Sđd, tr. 75

13. X. “Nam Cao” của Hà Minh Đức trong Nhà Văn Việt Nam (1945-1975) tập 2 của Phan Cự Đệ và Hà Minh Đức (Hà Nội: Nxb. Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, 1983).

14. X. “Cách mạng tháng Tám và Nam Cao” của Phong Lê trong Tác Gia Văn Xuôi Việt Nam Hiện Đại của nhiều tác giả (Hà Nội: Nxb. Khoa Học Xã Hội, 1977).

15. Nhận định của John Updike trong tuần báo The New Yorker. John Updike và Raymond Carver (người mà Murakami đã dịch nhiều tác phẩm và chịu ảnh hưởng nặng) là những nhà văn hậu-hiện đại Mỹ theo trường phái Cực thiểu.

16. X. Dương Tường: “Biết mình phải làm gì quả không đơn giản.” Phỏng vấn của Nguyễn Vĩnh Nguyên, Talawas .org.

NGUYỄN TRUNG HỐI

(nguồn tài liệu lưu từ Chủ Đề 13)

THƠ SONG NGŨ



HÀ NGUYỄN DU

ĐỜI LÀ MỘ PHẦN

và hd / đl

đôi chân dầm sương nghe nhức
nhối vết phỏng phải lửa hỗn
vẳng tiếng chim đầu thôn buồn
nghe bồi bồi nhớ vị môi

em thơm đời thơ tàn nụ
oan khuất ám ảnh mưa bão
chờn vờn suốt suốt hơi thở
phập phồng nhớ em ký ức

thông reo dỗ dành giấc héo
cây bứng thương quà em là
nụ hôn ly biệt đường lẹ
thánh nữ nhỏ xuống núi đồi

cao nguyên em rục ngồi mà
thống thiết buổi hiện đại mới
thế giới nườm nượp kiêu binh
chừng dương oai ta chờ em

nắm tay đi về rặng đông
có hoa yêu thương trên cây
đầu ngõ bàn tay vẫy mẹ
yếu ớt những rặng ngồi

đôi chân dầm sương gót nứt
phong ba đời thơ như cứu
tinh bài nhạc phổ thơ em
như lửa kích hoạt cho tờ

lịch như xé vội ời câu
thơ vũ hoàng chương chúng ta
mất hết chỉ còn nhau mất
hết và mất hết chỉ còn

nhau và chỉ còn nhau nếu
không nếu không đôi chân dầm
sương sẽ quy ngang cho một
luận kết “đời là mộ phần”

yêu em cao nguyên giờ này
sương còn phủ quanh lạnh vai
em gầy thân mỏng mà
ngát hoa anh đào ời em.!!

chín / hăm tám / mười tám

HÀ NGUYỄN DU

Translated into English by Trần Vũ Liên Tâm

LIFE IS A TOMB

and hd / đl

The inured feet feel sharp pain
the burning mark inflames the soul
rings the sound of birds chirping
at the village front listen to

profuse sadness yearning for the taste
of your lips sensing life dying
poetry bud of injustice haunting
the rain storm flickers through [and]

through the heaving breath of your
memories of the wilt sprouts of
love which your present is goodbye
kisses like tears of the holy virgin

dropping onto hills of the highlands
you're glowing brightly yet pathetically
the modern new day of the world flocks
with arrogant soldiers as if showing off

I'm waiting for you to hold hands walking
towards the day-break horizon with flowers
of love on the trees in the alley
the hands waving at mom faintingly

the shining inured feet [with] heels cracking
the twisted life of poetry like the savior
of the poem which set to music you're
like to set fire to the sheet of calendar

being torn oh the line of Vu Hoang Chuong
poetry we lost all only left with each
other lost it all and lost all [and]
only left with each other and only

left of each other if not if not
the inured feet will collapsed for a "life
is a tomb" ending loving you
the highlands at this hour dews still

covering the cold shoulder of your
thin slim body but immense with cherry
blossom flowers fragrant darling!!

HA NGUYEN DU



Nhân đăng bài thơ song ngữ nơi trang trên, VHM xin đăng thêm một bài thơ viết đã lâu, một bài thơ với ngôn ngữ bình thường nhưng rất có duyên với ba nhạc sĩ nổi tiếng phổ nhạc. Lại có được một Giáo sư dạy Anh Văn nổi tiếng dịch sang Anh ngữ. Nhất là, không hiểu sao lại ngẫu nhiên được Nhà văn Lê Hữu, người nổi tiếng viết cuốn “Âm Nhạc Của Một Thời”, gửi email khen thật lòng đúng vào lúc đăng bài này. Lời khen về cả hai: “Nhạc Phạm Anh Dũng phổ rất hay mà anh thích, khiến anh nghe lại nhiều lần. - Về phần Giáo sư Đỗ Đình Tuân dịch sang Anh ngữ bài thơ, anh Lê Hữu nhấn mạnh là một lối dịch tài tình. VHM xin chân thành cảm ơn Nhà văn Lê Hữu có lời khen đúng lúc đăng bài thơ như một “thần giao cách cảm”.

EM CÓ VỀ TA

Hãy hát vườn ta chim xanh nhỏ.
Nắng đã vơi rồi tia lã quên.
Chiều qua lá chết nơi đầu ngõ.
Mưa chẳng thương cây một chút tình.

Hãy hát vườn ta chim xanh nhỏ.
Sổ kiếp tang bồng vườn cũng khô.
Tình như lá úa rơi đầy ngõ.
Em có như mưa giọt xuống mồ.

Đá nẻ cơn buồn theo sông núi.
Em nức lòng không đời long đong.
Ngàn sông muôn suối đi về biển.
Em có về ta một đóa hồng.

Hãy hát vườn ta chim xanh nhỏ.
Cứ vớt linh hồn bao lá xanh.
Tình em chấp cánh bay từ đó
Ta bước chân xiêu vẹo bóng mình!

IF YOU EVER COME BACK TO ME

English version : Giáo sư Đỗ Đình Tuân

Come, little blue bird, sing in my garden
The sun's gone down, its bright shine forgotten
And last night, tree-leaves were falling
Beneath the driving rain, down-trodden

Come, little bird, sing in my garden
The arid garden of this bohemian
With his love trampled like dead leaves
Thirsty for your rain, resurrecting rain

Across mountains and prairies, sadness flows
From cracks and crevices into springs and rivers
To the ocean, to me, my rose
Have you had enough errant sorrows ?

Come, little blue bird, sing in my garden
The saviour of many a green soul
Your love departed and flew away then
Leaving me devastated, hobbling without goal!

ĐỖ ĐÌNH TUÂN

5-24-02

LẠNH TRẮNG

Lạnh trắng suốt bão trốt với qua đó.
Thao láo con mắt đắm theo bước phún
máu . Rách ráo mảnh vá víu thêm mạnh
tính xông lướn. Bất giác em đến bước
cứu rồi. Cơn rùng chẳng giết nổi sông

giàu mạch. Lũ cá vất vương không có
vùng lợ . Cái mặn chát ời nghã nghiệt
cái hòa nhập. Chuyện tối qua tối nay
như điểm a và b cắt ngang mặt
phẳng blue. Khí hồng hoang đánh ngộp hơi

thở cập nhật. Sợi tóc em chắc có
gene của eva, hẳn không cần chi
con rắn xúi giục ta cũng ngẫu nhiên
hết trái táo. Bởi tính vô nghĩa choáng
ngộp cả nhân thế như một địa ngục

tiên tiến. Con mình sinh ra đời rồi
chẳng khác hơn. Lại xuống phố thấy cờ
xí đấu tranh phơ phất ngợp trời, lại
vang đâu đó tiếng nhạc bên kia. Đọc

Don Korycansky cần di chuyển
địa cầu kéo không sẽ bị mặt trời
đang chết xóa sạch dần sự sống. Tin
tuôn lậu gái ra ngoài, chum lửa tham
những, tin bắt bớ tôn giáo, tin hậu

quả bão lụt, tệ nạn xã hội, tin
khủng bố ác ôn. Buồn ngầy ngật, buồn
thiên thu. Buồn như chưa từng buồn...Buồn
y như “ xa quê hương nhớ Mẹ hiền..!?”
Hỡi mặt trời đang chết dần, ngày càng

chết nhanh và xóa nhanh đi sự sống
con người ?? càng tốt càng tốt ?? Sống chi
mà người khổ hơn thú, người như thú.
Lạnh trắng cơn thẩm thấu, rã rệu xương
suy vi. Cổ kể tròng đen , lâm le

vực tối . Em như bùa mê, làm ta
quên thống nghiệt. Những quỷ quyết như làm
thơ ta thêm mạnh dòng, sao vờn chi
bóng ma, mống mằm nào thui chuột ?
Cho bước thơ ta đi lên , không bước

buồn lụi lại. Có cạn dần bầu đau,
ngàn năm hoài ẩn chứa, còn đọng mãi
chân cầu, rúng lòng ai mặc khách ?? Chắc
lưỡi khấn tương lai, nghe lạc xiêu hồn
phách!! Em như vén màn chiêm bao. Ta
chợt nhiên rơi về hiện thực. Ray rút !!

HÀ NGUYỄN DU

ĐỘC THOẠI

1.

Đêm tuyệt tự, những con chữ chết yếu, xác nghẽn mạch, hơi thở quên đặc khí đục. Hôn ám load đầy sex trong ngăn trí nhớ. Những ổ khóa bị đục khoét bởi những chiếc chìa quỷ ma. Đêm hiên ngang những vì sao bật sáng. Lắm kẻ cổ xúy rác rưởi quanh phố chợ. Cỏ lộng hành tung vượn cổ bèo bọt.

Đám lơ mơ tung mây đen dọa nạt bầu trời. Con đường thênh thang gọi những đôi chân bờ cõi. Mùa thu đổ lá vàng phân ưu cùng nhan sắc địa ngục. Các con căng tình yêu cho Ba như giăng chiếc poncho cho người lính nghỉ chân chờ chiến đấu. Ở đâu cũng có trận địa kể cả chiếc giường mình ngủ.

Hãy nhìn sự lồm cồm ngồi dậy kẻ ngã ngựa với cây bút bên trang nhật ký. Đêm hiên ngang những vì sao bật sáng. Mấy tên quân khuyến dắt chó đi tìm án tích khẩn nguy. Tôi như cũng dắt chó đi tìm những quả mìn sắp nổ. Những quả mìn thi ca luôn chờ sự kích hỏa. Cùng nổi ám ảnh với mối ghê sợ cho khối thuốc bồi to lớn nằm chặt sau đuôi những trái đạn của kẻ gian chôn giấu. Tôi bùng mặt nhạt nhòa giọt ghetto.

Tôi nhắm mắt tưởng tượng đến thế giới ngụy tạo sáng tạo. Tôi đặt câu hỏi về cây trời xiêu trái đất rụng ?? Ván cờ hôm qua bị thua vì bàn tay kẻ khác. Thầy bà, đồng bóng, những chiếc máy dự báo, tất cả như kết liễu căn bệnh ung thư. Bò ra, bò ra những loài bọ sát gặm nhắm chất thải thời đại.

Cơn mưa phùn không sao gọi sạch những bụi khốn bám đầy trên rừng lá xanh. Dòng sông chảy về đâu qua chằng chịt hồ hào ganh chen. Đè nén cảm hứng với thế giới hờ rồn khoe ngực. Ngăn chặn khát thèm cùng cực khi chạm với sức hút của những đường cong. Em cứ mãi lơ là trong giờ phút hỗn hển chờ đợi. Giờ này không có em anh phải làm gì ??

Hắn phải thủ dâm với chùm ước mơ !! Mím chặt môi trầm lặng thả hồn về bên kia chân trời. Hít mạnh thở sâu cho cái đầu bớt ...choáng. Phàm ai cũng phải bất ngờ về sự đi doong mà chưa xong việc, như tiếc đóa hồng hôm qua chưa nở vụt tàn. Bất chợt nghĩ đến đôi gò bồng đảo căng đầy của cô con gái mở ra đáp lại lòng đam mê của người con trai. Đôi gò bồng đảo tràn tuôn sự sống khơi dậy bởi đôi núm hồng khiêu gợi.

Tôi ước mơ mình được sinh lại từ đầu. Sang một thế giới khác, hôm qua có người làm thơ thường nói dối mình như một thứ hư cấu cho tiểu thuyết thế mà thơ hắn vẫn nổi danh vì gây được cái gọi là cảm xúc cho người đọc. Sang một thế giới khác, trước những thảm họa của thiên tai tâm hồn tôi mở ra một nhân sinh quan mới. Một cách nhìn mới về mọi thứ, kể cả sự bình thản khi em bất bình đuổi anh ra khỏi nhà,. Bính thản mà nói với em rằng cách gì anh cũng phải chết sống với hai tác phẩm mà mình đã tạo ra.

Đó là con chúng ta. Như Thượng đế luôn bình thản trước sự hỗn xược của nhân loại qua bom đạn giết chóc, khi Ngài vẫn chết sống với con người cho đến ngày tận thế.

Đêm hiên ngang những vì sao bật sáng.
Đã cho biết bầu khí quyển mỗi ngày một nóng hơn.
Đã cho biết lỗ thủng tầng ozone mỗi ngày một lớn hơn.
Đã cho biết trái đất sẽ có thể tan vỡ vào năm 2036 vì hành tinh Aophis. Em cho hay tình yêu mình mỗi ngày một nguy cơ hơn .!! Trong giấc mơ tôi đi vào cõi lộng giả thành chân và sắc mùi gái điểm, miệng gọi thất thanh vì bị tên cướp giật xô ngã làm què một bên chân trái.

Tôi muốn bò vào một ổ gà trên đường mà ngủ để quên cơn đau như số hành khất vùng vãi cùng khắp. Sài Gòn sầm uất những cơn mưa, vẫn vang dậy tiếng rao của nhiều kẻ bán...hàng. Tôi khóc đầm đìa và gục xuống khi nhìn Mẹ già còm cõi và quá nhăn nheo với làn da. Tôi chợt tỉnh khi nhớ đến lời ca trong bài Chiều Mưa Anh Về :
“Lặng lẽ ngoài kia mưa còn giăng mờ, đời trai gió sương vẫn mộng sương gió. Đừng buồn nghe em khi mình xa, thời gian vẫn còn trôi qua. Em chờ anh cuối đường hoa”

“ Tôi lắc lư với ý nghĩa lời ca”. Mặc ẩm ì của sự hỗn độn xe cộ ngược xuôi. Có thể người Tín nữ xưa giờ này cũng không dám bước ra đường. Thành phố như một sự phiến toái an cư. Lũ chim sẻ cũng bay muộn về tổ mà vẫn không thấy lạ. Cống rãnh như nghẹt chất thải.

Con đường người yêu tôi thường đi nay có nhiều bộ mặt trưng ra. Cái quán cóc xưa tôi ưa nhậu với mấy thằng bạn nhà binh, nay là một cái Bar kết xù với...

“đầy ghế đầy ghê”.

Tôi nhắm mắt tưởng tượng đến thế giới nguy tạo sáng tạo. Tôi nín thở hồi tưởng đến cơn đại họa hồng thủy đã qua. Chợt nghĩ con người cứ ngu xuẩn với những nhân danh. Đêm hiên ngang những vì sao bật sáng. Đêm nức cười về những định nghĩa thơ. Đêm tức tưởi vì những lý tưởng gục chết. Đêm ngợi ca những anh hùng vì đại nghĩa. Đêm thấy xấu hổ với chính mình.

Đêm nghĩ về hạt ta ương sao chưa nảy mầm?? Sao con đường ta mở ra chưa chi ai đã rải đầy đinh?? Sao chùm tia dự phóng ta cứ như bị khúc xạ?? Bỗng hiểu về Văn mà thiếu Võ thì nào khác chi thứ trang sức hay một món đồ xa xỉ phẩm, phải không chứ? Vứt bỏ những lý luận gàn dở về những việc làm mà không cần mục đích hay ý nghĩa. Em đừng ăm ớ hay giả lờ với những dòng chảy ngoại vi, những dòng chảy thoái hóa làm rồi mù làm bần chân thiên hạ. Không thấy và không biết thì hẳn là những kẻ dốt nát !!

Đêm hiên ngang những vì sao bật sáng. Tưởng tượng từ rừng cây lũ sên ốc, sâu bọ nhốn nháo chờ đợi bình minh. Nơi đây rất thềm tiếng gà gáy sáng như nơi quê nhà. Nhớ tiếng lụp cụp của những người buôn gánh bán bưng chuẩn bị ra chợ. *Một ngày đã qua, trăm ngày vụt biến. Một năm thoáng chốc, mười năm vi vu!! Sợi tóc bạc phết, làn da dầy chùng. Đôi mắt vẫn vũ, thần kinh sấm chớp, trái tim sóng cồn. Và em, và con, và quê hương, và thơ, và ...*

HÀ NGUYỄN DU



VUI VẦY THẾ SỰ

*“Kìa xem mọi thứ đều thay đổi
Còn lại nhân gian một chút tình”*

Hôm nọ, sẵn dịp soạn từ 8 tủ sách trong nhà để lựa ra một số dự định sẽ tặng lại cho thư viện của Viện Việt Học hay thư viện của Viện Bảo Tàng Di Sản Người Việt (VHM our pride), tôi tình cờ nhìn thấy cuốn CHỚP BIỂN, Thơ Bùi Giáng, gia đình ông đã in vào năm 1996 để kỷ niệm 70 năm sinh của tác giả này và do anh Bùi Vĩnh tặng cho tôi. Ngay ở trang mở đầu đã đề:

*“Em đi từ tỉnh mộng đầu
Một mình anh ở mang sầu trăm năm”*

Hai câu thơ này của Bùi Giáng chợt khiến tôi liên tưởng nhớ ra quãng đời mà ông đưa vợ con vào sống ở vùng núi đồi hẻo lánh Trung Phước (Quảng Nam), rồi vợ con của ông mất tại đây và ông đã bỏ về xuôi[1] ... Tự nhiên tôi cảm thấy trong lòng một nỗi bi thiết bùng ra lan tràn và trùm lấp không gian, khiến tôi cảm thấy khó thở, tôi tần ngần bỏ tập thơ xuống, không còn muốn đọc tiếp nữa ...

Nhưng cũng ngay sau đó, lần thần thể nào tôi lại tình cờ thấy tập thơ HÁN TỰ HÀI CÚ[2] được xếp sẵn cạnh đấy trong tủ sách. Mở ra, tôi mới từ từ nhớ lại rằng tập thơ này có một quá trình thực hiện khá là ly kỳ: Ban đầu Hán Tự Hải Cú do ba nhân vật viết chung là Bùi Giáng - Trịnh Công Sơn và Ngô Văn Tao, được xuất bản vào năm 1994. Sau đấy bốn năm, Bùi Giáng mất (1926 – 7.10.1998); và rồi Trịnh Công Sơn cũng rời khỏi cõi đời (28. 2. 1939 - 1.4. 2001), còn Ngô Văn Tao côi cút một mình ở lại, ông liền cho in lại lần nữa cuốn này vào giữa năm 2001, để “*duy trì một nguồn thơ và tiếc thương tình bạn*”, Ngô Văn Tao viết vậy.

Tôi có được cuốn này là do ông Ngô Văn Tao tặng, để mừng 6 tháng 1 năm 2004. Hồi ấy, cách đây trên 14 năm, tôi không đồng ý lắm ở cái tựa đề Hán Tự Hải Cú [3]. Tuy nhiên khi đọc vào sâu thì tâm tư tôi lại miên man cảm nhận đến từng suy tư lẫn tư tưởng của ba tác giả này. Tự nhiên tôi thấy xúc động ở cái mối thâm tình mà ba người bạn này đã thể hiện qua thơ văn trao đổi qua lại giữa họ. Rồi sẵn hứng, tôi đã liền viết ra một số câu thơ chêm vào đấy. Bởi lúc ấy tôi nghĩ, đây là một cách thể nhằm chia xẻ mấy lời lẽ chung vui cùng những nhân vật mà tôi đã từng được quen biết, dù mỗi cá nhân một cách thể sống khác hẳn nhau nhưng đã cùng trải qua một thời gian gặp gỡ nhau tại Miền Nam Việt Nam trước Bảy Lăm ...

Bằng hữu hiện diện trong đời sống.

Cuốn Hán Tự Hải Cú này độc đáo ở chỗ là một tập thơ chung của ba người, khiến tâm tình tôi bùng mở ra một không khí sống động vốn đã từng bao trùm rất nhiều những dấu chỉ về tình bằng hữu trong thơ văn và đời sống của lịch sử con người. Tôi chỉ xin liệt kê ra đây bốn dấu mốc đáng kể mà tôi còn nhớ được:

Đầu tiên là Khổng Tử (551- 478 trước Tây Lịch) có nói:

“Học hỏi mà thường xuyên thực tập trong đời sống hằng ngày, há chẳng vui thích trong lòng sao? Bạn hữu từ phương xa đến chơi, há chẳng vui vầy hào hứng lắm sao?..” [4]

Cái thâm tình bằng hữu ấy khi chuyển sang đến nhân vật Lý Bạch (701-762) thì quả là đã trở thành một trong vài tố chất cấu tạo thành con người của nhà thơ độc đáo này: Từ bài Nguyệt Hạ Độc Chuốc(Dưới trăng chuốc rượu một mình), ông nhân cách hóa vầng trăng thành bạn mình, tới giai thoại đang say rượu ông nhìn thấy ánh trăng lung linh trên mặt nước mà tưởng rằng đấy là người bằng xương bằng thịt nên ông nhảy xuống ôm lấy vầng trăng, khiến phải chết chìm... Tuy nhiên đến bài Ưc Đông Sơn, Lý Bạch mô tả rằng Đông Sơn là quê nhà của nhà thơ, ông đã rời nơi ấy lên kinh đô trên đường lăn lộn tiến thân, kiếm tìm danh lợi, ông đã trôi nổi giữa chốn phồn hoa, vui vầy với không biết bao nhiêu bạn hữu đủ mọi hạng người, để rồi đến một hôm bắt đầu hã cơn mê đắm lợi danh, ông chợt nhớ về miền quê cũ kia mà man mác tự vấn lòng mình, chua xót nhớ đến cảnh cũ người xưa mà tự hỏi về cội hoa tường vi, vầng mây trắng lẫn mảnh trăng sáng thuở ấy bây giờ có còn như ngày trước hay chẳng:

“Bất hướng Đông Sơn cử
Tường vi kỷ độ hoa
Bạch vân hoàn tự tán
Minh nguyệt lạc thù gia?”

*“Lâu rồi chẳng lại Đông Sơn
Tường vi nọ mấy lần đơm hoa rồi?
Mây trắng vẫn tan mạn trôi?
Và vầng trăng tỏ rụng rơi nhà nào?”*

Sang đến Việt Nam ta, riêng mối bằng hữu với văn chương cũng thâm thúy như vậy, nhưng ít đi cách thức phải nhân cách hóa thiên nhiên-vũ trụ-vạn vật mà đậm chất nhân bản, thâm tình của người với người hơn. Có thể nói rằng tình bằng hữu trong văn chương Việt Nam đặc sắc ở chỗ giao tình thâm trọng trong đời sống hơn bất cứ một văn thơ của dân tộc nào khác.

Chẳng thế mà một Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu (19.05.1889 – 07.06.1939), chỉ riêng nhà thơ này thôi là đã thể hiện khá độc đáo đối với bằng hữu của ông: Từ các giai thoại như ông quý bạn

đến độ “ngông”, ông đã ngang nhiên trồng luôn cây húng ngay bên cạnh bàn nhậu cho tiện bề bạn dùng làm gia vị để cùng ăn uống vui vầy với nhau! Rồi theo ông tuyển chọn, 4 điều kiện ăn ngon thì bạn hữu cùng ngồi ăn với nhau là điều thứ nhì, chỉ sau điều kiện chính là thức ăn ngon mà thôi!...Đến ngay trong những tác phẩm nổi danh, ông đã có hẳn một bài “ Thư gửi người tình không quen biết”[5], mở đầu bằng bốn câu theo thể thơ 7 chữ (thất ngôn):

*“Ngồi buồn lấy giấy viết thư chơi
Viết bức thư này gửi đến ai
Non nước xa khơi tình bỏ ngõ
Ai tri âm đó? nhận mà coi ...”*

Theo trí nhớ của cá nhân tôi thì trong lịch sử văn chương của thế giới chưa chắc đã có được bao nhiêu tác giả viết ra mấy bài thơ có nội dung như vậy!

Xa hơn nữa trong văn học sử Việt Nam, Nguyễn Du(03.01.1765 - 16.09. 1820) kia, nổi danh bậc nhất là tác phẩm Truyện Kiều. Thế mà đến nay người ta đã tìm thấy được cả tới năm sáu nguyên bản tác phẩm này khác nhau bằng chữ Nôm. Sự kiện này còn đang được sôi nổi thảo luận, nhưng điểm cốt lõi mà ai ai trong chúng ta đều công nhận sự thật này chứng tỏ rằng Nguyễn Du bao giờ cũng vẫn là tác giả chính của tác phẩm Truyện Kiều, nhưng bên cạnh đấy đương nhiên không thể phủ nhận được là đã có những đóng góp tích cực nhằm hoàn thiện tác phẩm ấy theo truyền thống “văn dĩ tải đạo”của cả một nhóm bằng hữu văn chương cùng thời với ông, trong ấy ắt phải kể luôn cả những người đã chính tay khắc bản văn lưu trữ lại nữa chứ!...

Mới đây nhất,: Đinh Cường (họa sĩ, 1939 - 2016), Nguyễn Tường Giang (nhà thơ), Nguyễn Mạnh Hùng (dịch giả) và Đinh Trường Chinh(họa sĩ), họ cùng hiện diện cạnh nhau với những tác phẩm tiêu biểu cùng in trong một cuốn sách có tên là Truyện Tình, Người Việt Books xuất bản đầu năm 2018. Truyện Tình đã biến thành một cái cớ để bạn hữu vui thú với nhau được cụ thể hóa thành tác phẩm lưu lại đây cho chúng ta được thưởng thức. Riêng tuyển tập có tên là “Những Mảnh Rời Lê Tài Điển”, được nhà xuất bản Biển Khơi (Pháp) in và phát hành từ tháng Bảy năm 2012 nhưng nhờ có duyên mà chỉ đến tay tôi vào 30 tháng Chín

– 2018, tuyển tập này theo tôi mới là bằng chứng thật là tiêu biểu cho tình bằng hữu độc đáo của giới văn nghệ Việt: Nội dung cuốn này không những gồm một số bản chụp các tác phẩm điêu khắc và tranh ở thời điểm trên dưới nửa thế kỷ của Lê Tài Điển mà còn hiện diện những bài của 18 tác giả viết về ông; và hơn nữa, tuyển tập này cũng do ông cùng tất cả đến 33 bằng hữu (nghĩa là cộng thêm 15 cá nhân khác nữa đã tích cực đóng góp tinh thần, kỹ thuật và tài chánh) hoàn tất việc thực hiện in ấn – xuất bản. “...Món quà này là chân dung một người bạn, cũng là chân dung của tình bạn, của cuộc đời chúng tôi. Chúng tôi mong muốn chia sẻ chân dung ấy với các bạn khác và độc giả cùng thời cũng như của tương lai...”[6]

Vui vầy thế sự

Do đấy, tôi chủ động tạm cho in ra đây 11 đoạn thơ, mỗi đoạn gồm ba phần, phần đầu vốn của Ngô Văn Tao, phần thứ nhì là thơ đối ứng của Bùi Giáng hay của Trịnh Công Sơn. Tất cả được trích từ cuốn “Hán tự hài cú” kể trên; và cuối cùng là mấy lời ngẫu hứng của cá nhân tôi(in chữ nghiêng) góp thêm vào:

1.

Khứ tình, nhân ly biệt
Nguyệt trung hàn quá hệ thu phong
Hồi cố mang mang lệ.

Trăng xanh lạnh buốt nơi này
tình tan giọt lệ bồi hồi chia tay
Trịnh Công Sơn (trang 151)

*Tình xa, người đã xa người
lệ ai vẫn buốt lạnh ngời trăng thu.*

2.

Phong lạc Hương giang tự
Vi ba lô tước khiếu Xuân Thu
Hưng vong sầu tể vũ.

Chim kêu lạnh bến sông dài

Mưa thưa nhỏ lệ đèn đài thịnh suy.
Trịnh Công Sơn (tr. 152)

*Gió nào lạc bến Hương giang
 mưa sầu như khóc hừng vong thuở nào.*

3.

Tiêu, Tương song bĩ ngạn
 Ngư phù xích tổ ký mai hoa
 Kỷ thời tư hận thế.

Cá về gửi gắm mùa xuân
 Lòng riêng hoạn nạn ngàn năm nỗi buồn.
Bùi Giáng (tr. 149)

*Ngàn năm chia cách đôi bờ
 riêng hoa mai nở chẳng ngờ hận xưa.*

4.

Khai hoa ca yến lạc
 trầm tư vọng tưởng vị lai thời
 Hoa tàn yến phi lệ.

Chim vui hót, bỗng dưng sầu
 Hoa kia thắm nụ thoáng mầu tàn phai.
 Ngày mai vọng tưởng làm chi
 Sẽ tàn sẽ mất còn gì nữa đâu.
Trịnh Công Sơn (tr. 14)

*Giữa tiệc oanh mừng hoa nở.
 Nghĩ lúc hoa tàn, lệ ứa đầm khăn.*

5.

Lộ biên hoa vị khai
 Thiên thu nhất niệm vi hàm tiểu
 Tiểu nữ tự nhiên nhiên

Bên đường hoa nở chưa ra
Ngàn năm chỉ một sát na vì người
Hoàng mao gái nhỏ nụ cười
Thiên nhiên hàm tiếu vì người vì ta.

Bùi Giáng. (tr. 13)

*Bên đường hoa chưa vội nở
như ngàn năm nàng chưa mở nụ cười
Tự nhiên hoa cũng như người.*

6.

Thiên biên cô phi hạc
Đái tự thiên thu thế hận thường
Kim dục mãn nguyệt quang.

Bên trời hạc lẻ loi bay
Thiên thu hận ấy mờ phai cõi người
Cánh vàng nặng ánh trăng soi.

Trịnh Công Sơn. (trang 10)

a/

Bên trời hạc lẻ đường bay
Ngàn năm cánh hận vàng đầy ánh trăng.

b/

Bóng

Mênh mang cánh hạc bên trời
ngàn năm sân hận chỉ ngời cõi không
cánh vàng rực ánh trăng xuôi.

7.

Mỹ Quan Nhân sinh ý
Trầm tư tịch mặc quán từ bi
Vọng tâm tam cú kệ.

Từ bi tịch mặc trầm tư
Vọng tâm câu kệ quán từ nhân sinh.

Bùi Giáng.(tr. 09)

a/

*Đời người từng trải từ bi.
Tâm chương trích cú chẳng bì an nhiên.*

b/

*Trăm tư khơi lóng tâm trong
còn lo kinh kệ truy tâm làm chi
đời người đặc ý đúng thì.*

8.

Đồng tuyến vô tâm điểm
Khử thời kim nhật dữ vị lai
Vô thủy lưu vong nghiệp.

Còn, không, vẫn nạn nỗi buồn
Nỗi xưa, sau, cũng bàng hoàng lưu vong.
Trịnh Công Sơn.(tr. 11)

*An nhiên sống suốt một đời
lòng trong sau trước trọn soi nghiệp phiền.*

9.

Thanh lâu ngã kim giả
Đương nhiên túy tận vong thời thế
Lai hồi ngã tự vong.

Có ta rồi sẽ quên ta
Rượu lâu xanh uống bỗng xa chuyện đời.
Trịnh Công Sơn.(tr. 15)

*Một lần chuốc rượu lâu xanh
say quên thế sự, quên mình quên ta.*

10.

Viên biên hoang lộ đích
Khử niên lạc điệp ẩn tàng tích
Mai táng cự nhân tình.

Chôn vùi một mối tình xưa
Lá im lìm ngủ vườn thừa dấu người.

Trịnh Công Sơn. (tr. 17)

*Lá rơi năm ngoái mất tâm
vùi luôn tình cũ, khôn tâm người xưa.*

11.

Thương hải tang điền thế sự du
Phong lưu nhất mộng hầu
Thăng trầm bạc nhân ảo.

Biển dâu thế sự du du
phong lưu đợi mộng về ru tâm tình
Thăng trầm biến ảo phù sinh.

Bùi Giáng. (tr. 135)

*Bể dâu biến cải sự đời.
Sống còn phong thái là đây
mang mang dấu ấn, trước nay chẳng mờ.*

Giao tình bằng hữu là sắc tươi của xuân

Ở đây sở dĩ tôi cho in thêm vào mấy phóng bút của riêng tôi, chỉ với mục đích là để nhân dịp xuân về, đánh dấu một sự kiện vui vầy thế sự cùng bằng hữu.

Vốn dĩ tôi cùng Bùi Giáng lẫn Trịnh Công Sơn trước Tháng Tư-1975 đã từng sống bên nhau tại Miền Nam Việt Nam, chúng tôi thường có dịp “bù khú”, giao tình văn nghệ với nhau. Nhưng sau đó, vì biến động của lịch sử nước nhà nên ba chúng tôi đã “trôi giạt” mỗi người theo một phần số riêng, mỗi cá nhân chúng tôi đã phải bó buộc sống còn theo một cách thế riêng, khác biệt hẳn nhau, đôi khi khác biệt đến độ đối chọi lẫn nhau! Nhưng, dù thế nào đi nữa, còn sống sót hoặc đã kẻ ở người đi, thì ít nhất chúng tôi xem ra cũng vẫn có một điểm duy nhất chung là nội dung suy nghĩ về thế sự đã không hề khác nhau, cụ thể như được biểu lộ ra bằng mấy câu thơ mộc mạc trên đây.

Vì thế mà tôi muốn diễn đạt cái căn bản ý tưởng ấy bằng cách cho đăng lại trong cùng một số câu thơ bên cạnh nhau, như một hình thức thể hiện lên cái sắc xuân muôn thuở của tình bằng hữu./.

Tháng 11 năm 2018.

PHẠM QUỐC BẢO

Chú thích:

[1] Sự kiện này được ông Bùi Công Luân viết kể lại trong phần của bài “Chị & Anh” có in ở cuốn thơ Chớp Biển.

[2] Trong bài này, tôi sử dụng một số thơ rút ra từ cuốn Hán Tự Hải Cú, nhưng dựa cây vào mối giao tình văn hữu mà đã không chính thức xin phép trước. Mong tác giả Ngô Văn Tao niệm tình thứ lỗi.

[3] Hán Tự Hải Cú, dịch nghĩa là Những câu (thơ) ý nhị bằng chữ Hán. Thực ra nội dung cuốn này là những bài thơ bằng các thứ chữ Hán-Việt, Nôm và Việt ngữ..

[4] Tử viết: “Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ? Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?” trích Chương 1 Học Nhi, Luận Ngữ, do Chu Hy (1130-1200) biên soạn và chú giải.

[5] Trong website :

<https://www.thivien.net/T%E1%BA%A3n-%C4%90%C3%A0/author-FOvItidPjMKModgAy49buw>; thì tiêu đề này được ghi là: “Thư đưa người tình nhân không quen biết” thuộc cuốn Khố Tình II. Rồi lại “Thư trách người tình nhân không quen biết” và “Thư lại trách người tình nhân không quen biết” thuộc cuốn Khố Tình III.

[6] Trích Lời Giới Thiệu của Phan Thị Trọng Tuyến, trang 08, “tuyển tập Những Mảnh Rời Lê Tài Điển, với đóng góp của bạn hữu”



VƯỜN LAN

Đó là một mùa hè năm tôi mười tám tuổi, lần đầu tiên tôi được sống một mình. Chú Tường, bạn thân của ba, nhờ tôi đến trông nom vườn lan trong khi cô chú đi nghỉ hè xa. Gia đình tôi cũng về thăm trại của bà ngoại. Vì thế tôi đến ở hẳn nhà chú. Nhà trên đồi, một vùng đồi thênh thang gồm năm vườn lan, ba nhà kính nuôi lan và một phòng thí nghiệm. Số lan tôi phải chăm sóc chừng năm ngàn loại khác nhau. Ban ngày có người giúp việc đến dọn dẹp vườn. Từ chiều đến tối chỉ còn mình tôi.

Một ngày mùa hè của tôi bắt đầu từ bảy giờ sáng, pha một ấm trà nhỏ, ngắm một cành lan, trò chuyện với nó bằng những ý tưởng của mình. Có ngày tôi uống trà với nhiều cây lan chung quanh, những đóa hoa mà vẻ đẹp đang làm tôi mê say. Khoảng bảy rưỡi, tôi khoác bộ khaki, thêm một lớp áo ấm, và đi ra vườn.

Lan đất ngoài vườn mùa này rực rỡ với những chùm cả mấy chục đến mấy trăm bông. Chúng thích khí hậu lạnh và ánh sáng rực rỡ trên đồi. Khi hoa nở thì còn trùng và sâu bọ kéo tới. Hầu như tôi phải kiểm soát từng cây, từng bông mỗi ngày. Những khu cạnh đó trồng loại lan thường thấy trên thị trường: lan bướm, lan vũ nữ, lan dã hạc, lan vân hài. Rồi đến những loại hiếm hơn như lan nhện, lan bọ cạp, lan hổ, lan thiên nga...

Xuống thấp một chút là vườn lan biển, tôi gọi vậy vì chúng thích trá hình thành những sinh vật ngoài khơi. Chúng mang mẫu san hô và hải quỳ, đài hoa buông rủ thành cánh tay bạch tuộc hay sao biển. Cánh hoa hình môi biến dạng ra những con sò đỏ tía hoặc những con sứa mềm xấp trong veo. Có một dạo người ta săn lùng những loại này vì hình thù kỳ dị của chúng. Tất cả những loại lan vừa kể chú dùng để cung cấp cho những tay sưu tập lan với mục đích thương mại. Họ mua một lúc cả mấy trăm cây, rồi bán lại cho dân chơi lan tài tử.

Khi nắng chiếu thẳng đỉnh đầu là lúc tôi phải vào nhà kính. Chú Tường có ba nhà kính với ba miền khí hậu khác nhau, được trang bị hệ thống làm mưa, làm mây mù nhân tạo. Hệ thống điện toán tối tân để kiểm tra và báo động độ ẩm, độ khoáng chất, và độ sáng cho cây. Lan trong nhà kính là những loại cực hiếm, có loại trên thế giới chỉ còn vài tay sưu tập lan nuôi được. Có loại tưởng như tuyệt chủng, đột nhiên chúng mất tích và không ai hiểu tại sao.

Đặc biệt nhất là loại lan ra đời bằng phương pháp hóa học. Cấu trúc di truyền của chúng thay đổi và đảo ngược để tạo thành những đóa hoa vô cùng dị dạng. Chúng như một thứ quái thai ở người. Và chúng biến hóa như chỉ có ở trong truyện thần thoại. Những bông hoa có đuôi, có mào, có sừng, có răng, có những khuôn mặt tinh vi sắc sảo. Mỗi bông hoa là một nhân cách riêng. Những loại thật lớn có vóc dáng thô bạo và màu sắc kỳ quái gợi cho tôi hình dáng của những con vật. Trong thế giới những kẻ sưu tầm lan thì quái thai lan là món hàng đắt giá nhất, bị săn đuổi ráo riết nhất. Chú Tường nổi tiếng vì thế, chú tạo ra nhiều loại lan đặc thù hơn hẳn những tên tuổi khác.

Lan là một đam mê có tính truyền nhiễm. Tôi tin rằng nếu ở gần một người chơi lan, cuối cùng mình sẽ rơi vào bẫy. Có lẽ ba tôi hiểu rất rõ điều này. Chú Tường tặng nhiều lan đẹp; nhưng ba chỉ chưng trong nhà cho đến lúc hoa tàn, rồi trả lại cây cho chú.

Tất cả bắt đầu vào sinh nhật thứ mười ba. Chú hỏi tôi muốn quà gì. Tôi cảm thấy không còn thích đồ chơi như những năm trước nữa, nên nói đùa:

”Cháu chỉ muốn cái gì mà chú quý nhất thôi.” Chú cười:

”Dễ quá. Cháu thích cây lan nào, muốn bao nhiêu cây, cứ việc. Nhưng rồi sẽ mất thì giờ lắm đấy.”

Chú chọn cho tôi khoảng hai mươi cây khác nhau, vừa chậu, vừa giò, đầy hoa và nụ. Tôi còn nhớ một giò Kim Điệp vàng rực mà mỗi lần gió thoảng lại chuyển mình ra bướm. Một cành lan khác cũng làm tôi say mê rất lâu. Nó như những cô gái mặc áo đầm trắng viền ren và nơ hồng, đứng trên nền ngôi sao vàng nhạt. Chú mang đến nhà tôi, chọn một cửa sổ nhiều nắng cho lan, rồi lại mất cả ngày làm giàn ngoài hiên để treo những giò lan rủ dài cả thước.

Ngày hôm ấy trôi qua êm ả và vui nhộn bên ngoài. Nhưng bên trong, một thế giới riêng mới mẻ vừa mở hé cánh cửa, làm tôi bàng hoàng. Cùng một lúc tôi nói cười rộn rã với mọi người, tôi cảm nhận lặng lẽ những xúc động ào ạt bên trong. Ngày đó tôi không bao giờ quên, lần đầu tiên tôi biết đến thứ cảm giác rộn ràng ấy. Nó êm ái như được vuốt ve, lại xót xa đê mê kỳ lạ. Nhìn những chùm hoa, tôi thấy ngọt ngào, tôi thấy đau đau, vừa đầy tràn vừa thiếu vắng.

Những ngày sau đó như có ai vừa đánh cắp mất linh hồn của tôi. Tôi không muốn rời mắt khỏi những bông hoa, và những ý nghĩ về chú Tường đeo bám dai dẳng như cái bóng. Tôi nhớ chú khôn nguôi. Nỗi nhớ điên cuồng và bão tố. Tôi ôm ấp và che giấu nó.

Khi nắng ngả sau đồi là lúc tôi quay lại phòng thí nghiệm. Mọi hoạt động nơi này đều tuân tự với chiều đi của nắng. Phòng thí nghiệm có hệ thống báo động nối với nhà kính và vườn lan.

Tôi có thể kiểm soát tất cả trên màn ảnh lớn. Computer ở đây lưu trữ hồ sơ của tất cả mấy ngàn loài lan. Tôi có đủ dữ kiện về nguồn gốc, xuất xứ, phân loại. Hồ sơ lan cũng như hồ sơ cá nhân của một con người — tên cha mẹ, phương pháp thụ thai, đặc điểm nhận dạng, cách nuôi dưỡng, sở thích, bệnh lý, và thuốc chữa.

Những dãy bàn dài la liệt chai lọ và ống nghiệm đựng bụi phấn hoa và mầm sống của những đợt thử thách mới. Trong này có một số cây tôi ghép lấy, thử công thức pha màu của chú Tường. Nếu thành công thì tôi sẽ có những đóa *Vanda* màu rêu. Đây là màu tôi yêu thích đặc biệt, và hiện nay trên thế giới chưa ai có *Vanda* màu này cả. Chú vẫn bảo:

“Chỉ ba năm nữa thôi là sẽ có *Vanda* mang tên Hiên. Cháu sẽ nổi tiếng đấy nhé”. Tôi cười:

“Cháu không cần nổi tiếng, cháu chỉ thích pha màu những đóa hoa. Điều này họa sĩ chỉ cần vài phút, còn mình thì phải mất mấy năm. Chú có bao giờ thấy sốt ruột không?”

“Không. Trong lúc chờ đợi mình làm nhiều thử nghiệm khác. Và mình được hy vọng mỗi ngày.”

Ba năm nữa tôi sẽ biết được khuôn mặt của những cây *Vanda* non này. Trong thế giới lan, ba năm là một thời gian quá dài. Bởi mỗi ngày, trong các phòng thí nghiệm, người ta có thể tạo ra cả trăm loài lan mới. Người ta dành dặt nhau thời gian và những hạt phấn hoa. Một cây lan quý rất có thể bị đánh cắp dù vẫn ở cạnh mình. Trong hội chợ lan, có người đã từng ăn cắp phấn hoa để về tạo ra những phiên bản y chang.

Tôi sắp xếp lại những ống nhỏ đựng mầm rể và cây non. Cạnh đó là bưu thiếp cô chú gửi từ châu Á, cô viết đã mua nhiều quà cho tôi lắm, chú cảm ơn tôi trông hộ vườn lan. Tại sao chú lại cảm ơn? Những lời lẽ có phần khách sáo và không thật với con người chú. Tôi đến đây mỗi ngày là vì lan, hay đúng hơn là vì tôi. Tôi nghĩ chú hiểu điều này, cũng như chú từng hiểu nhiều điều mà tôi không nói ra. Không hẳn là chú đọc những ý tưởng trong đầu tôi, mà là một sự đồng cảm. Điều này làm tôi thấy yên tâm, thấy dễ chịu, và nhiều khi muốn khóc. Vì vậy, những dòng chữ trên bưu thiếp như của một người xa lạ.

Tôi không tìm thấy chú Tường trong đó.

Hệ thống báo động cho tôi biết ngoài kia trời trở gió. Tôi đến ngồi bên cửa sổ, nhìn xuống vùng đồi lan chập chùng rực lên trong ánh nắng cuối ngày. Chú vẫn hay ngồi đây, đối diện với một cảnh lan ngoài vườn, thường là một tác phẩm mới ra đời. Có lúc chú cần một tách trà, có lúc chú cần nhạc, có lúc chú cần tĩnh lặng tuyệt đối. Chú ngồi im, đắm đắm nhìn những đóa hoa của mình.

Ngoài cửa sổ hôm nay là một cảnh Vanda bướm, đẹp như mới gỡ ra khỏi một bức tranh. Những chiếc lá hình nan quạt sắc sảo cứng cáp như nét vẽ, những cọng rễ trắng xanh buông rủ vướng vít ngoài khung gỗ, một cụm hoa tha thướt và trang trọng nghiêng mình nhìn xuống tôi. Màu của hoa kỳ lạ lắm, có khi tím ngát, có lúc biếc xanh, tùy vào ánh sáng trong vườn, lúc nắng lên hay chiều xuống. Nó bí ẩn như màu rừng thẳm trên những viên đá ngoài bờ suối, có bóng cây lá rong rêu thấm vào.

Tôi thấy nó lẩn đầu dưới bóng cây si xanh muốt dù lúc đó mùa thu đang trút lá. Chú ngồi trên chiếc ghế mây gần đó, mỉm cười bảo tôi: “Nhìn lên đi, cái chạc cây trên đầu cháu ấy.”

Tôi quay lại, giật mình thấy một con bướm to màu tím vương trong chùm lá. Gió nổi lên rào rào trong vòm cây làm nó không thoát ra được. Tiếng chú sau lưng:

“Đẹp không? Vanda mới nhất đấy! Lạ nhất là cánh hoa giữa hình môi(*).Hiên để ý nhìn kỹ xem.”

Tôi thấy rờn rợn. Cánh hoa hình đôi môi của lan đã biến dạng ra một con bọ với cái đầu quá khổ, trán thấp cằm bạnh, đôi mắt tròn xoe nhìn tôi chăm bằm. Nó là con sâu, mặt khỉ, khoác lên mình cánh bướm nhưng muốt mà huyền ảo. Tôi biết ngay đóa hoa này rồi sẽ “nổi tiếng.” Không hẳn vì nó đẹp, mà vì nó bất thường. Khi nhìn ngắm nó, người ta sẽ hoang mang, sẽ tự hỏi có lẽ nào lại thế. Tôi không chỉ nhìn nó như một đóa hoa, tôi nhìn thấy biểu tượng của vẻ đẹp hóa thân từ một thứ gớm ghiếc nhất đời. Những người bi quan sẽ tiếc cho cánh bướm có con sâu ma quái. Những người hiếu kỳ sẽ săn lùng nó bằng mọi giá.

Tôi còn nhớ sau đó đúng một tuần chú nhận lời tham dự một buổi thuyết trình ở trường U.C.S.D. Ngay hôm chú vắng nhà thì cô Đào đến chơi. Cô Đào là bạn của cô, cũng yêu lan, bộ sưu tập của cô khoảng hơn trăm cây, phần lớn từ vườn nhà chú Tường. Đúng như tôi đoán, cô Đào bị cây Vanda bướm mê hoặc ngay

lập tức. Cô sẫm soi từng chi tiết như nhà bác học sử dụng kính hiển vi, rồi cô lùi lại mấy bước nheo mắt ngắm nghía như họa sĩ khi mới quét xong những nét cọ cuối cùng.

Xong cô lại đi vòng quanh cây hoa, đánh giá tổng thể như đạo diễn đang cân nhắc tuyển chọn người mẫu. Cô cứ lắc đầu quấy quậy, miệng than thở: “Không thể tưởng tượng được. Không thể nào tưởng tượng được. Ôi Trời! Không làm sao tưởng tượng được.”

Cô lúc đó đứng tựa vào gốc cây, mỉm cười bảo cô Đào:

“Cây lan này mới ra hoa lần đầu. Biết hôm nay Đào đến, anh Tường dặn mình treo sẵn ngoài vườn để tặng Đào.”

Tôi điếng người nhìn cô trân trân. Cô có điên không? Cô vẫn nói với cô Đào mà mắt lại nhìn tôi. Chúng tôi cứ nhìn nhau như thế. Tôi không hiểu cô nghĩ gì, vì cây vanda này còn đang trong thời gian thử nghiệm. Nó là duy nhất trên đời. Và chú Tường chưa kịp lấy cấu trúc di truyền để tạo những phiên bản mới. Nhưng tôi không có phản ứng nào cả, vì cái nhìn của cô làm tôi hoang mang, nó vừa dịu dàng vừa thách thức. Tôi còn nhớ như in hình ảnh cô lúc đó, đầu ngược cao đài các, chiếc áo trắng mỏng tha thướt tạt theo chiều gió, cô khoanh tay khép sát vào ngực trong dáng vẻ kiêu kỳ và cô độc.

Theo lời chú kể thì ngày xưa cô yêu lan lắm. Đam mê lan bắt nguồn từ cô. Mỗi lần đến thăm thay vì mang hoa hồng thì chú lại cố tìm loài lan mới tặng cô. Tình yêu biến ý thích của cô thành đam mê của chú. Hai người vào rừng, đi ngoại quốc tìm lan lạ. Bắt đầu chỉ vài chục cây rồi con số cứ nhân đôi mãi thành trăm thành ngàn. Cuối cùng thì giấc mơ chú xây dựng cho cô đã thành hiện thực. Còn cô lại bắt đầu thờ ơ. Cô chắc mệt mỏi với việc chăm sóc cả ngàn giò lan ngày này sang ngày khác. Nhưng chú Tường không nhận thấy điều này, chú bận rộn với việc sáng tạo, giải quyết những thử thách mới chú tự đặt ra cho chính mình.

Chuyện cô Đào làm tôi suy nghĩ mãi. Mấy tuần liền tôi tránh không dám đến. Gọi điện thoại hỏi thăm chú về có khỏe không, chú hỏi lại: “Cháu trốn đi đâu thế?” Chú biết là tôi trốn chú? Tôi gặp lại chú dưới bóng cây si già. Chú an ủi tôi trước, dỗ dành như tôi vẫn còn là đứa bé. Khí lạnh của mùa thu se

sắt làm tôi cảm thấy sức nóng kỳ lạ từ ngực và hơi thở chú. Chúng tôi đứng tựa vào nhau, tay chú ràng quanh bờ vai tôi. Tôi tha thiết muốn ôm lại chú, ghì sát vào thân thể mình đang vô cùng mềm yếu. Nhưng rồi chỉ hỏi chú có buồn không. Chú nói: “Chú sẽ buồn nếu vì thế mà Hiên không đến nữa.”

Tôi gần như nín thở. Sức nén bên trong làm tôi choáng ngất. Và người thì nhẹ như đang thoát bay cùng với gió

Tôi muốn nghe chú nói mãi, nói mãi. “Cháu đã cảm quá. Rồi cháu sẽ cô đơn.” Tôi nói cô đơn là do mình tự chọn. Chú cười khẽ, nhưng giọng nói có chút gì buồn bã:

“Ừ, người nghệ sĩ suốt đời chỉ cần chơi với chính mình thôi. Thế cũng đủ rồi.”

Tôi cũng đang chơi với chính mình đây, và cảnh lan trước mặt luôn gợi nhớ về bao nhiêu kỷ ức. Sau đó thì mọi chuyện trở lại bình thường. Cây Vanda bướm của cô Đào đã gãy sau một cơn bão gió. Chú làm lại từ đầu, suốt ba năm chỉ tập trung vào loài Vanda hiếm muện ấy, như tái tạo lại một đứa con đã chết. Công việc lần này cực kỳ khó khăn. Bao nhiêu mầm ươm uột, chết non, hoặc mắc một thứ bệnh kỳ lạ. Chú gầy cả ngàn cây, chỉ giữ được độc nhất cảnh lan này — mạnh mẽ và cho hoa thật đẹp. Cánh hoa màu tím biếc xanh có khoang viền màu nhạt như cánh bướm, và chính giữa là con sâu mặt khỉ ngồi thu lu với đôi mắt to tròn.

Tôi hỏi chú định đi đâu trong hai tháng hè. Chú cười, bảo: “Chú đi với cô.” Cô mơ màng: “Lâu lắm rồi cô chú mới lại đi chơi xa như thế này, có lẽ từ trắng mặt đến giờ.” Tôi nghĩ thầm, mười hai năm cho hai lần đi xa, cô thờ ơ với vườn lan vì vậy. Trông cô đắm chiêu, tôi nhìn cô - người ta vẫn nói đôi mắt người sắp đi xa mang hình ảnh nơi họ sẽ tới. Tôi muốn tìm trong mắt cô bóng dáng con thuyền trên mặt biển xanh ngắt, hoặc đường phố rộn ràng đèn sáng như sao. Nhưng không hiểu sao chỉ thấy những cánh đồng hoang vắng ngút ngàn; hình ảnh một đoàn tàu lửa đập vào đầu tôi, băng qua những bụi lau chập chùng vô tận.

Chú gọi tôi vào sáng sớm:

“Chú đánh thức Hiên dậy, phải không?”

Tôi trả lời không trong một cảm giác lạ lùng, chú đang ở đâu đây, tối qua tự dưng tôi có linh tính chú sẽ gọi cho mình.

“Chú đang ở Athens, khuya lắm rồi, chờ cô ngủ chú mới gọi cháu được. Cháu đang làm gì?”

Tôi nhìn ra bàn — một bình trà và hai chén nhỏ in hình những chiếc dù nhật bản xen lẫn hoa cỏ và những vệt màu tươi trên áo kimono. Chén hồng nhật hoa anh đào của tôi, chén xanh lục màu thủy trúc của chú. Những buổi sáng ở đây đã trôi qua như thế, tôi ngồi một mình, uống trà một mình, nhưng không hẳn một mình.

Tôi hỏi: “Chú có chuyện gì quan trọng không?”

“Cháu thông minh lắm. Chú muốn nhờ cháu một việc, Chú có người bạn là chuyên viên trang trí nội thất, trước khi đi chú đã nhờ anh ấy thiết kế lại toàn bộ nhà. Cháu liên lạc ngay hộ chú, nói anh ấy bắt đầu ngay ngày mai.”

“Khoảng bao lâu thì xong chú biết không?” “Chắc chắn sẽ xong trước khi chú về.” “Nhỡ cô không vừa ý thì sao?”

“Thật ra cô định để đi chơi về rồi làm. Theo như chương trình thì hai tuần nữa chú về, nhưng cô đổi ý đòi đi Ấn Độ một tháng. Thế nên chú định gây ngạc nhiên cho cô. Cháu giữ bí mật, đừng cho cô biết nhé!”

Một tháng! Tôi kêu thầm trong đầu. Sao chú đi lâu thế, đi xa thế. Chú không nhớ vườn lan sao?

Chú hỏi: “Hiên có khỏe không? Cây *Vanda* bướm đã ra hoa hết chưa?”

Tôi buồn bã bảo chú yên tâm đi, Hiên còn sống thì nó không thể nào chết được, chúc chú đi chơi vui. Nói chuyện xong thì ấm trà của tôi đã nguội. Khí lạnh ban mai làm tôi rùng mình. Ngoài kia sương trắng mỏng dần, nhưng trong nhà vẫn lạnh lắm. Lạnh như có người mới bỏ ra ngoài rồi quên không khép cửa lại.

Những tấm bưu thiếp cho tôi biết đường đi của chú. Delhi, Bombay, Jaipur, Ấn Độ Dương..., hình những đền đài và lăng tẩm trong ráng chiều hư ảo hội chợ lạc đà, đường lên sa mạc Thar,

những tấm lều vải bạt cả vùng cát mênh mông đầy khói trắng, những trạm xe lửa nơi mỗi thành phố chú dừng chân. Cho đến lúc này mọi sự vẫn tốt đẹp. Cây Vanda bướm đã ra chín bông, còn thêm năm nụ nhỏ. Cattleya đen vừa nở rộ ngoài vườn.

Nhiều người kiêng không dám trồng loại này. Còn đối với tôi, màu đen của những cánh hoa là màu quyến rũ nhất. Nó gây cảm giác vừa mịn màng vừa rờn rợn của bóng đêm ẩm ướt.

Việc sửa nhà tiến hành gần xong, chỉ còn lại lối đi, hành lang và phòng làm việc của cô ở khuất trên lầu. Tôi phải dọn bớt sách vở khỏi tủ sách, ngăn kéo và bàn viết để những người thợ dễ di chuyển trước khi lót thảm và lát gỗ sồi trên tường. Tôi hơi ngại công việc này, vì phòng làm việc là của riêng cô, tôi chưa bao giờ đặt chân vào.

Tôi có cảm tưởng mình đang xâm phạm thế giới riêng tư của người khác. Những cuốn sách cô đọc cho biết cô là một phụ nữ trí thức, thông minh, tinh tế, có khiếu thẩm mỹ cao. Thực sự những điều này tôi đã biết rồi. Cô thích nghệ thuật, văn chương, thông thạo năm ngoại ngữ Anh, Pháp, Ý, Đức, Tây Ban Nha. Những điều này tôi cũng đã biết rồi. Nhưng những cuốn sách nằm khuất ở ngăn cao nhất của tủ sách làm tôi ngạc nhiên và tò mò. Sách viết bằng một ngôn ngữ hoàn toàn xa lạ với tôi. Ngoài ra có cuốn tự điển Hindi-Anh, tài liệu tiếng Anh về Ấn Độ, và cuốn Du Lịch Ấn Độ Bằng Xe Lửa. Tôi giữ lại cuốn này, còn tất cả cho vào thùng, chuyển sang phòng khác để toán thợ làm việc.

Tôi mang sách ra đọc ở phòng thí nghiệm. Hình chụp trong sách tựa tựa ảnh và bưu thiếp chú gửi về. Những lộ trình bằng xe lửa đi lễ hội, đến đài, hành hương, sa mạc, và săn bắn. Chỉ trừ đi săn, còn tất cả các tour kia chú đều đã dự. Và bằng xe lửa. Có lẽ thế sao? Chú nói chú đang đi phiêu du, đến Hy Lạp mới nghĩ ra đi Ấn. Còn tôi thì lại nhớ tới đôi mắt cô trước khi đi, hình ảnh những toa xe nối tiếp nhau đập vào đầu tôi. Cứ như chúng nằm trong dự định của cô, từ trước.

Hôm sau tôi nhận được hình chú chụp ở Lâu Đài Gió, một kiến trúc gồm những khung cửa nối tiếp chồng chất lên nhau. Chú viết: *“Khung cửa chỉ là những khoảng trống để gió lùa vào, ở đây không có cánh cửa, chỉ có những tấm màn thật mỏng để người bên*

trong ẩn mình nhìn ngắm đời sống bên ngoài. Đêm đến, chúng trở thành những lỗ hồng thu hút gió, gió chạy đuổi qua các phòng, gió cuốn quanh những hành lang, gió xoáy suốt lên đỉnh tháp cao, và những tấm màn bay lượn quay cuồng theo điệu nhạc gió. Người ta sắp xếp những khung cửa sao cho hơi gió có giai điệu, và tòa lâu đài biến thành một nhạc khí vi vu.” Tôi tưởng tượng ra những phụ nữ Ấn quý tộc ngày xưa giam mình trong đó. Những vòm mái chạm trổ tuyệt xảo như rèm mi rủ xuống những đôi mắt rỗng, tòa lâu đài như biết thôi miên bằng hàng trăm cặp mắt thần linh.

Trở lại phòng thí nghiệm, tôi đọc tiếp cuốn Du Lịch Ấn Độ Bằng Xe Lửa. Có nguyên một trang nói về Lâu Đài Gió, trang kế là bản đồ. Trên tấm bản đồ có người đã dùng bút màu đánh dấu và nối kết những địa danh. Chính là lộ trình cô chú đã đi qua. Từ đó tôi dõi theo từng dấu mốc khúc mắc: sa mạc Thar đến Lâu Đài Gió, hướng lên đông bắc vào Manipur. Đường đi dừng lại ở đó.

Điện thoại vào buổi tối, biết chỉ có chú gọi, vậy mà trái tim tôi vẫn đập mạnh, vẫn nhói đau. Giọng chú lo lắng:

“Hiên sao thế, chắc có gì lo nghĩ phải không?”

Tôi muốn nói sao chú đi lâu thế, có biết tôi đang chờ không; nhưng rồi chỉ hỏi hôm nay chú làm gì, chú đi những đâu. Chú kể hôm qua cô chú theo đoàn safari đi săn, tôi cười:

“Thế chú có săn được con thú nào không?” Chú cũng cười:

“Đáng lẽ được nhiều lắm, nhưng chú lại nhìn thấy lan rừng. Thế có chết không! Hiên bảo chú phải làm gì?”

Một điều gì chợt vỡ òa trong lòng tôi, nửa như niềm vui, nửa như trách móc. Tôi thấy mình không phải, nhưng không thể không hân hoan, không mong đợi. Tôi vẫn cầu mong chú bình an trong mỗi giây mỗi phút của chuyến đi, và giờ thì tôi biết chắc những đóa lan rừng không cho chú một lúc nào yên nghĩ. Chú tả lan rừng cho tôi nghe, chú nghĩ có thể là Vanda, hoặc Ascocenda, cũng có thể không phải, chú chưa nhìn thấy bao giờ, toàn những mẫu rất lạ, hình dáng cũng lạ, hỏi những người ở đó cũng không ai biết. Vào sâu trong rừng thăm sẽ còn nhiều nữa. Những cây lan ấy chưa được phân loại, chưa ai biết đến, chưa ai sở hữu.

Tôi thầm cảm ơn những đóa lan rừng, tựa như chúng đã

mang chú về gần tôi hơn một chút. Dẫu sao tôi cũng nhắc:

“Chú đi chơi với cô chứ không phải đi tìm lan đâu đấy.”

Tôi biết chú đã cam kết với cô rằng chuyến đi này không dính líu gì đến chuyện tìm lan cả. Chú thở dài:

“Cô không ngờ khu rừng này là nơi còn nhiều lan dại nhất trên mặt đất, cả ngàn loài hoa, cả một kho tàng. Cô bảo mang lan rừng về nước khó lắm, nhưng chú biết cách.”

Tôi hỏi:

“Chú phải bỏ tiền để người ta chứng nhận là lan nuôi trong lab phải không?”

Chú cười, “Ừ chỉ cần có tiền, vào sâu trong rừng mới khó. Chú định để cô ở lại chơi trong thành phố, chú thuê ba người Ấn đi dẫn đường và mang cây về, khoảng vài ngày là xong.”

Một linh cảm xui khiến tôi dặn dò: “Chú cẩn thận nhé, trong rừng có thú dữ không?” Im lặng vài giây rồi tôi nghe tiếng chú dịu dàng: “Phải mang theo súng chứ Hiên.” Tay tôi lạnh toát. Những ý tưởng vụn gầy lóe lên trong đầu, nhưng tôi không kịp phân tích chúng.

Tôi chỉ nhớ câu nói cuối của chú: “...rừng lan ở biên giới Ấn và Bangladesh.”

Tôi đã nhìn thấy nó trên bản đồ.

Đường vẽ ngoằn ngoèo theo suốt hành trình của chú ngừng lại ở đó, tựa như đích tới cuối cùng. Suốt hai ngày dài tôi tìm trong chồng sách của cô những đoạn nói về rừng rậm Manipur, nơi nổi tiếng về lan dại, và đầm lầy. Không phải chỉ vài ngày như chú nói, muốn vào tận trung tâm rừng người ta phải băng qua những bãi lầy từ hai đến ba tuần. Dọc đường là rắn độc, beo gấm, và những cạm bẫy ngầm.

Không còn nghi ngờ gì nữa: những đóa hoa rừng đâu phải là một tình cờ, nó nằm trong toan tính của cô. Cô đã chuẩn bị chu đáo, kỹ càng như tất cả chỉ là ngẫu nhiên, chỉ là chuyến phiêu du vô định. Đầu óc tôi sáng suốt lạ lùng, tôi như nhìn thấu vào bóng tối, thấy một sợi dây nối kết những hình ảnh đã được xếp đặt từ lâu—căn phòng này, những cuốn sách này, tấm bản đồ này, và chuyến đi chấm dứt ở một nơi không du khách nào muốn tới.

Cũng chẳng có lỗi về.

Tôi bỏ ra vườn, đi giữa bóng đêm, đi thăm những đóa hoa. Máy ngàn cây lan quen thuộc với tôi, tôi biết tên của từng cây một. Chúng là bạn tôi, những người bạn trầm lặng và đáng tin cậy nhất. Tôi vẫn cảm được ý tưởng của chúng, ngay vào lúc này tôi hiểu chúng không chỉ an ủi tôi, linh tính cho biết chúng muốn báo động một điều gì đó. Tôi cứ đi hết khu vườn này đến khu vườn khác, những bông hoa mịn màng và mê đắm hơn trong sương. Tôi vào nhà kính, những cành lan vẫn đứng ngời trong thế giới bình an của truyện thần tiên. Những bộ máy vẫn bận rộn làm mây trắng phả hơi nước xuống hoa. Hệ thống báo động vẫn chăm chỉ nhấp nháy những thông tin thường nhật. Tất cả vẫn bình thường.

Không có gì đe dọa sự sinh tồn của chúng. Tôi đến phòng thí nghiệm. Những cây non, những mầm sống mỏng hơn bụi phấn vẫn bình yên trong ống kính. Tôi ngồi vào computer, những tên hoa lướt qua màn ảnh. Dáng vẻ, hình dung, màu sắc từng loại hiện lên trong đầu: tôi yêu loài hoa này, chú yêu loài hoa kia, cả chú lẫn tôi đều mê một cây lan khác. Bất chợt tôi hiểu. Hiểu là mình đang đi tìm điều gì.

Điều ấy làm tôi hoảng loạn.

File *Vanda* 2001 chỉ còn là một hồ sơ rỗng.

Tôi chạy đi tìm cây *Vanda* bướm. Nó vẫn ở dưới cành si già. Trục giác cho tôi biết điều gì đó ẩn nấp đằng sau những cánh hoa. Mới sáng nay chúng còn mọng nước và tươi mát. Bây giờ cánh hoa mỏng tanh, tôi nhìn được những đường gân cong quắt. Những đóa hoa bị hút kiệt sinh lực. Chúng khô héo và tàn tạ.

Đây là lần đầu tiên trong đời tôi chứng kiến một sự kiện lạ lùng như vậy. Bởi những bông hoa không bao giờ chết cùng một lúc chỉ trong một ngày. Đây là lý thuyết, là khoa học, là kinh nghiệm, là một điều không thể phủ nhận. Vậy mà cây *Vanda* bướm đã phủ nhận tất cả. Nó đứng ngoài, thách thức tất cả.

Tôi mang nó trở lại phòng thí nghiệm. Tôi biết đêm nay tôi sẽ không ngủ được. Tôi cũng không muốn trở vào nhà. Tôi ngồi suốt đêm với những bông hoa tàn, và một hồ sơ hoa rỗng. Ai đó đã xóa sạch nội dung. File Vanda 2001 chỉ còn là một cái tên. Tôi nhớ ra chú chưa kịp đặt tên cho cây lan này, như một điểm báo trước.

Sáng hôm sau tôi phát hiện những đốm vàng úa trên nhánh lá già gần rễ nhất. Thử bằng thuốc trừ nấm, hôm sau nữa tôi biết là chữa không đúng bệnh, vì đốm vàng lan rất nhanh sang những lá gần đó. Tôi ngờ rằng nó bị một thứ virus lạ, khả năng hủy hoại như bệnh ung thư của loài người, nhưng tốc độ thì nhanh hơn nhiều.

Sang ngày thứ tư, những cọng rễ bắt đầu ung thối. Mầm bệnh lan rất nhanh, cắt chỗ này nó chạy sang chỗ khác. Tôi gần như tuyệt vọng. Bây giờ điều duy nhất tôi còn có thể làm chỉ là viết phần cuối của File Vanda 2001 - hồ sơ bệnh lý cho loài hoa yếu mệnh. Nó sẽ chẳng bao giờ được đời biết đến.

Tối ngày thứ sáu có điện thoại. Tôi mừng rỡ và lo ngại, hy vọng và sợ hãi. Tôi cần một điểm tựa để ngoi lên khỏi những tư tưởng u ám và bệnh hoạn này. Tôi cần nghe tiếng nói của chú biết bao.

“Hiên đấy à? Phải Hiên không?”

Tôi nhận ra tiếng của cô. Ôi, tôi nhắm mắt lại. Hình ảnh chú hiện lên trước mặt, quần áo khaki đi rừng bê bết sinh, đôi mắt u buồn gấn trên nụ cười bất biến. Tôi hỏi:

“Chú chết rồi phải không?” Có tiếng khóc ở xa vọng lại:

“Không, chú mất tích trong rừng. Nhưng tại sao Hiên biết?” Tôi trả lời bình tĩnh hơn tôi tưởng:

“Cọp beo. Đầm lầy. Rắn độc. Còn gì nữa không? Chúc mừng cô.”

Tay tôi lạnh buốt, người tôi run cầm cập tựa như nhiệt độ trong phòng mới tuột xuống đột ngột. Tôi ôm chặt lồng ngực, đau nhói lên như bị dao nhọn xoáy vào. Trái tim trong bàn tay tôi căng nhức, nó đập hỗn loạn vô nhịp điệu. Tôi muốn móc nó ra, nếu có thể được —để đổi lấy cây *Vanda* cho chú.

Tôi cứ vật vã như thế trong suốt hai tuần sau đó. Ngày và đêm cứ trôi qua như bóng. Ngày và đêm cứ lướt đi không để lại dấu vết gì trên ký ức mờ mịt của tôi. Trí não tôi tê dại. Nhưng nỗi đau vẫn vô cùng sắc nhọn. Vườn lan thênh thang quá, và nỗi cô độc đáng sợ đến tột cùng. Chẳng lẽ không bao giờ, không bao giờ nữa sao, không bao giờ tôi còn nhìn thấy chú. Những lúc mê man tôi đi tìm chú. Nhiều lần tôi thấy chú thấp thoáng dưới gốc si già. Có tiếng nói trong đầu bảo tôi: “Chú đang ở gần đây, giữa những cành lan, chú đang nhìn thấy Hiên đó.” Đôi lúc tỉnh ra, tôi thấy mình ôm một bụi lan khóc rưng rức.

Có lúc tôi thấy yêu thương thật nồng nàn những đóa hoa. Có lúc tôi thấy chúng hoàn toàn vô giá trị. Chúng vô tri. Chúng thờ ơ. Vẻ đẹp của chúng tỏa ra một thứ hương độc ác.

Lúc bình tĩnh trở lại tôi biết mình phải làm gì. Thứ cô mấy ngày nay tôi không đụng đến. Tôi muốn viết vài hàng để lại cho cô, nên mở thư ra đọc. Cô viết:

“Hiên hiểu lắm hay là Hiên tưởng tượng? Không ai đẩy chú vào tình huống này cả.

Chính chú tự chọn kết thúc này. Chú biết khu rừng này hơn mười năm trước. Chú biết nhiều người từng bỏ mạng vì tìm lan. Nhưng hôm đi săn nghe nói vào sâu trong rừng có Vanda màu rêu - màu Hiên thích, màu chưa ai có - thế là không ai ngăn cản được. Thật ra không phải lỗi của Hiên. Đam mê của chú đã giết chú. Mà cũng không riêng gì chú, tất cả những người chơi lan đều điên dại như thế. Họ theo đuổi lan như theo đuổi đàn bà, theo đuổi người tình. Họ tham muốn tất cả các loài lan trên đời, họ không biết họ sẽ chết trước khi đạt được ước mơ. Một thứ đam mê nguy hiểm và tối tăm chi phối họ. Nó không bao giờ biết buông tha. Nó khốc liệt hơn ma túy. Bởi nó được che giấu bằng vẻ đẹp siêu phàm của những đóa hoa. Lan là nỗi ám ảnh tàn ác nhất.

Về những cuốn sách trong phòng, tất cả chú đều biết và đã đọc. Có thể tuần tới Hiên sẽ nhận được quà của chú. Tôi còn phải ở lại để chờ xác nhận và làm thủ tục.”

Tôi ra cảng nhận quà của chú. Món quà cuối cùng chú dành cho tôi là hơn trăm cây lan đại. Tôi mang tất cả ra vườn, ngồi trên đất, lặng im ngắm nhìn chúng. Trông chúng không được khỏe, không được vui. Chuyển đi dài làm chúng mệt mỏi, cũng có thể chúng nhớ rừng. Tôi vuốt nhẹ những phiến lá - nghĩ đến đôi bàn tay dài và gầy của chú. Chú đã đệm thêm sơ rêu và vỏ cây để bảo vệ những cọng rễ khi di chuyển. Tôi chú ý đến một tảng rễ to nhất, được cột kỹ lưỡng hơn hẳn những cây khác, một mẫu giấy nhỏ ghi chú: "*Vanda* màu rêu."

Hoa đã tàn cả. Chùm rễ dài cả thước như mái tóc rối. Tôi gỡ từng sợi, gượng nhẹ trong một trạng thái kỳ lạ. Khi không còn sơ nữa, tôi thấy đám rễ già nhất quấn quanh một vật gì giống khúc cây. Đụng vào, tôi biết không phải. Nó tựa tựa xương khô. Có thể là xương người - người đó có thể đã đi tìm lan, đi tìm một điều gì huyền hoặc ẩn hiện như chỉ trong tâm tay. Nhưng cái chết lại gần hơn thế nữa.

Tôi ngồi vậy, rất lâu, như sẽ mãi mãi ngồi như thế. Gió trong vườn thổi rừng rừng ớn lạnh như một mùa thu trút lá đã xa. Ký ức tôi quay lại gốc si già. Con bướm xanh vương trong chùm lá. Nơi lần đầu tiên chú ôm tôi. Chưa bao giờ chú gần tôi đến thế. Tôi ôm cây lan vào ngực - cả hoa tàn, lá úa - cả rễ khô, xương mục. Tôi hôn nó điên cuồng.

ĐẶNG THƠ THƠ



Phỏng vấn Nhà văn **ĐÀO TRUNG ĐẠO**
LÊ THỊ HUỆ thực hiện

Đào Trung Đạo sinh năm 1940 tại Hà Nội, sống ở Hà Nội cho đến khi di cư vào Sài Gòn năm 1955 cùng gia đình. Anh định cư ở Miền Nam California từ năm 1982. Đào Trung Đạo là một tên tuổi xuất hiện thường xuyên trên các tờ Văn (Hải Ngoại) của Mai Thảo, Nguyễn Xuân Hoàng và Văn Học của Nguyễn Mộng Giác trong thời gian cực thịnh của các tờ báo văn chương này nơi Hải Ngoại. Tôi biết các nhà văn chủ bút này rất o bế nhà văn Đào Trung Đạo, để có thể nhận các truyện dịch hoặc các bài điểm sách truyện ngoại quốc của anh. Đào Trung Đạo cũng đã từng đóng góp các truyện dịch, các bài điểm sách, các nhận xét phê bình văn

chương Hải Ngoại cho đài Voice Of America (VOA), Hoa Kỳ, một thời gian dài. Là một người thường xuyên đọc sách Triết và Văn Chương của các tác giả Pháp, Anh, và Đức từ thời trẻ, anh là một người đọc các sáng tác của các nhà văn, triết gia Anh, Pháp Đức nhiều kinh khủng. Đào Trung Đạo một trong số những người tiêu hóa Văn Chương Anh Pháp Đức có hạng, mà tôi đã gặp. Từng là giáo sư trẻ dạy tại Đại Học Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, một ngôi trường đại học quân sự ưu tú bậc nhất huấn luyện sĩ quan cho Quân Lực Miền Nam Việt Nam triều đại (1955-1975), Đào Trung Đạo đã bị tù Cải Tạo Cộng Sản sau khi Cộng Sản Miền Bắc chiếm Miền Nam Quốc Gia năm 1975. Đào Trung Đạo cùng nhà văn Đặng Phùng Quân đã “vượt biên đường bộ” băng qua Cam Bốt thời Cộng Sản chiếm đóng, để đến bến bờ Tự Do ở Thái Lan, rồi sau đó mới định cư ở Hoa Kỳ. Anh là một trong số những người giúp gây dựng trang Gió O từ đầu, và ở lại, cho đến nay. (LTH)

Lê Thị Huệ: Anh em mình – thứ lỗi, vì đã dùng danh xưng “anh” và “em” để trao đổi câu chuyện văn chương giữa Lê Thị Huệ và Đào Trung Đạo, vì chúng tôi thật sự thân nhau trong tinh thần văn chương qua một thời gian dài kể từ khi nền Văn Chương Hải Ngoại bắt đầu 1975 cho đến nay, khi có cuộc đối thoại này 2018 - thế mà đã ở với Văn Chương Hải Ngoại từ khi ông Võ Phiến và ông Mai Thảo khởi đầu nền Văn Chương Hải Ngoại này, phải không ?

Đào Trung Đạo: Cám ơn Lê Thị Huệ về cách xưng hô thân tình “anh-em” (rất hiếm đối với LTH) cho mối liên hệ đã hơn ba mươi năm. Mối liên hệ đó bắt đầu như thế này: Khoảng năm 1983 trong một cuộc trò chuyện với nhà văn Mai Thảo anh ấy có kể cho anh nghe: hồi làm tờ báo văn nghệ (Đất Mới?) ở Seattle Mai Thảo có nhận được một truyện ngắn ký tên Lê Thị Huệ và kèm theo truyện ngắn này là một cái “note” của tác giả đại ý “nếu đăng thì đăng nguyên văn, không được sửa đổi hay xóa đi một chữ. Bằng không hãy liệng nó vào thùng rác!”. Anh không còn nhớ tên truyện ngắn đó của em đã được Mai Thảo đăng trên Đất Mới. Nhưng anh không thể quên lời của Mai Thảo nói về Lê Thị Huệ với anh: “*ghê thật!*” kèm theo là nụ cười thật hồn nhiên dễ thương của Mai Thảo.

Mấy tháng sau đó quãng gần gần 12 giờ trưa khi anh đang ngồi trong văn phòng làm việc thì nhận được điện thoại của Mai Thảo: “Cậu ra đây ngay đi, có người muốn cậu trình diện! Chúng tôi đang ngồi ở Song Long. Ra ngay đi.” Anh không hỏi anh Mai Thảo ai mà dám đòi anh “trình diện” (“ghê thật!”) nhưng cũng lơ mờ đoán chừng dựa vào “kiểu ăn nói” này. Đây là lần đầu tiên Đào Trung Đạo gặp Lê Thị Huệ, khởi đầu cho mối liên hệ anh-em đã trên ba mươi năm. Mai Thảo đã mất, và hai anh em mình “vẫn ở” (chữ của Mai Thảo) với Văn Chương Hải Ngoại.

Lê Thị Huệ: Anh có nhận xét nào về các cái mốc của Văn Chương Hải Ngoại và những kỷ niệm hay điều nào đáng nhớ?

Đào Trung Đạo: Các mốc của Văn Chương Hải Ngoại? Để đánh dấu các mốc đó có lẽ chúng ta có thể căn cứ vào sự xuất hiện của các tạp chí văn chương (báo giấy), những trang mạng văn chương sau khi các tạp chí văn chương đình bản và những diện mạo văn chương mới. Về tạp chí văn chương (ở Mỹ, không kể ở Âu Châu) có hai tờ VĂN và VĂN HỌC qui tụ nhiều người viết nhất. Tờ VĂN do Mai Thảo “dựng bản” lại – nhưng cương quyết từ chối danh xưng chủ nhiệm hay chủ biên – còn tờ VĂN HỌC do Nguyễn Mộng Giác đảm nhiệm. Về những diện mạo văn chương mới: vì quan điểm của anh là “Văn Chương Hải Ngoại không phải là sự nối dài của Văn Chương Miền Nam” nên anh chỉ chú ý tới những cây viết “sáng tạo/đam mê/thách đố/trí tuệ” thôi. Phần đông những người viết được biết đến nhiều trước đây ở Miền Nam khi rời quê hương quả thực đã không có đóng góp nào đáng kể cho Văn Chương Hải Ngoại. Nhưng hiện tượng này thì thật mới lạ: những người viết mới của giai đoạn 1980-1990 là những nhà văn phái nữ! Kỷ niệm hay biến cố đáng nhớ? Kỷ niệm đáng nhớ: giao tình với Mai Thảo và Nguyễn Xuân Hoàng cũng như một vài người viết khác (quen biết thì nhiều nhưng không thân thiết vì anh phải thú thật anh là người “quả giao”). Biến cố có tính cách cá nhân là việc anh cầm bút lại: từ sau 1960 với bút hiệu Thạch Trân trên Sáng Tạo bộ cũ từ số 13, 14 18 và 19, anh đã tạm ngừng viết.

Lê Thị Huệ: Em nhớ thời Mai Thảo làm tờ Văn, ông năn nỉ anh cho bài dịch các tác giả Anh Ngữ quá trời. Còn ông Nguyễn Xuân Hoàng hô một tiếng là anh giúp bài các tác giả Anh Ngữ ngay. Công lao của anh giúp hai ông này giữ tờ Văn không phải là nhỏ

Đào Trung Đạo: Về dịch truyện ngắn cho VĂN: Khi Mai Thảo làm lại tờ tạp chí này ở Mỹ anh thấy có một khoảng trống về việc giới thiệu văn chương quốc tế đến độc giả nên anh nhận lời anh Mai Thảo làm công việc này cho VĂN từ đây và coi công việc này trước hết như một nhiệm vụ sau đó như một “hobby”. Sau này khi Mai Thảo vì vấn đề sức khỏe trao tờ VĂN cho Nguyễn Xuân Hoàng làm anh cũng giúp Nguyễn Xuân Hoàng như vậy. Còn công lao ư? Theo anh quan niệm một tạp chí văn chương phải có “bài nằm” cho mỗi số báo, trước hết đó là cần thiết tạo tính cách liên tục. Về giới thiệu văn chương toàn cầu: Thú thực anh không đánh giá cao trình độ đa số độc giả văn chương của các tạp chí nên chỉ giới thiệu những nhà văn “dễ đọc” – nhất là những nhà văn Mỹ vì ở nửa sau thế kỷ 20 tiểu thuyết Mỹ chiếm vị trí tiên trường – còn những nhà văn tầm vóc của Mỹ như Thomas Pynchon, William Gaddis, Don deLillo, David Foster Wallace... tuy anh ngưỡng mộ nhưng xem ra có lẽ không hợp với “tạng” độc giả và ngay cả với một số người viết Việt nên không giới thiệu. Anh nghĩ nếu có những người thích đọc những nhà văn anh ngưỡng mộ thì họ đọc nguyên bản tiếng Anh, đâu cần anh giới thiệu. Điều này anh nhận ra vì ngay cả trước 1975 ở Miền Nam cũng vậy, cứ giở một tạp chí văn chương ra là thấy phần văn dịch nào là Sartre, Camus, Sagan... trong khi chính ở Pháp “phong trào” đọc một số những nhà văn này đã chấm dứt từ mười năm trước. Đọc văn theo phong trào là một điều nên tránh. Cũng đừng quá tin vào những giải thưởng văn chương và những người viết mục điểm/giới thiệu sách. Nhất là ở Mỹ có nhiều điều phức tạp lắm.

Lê Thị Huệ: Hình như anh là người khai sinh ra cụm từ “Văn Chương Vô Xứ” mà ông Mai Thảo rất thích cụm từ này.

Đào Trung Đạo: Thế nào là Văn Chương Vô Xứ: Theo anh, viết phải là viết “ở đây, hôm nay.” Trong ý nghĩa này sau 30 tháng Tư

1975 Thanh Tâm Tuyền trong một bài phỏng vấn sau khi định cư ở Mỹ tự tra vấn bằng câu hỏi, đại khái “Có thể nào viết như không có gì xảy ra?” Câu hỏi này tự nó đã ngầm chứa câu trả lời. Kể từ sau thảm họa này chúng ta đã không còn xứ sở nữa, phải sống kiếp lưu đầy ở một nơi ngoài quê hương và cũng lại không thể coi nơi cư ngụ mới là xứ sở thì rõ ràng mình là kẻ vô xứ. Nếu kẻ vô xứ đó viết văn làm thơ thì bản viết mang dấu ấn vô xứ. Vô xứ đã trở thành một ý niệm phổ quát. Từ giữa thập niên 80 trong tâm thế này anh khá tâm đắc với cụm từ “Littérature déplacée” Linda Lê sử dụng, văn chương di vị/địa này theo Linda Lê mang dấu vết của sự mất mát nguyên ủy (trong tập khảo luận *Tu écrira sur le bonheur*, anh đã dịch đăng trên Gió-O) có nghĩa khá tương tự với Văn Chương Vô Xứ. Cụm từ Văn Chương Vô Xứ nhà văn Mai Thảo rất tâm đắc từ đó mang dấu ấn Đào Trung Đạo. Hơn nữa từ nửa sau thế kỷ 20 sự xuất hiện của những người viết vô xứ (stateless) ghi lại tiếng nói đặc trưng của Văn Chương Thế Giới với khá nhiều những nhà thơ nhà văn tâm vóc. Chính vì vậy anh khá dị ứng với những người viết – nhất là ở Mỹ – tự khoanh vùng cõi viết của mình trong “diaspora.” Không những đề tài này [có thể nói khởi đầu với Maxine Hong Kingston] đã mòn cũ, rỉ sét mà còn không phải là một chủ đề văn chương đích thực. Nhận mình là nhà văn thuộc nhóm người thiểu số đồng nghĩa với tự khu biệt, tự sát, vô tình chịu mang cái mặt nạ, cái thông lọng của những nhà phê bình bản xứ chỉ chờ cơ hội đeo lên mặt hay choàng vào cổ mình. Gần đây ở Mỹ có một người viết gốc Việt viết tiểu thuyết bằng tiếng Anh rất “vênh vang” khi được đeo cái mặt nạ này vì được trao giải Pulitzer! Trong khi đó anh rất quý trọng thái độ của Nam Lê tác giả tập truyện ngắn *The Boat* (được khá đông các nhà phê bình bản xứ hết lời ca ngợi và được trao vài giải thưởng văn chương cao quý) mới đây đã thẳng thừng tuyên bố hãy vứt quyển sách này vào sọt rác! Đó là một thái độ “xứng mặt nhà văn” và anh hy vọng Nam Lê trong thời gian tới sẽ viết được những tác phẩm văn chương.

Lê Thị Huệ: Nhà văn Nguyễn Mộng Giác lúc còn sống hay dùng cụm từ “Văn Chương Hội Nhập” để chỉ các nhà văn chuyên viết về các đề tài ở xã hội mà họ sinh sống. Anh nghĩ thế nào?

Đào Trung Đạo: Chính vì quan niệm như trình bày ở trên nên anh không đồng ý với cụm từ “Văn Chương Hội Nhập” của Nguyễn Mộng Giác. Văn Chương không bao giờ cần “hội nhập” với bất kỳ cái gì ngoài “hội nhập với chính văn chương.”

Lê Thị Huệ: Có thời gian anh dạy chung với nhà thơ Thanh Tâm Tuyền ở trường Võ Bị Đà Lạt

Đào Trung Đạo: Anh bị gọi động viên từ Khóa 17 Trừ Bị Thủ Đức nhưng được hoãn vì lý do học vấn (làm DES Diplôme d'Études Supérieures tức Cao Học) cho đến Khóa 25 mới phải nhập ngũ. Ở Thủ Đức sau hơn bốn tháng huấn luyện giai đoạn I tuy mới chỉ đeo Alpha (sinh viên sĩ quan) anh được chuyển lên dạy ở trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt vì trường bắt đầu chương trình 4 năm, sinh viên sĩ quan tốt nghiệp được cấp văn bằng Cử Nhân Khoa Học Ứng Dụng. Anh bắt đầu dạy các môn Khoa Học Nhân Văn từ Khóa 22B trở đi. Quảng năm 1971 (?) anh Thanh Tâm Tuyền mới đổi lên Võ Bị và làm việc ở Phòng Chiến Tranh Tâm Lý của trường. Anh Thanh Tâm Tuyền không có nhiệm vụ giảng huấn. Thời gian anh ấy ở Võ Bị (khoảng 2 năm) – vì tính anh Thanh Tâm Tuyền khá “quả giao” – nên chỉ chơi thân với một vài người, trong đó thân nhất là “nhân vật” Kiệt và Nghiêm (tên thật của họ ngoài đời khác hẳn) trong truyện dài Một Chủ Nhật Khác, “ông giáo” Thanh (thiếu tá) vì là người cùng quê. Anh, Kiệt (Thủ Đức Khóa 23), Nghiêm (cùng Thủ Đức Khóa 25 với anh, hiện ở California) khá thân. Kiệt hồi đó có vẻ đẹp trai “rất đàn ông”, dạy ở Khoa Anh văn Võ Bị, Đại Học Đà Lạt và Hội Việt-Mỹ (tuy tốt nghiệp kỹ sư ở Philippines và Đức nhưng lại là người nói tiếng Anh xuất sắc, được cử làm thông dịch viên (dịch miệng truyền thẳng vào micro đồng thời với xướng ngôn viên tiếng Việt cho quan khách tham dự người nước Thanh Tâm Tuyền (dĩ nhiên có Nghiêm) ở nhà Kiệt và đây là lần cuối những người bạn thân với Thanh Tâm Tuyền thời Võ Bị trùng phùng. Chuyện bên lề về tính cách Thanh Tâm Tuyền: Một buổi chiều nọ anh và Thanh Tâm Tuyền sau giờ làm việc ở Võ Bị cùng vài người bạn khác chạy xe ra phố Đà Lạt uống cà phê (để nguyên quân phục, không đeo lon, không vào tiệm cà phê Tùng)

mà ngồi ở quán lễ đường của Chị Sáu (em ông Tùng). Bọn anh đang ngồi quán thì có ba bốn nữ sinh/viên đến mời “nhà thơ” Thanh Tâm Tuyền dự buổi “văn nghệ bỏ túi” vào ngày Thứ Bảy do mấy cô ấy tổ chức. Và đây là câu trả lời của Thanh Tâm Tuyền: Cám ơn. Tôi là Đại Úy Dzur văn Tâm chứ không phải là nhà thơ Thanh Tâm Tuyền.

Lê Thị Huệ: Ủa vậy là nhân vật Kiệt của Một Chủ Nhật Khác của nhà văn Thanh Tâm Tuyền là phản ánh một người thật trong đời thường sao ?

Đào Trung Đạo: TTT đưa vào Một Chủ Nhật Khác không những nhân vật chính Kiệt mà hầu hết những nhân vật nam nữ khác đều có thật ngoài đời. Chỉ có một chi tiết “không thật” là ở kết thúc quyển truyện Thanh Tâm Tuyền đã cho Kiệt “chết”! Tuy tác giả có toàn quyền thúc truyện như mình muốn nhưng theo anh đoán chừng, có lẽ Thanh Tâm Tuyền làm vậy một là muốn tạm thời “trốn” hai là đã “chán”, bế tắc trong việc viết tiểu thuyết. Ngoài ra anh thấy Thanh Tâm Tuyền vô hình trung vẫn còn quan niệm tác gia tiểu thuyết là “Thượng đế” có quyền sinh sát, một điều anh không đồng ý. Từ giữa thập niên 60 thế kỷ 20 Roland Barthes và Michel Foucault đã đặt cột mốc cho phê bình văn chương hiện đại khi chỉ ra “tác gia đã chết.” Tuy nhiên qua Một Chủ Nhật Khác Thanh Tâm Tuyền đã mô tả được cuộc sống của giới trí thức trẻ trong giai đoạn cuộc chiến sắp tàn lụi.

Lê Thị Huệ: Trường Võ Bị Đà Lạt là một niềm hãnh diện của chế độ Việt Nam Cộng Hòa 1954 - 1975 . Trường ở vị thế khá đẹp và tuyển chọn những thành phần giáo sư và thanh niên trẻ ưu tú để huấn luyện 4 năm. Anh có thể nói đôi điều về kinh nghiệm dạy ở Võ Bị Đà Lạt?

Đào Trung Đạo: Kinh nghiệm dạy học và thời gian ở Võ Bị với anh phải nói là hạnh phúc. Với các Khóa 22A, 23, và 24 về tuổi tác thấy trò cách nhau không nhiều nên dễ có liên hệ gần gũi thân thiện, coi nhau như anh em. Sinh viên Võ Bị rất trưởng thành, có kỷ luật. Mỗi tuần vào Mùa Văn Hóa anh đứng lớp năm buổi sáng. Sau giờ dạy các giáo sư được phép ra thị xã dạy học. Vì thấy lương

sĩ quan eo hẹp, khó có thể phụ giúp gia đình được và đa số trước khi bị động viên kiếm tiền khá bằng việc dạy học nên Bộ Tổng Tham Mưu cho phép sĩ quan giáo sư được dạy tư. Với những sĩ quan tuy bị động viên nhưng vẫn được lĩnh “lương sai biệt” vì trước khi vào quân đội họ là công chức nên họ không thấy cần đi dạy học thêm. Nếu không có giờ dạy dân độc thân “tại chỗ” sau giờ làm việc ở trường thường hay ra thị xã ăn uống mua sắm các vật dụng cho nhu cầu hàng ngày, hoặc ngồi quán tiệm như các tiệm Mekong, Nam Sơn... Quãng ngoài 6 giờ chiều đi ăn rồi chuẩn bị mặc “treillis” (đồ trận) vào trường trực gác vì từ sau biến cố Mậu Thân trường “cắm trại” dài dài. Giáo sư có bài soạn in sẵn phát cho sinh viên và sinh viên được thư viện cho mượn sách tham khảo (phần lớn dịch các sách giáo khoa của Mỹ). Võ Bị có một thư viện khá đầy đủ các sách bằng tiếng Anh cho các môn học. Anh là Trưởng Phân Khoa khoa Khoa Học Xã Hội nên có nhiệm vụ “order” sách từ Mỹ cho thư viện. Nhân dịp này anh đặt mua ngoài các “textbook” ra còn khá nhiều sách văn chương như các tác phẩm của Franz Kafka, Samuel Beckett, James Joyce, William Faulkner ...Cơ sở Võ Bị tân tiến, có Phòng Thí Nghiệm Nặng (duy nhất ở Đông Nam Á), có amphitheatre [Kiệt dạy ở Hội Việt Mỹ nên mượn được khá nhiều phim hay đem vào trường chiếu ban đêm và Thanh Tâm Tuyền rất thú xem những phim này], phòng ốc cho sinh viên và cho các khoa thuộc Văn Hóa Vụ và Quân Sự Vụ đều rộng rãi khang trang. Mối liên hệ giữa các giáo sư Văn Hóa Vụ với nhau và cả với các sĩ quan cấp bậc cao hơn của trường khá nhẹ nhàng, tương kính và thân tình. Thanh Tâm Tuyền đã mô tả cơ sở trường Võ Bị rất chi tiết trong truyện dài Một Chủ Nhật Khác. Thời gian này các sĩ quan phải vào trường trực hằng đêm. Các phiên trực gác với các sinh viên sĩ quan cũng là kỷ niệm đẹp. Sinh viên sĩ quan vốn có khả năng quân sự chuyên nghiệp cao và rất kỷ luật nên khi trực cùng các giáo sư họ không để các thầy phải bận tâm. Thứ Bảy và Chủ Nhật sĩ quan nếu không có phiên trực thì ban ngày không phải có mặt trong trường (anh ở Khách sạn Thủy Tiên 2 do Võ Bị thuê dành cho giáo sư.) Thủy Tiên 2 nằm đối diện cư xá nữ sinh viên ở đường Đoàn Thị Điểm, từ phía ngoài lối dẫn vào là những dãy quán ăn đêm đối diện trường tiểu học Đoàn Thị Điểm bán cháo, miến, xôi gà...nổi tiếng của Đà Lạt.

Lê Thị Huệ: Khi ở Đà Lạt anh còn dạy trung học tư thực Việt Anh. Đời sống ở Đà Lạt thời gian ấy chắc là phải nhiều thú vị

Đào Trung Đạo: Anh Th., trưởng khoa Khoa Học Xã Hội (Khóa 1 Nam Định, đồng môn ở Đại Học Văn Khoa Sài Gòn) và anh bắt đầu dạy Triết các lớp Đệ Nhất ở trường tư thực Việt Anh từ 1969 cho đến ngày Đà Lạt di tản. Tính ra anh có cả thầy 7 thế hệ Cô Tú Cậu Tú. Anh Th. dạy môn Luận lý và Đạo đức còn anh dạy Tâm lý cho Đệ Nhất A (Ban Vạn Vật) Siêu hình học cho Đệ Nhất C (Ban Sinh ngữ). Sau do yêu cầu của hiệu trưởng nhất là của học sinh các tư thực khác quanh vùng và của học sinh chương trình Pháp ở Lycée Yersin và Couvent des Oiseaux (đã có Tú Tài I chương trình Pháp nhưng muốn thi cả Tú Tài II cả Pháp lẫn Việt) anh mở lớp riêng (cours particulier) luyện thi môn Triết. Lớp khá đông học sinh. Nhiều kỷ niệm đẹp và đáng nhớ. Học sinh vốn rất sợ môn Triết khô khan, khó nuốt nhưng đó lại là môn thi bắt buộc, có hệ số lớn của bằng Tú Tài II. Và anh đã làm cho môn học này không những không khô khan mà còn hấp dẫn! Học trò của anh rất đổi ngạc nhiên khi có một GS Triết bề ngoài “khó thương” và phong cách “bụi đời” thường mặc đồ treillis không đeo lon lá đến lớp phụ trách một môn học nghiêm xác. Anh đã tạo một không khí mới cho lớp học và một cách giảng dạy môn Triết khác lạ. Câu đầu tiên anh nói với học sinh: đừng sợ Triết. Học/đọc Triết không khó nếu hiểu rõ từ [ngữ] Triết, nắm được cách đặt và giải quyết vấn đề. Học Triết không phải là “nhai lại, học thuộc lòng.” Sau đó anh gợi ý cho học sinh tự triển khai tư tưởng của mình. Khuyến khích học sinh đọc sách thêm. Anh cũng lấy những thí dụ trong văn chương nghệ thuật để minh họa ý chính làm cho bài học bớt nặng nề. Các lớp riêng của anh thường học vào Thứ Bảy và Chủ Nhật thuận tiện cho các học sinh trường Bùi Thị Xuân, Couvent des Oiseaux và Yersin. Ông hiệu trưởng một hôm đề nghị anh bắt buộc nữ sinh lớp riêng cũng phải mặc đồng phục như những lớp thường khác hay ít nhất phải ăn mặc đơn giản kiểu nữ sinh truyền thống. Anh phớt lờ đề nghị này. Nhất là với các học sinh Bùi Thị Xuân, Yersin, và Couvent des Oiseaux vốn hàng ngày đã phải mặc đồng phục đến trường nên các thiếu nữ thanh xuân này nhân cuối

tuần được dịp mặc đủ các kiểu thời trang rất đẹp mắt. Vì thế khối học sinh lớp riêng của anh trẻ trung vui tươi. Sự thành công của lớp này theo anh nghĩ chính yếu vì học trò học giỏi và chăm (vốn gốc Bùi Thị Xuân là trường công lập và dân Lycée Yersin, Couvent des Oiseaux làm bài thi sinh ngữ dễ dàng) còn phần nhỏ là do giáo sư nên cuối năm hầu hết đậu Tú Tài II ngay khóa 1. Kỷ niệm dạy học ở Đà Lạt của anh những năm tháng đó thật tuyệt vời. Ủa, theo anh biết thời gian này O Huệ cũng đang học ở Đại Học Đà Lạt mà sao còn “gài bẫy” anh bằng câu hỏi “Đời sống ở Đà Lạt thời gian ấy hẳn phải nhiều thú vị”! Trả lời LTH phỏng vấn phải nhớ luôn luôn “đề cao cảnh giác.”

Lê Thị Huệ: Em có nghe anh nhắc thời anh làm luận án Cao Học với giáo sư Rene Peltier về triết gia Pháp Maurice Merleau-Ponty. Anh có thể kể lại ám ảnh triết học hơn ám ảnh văn chương này của anh

Đào Trung Đạo: Một kỷ niệm khá đẹp trong đời. Thật ra anh muốn viết về Hegel, nhất là về Hữu Thể Luận Hegel trình bày trong tác phẩm đồ sộ *Wissenschaft der Logik*/Đại Luận Lý. Alexander Kojève, Jean Hyppolite và nhiều triết gia khác đã khai thác Hegel trong quyển *Phänomenologie des Geistes*/Hiện tượng luận Tinh thần rồi. Anh thích viết về Hegel trước hết để có cơ hội đọc triết gia này sâu hơn, sau nữa vì hai triết gia-nhà văn Georges Bataille và Maurice Blanchot anh ngưỡng mộ rất ưa “cà khía” với tư tưởng Hegel! Nhưng cả hai giáo sư Michel Piclin và René Peltier đều không “compétent” về Hegel nên GS Peltier gợi ý nếu anh chịu viết về Maurice Merleau-Ponty thì ông ấy có thể nhận làm giáo sư bảo trợ được. Đề tài anh đề nghị là “Le rôle du corps chez Merleau-Ponty” (Vai trò thân xác trong triết lý của Merleau-Ponty). Thời đó làm Cao Học không phải đến lớp, thầy trò làm việc riêng với nhau ở đâu cũng được miễn trình cho trường thời khóa biểu diễn tiến công việc. Kỷ niệm làm việc với GS Peltier khá thú vị: ông đề nghị cứ mỗi hai tuần vào chiều Thứ Bảy gặp nhau tại tư gia của ông ta để thảo luận về luận án. GS Peltier trẻ trung, thân thiện, rất “Parisien”, đam mê diễn kịch và đọc thơ của các thi sĩ Siêu Thực Pháp. Thi thoảng sau khi bàn luận công việc xong vợ chồng GS Peltier

mời anh ở lại ăn bữa tối với gia đình giáo sư. Bà Peltier nấu các món ăn Tây rất ngon, lại yêu văn chương, và cả hai vợ chồng đều là những người sành điệu rượu vang Pháp. GS Peltier bắt buộc anh cứ hai tuần lễ phải đọc xong một quyển sách cỡ 150 trang dùng cho việc làm luận án. Thời gian này ngoài làm Cao Học anh còn phải đi dạy học kiếm sống. Xin dạy ở mấy trường trung học công lập thì hầu hết các trường ở Saigon đã có đủ giáo sư Triết rồi (còn hai trường nữ Trưng Vương và Gia Long các vị nữ hiệu trưởng từ chối nhận GS Triết nam còn quá trẻ như anh, lấy cớ không có giờ). Tuy được cắt cử dạy ở trường Sư Phạm Long An và trường Trung học Ngô Quyền Biên Hòa nhưng anh thấy chuyện đi lại không thuận tiện cho việc làm luận án nên anh đi dạy trường tư. Viết luận án nửa chừng anh bị gọi động viên [và cả vụ đàn đúm với bạn bè nữa chứ, tự thú đấy!] cộng thêm một số việc riêng tư khác làm anh chán nản không kết thúc luận án. Vả lại có làm xong đi nữa anh cũng không thích trình luận án trước Hội Đồng Khoa thời gian đó vì vị Trưởng Ban Triết – người tự nhận mình là “con hoang của Sartre” và anh rất kỵ nhau. Bị động viên và được cử lên dạy Võ Bị, anh lên trình diện và nhận công việc khoảng hơn một tháng trước biến cố Mậu Thân. Nhân dịp tết Trường cho phép các giáo sư được về ăn tết với gia đình. Vì thế anh có mặt ở Saigon khi Việt cộng tấn công vào thủ đô. Mấy hôm sau khi chiến trận tạm lắng dịu các sĩ quan nghỉ phép được lệnh trở lại trường. Quay trở lại Võ Bị anh được chỉ định cùng với các sĩ quan và sinh viên sĩ quan dự những cuộc hành quân tảo thanh Việt cộng quanh Đà Lạt. Lên làm việc ở Võ Bị, bận rộn với những giờ dạy học ở cả Võ Bị lẫn trường tư ngoài thị xã, cộng thêm việc gặp mặt và làm việc với GS Peltier hầu như bất khả nên anh không hoàn tất và trình luận án. Bản thảo luận án thất lạc sau khi anh vào tù cải tạo.

Ấm ảnh triết học lấn lướt ấm ảnh văn chương? Không hẳn. Có lẽ vì anh chịu ảnh hưởng truyền thống văn hóa Pháp – nhất là với những triết gia như Georges Bataille, Giles Deleuze, Michel Foucault, Jacques Derrida...ngoài Triết ra đều là những người say mê đọc và viết về Văn chương. Hơn nữa anh cho rằng Văn Chương và Triết học tuy là hai đối thủ nhưng lại đồng hành. Hay nói như Heidegger thi sĩ và nhà tư tưởng cư ngụ trên hai đỉnh núi song song.

Lê Thị Huệ: Hình như anh ở tù cải tạo chung với anh Thanh Tâm Tuyền ?

Đào Trung Đạo: Anh “trình diện” học tập cải tạo ngày 20/6/1975. Nơi tập trung là một ngôi trường ở Sài Gòn. Quảng 2 giờ chiều mọi người được lệnh cán bộ phải xếp hàng để được “nhỏ mũi nước tôi”! Vào khoảng 3 giờ sáng hôm sau tất cả được đưa lên xe tải bịt bùng chở đi. Đến nơi chưa 5 giờ sáng và được lệnh “khẩn trương” dọn dẹp thu xếp chỗ ở. Nơi này chính là trại Long Giao trước đây là căn cứ của quân đội Mỹ nay tan hoang cỏ mọc ngập đầu người. Hai hôm sau anh và TTT gặp nhau. “Lán” Thanh Tâm Tuyền ở đối diện chỗ anh ở. Anh và anh Thanh Tâm Tuyền có đôi ba kỷ niệm khó quên thời đi tù cải tạo: vì anh có một vài “đệ tử” rất tháo vác nên họ xoay sở “tự chế” đồ ăn như từ ruột cá ngừ các “anh nuôi” (tức làm bếp) được phép lấy, trồng bầu bí các thứ rau để “cải thiện”. Một chiều Chủ Nhật nọ nhân anh mới được gia đình “thăm nuôi” có mấy lon gạo trắng nên đệ tử của anh nấu được một nồi cháo ruột cá ngừ thơm phức! Anh qua rủ Thanh Tâm Tuyền sang thưởng thức món này và anh ấy rất thích thú. Một bữa khác Thanh Tâm Tuyền đưa tặng anh bản viết “Bài thơ thuốc lào” (sau này khi đã sang Mỹ anh đưa cho Mai Thảo giữ) và cho xem tờ giấy nhàu nát chép tay bản nhạc Một Mùa Xuân Mới của Văn Cao. Thanh Tâm Tuyền buồn rầu nói: “Văn Cao vẫn quá thơ ngây!” Trước Tết năm đó Thanh Tâm Tuyền cùng với các sĩ quan được Việt công xếp vào loại “có nhiều tội ác với nhân dân” (sic) từ mờ sáng khi trời còn đang mưa mịt mù bị chuyển trại. Để kỷ niệm thời gian này anh có bài thơ “Thời triệt hủy thi sĩ” (trong chuỗi Những Mùa Xuân Tử Sinh) để kỷ niệm những ngày ở Long Giao với và lúc chia tay Thanh Tâm Tuyền:

*thời triệt hủy thi sĩ
mù tủa mưa bay đêm cuối xuân
trong buốt giá tù chuyển trại*

*chập chờn những bóng ma tội đồ
còng lưng đu bám bùn trơn trượt
quăng thân xác quăng cuộc đời vào trong lòng những chiếc xe âm phủ*

*lặng cầm vuốt lớp sương tâm độc
trên tóc trên mắt trên má trên môi
xá chi một địa danh sẽ tới, khi
trên đất nước không còn là quê hương này*

*ngập ngừng vẫy tay tiễn bạn trong bóng tối
biết rằng từ đây lời từ biệt nào cũng đều vô nghĩa
quay mặt trên trời ngó mệnh vào đêm
mơ hồ lắng nghe tiếng chim lạc bấy*

*hoảng hốt réo gọi bóng tối
thì thôi từ nay khổ đau đã là bất tận
khi nước mắt đã chảy ngược tim người*

(nhớ TTT /Trại tù Long Giao 1977)

Một vài kỷ niệm khác của Thanh Tâm Tuyền em có thể đọc lại trong “Bài Ai Điệu Cho Thanh Tâm Tuyền” anh viết đã đăng trên Gió-O nhân ngày anh ấy từ trần.

Lê Thị Huệ: Anh nói không đánh giá cao độ giả văn chương của các tạp chí tiếng Việt nghe sao buồn quá. Cho dù thực tế như thế nào thì chúng ta lỡ “engage” vào cuộc chơi văn chương tiếng Việt. Mỗi người bày ra một tác phẩm cho mình. Áo đẹp của nàng/chàng đâu hãy cứ khoe đi. Còn chợ đời thì để gió thổi mây bay theo định mệnh của nó. Em nghĩ vậy.

Đào Trung Đạo: Đánh giá của anh là đối với những tạp chí văn chương in giấy trong quá khứ. Và thực tế là những tạp chí này đã không sống nổi, phải lần lượt đình bản dù cho các vị chủ biên cố gắng hết sức. Anh biết Nguyễn Xuân Hoàng khi bắt buộc đình bản tờ Văn vẫn còn “ôm” một món nợ không nhỏ. Cũng theo lời một chủ biên thì tạp chí phải đi tìm người đọc một cách khá tuyệt vọng trên “mênh mông biển cả.” Thời xưa trước 75 người đọc chờ đợi ngày đầu tiên tờ tạp chí mình yêu thích ra để mua ngay về đọc. Ngày nay

lớp đọc giả tha thiết với văn chương quá hiếm hoi. Và còn trình độ đọc giả nữa chứ. Chính một vị chủ biên nọ khi anh đưa đăng những bài khảo cứu có trình độ “hơi” cao đã ngần ngại nói với anh rằng “đa số đọc giả bây giờ trình độ học vấn chỉ quãng lớp 9!” Nhưng vì chúng ta đã “engaged” vào “cuộc chơi văn chương” như em nói thì thôi cứ viết, viết thật hay, còn về đọc giả thì mình không có quyền chọn lựa. Tuy nhiên anh nghĩ tình cảnh hôm nay có thể sẽ khác trước. Anh hy vọng chúng ta đang có một lớp đọc giả mới – những người trẻ hãy còn yêu mến tiếng Việt – trong và ngoài nước, nhất là những người trẻ trong nước còn “yêu thích văn chương.”

Lê Thị Huệ: Theo anh một độc giả nghiêm chỉnh ngày nay nên đọc những quyển tiểu thuyết nào? Khi mà trong cánh rừng rậm thế giới đang mở ra trùng trùng điệp điệp các thứ cần/nên phải đọc.

Đào Trung Đạo: Anh rất thích cụm từ “*độc giả nghiêm chỉnh*” của em. Anh muốn hiểu “nghiêm chỉnh” có nghĩa thực sự muốn hiểu tiểu thuyết là gì và thú vị khi đọc được một tiểu thuyết hay, đáp ứng cả nhu cầu tìm hiểu lẫn nhu cầu thưởng ngoạn của mình. Về tiểu thuyết anh nghĩ Việt Nam chỉ có truyện dài, không có tiểu thuyết theo đúng tiêu chí tiểu thuyết đích thực. Điều này cũng không nên buồn vì cứ nhìn quanh các nước Á Châu thì chỉ có Nhật là có tiểu thuyết với những tiểu thuyết gia như Yokio Mishima, Kenzaburo Oe, Kōbō Abe... Còn hướng dẫn nên đọc những quyển tiểu thuyết nào thì khi đã là độc giả nghiêm chỉnh nên tìm đọc những tiểu thuyết của Franz Kafka, Marcel Proust, James Joyce, William Faulkner, Vladimir Nabokov, Toni Morrison, Thomas Pynchon, Don deLillo, David Foster Wallace... và mới đây quyển tiểu thuyết đồ sộ của Arno Schmidt *Bottom's Dreams* (1496 trang) và *Pararel Stories* của Pater Nadás đã được dịch sang Anh văn và xuất bản rất đáng đọc. Đọc tiểu thuyết phải kiên nhẫn (mỗi ngày đọc chừng 10, 20 trang thôi cũng được vì đời sống, công việc, gia đình chiếm mất khá nhiều thì giờ rồi) và không nên “thời thượng”, chạy theo thị hiếu. Quyển của Arno Schmidt và quyển của Nadás rất thú vị, bỏ công đọc.

Lê Thị Huệ: Về mảng phê bình văn học anh đã nghiên cứu rồi để dở? Anh có thể nói sơ qua về công trình này của anh?

Đào Trung Đạo: Trong 3-Zero (đã đăng trên Gió-O) anh đã viết về phê bình văn chương mới của Maurice Blanchot, Roland Barthes (đặc biệt với giáo trình ở Collège de France La Préparation du Roman), và Jacques Derrida. Muốn hiểu về tiểu thuyết – nhất là bộ À la Recherche du Temps perdu của Proust – thì không thể bỏ qua Préparation du Roman của Barthes. Quan niệm phê bình văn chương mới của Blanchot anh đã khái quát trong bài “Ngôn ngữ phù ảo trong thơ Nguyễn Thị Hải” Gió-O đã đăng mấy tuần trước. Còn về Derrida và phê bình văn chương hủy tạo nữa. Anh đang “edit” những bài viết này và viết thêm một vài bài khác để xuất bản thành sách. Anh cũng đang đọc Giles Deleuze và Michel Foucault viết về tiểu thuyết, nhất là tiểu thuyết của Pierre Klossowski (Klossowski là dịch giả Nietzsche đáng tin cậy, nhất là công trình dịch Der Wille zur Macht/Ý chí hướng tới Quyền lực được xuất bản trong Friedrich Nietzsche, Fragments Posthumes XIII, Gallimard xuất bản năm 1976).

Lê Thị Huệ: Loạt bài Thi sĩ và Thi ca của anh khá lôi cuốn, anh mong muốn gì khi giới thiệu những tác giả này đến với độc giả tiếng Việt. Anh dùng tiêu chuẩn nào để chọn các tác giả ấy để giới thiệu đến độc giả Việt Nam?

Đào Trung Đạo: Viết loạt bài Thi sĩ Thi ca trước hết anh muốn chia sẻ với người đọc những thi sĩ anh ngưỡng mộ và hy vọng người đọc cũng sẽ yêu thích và tìm đọc tác phẩm của những thi sĩ này. Hơn nữa xưa nay (gần một thế kỷ rồi!) người đọc Việt Nam chỉ được giới thiệu rất giới hạn những thi sĩ “quen thuộc trong sách giáo khoa”, từ trước đến nay nào đã có ai viết về René Char, Paul Celan...một cách tương đối đầy đủ đâu trong khi giới nghiên cứu thi ca quốc tế đã viết về những thi sĩ này từ gần 40 năm rồi. Nhưng mục tiêu chính của loạt bài này đã được anh nói rõ trong “Khai từ” Thi sĩ Thi ca Tập I về Paul Celan “Người làm thơ chỉ là thi sĩ đích thực khi hắn viết ra bài thơ – toàn thể những bài thơ hắn đã viết ra chỉ là một bài thơ duy nhất – trong đó Thi ca là một ẩn mật: bằng

ngôn ngữ riêng mình thi sĩ gián tiếp biểu đạt quan niệm của mình về Thi ca.” Nói trắng ra chỉ là thi sĩ nếu có một quan niệm về thi ca. Dù khi đọc điều này những người đã, đang, và sẽ làm thơ không mấy hài lòng nhưng anh thấy mình có bốn phần nói ra sự thật. Nhận định này không lạ, anh rút ra từ nhận định của Hegel (bạn thân của Hölderlin) rằng từ sau thế kỷ 18 nghệ thuật là nói về bản chất nghệ thuật. Như vậy là thơ hiện đại là nói về thơ, về thi ca. Chính vì vậy Heidegger gọi Hölderlin là “thi sĩ của thi ca” và Maurice Blanchot gọi Char là “thi sĩ của thi sĩ.” Với Celan thi ca là “đi tìm gặp Người Khác.” Với Char thi ca là “cái chưa/không biết (inconnu) thi sĩ chỉ ra bằng cây gậy dò đường hay bằng ngón tay trở bị tuốt móng máu chảy ròng ròng. Với Ungaretti thi ca là “đi tìm Đất Hứa, một xứ sở hỗn nhiên.” Ngoài ra nếu được anh thích chọn những thi sĩ là những kẻ “lưu đầy, vô xứ” như Celan và Ungaretti và tới đây sẽ là Edmond Jabès...

Lê Thị Huệ: Mấy bài thơ của anh đăng trên Gió-O khá hay. Sâu sắc tính triết nhân. Tại sao anh không sáng tác thơ nhiều hơn?

Đào Trung Đạo: Chủ biên Gió-O Lê Thị Huệ là người đọc thơ “giỏi”, biết “appreciate” thơ hay nên mảng Thơ của Gió-O khá hấp dẫn, qui tụ được những người làm thơ hay. Cám ơn em thích một vài bài thơ của anh. Đôi khi anh không những rất hào hứng gửi thơ mới viết xong cho Lê Thị Huệ đọc trước khi đưa lên Gió-O mà còn chờ nhận xét của em. Trong năm nay có một lần anh gửi cho em một bài thơ mới viết xong Lê Thị Huệ mail cho anh nói “bài này sao buồn quá” và anh nghĩ ngay đến việc viết lại bài thơ đó. Cũng có khi Lê Thị Huệ “đổi” tựa đề bài thơ cho anh và anh “hoàn toàn không phản đối.” Chẳng hạn em đặt tựa đề một bài thơ anh gửi cho em là “Suối Nguồn Thức Giác” – cụm từ này lấy từ một câu thơ trong bài, còn tựa đề cũ anh quên mất rồi – thì thật tuyệt vời, thật “ghê thật!” Anh làm thơ nhắm đến một quan niệm về Thi ca của riêng mình. Theo anh thi ca “là ngôn ngữ đi tìm không gian cõi ngoài”, chờ đợi/đợi chờ lắng nghe tiếng thì thầm của Hữu [Seyn/Beying] ẩn khuất, bị lãng quên/quên lãng. Một cách biểu đạt cái “Ereignis/Tương Hữu” bằng ngôn ngữ thi ca. Chính vì thế Lê Thị Huệ cho rằng Thơ Đào Trung Đạo “sâu sắc tính triết nhân.” Khi Thi ca

“cất tiếng gọi” anh mới làm được thơ. Có khi nghe gọi nhưng không kịp viết xuống. Đôi ba bài trong vài tháng, nửa năm không chùng. Nhưng khi viết xong một bài, đọc lại luôn tự hỏi “cái này có phải là thơ không?” Nếu câu trả lời là “không, chưa phải” thì hoặc “vứt vào sọt rác” hoặc tạm thời quên/cất đi, để sau này sẽ sửa lại.

Lê Thị Huệ: Raymond Geuss một giáo sư nổi tiếng ở Princeton Mỹ vào thập niên 1970 viết sách tuyên bố: “Philosophy is dead – Triết học đã chết”, trong mối tương quan giữa vai trò Triết học trong Lịch sử. Em sinh hoạt trong môi trường trí thức Mỹ nên em rất hiểu Triết học là ngành yếu, không sang, đối với môi trường đại học hay trí thức Mỹ. Nhưng anh có biết sinh viên ở California, muốn ra trường bằng cử nhân ở hệ thống đại học công lập như University of California (UC), California State University (CSU), Community Colleges (CC) đều phải học một lớp triết - philosophy, gọi là Critical Thinking (Triết lý, Suy Nghĩ Chí Lý). Đây là một lớp bị bắt buộc học, nằm trong phần GE (General Education – Giáo Dục Tổng Quát). Sinh viên học bất cứ ngành nào của cấp Cử Nhân bên cạnh các lớp chuyên ngành đều phải hoàn tất 4 lớp Giáo Dục Tổng Quát GE thì mới được cấp bằng. Vì thế bất cứ sinh viên nào cũng buộc phải học lớp này để biết cách suy nghĩ hợp lý. Họ bỏ hết các thứ râu ria của Triết học, mà giữ lại một môn then chốt rất tốt. Sinh viên học môn này giúp họ suy nghĩ kỹ càng và hợp lý trong giòng suy nghĩ. Để có thể tự mình chọn lựa những quyết định hợp lý trong đời sống. Một cảm nang sống rất tốt cho mọi người. Có lẽ anh không đồng ý với lập luận này của Geuss?

Đào Trung Đạo: Câu trả lời của anh chia ra hai phần: phần thứ nhất sơ lược về mục tiêu của “Critical Thinking” và phần thứ hai về lời tuyên bố của Raymond Geuss “Philosophy is dead.” Về phần thứ nhất Lê Thị Huệ đã giải thích khá rõ ràng. Anh chỉ muốn thêm chi tiết, ở một số đại học Mỹ danh tiếng lâu đời có dạy giáo trình Advanced Critical Thinking đặt trên nền tảng Tri thức luận (Epistemology) nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về mối tương quan giữa luận lý học và ngôn ngữ với quan niệm triết lý chủ yếu của trường phái Triết học Phân tích (Analytic Philosophy) cho rằng triết học là triết lý về ngôn ngữ (philosophy of language). Triết lý Phân tích rất thịnh hành ở Mỹ kể từ đầu thập niên 60 thế kỷ

trước. Hầu hết các triết gia phân tích đều ác cảm với Triết học Lục địa (Continental Philosophy) nhất là với Heidegger, Foucault và Derrida. Chương trình Suy nghĩ có phán đoán cao cấp này chịu ảnh hưởng Triết lý Phân tích nên muốn hiểu rõ câu nói của Geuss “Philosophy is dead” không thể không đặt câu nói này trong khuynh hướng chống lại Triết lý Phân tích của Geuss và quan niệm riêng biệt của Geuss về Lịch sử Triết học.

Trước Raymond Geuss trong quyển *Philosophy and the Mirror of Nature* (1979) Richard Rorty (1931-2007) trong phần kết luận *Philosophy Without Mirror* đưa ra lời cảnh báo về khả năng “triết học đang đi tới chung cuộc” (*Philosophy is coming to an end*) nhưng sau đó tỏ ra hối tiếc đã đưa ra nhận định này và cho rằng đó chỉ là một kiểu nói có tính cách tu từ mà thôi. Rorty vẫn bảo lưu ý kiến cho rằng giáo sư Triết là cần thiết chẳng hạn để giúp sinh viên đọc những tác phẩm triết học vĩ đại đã tạo nên truyền thống, và cũng đưa ra quan điểm Tri thức luận là trung tâm của Triết học. Nói đến Tri thức luận tức là nhấn mạnh tới Luận lý học, nhất là phương pháp của những khoa học. Rorty và Geuss (sinh năm 1946) có một thời gian là đồng nghiệp ở Princeton và dù Geuss chỉ là một đồng nghiệp trẻ nhưng Rorty rất quý trọng (nhưng không hẳn đồng ý) những ý kiến của Geuss về một số vấn đề triết học và văn chương. Và Geuss cũng rất quý trọng Rorty tuy nhiên lại không chia sẻ nhiều quan điểm triết học của “người anh cả” này tuy cả hai đều khuynh tả và có khuynh hướng muốn bắc nhịp cầu với Triết học Lục địa. Ở Princeton, cả Rorty lẫn Geuss bị coi là “bad boys”, là những người có chủ trương tương đối (relativists), có ý định xóa bỏ sự khu biệt vốn được coi là thiêng liêng giữa chân và giả (truth and falsehood). Vì Rorty đã từng lên án chủ trương “công an tư tưởng” (Thought Police) của Committee on Instruction ở Princeton nên cả Rorty và Geuss đều tử giả Princeton (Rorty sang dạy ở University of Virginia và Geuss vào quốc tịch Anh và sang dạy ở Cambridge.) Geuss đưa ra kết luận “Philosophy is dead” ở chương kết quyển sách mới xuất bản *Changing the Subject/Thay đổi Chủ đề* (2017), một quyển lịch sử triết học khá khác thường. Theo Geuss “triết lý đã chết” vì những chỉ dấu sinh động của triết học trong quá khứ, sự hấp dẫn, tính sáng tạo và sáng kiến của triết học nay không còn nữa mà thay vào đó triết học giờ đây

chỉ còn là “trích dẫn” theo bốn phần và là những màn tái trình diễn có tính cách lịch sử (historical re-enactments) mà thôi.

Lê Thị Huệ: Anh và anh Đặng Phùng Quân đăng những loạt bài Triết và Văn chương trên Gió-O. Có người hỏi em có ông nào yêu ông nào không. Em nói tôi thấy hai ông đều có vợ con để huê. Nhưng muốn anh xác nhận, anh và anh Đặng Phùng Quân có phải là tri kỷ không. Hai anh cùng vượt biên đường bộ qua ngả Thái Lan. Tri kỷ trong văn chương hơi khó nhỉ?

Đào Trung Đạo: Từ nãy đến giờ anh em mình toàn trò chuyện về những vấn đề “nặng” quá. Thế nên nhân dịp “có. người. cướp. thời cơ” hỏi về mối liên hệ ĐPQ - ĐTĐ này chúng ta hãy nhân tiện làm một thứ ngưng, ngắt quãng “kind of interruption” trước là để hít thở, sau là để “cho vui. thôi. mà.” Câu hỏi “nhân cơ hội” lấy cớ Cô Huệ hay đăng bài của hai người kế cận nhau trên Gió-O suốt một giai đoạn dài cho đến nay hai người đã bắt đầu vào thời “tuổi. già mỗi mệ”. Thử quay ngược thật nhanh cuốn phim tựa đề “Tình thân hữu/Amitié/Friendship”: Anh và anh Đặng Phùng Quân chơi thân kể từ thời học trung học: đua nhau học, đua nhau đọc sách [cũng đua nhau ăn chơi nữa chứ, phải không?]. Xong trung học cả hai phải đi dạy học kiếm tiền nên thì giờ gặp nhau bị giới hạn. Xong đại học thì “đường. đời. chia ngã. đường. ai. nấy. a lê. bước”, anh Đặng Phùng Quân vào dạy ở đại học Văn Khoa còn anh phải “dzô lính” lên dạy ở Võ Bị. Sau 30 tháng Tư 75 anh Quân gần như bị cộng sản cho thất nghiệp bán phần (chưa phải đi kinh tế mới hay “nhập kho” là may rồi nhưng vẫn bị theo dõi, “canh chừng sẽ vượt biên”) còn anh đi tù cải tạo trong gần sáu năm. Nhưng phải nói anh coi anh Đặng Phùng Quân là người bạn thân nhất trong đời anh may mắn có được. Khi anh ở tù cải tạo tại trại Long Giao, gần dịp Tết Đặng Phùng Quân đã đi cùng vợ anh vào thăm anh. Và chỉ duy nhất chỉ một Đặng Phùng Quân thôi trong số những bạn thân của anh. Lê Thị Huệ hẳn cũng biết Kinh Thánh có câu (đại khái) nói rằng “người đến thăm ta khi ta bệnh hoạn tù tội mới thật sự là bạn của ta.” Khi anh ra tù cải tạo và chuẩn bị vượt biên đường bộ người duy nhất anh nghĩ cho biết và gợi ý có thể cùng đi, cùng chia sẻ hiểm nguy may rủi là anh Đặng

Phùng Quân. Số phần cả. Để ghi nhớ việc này anh đã làm bài thơ Đêm Xuân Vượt Sông Hậu (trong chuỗi Những Mùa Xuân Tử Sinh đăng trên Gió-O) để tặng Đặng Phùng Quân.

Lê Thị Huệ: Anh nói anh “chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp,” nhưng bây giờ anh sống ở Hoa Kỳ và đọc nhiều về văn chương Hoa Kỳ, nếu cho anh phát biểu vài điều khác biệt rõ về văn chương Hoa Kỳ với văn chương Pháp, anh sẽ nói như thế nào?

Đào Trung Đạo: Một cách tóm tắt: Sự khác biệt về triết học và văn chương giữa Pháp (lục địa) và Hoa Kỳ (tân thế giới) chính yếu nằm ở truyền thống văn hóa riêng của mỗi nước. Trước hết về triết học: theo anh, Pháp mạnh về việc “để ra” những triết gia độc đáo trong khi ở Mỹ truyền thống Triết học Phân tích (Analytic Philosophy) thống trị các Phân Khoa Triết ở các đại học lớn, danh tiếng giờ đây dường như đã “khựng” lại. Bù lại những nhà chuyên khảo triết học của Mỹ lại “đáng tin cậy” hơn những nhà chuyên khảo Pháp trong việc viết sách về các triết gia như Nietzsche, Husserl, Heidegger... chẳng hạn. Chính Françoise Dasture đã phải than phiền về những sách Pháp viết về Heidegger. Anh nghĩ điểm mạnh này của các chuyên gia Mỹ phần vì họ gần gũi với tiếng Đức, sang tận Đức theo học các “đại sư phụ” từ cuối những năm 20 thế kỷ trước, và cũng có thể vì họ là người Mỹ gốc Đức thế hệ thứ nhì, thứ ba. Một điểm mạnh nữa của Mỹ là ở chỗ một số các đại học Mỹ có nguồn tài chính dồi dào để đầu tư vào việc nghiên cứu. Điển hình về việc nghiên cứu nghiêm chỉnh của các chuyên gia triết Mỹ: trong khi những chuyên gia Pháp đã “Pháp hóa” Nietzsche thì những sách Mỹ viết về Nietzsche không những phong phú hơn mà còn nghiêm túc hơn. Về văn chương: rõ ràng tiểu thuyết Mỹ trong thế kỷ 20 Mỹ hơn hẳn Pháp, sáng tạo hơn cả về chủ đề lẫn kỹ thuật viết tiểu thuyết. Hơn nữa tiếng Anh ngày càng chiếm vị thế áp đảo trên thế giới và ngành xuất bản Mỹ cũng khá mạnh trong việc phổ biến các tác phẩm giá trị, “có tiền in và có thị trường tiêu thụ” để có thể cho ra mắt những quyển tiểu thuyết hay dịch từ các ngôn ngữ khác dày từ trên 500 trang đến trên 1000 trang.

Lê Thị Huệ: Nhìn về nền phê bình trong nước anh đánh giá như thế nào?

Đào Trung Đạo: Bằng câu hỏi này quả thực Lê Thị Huệ “to hold my feet to the fire”, hết đường tránh né. Trước hết, anh nghĩ Việt Nam cho đến thời điểm hiện tại không có “phê bình văn chương” đúng nghĩa nói chỉ một “nền” phê bình. Một cách khái quát: Ở giai đoạn 1925-1945 những nhà gọi là “phê bình văn chương” phần lớn gốc Nho học, mới làm quen với văn học Pháp nên chưa nắm vững – hay đúng ra chưa biết – lý thuyết phê bình văn học hiện đại Tây Phương và cũng còn luẩn quẩn với những tay viết cáo luận Trung quốc như Lỗ Tấn, Quách Mạt Nhược... Chính vì vậy mới nổi lên cuộc tranh luận “văn chương vị nhân sinh hay vị nghệ thuật” thật ngớ ngẩn hoặc cuộc bút chiến về Truyện Kiều có tính cách chính trị hơn là văn học. Trong bản chất vốn dĩ văn chương là tranh biện (contestation), thách đố, bất dung chấp quyền lực, nhất là quyền lực chính trị. Thế nên có pha “hàng tấn muối” vào văn chương thì văn chương cũng chẳng “có vị” hay “vị” cái gì. Ở giai đoạn 1945-1955 khi Trường Chinh sao chép bài viết của Mao Trạch Đông về văn chương nghệ thuật đọc tại hội nghị Diên An thì “phê bình văn chương” trở thành “lý luận văn chương” có nghĩa phê bình từ nay phải theo chỉ đạo của Tuyên giáo, một thứ quái thai “lý luận nhai lại” của các “hồng vệ binh văn học”, kiểu lý luận văn học quái thai này chỉ có ở xứ Việt Nam cộng sản. Đây là giai đoạn khổ nạn, mặt vận của phê bình. Chúng ta cần hiểu rõ điều này: người cộng sản khi đã nắm quyền cai trị họ giữ “độc quyền nói, phát ngôn” đủ cho phát ngôn của họ là dài-dai-dở đi nữa. Nếu ai phản bác quyền hành này người cộng sản sẽ dùng bạo lực, tù đầy để bịt miệng, dẹp bỏ tức thời. Hai thí dụ điển hình: Vụ án Nhân Văn Giai Phẩm trong quá khứ và “vụ án Nhã Thuyên” mấy năm trước đây. Hiện thời tình cảnh này cũng không thay đổi. Vào những năm 70 thế kỷ trước Miền Nam có đôi ba người viết phê bình văn chương muốn đem những lý thuyết phê bình như của Sigmund Freud, Gaston Bachelard... ra áp dụng vào việc quảng diễn văn chương Việt Nam nhưng lại tự giới hạn, khoanh vùng vào việc “chỉ luận về văn chương Việt Nam.” Từ thập niên 60 thế kỷ 20 lý thuyết phê bình văn chương thế giới – nhất là ở Pháp – đã có những bước phát triển mạnh mẽ, khai phá những sự hiểu biết của giới trí thức Miền Nam còn rất hạn hẹp tuy có không ít người học văn chương ở Pháp trở về nước giảng dạy ở đại học. Nói chỉ giới

ngiên cứu Miền Bắc hoàn toàn mù tịt về lý thuyết phê bình văn chương Tây phương. Trong giai đoạn này trí thức Miền Bắc kể cả những người du học ở Nga hay các nước Đông Âu trở về cũng chỉ loay hoay với một vài tác giả lý thuyết văn học Nga cũ kỹ. Chính vì những lý do nêu trên nếu có dịp đọc sách văn học xuất bản ở trong nước anh chỉ đọc những quyển dịch thơ chữ Hán và thu tập giải nghĩa thơ chữ Nôm của Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Cao Bá Quát... hay những chuyên luận về văn chương cổ điển Việt, và về ngữ học như sách của Nguyễn Tài Cẩn hay Cao Xuân Hạo chẳng hạn.

Lê Thị Huệ: Em thuộc khuynh hướng thực tế. Với tình trạng bạo động, áp bức, cái ác phơi bày ra trên mạng, trên game, trên thông tin, trên phim ảnh như hiện nay, anh có nghĩ triết lý đạo đức chen chân vào chỗ nào đâu để giải thích các cường lực đang chế ngự con mắt và trí óc của chúng ta khi mở máy ra xem, đọc, nghe đọc về hiện tượng này hiện nay?

Đào Trung Đạo: Thực ra, triết học không có nhiệm vụ đưa ra giải pháp, lời giải đáp đạo đức cho những vấn nạn của thời đại mà chỉ phân tích những hiện tượng này và để mọi người cọ sát với thực tại và tự tìm ra lời giải đáp. Nghĩa là làm cho mọi người ý thức được vấn đề. Tính chất tiên phong của văn tự triết học (*écriture philosophique*) nằm ở sự xuyên thủng thực tại và thách đố con người tự tìm ra lời giải đáp.

Lê Thị Huệ: Anh nghĩ sao về cụm từ “Hậu Hiện Đại” (Post-modernism) được một số người viết tiếng Việt cả trong và ngoài nước hay dùng?

Đào Trung Đạo: Một cách khái quát: Anh có đọc đôi ba người ngoài nước viết về Hậu Hiện Đại. Nhìn chung, nhờ ở ngoài Việt Nam những người viết này có hoàn cảnh tham khảo những sách về Hậu Hiện Đại (hầu hết là sách tiếng Anh) nên có đưa ra được một số thông tin cần thiết. Thế nhưng những sách Mỹ này phần lớn lại do những người viết không chuyên về Triết nên có khuynh hướng chỉ xem xét Hậu Hiện Đại trong phạm vi văn chương nghệ thuật hoặc chính trị xã hội và đa số họ là những

người thiên tả. Chẳng hạn sách của Jürgen Habermas, Frederic Jameson hay Terry Eagleton (anh này thì quá thô thiển). Quyển *The Condition of Postmodernity* của David Harvey hay quyển *Paraesthetics* của David Carroll khá hơn. Nếu quả thực là người muốn tìm hiểu Hậu Hiện Đại một cách nghiêm túc và tường tận thì không thể không đọc những sách của Michel Foucault, Giles Deleuze, Jacques Derrida, và Richard Rorty. Khốn nỗi sách của ba triết gia đầu khó đọc và cả ba vị trong sách vở của họ không hề nhắc tới “Postmodernisme”! Thi thoảng trong vài bài viết hay phỏng vấn họ chỉ nhắc đến việc chúng nhân gọi họ là những triết gia hậu-cấu-trúc. Mặc dù Jean-François Lyota tác giả quyển *Condition Postmoderne* được nhiều người biết đến (hình như ở Việt Nam có bản dịch tiếng Việt) nhưng quan điểm của Lyotard về Hậu Hiện Đại không được giới triết học Pháp hoan nghênh [Có thể xem bài Rorty phản bác Lyota *Cosmopolitanism without emancipation: A Response to Jean-François Lyota* trong *Objectivity, Relativism, and Truth*]. Người viết về Hậu Hiện Đại trong nước? Hết sức “vớ vẩn”, “sở tri bất túc”! Cũng chẳng trách được vì trong nước trước hết nếu hiểu và huých toẹt ra là Lyotard quan niệm chủ thuyết Hậu Hiện Đại hoàn toàn bác bỏ “siêu-tự-sự” Mác-xít và học thuyết phân tâm học của Freud thì sẽ được Tuyên giáo “sờ gáy” ngay [cũng may các lãnh đạo Tuyên giáo phần đông thuộc thành phần “bổ củi gánh nước” cho nên – nếu quả thực có bản dịch này – đã để cho bản tiếng Việt *Condition postmoderne* của Lyotard thoát vòng kiểm duyệt); sau nữa những người viết trong nước không có khả năng ngoại ngữ và chuyên môn cũng như không có sách vở Âu-Mỹ viết về Hậu Hiện Đại để tham khảo.

Lê Thị Huệ: Và thơ Tân Hình Thức lao xao với các bạn thơ Việt trong và ngoài nước nữa chứ!

Đào Trung Đạo: Thơ Tân Hình Thức Việt cả ngoài lẫn trong nước tuy là một nỗ lực “làm mới” nhưng cho đến nay chưa có những thành tựu đủ thuyết phục cả về lý thuyết lẫn thực hành. Lê Thị Huệ dùng chữ “lao xao” để mô tả tình cảnh này khá thú vị vì theo anh biết những người làm thơ theo kiểu Tân Hình Thức dường như “chẳng ai chịu ai”. Khế Iêm người chủ trương Thơ Tân Hình Thức ở Mỹ cho rằng đổi mới thơ phải đổi mới cả hình thức lẫn nội dung nhưng khi

đưa ra cơ sở lý thuyết không những có tính chất “chiết trung” mà còn dựa trên những kết quả khám phá sinh học chưa được nhìn nhận: kết hợp nhịp điệu và cảm xúc của thơ truyền thống (từ bán cầu não phải nơi phát sinh nhịp điệu, cảm xúc) với ngôn ngữ và kiến thức của thơ tự do (phát xuất từ bán cầu não trái).

Lê Thị Huệ: Anh tâm đắc quyển thơ “Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền” của Mai Thảo, anh có thể nói về điều này?

Đào Trung Đạo: Tâm đắc? Có và không. Anh chú ý tới bài viết “bờ cõi khởi đầu” Mai Thảo viết về Thơ đặt ở đầu tập “Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền” như một Khai từ, hay đúng ra là “trực quan về Thơ” của tác giả. Nói rằng đó là “trực quan” vì Mai Thảo là con người cảm tính, trực giác chứ không phải con người của lý trí văn chương, lý thuyết văn chương. Những thi sĩ tầm vóc thế giới thường có bài viết về quan niệm thi ca của mình, và Mai Thảo đã viết về “Thơ”, một điều hiếm có đối với người làm thơ Việt tuy chưa hẳn đã bước vào ngưỡng cửa một quan niệm về Thi Ca. Trong “bờ cõi khởi đầu” Mai Thảo nói về những cái “cõi không” phía sau “tứ tượng” của vũ trụ thơ: dọc-ngang-trên-dưới đều dẫn tới “cõi không. Không còn gì nữa hết.” Và Mai Thảo nói rõ “Cõi không là thơ. Nơi không còn gì nữa hết là khởi đầu thơ. Một xóa bỏ tận cùng. Từ xóa bỏ chính nó. Tôi xóa bỏ xong tôi. Không còn gì nữa hết. Tôi thơ.” Đó là cõi thơ Mai Thảo. Ảnh hưởng tư tưởng Trang Tử Nam Hoa Kinh rất rõ. Nhưng điều đáng yêu là Mai Thảo cuối cùng đi tới sự xóa bỏ chính bản ngã mình để chỉ giữ lại “tôi thơ.”

Trên 90 bài thơ trong “Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền” phần lớn là thơ cảm tác viết suốt dọc lộ trình thi ca trên 30 năm với những giai đoạn Mai Thảo “trốn” thơ thời trẻ và đến cuối đời “không thể trốn” thơ. Bài “Cúi Đầu” ban đầu Mai Thảo ký bút hiệu là Nhị được Thanh Tâm Tuyền đăng trên trang Văn Nghệ của nhật báo Dân Chủ (chủ nhiệm Vũ Ngọc Các, tòa soạn ở đường Phạm Ngũ Lão, Saigon) năm 1957 (?). Chính bài thơ này là khởi đầu một tình bạn lâu bền giữa Thanh Tâm Tuyền và Mai Thảo. Còn đa số những bài khác Mai Thảo viết từ khi tỵ nạn ở Mỹ cho đến năm 1986. Mai Thảo thích sử dụng lối thơ bảy chữ, có nhiều bài bảy

chữ bốn câu. Và lục bát Mai Thảo cũng khá độc đáo. Nhiều bài viết về “thời kỳ trại đảo” khi Mai Thảo sống ở trại tỵ nạn dành cho thuyền nhân. Một số bài viết về thân hữu với giọng điệu riêng tư thân thương. Anh cho rằng những bài thơ Mai Thảo nói lên được chủ đề thi ca có tính chất phổ quát là những bài thơ hay: vì thơ hay phải vươn từ cái riêng tư để tới cái phổ quát. Chẳng hạn những bài “Không tiếng”, “Em đã hoang đường từ cổ đại”, “Trừ tịch”, “Nghe đất”, “Một mình”, “Dỗ bệnh”, “Mỗi ngày một”, “Không hiểu”, “Nửa đường”, “Mộ thuyền”, “Thơ xa”. Anh đặc biệt thích bài “Chỗ đặt” : “Đặt tay vào chỗ không thể đặt/Vậy mà đặt được chẳng làm sao/Mười năm gập lại trên hè phố/Cười tùm còn thương chỗ đặt nào.” Thật thú vị khi đọc một Mai Thảo Công Tử Hà Thành Độc Thân Suốt Đời bóng gió bông đùa! Trong kinh nghiệm đọc những tuyển tập thơ cả Việt lẫn ngoại quốc anh thấy một tập thơ có được một phần ba những bài hay đã là quý rồi. Trong số những bài hay này lọc lại cũng chỉ còn năm ba bài là “thật hay” được người đời yêu thích và những nhà phê bình ngưỡng mộ.

Văn Học Mới được Nhà văn Đào Trung Đạo cho phép lấy bài này từ trang web © gio-o.com. Theo anh nghĩ, như chính anh gửi thẳng cho tờ báo.

LÊ THỊ HUỆ - ĐÀO TRUNG ĐẠO



NGUYỄN LƯƠNG BA

CĂN NHÀ Ở VÂN DƯƠNG

Tôi đứng nơi hàng hiên
căn nhà có mái che
phủ nhìn ra bầu trời
xám gió trong bóng dáng

căn nhà chỉ còn là
cái mái che với những
khung cửa gian phòng yên
lặng đốt lên hình ảnh

chỉ còn là bóng em
kín đầy gian phòng yên
lặng này thật là yên
lặng một cái gì mong

manh dang dở phải anh
nhớ căn nhà long lanh
với cái khung cửa gian
phòng còn lại em ngọn

đèn bên khu vườn u
tối bài học nửa đêm
tiếng dế râm ran ôi
mưa tí tách căn nhà

có mái che lạnh lùng
mưa rơi tí tách anh
nhớ anh nhớ đường về
em Chi Em Diệp đó

tình yêu để làm gì?
anh về lại nơi đây
đứng đây yên lặng nghe
nhớ lại nghe những lời

âu yếm ngày nào em
đạp xe ngang gian phòng
yên lặng này với cái
khung cửa anh vẫn thường

hát thật to em đạp
xe ngang em cứ đạp
xe ngang và anh cứ
hát thật to nhiều khi

cũng khùng em cứ đi
tà áo thiết tha trên
đường em đi những ngày
tôi đã trở về đây.

NGUYỄN LƯƠNG BA



LỤC BÁT HUỲNH LIỄU NGẠN

Rồi quên

Rồi quên đi cả cuộc đời
Uống công đứng ngóng mây trời thênh thang
Rồi quên như suối xa ngàn
Như sông xa nước như làng xa quê
Rồi quên giữa cõi u mê
Để không còn nhớ ngày mê mãi tìm

Tìm chi ngày lại qua đêm
Thì trăng sáng cũng trăng chìm giữa khuya

cây trên núi gió trên cành thế thôi

hình như em đã xa anh
cây trên núi gió trên cành thế thôi
hình như trời cũng đổi ngôi
năm qua tháng lại mờ cõi tuổi đời.

quét lá sân chùa

hôm qua lá rụng sân chùa
bởi vì mưa gió cũng vừa qua đây
tam quan cổ đứng chấp tay
nhì tôi quét lá đổ đầy hư vô
ghỉ tay tôi liếc nhìn cô
thấy đôi mắt nhắm nam mô phật hoài

người đi gió núi mưa ngàn

người đi như thể trắng chìm
qua sông đợi bóng gió tìm ngọn cây
tôi xin thêm chút hao gầy
góp trăm năm một góc đầy nhớ thương
người đi hoài vọng tơ vương
hỏi thăm mộng có vô thường tay đàn
người đi gió núi mưa ngàn
nên tôi lạc giữa gian nan của người.

qua đồng anh đợi gió đông

qua đồng anh đợi gió đông
anh đi dò sớm dòng sông lặng buồn
qua đồng anh đợi nở bông
em đi thuở đó lâu không thấy về
qua sông thả mấy lời thề
nước trôi em vớt lời thề kịp không.

HUỲNH LIỄU NGẠN



CHUYỆN CỦA MẤY NGƯỜI

Cây bàng lơ đồ nắng
dấu vết mốc meo lưng sóng
mỗi ngày chêm chêm tí lửa
vàng cánh gió làm con tim hỗn hển.

có bà già nọ dắt trưa lên đồng
đem câu thơ gãy ngời hong quê mùa
thằng bé ngó đăm đăm bấy sẻ ngô
thối trắng cái sáo diều đăm chiêu

cô gái nọ cũng vắt vẻo phần trong trắng
thối hồn làm tinh chất
bỏ vào lọ điểm trang
bên kia cây bàng vẫn lơ đồ nắng

mấy tàn lá phủ xanh thời không tuổi
ai đó gọi tên mình bằng cái nhìn khiếm thị
chăm chăm chăm chăm suy tư
lẽ nào bà già lên đồng giặt nắng

lẽ nào thằng bé tắm trắng thời xanh
lẽ nào cô gái hao hao hồ nhạ cảm
ai đó ngồi chờ hỏ cặm cụi ước ao

THỰC ĐƠN TÔI

lật dở thực đơn nằm bàn tay
thèm chút ai đong đo dạ dày
tháng ngày trôi có khi củ cải đất
có khi quê mùa côi cút giàu sang

bật nhớ món dưa chuột nhồi nhét
bỏ tiêu bỏ ớt bỏ hành lên hương
bỏ lâu không khí thành men quả
có khi cuộc đời bỏ thành rượu hoa

tối ngày bụng bày tôm thịt cá
thêm trứng thêm chả thêm sò nghêu ngao
buồn vui điệu thuốc quên mùa nhớ
có khi tỉnh giấc sức chiều lên cao

lúc lủi thủi nhai mòn sự sống
phì phào hơi thở thiếu đủ ưu tư
tôi ăn tôi chút lãng phí thời gian
tôi uống tôi chút không gian mạn sầu

có khi gặp bạn miễn sâu bóng
cà-phê đen đắng ngọt phận người
lại lật dở thực đơn nằm bàn tay
thèm chút ai đong đo dạ dày.

LÊ HÙNG TIẾN



NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

**NGUYỄN TÔN NHAN,
CUỘC HÀNH TRÌNH
ĐẦY ẤP TIẾNG RỒNG NGÂM**

Ngậm trầm thiêng trở lại giấc du mộng hoang sơ, hiển hiện một sự trầm tích kỳ diệu của tinh hoa trời đất, tất cả như ánh sáng trắng soi rọi xuống hồn hoa. Lũ khách ngồi bên tảng đá xanh, rêu phong tích tụ từ ngàn năm trước, chìm ngất giữa không gian đầy tiềm thức cô độc bay vờ trong ảo giác thực hư. Chính cái ảo diệu phi thường đạo đó , đã lập trình một thế giới tuyệt diệu mang đầy chất liệu phong thần, đưa đẩy hoang sơ chìm đắm giữa trận đồ lập thể và đầy phong vũ. Từ đó, bao nhiêu đột biến của tâm thức dần trải suốt nẻo về, luôn luôn tức khắc biến sinh, phù ảo hằng hà sa số hoạt cảnh, từ tâm hiện cảnh. Thoát biến thoát hiện, dần trải bao nhiêu phong cảnh hoạt hoá tận cùng mọi nẻo trời riêng, đối thay lớp lớp như khói phù du len lỏi vô chừng, mà trong lớp ảo

“*máy huyền vi mở đóng ào*”. Cái chớp nhoáng biến thiên tận cùng mọi vật thể trong vũ trụ, xoay vần khi tụ khi tan, chuyển hướng từng giây khắc biểu hiện tích tắc suốt phương ý bao la. Mênh mông, vút ra khỏi tầm nhìn của nhân thế, ngoài trí tuệ quy hồi giữa cơn giác ngộ phi thương, lũ khách bùng sáng bản lai mà hằng hà kiếp số đóng lớp giữa cuộc phiêu du định mệnh. Ánh sáng loé cuối đường hầm, bật sáng cả tâm can và rục rở trái tim đang từng cơn lốc chìm ngấm giữa những cuộc hôn mê, ảo giác phủ chụp như chiếc lưới thiên la địa võng, giam lỏng bản thân trong cái sắc không. Bao nhiêu cái biết, cái sáng hoá của tha nhân, cũng chỉ là một ngọn nến lẻ loi bùng cháy bi thảm giữa bão bùng gió táp. Nhỏ nhoi như hạt bụi lặn lốc tự nơi nào ai biết ai hay, nếu một phen hạt bụi phong trần cố vươn mình lên tiếng thì còn chờ có kẻ tri âm, như tiếng đàn réo rắt cô đơn bên dòng suối vắng, còn ngóng tai chờ đợi trượng phu. Bước vào tuổi thanh xuân, những đột biến tâm thức mà trăm người xuyên suốt bước qua ngưỡng cửa cuộc đời, định số sàng lọc vài con thiêu thân đủ sắc màu tục lụy cho chìm đắm giữa nghiệp văn chương. Trước bao nhiêu văn thi sĩ, ai người lại chọn trước được cho buổi đầu tiên chấp bút, vì vậy thơ là diện mạo điểm ảo bước vào cõi lòng cho thi sĩ ở buổi sơ khai... một Đặng Thữ Cữu, với dòng thơ tuyệt diệu reo rắc tinh hoa đã ôm lấy nghiệp thi ca trước khi là một nhà văn lão luyện kỳ tài. Một Nguyễn Tôn Nhan cũng từ *Thánh Ca* mà hơn sau 30 năm đã trở nên một học giả đầy chiêu thức đặc thù trong nghiên cứu văn học Trung Quốc. Một Mịch La Phong, thiếu thời đã là một thi sĩ, nghiêm nhiên thành đạt sâu sắc trên *Phong Thủy*, *Thiên Văn*, *Lịch Pháp*... thi ca đã chấp cánh cho biết bao nhiêu lũ khách văn nghệ hào sảng trên chiếc thảm đỏ lễ nghi, nghiêm túc bước vào mọi ngõ ngách nghệ thuật.

Nguyễn Tôn Nhan đi vào thơ ca như một tia chớp sáng tận khung trời riêng hào nhoáng và rục rở. Khoảng năm 1962-1963 ào ạt một không khí di thức của các sĩ phu Bắc Hà, tạo một tư tưởng sáng hoá mới cho văn chương miền Nam, bằng những khuynh hướng cận đại, tạo làn gió tân kỳ và tuyệt diệu cho dòng văn nghệ triết học tự do phóng khoáng, vượt thoát tư hướng cổ điển của thi ca và văn chương thời thượng, còn nép ở xó nhà quê chung thủy, có hậu... *Hổ Thảm Tư Tưởng* của Phạm Công Thiện, một hành giả

đạt ngộ lúc 20 tuổi, đã đẩy cho thể hệ văn nghệ sĩ trẻ hùng tâm bước vào một lối giải thoát, chúng ngộ cho con đường sáng tạo riêng mình. Cũng như, *Ngày Sinh Của Rắn*, Phạm Công Thiện đã đẩy lùi tư tưởng thơ cổ điển với những hải nguyệt phong vân vần điệu đơn cách, bay khỏi hàng rào tư tưởng siêu thực đương thời, chấp vá cho thi ca tượng trưng len vào khoảng không điệu vợi của nền văn chương thế giới. Tất cả người cầm bút trẻ hầu như đều canh cánh bên lòng, sự sáng tạo kỳ thú của một phong thái mới ứng phó với cái văn chương vần điệu, chìm đắm trong cái hình ảnh “*Có chim mộng về bay đầu giường*” bằng trực giác đầy khoa học siêu nhiên và mạnh bạo “*Tôi thủ dâm mặt trời / Sinh ra mặt trăng*”, có nhiều đóng góp kỳ lạ làm hứng khởi cho các cây viết trẻ, coi như chuẩn mực đập phá cái cũ đưa hiện thực trần trụi và ngôn ngữ lạ còn khuất trong một cõi đạo lý cổ điển ra trình diện với mặt trời. Cái hay dở hậu xét, nhưng trong giai đoạn cách đông hơn 40 năm nay, phong trào Hippy và lối hội hoạ trình diễn, thật sự tô điểm và giúp sức cho cái mới được tạo dựng, được hỗ trợ tương quan. Ta hãy nghe Nguyễn Đăng Thường bày tỏ khi cầm thi tập *Thánh Ca* của Nguyễn Tôn Nhan lúc 16 tuổi, thi tập đầu tay báo hiệu trước một tài năng mới, mà Thường tâm sự “*khá táo bạo, thậm chí có tí hương vị Rimbaud, một Rimbaud không vô thân*”: cái ngạc nhiên thích thú lúc ấy tất nhiên đến từ ngôn ngữ, vần điệu, hình ảnh, vừa giản dị tươi mát, hồn nhiên như thể tác giả đã ứng khẩu thành thi, vừa tân kỳ, siêu thực. Nhiều câu thơ được lặp đi lặp lại nhưng không gây nhàm chán. Thiên nhiên vẫn được nhân cách hoá nhưng không để phụ hoạ cho tình cảm con người, mà gần như ngược lại, trời, sao, mây, nắng, mưa, chim...đều có cá tính và hầu như chống chọi thi nhân: Trời ngập đầu trong nước xanh / Sao đi lang thang / Mây cắn nát cả hồn / Nắng nằm trên nóc nhà ga / Mưa dừng đứng / Chim có kinh... Thi nhân chỉ “nhận định tình thế”, không than van kể lể về số phận hay tình yêu, chàng (thi nhân) và nàng chừ những kẻ hoàn toàn xa lạ nhau

Cái không khí của *Ngày Sinh Của Rắn* bàng bạc trong tận cùng của thi tập *Thánh Ca*, nhưng cái da thịt của tác phẩm Nguyễn Tôn Nhan là sự náo nhiệt của một sự quày quả bước ra khỏi tâm thức của một nhân loại mù bước đi xuyên thấu tách rời khỏi lộ trình của những bước chân quen thuộc, mà một không gian cổ kính của

ngày tháng phong kiến còn như tơ nhện giăng đầy giữa tư thức điển cổ. Cái bất chợt của nhận thức hôm nay, đột biến giữa chu kỳ không gian mới: *“Tôi mọc trên núi cao / Trở trái buồn bốn mùa”*. Hình như, bước đi của chàng thi nhân trẻ tuổi vội bước quá xa trên tầm ngắm dự phóng một đạo ngộ, vừa đạt được trong giây phút thoát thai nên *“Mưa chập chờn ướt sũng cơn điên / Tôi suốt đời vẫn quần tã xanh”*... ở một cư địa *“Của buổi chiều chưa kịp vỡ”*. Một thời thượng đế sáng tạo ra vạn vật, dù là một ý thức hảo huyền để đưa đẩy thơ vào một cơn hồng thủy chìm đắm bốn bề ảo vọng của huyền thư: *“Tôi bay lên rừng sương thu / Dơi về cánh rất mỏng / Biển chìm tôi ngã để / Tôi phán hãy có những mặt trời / Tôi nhận chìm thượng đế / Động máu tươi”* Nguyễn Tôn Nhan đã đánh dấu ở tuổi thành niên, một sự bay nhảy nghiệt ngã, phá phách, tung đôi cánh thủy tinh trong một không gian đầy tinh tú uy nghi. Cái mới làm Nguyễn Tôn Nhan khuynh khoái, động lòng với những cách tân, mà đóng góp bằng những tri thức của một nhà thơ chập bước vào đời bằng đôi gậy thi ca, cho động cánh hoàng hôn. Dù sao đi nữa, tung tích của *Thánh Ca* vẫn lẫn khuất vào cái mơ hồ của thế sự, nếu không có một Nguyễn Đăng Thường đã hơn 30 năm tình cờ bảo lưu cổ vật cho cuộc triển lãm kỳ bí ngày hôm nay.

Có thời gian anh em văn nghệ đồng chiếu, thường xuyên giao lưu gặp gỡ quen biết nhau tự nắng sớm mưa chiều. Cùng tâm huyết bước vào thơ, hoan hỉ cật lực xây dựng khu vườn tâm huyết. ở thời buổi mà tất cả báo chí văn chương được coi như kinh điển gối đầu giường như Văn, Khởi Hành, Văn Học, Bách Khoa, Thời Tập...anh em chung chiếu thường xuyên xuất hiện với tác phẩm như một niềm say mê đại thể. Tôi rất mê thơ Nguyễn Tôn Nhan , nhất là những sáng tác đăng trên Khởi Hành với những kiệt tác có một phong cách lướt thướt biến thiên trước ngõ sống vô thường. Lúc này Nguyễn Tôn Nhan đã bước vào một thế giới thơ âm hưởng nhiều không khí Lão Trang, tách hẳn bước đi động vọng của một chàng Hippý áo hoa, phá vỡ ngôn ngữ chiêu linh ở *Thánh Ca*. Anh có hẳn một phong cách thi ca đậm thắm và kiêu sa hơn, dĩ nhiên là phong thái tiêu dao, sáng tạo khiến túi thơ Nguyễn Tôn Nhan nặng trĩu tài hoa như một lão phu cang tục luy và nặng vẻ phiêu bồng. Nguyễn Tôn Nhan bước hẳn qua một phong cách mới, điềm nhiên tự tại dẫm nhẹ trên bước đường

“Rông nằm từ buổi chim đi / Vầng trăng rớt lại chút gì âm âm / Rồi ra vạn đại nín câm” để rồi “Chẳng còn vọng một tiếng thăm nào sao?”. Nguyễn Tôn Nhan lật bật trời dậy giữa đêm khuya đầy sao rụng trắng xoá sân nhà, chiêm bao chưa thấu rõ phương nào xuất hiện, thì cơn đại mộng lại chờn dậy một thoáng liêu trai, nhà thơ bước vào giai đoạn Xuất Cốt Ca, như một khuynh hướng sáng tạo thay đổi cho thi ca được lạ mới theo một quan niệm cũng lạ mới, đầy linh phách rung rung, thổi phù theo ánh trăng tàn cuối đông vậy. Cái nhóm dậy giữa một vùng bạch cốt, xoã trần tóc ngã trên vai mà ráng chiều thu cũng ngã bóng cho mười phương vang dội trung đình tiếng kêu, quả thật, có gì phù thủy hơn trong buổi chiều cuốn đi cát bụi thổi nhanh qua kiếp người. Khuynh hướng chuyển động quang hoá trong tập thơ này, đã đánh động như một quan niệm để thơ Nguyễn Tôn Nhan bước vào một khung trời sáng hoá cách tân theo ngõ bước thời gian trôi qua. Nhìn lại, chiếc áo càng được mới đi, có lúc cũng khiến tha nhân cảm thấy an lòng trên sự biến dịch tự nhiên của phong thổ. Nhưng cũng có lúc, khiến người ta tiếc rẻ những lưu trú xứ đầy hạnh phúc và rục rờ qua những tâm huyết của tác phẩm một thời. Chính cái không khí của *Xuất Cốt Ca*, *Thánh Ca*, đầy rẫy những pháp chiêu của hư thực, mờ ảo trong những ảo giác mênh mông và sương khói liêu trai, đã tạo một dòng thơ tiên đoán mang chút ẩn số, tùy tâm người thưởng ngoạn mà thấu nhận tinh hoa một cách khác nhau. Nguyễn Tôn Nhan bước qua giai đoạn thứ 3 trong thi ca, khiến chùm thơ 3 câu như một sấm thi, loang loáng những lời ẩn dụ, phi thường hay không cũng được trả lời bằng cách thông thấu và trực giác của người đọc. Anh đánh đổ tha nhân bằng những cách phi thường như Nostradamus ẩn chứng và diễn đạt. Có ai hiểu nổi sự vô thường và đạt ngộ vẫn trải dài trong định kiếp nhân sinh. Hoạ thì a tăng tỳ kiếp, mới có một kỳ nhân đầu số, sắp xếp thế trận ẩn ngấm như một dự báo, phải chăng người trí không được bước vào suy luận, phỏng đoán mà lạc nẻo mê cung. Vậy thì kẻ vô tình, vô hình chung có bật sáng được tâm thức trước những dòng sấm kỳ bí? Ví dụ “*Qua đi. Qua đi. Qua đi / Độ nhau bằng cái chớp mi cuối cùng / Thế là có đủ thần thông*”. Muốn bừng sáng lục thông, các bậc đại giác phải trải qua hành trình hoá thân hằng bao nhiêu đại kiếp. Để gì bước nhỏ 2 tắc phiêu bông lại nặng nề như một góc núi

Tu Di. Khi thì nhẹ như lông hồng, khi thì trĩu nặng chìm sâu biển cả. Giữa cái thực và vô, có bao giờ bước qua cái tử sinh và giấc ngộ, để thông hiểu cái *niêm hoa vi tiếu* “*Tay còn đoá sen vàng / Giơ lên cho chín mười ngàn cùng coi / Không ai mỉm chút môi cười*”

Tôi nhớ năm 1974, khi Viên Linh sáng lập tờ Thời Tập, một tạp chí được nhiều sự cộng tác và đẩy phong cách sáng tạo mới. Nguyễn Tôn Nhan có đăng tạp luận về một bài thơ Hán Nôm Ngôn Hoài của Không Lộ Thiền Sư:

Trạch đắc long xà địa khả cư

Dã tình chung nhật lạc vô dư

Hữu thời trực thượng cô phong đỉnh

Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư

Khi Thời Tập ra mắt, tôi có bàn với Nguyễn Mai và anh Viên Linh về câu chót của bài thơ, theo Nguyễn Tôn Nhan tiếng hú dài là một chứng ngộ siêu tuyệt của bài thơ thiền có đượm chút huyền bí này. Theo tôi cái *động* của tiếng hú không phải là đáp án để làm chấn động cái *tĩnh*, mà sự đột ngộ “sát na” *tích tắc sau tiếng hú và sau sự kiện lạnh hư không* mới là kết quả của bài thơ. Tiếng hú rồi hàn thái hư chỉ là tiền đề của đáp án.

Bài thơ có một chút âm hưởng của sấm luận, chính vì vậy khi Nguyễn Tôn Nhan bước vào căn cơ dẫn chứng bằng những tập thơ qua 3 dòng quan niệm thi ca *Thánh Ca, Xuất Cốt Ca, Lục Bát Ba Câu...* Thì rất dễ hiểu Nguyễn Tôn Nhan thị nhận được cái tinh hoa ngó thấy viễn tượng siêu việt qua thơ, là điều tất nhiên có lợi cho thi nhân. Ngoài cái sáng tạo tự phát minh, thì người thơ phải là một nhân vật tiêu biểu cho chính bản thân và quan điểm thi ca của chính riêng mình. Phải công tâm mà nhận thấy rằng, người thơ đã phá vỡ mọi ý thức bao vây từ trước đến nay, anh tạo dựng và khai sáng được một mặt thuyết vi diệu cho chính ngôn ngữ thi ca, vượt thoát qua mọi hình thức vô thường, tạo cho mình một sức mạnh ẩn tàng trong tư tưởng, suy tư, vạch ẩn ngữ tìm tòi một nguồn sáng, vút khỏi lỗ đen chất ngất của thơ hiện tại, vượt qua một cách không khó khăn và diệu kỳ như một huyền thư.

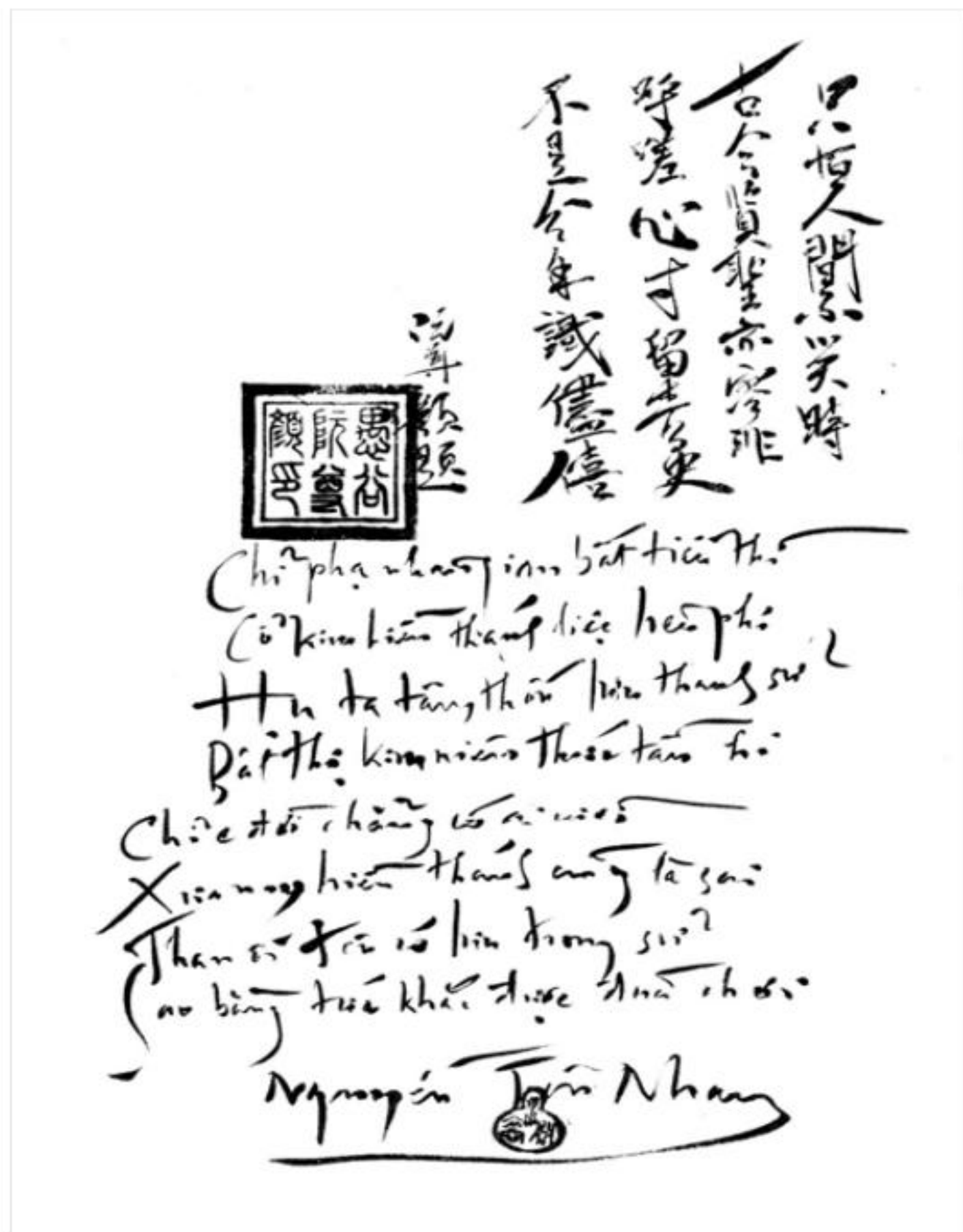
Bây giờ chắc có lẽ Nguyễn Tôn Nhan vẫn còn lẩn quẩn quanh thơ, làm sao vút bỏ được thơ đã đeo đẳng theo anh suốt 50 năm nay. Nhưng anh tạm khép lại để thi ca un đúc ẩn tàng trong

những khoảnh khắc thừa trừ này. Biết đâu ta lại chẳng đọc được vài sáng tạo mới trong thơ Nguyễn Tôn Nhan ? Gần 20 năm nay, Nguyễn Tôn Nhan chấp bút biên dịch và soạn thảo nhiều tác phẩm kinh điển của Trung Quốc. Sự chững chạc , nghiêm túc trong từng tác phẩm đã giúp xã hội thêm nhiều dữ liệu đặc biệt, chấp nối cái nhận định cũ, bằng những nét nhìn về những tác phẩm Trung Quốc, khá riêng của nhà nghiên cứu Nguyễn Tôn Nhan . Thấm sâu vào dòng văn minh văn hoá Trung Quốc, vô hình chung Nguyễn Tôn Nhan đã góp thêm cho người đọc những kiến thức và tư hướng đặc thù. Anh hoàn thành dịch thuật các bộ sách: Từ Điển Văn Học Cổ Điển Trung Quốc, Đạo Đức Kinh, Nam Hoa Kinh, Xung Hư Chân Kinh, Tự Điển Thành Ngữ Điển Tích Trung Quốc, Tự Điển Hán Việt Văn Ngôn Dẫn Chứng, và hai tác phẩm lớn dày hơn 2000 trang là Nho Giáo Trung Quốc, Hoài Nam Tử. Tất nhiên tài sản dịch thuật còn trên hàng chục quyển sách khác, đã đưa thư mục của anh càng ngày càng phong phú, đa diện dày đặc hơn

Phong thái an nhiên tự tại, Nguyễn Tôn Nhan đã bước qua mọi hành trình đầy ắp chữ tâm, ở thi ca, ở dịch thuật...anh còn phong lưu bay nhảy trên thư pháp bằng tiềm lực mãn giác và phiêu bạt...

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM
(*Thư trang Quang Hạnh...*)

Thủ bút và chữ ký: NGUYỄN TÔN NHAN



Tiểu sử văn học : NGUYỄN TÔN NHAN (1948-2011)



Tên thật: **Nguyễn Hữu Thành**

Sinh năm Đinh Hợi (1948: ngày 01/02/1948 tức 22 tháng chạp âm lịch, Đinh Hợi tại Bắc Việt Nam

Trưởng thành tại Nam Việt Nam. Làm thơ và viết nghiên cứu biên dịch.

Ông từ trần lúc 16h30 ngày 31/01/2011 nhằm 28 tháng chạp năm Canh Dần tại Sài Gòn.

Các tác phẩm đã xuất bản chủ yếu như sau:

- Từ Điển Văn Học Cổ Điển Trung Quốc.
- Từ Điển Thành Ngữ Điển Tích Trung Quốc
- Từ Điển Hán Việt Văn Ngôn Dẫn Chứng
- 100 Tác Phẩm Nổi Tiếng Nhất Của Văn Hoá Trung Quốc.
- 100 Nhân Vật Nổi Tiếng Nhất Văn Hoá Trung Quốc.
- Những Vụ Án Văn Chương Trong Lịch Sử Trung Hoa
- Dịch Đạo Đức Kinh
- Dịch Nam Hoa Kinh
- Dịch Xung Hư Chân Kinh

- Lục Bát 3 câu (thơ)
- Từ Điển Văn Hoá Bách Khoa Trung Quốc (năm 2000)
- Nho Giáo Trung Quốc
- Hoài Nam Tử
- Và trên 30 quyển sưu khảo khác

Tác phẩm của ông, phần đông rất đồ sộ, thường dày trên dưới 2000 trang, ngoài ra ông còn được giới thiệu hơn 30 quyển sưu khảo khác. Nguyễn Tôn Nhan được biết đến như một nhà thơ nổi danh của văn học nghệ thuật miền Nam từ thập niên 60 của thế kỷ trước. Thi ca của Nguyễn Tôn Nhan thấm đẫm một nét huyền diệu của trời đất, từ những cái huyền hạo tiên thiên, đến một lối sống phiêu bồng của một đạo gia, khuynh khoáng và thấm đẫm cái hựu huyền của vạn vật. Chính cái nét sâu thẳm của thơ, đã đưa đẩy đời sống Nguyễn Tôn Nhan càng lúc càng đắm sâu vào chính nét hạo nhiên. Nguyễn Tôn Nhan đã sáng tạo ra một dòng thơ 3 câu, như một ẩn mặc thẳng trằm trong cái cốt lõi huyền diệu, ngàn năm mới siêu thoát một lần. Dĩ nhiên, trong cái đồn ngộ, phải chăng cũng phải trải xuyên suốt bao nhiêu tiền kiếp, để như khi thông tay vào chợ, thì an nhiên tự tại là một phiêu hốt thiên thủ thiên nhân hoá thân...

Ngoài những tác phẩm lớn đồ sộ đã nêu trên, Nguyễn Tôn Nhan còn được giới thiệu trên 30 quyển sưu khảo khác, với một cật lực trong lao động miệt mài của một văn nghệ sĩ nghiêm túc trong mọi tình huống, dù đó là nghiên cứu, phê bình, sưu khảo hay trên bình diện thi ca. Trân trọng thay



Thơ NGUYỄN TÔN NHAN

LỤC BÁT BA CÂU: sáu thi, một dòng thơ ca mới (*)

14.

Trên cao có vọng tiếng gì
Âm u gió cuốn mây ghè tả tơi
Chín mươi ngàn hạt mưa rơi...

21.

Tịch hể. Liêu hể. Rỗng hể
Đi thì xa lắm mà về gần bên
Chi bằng ở lại muôn niên

34.

Ôi chao gió lạnh lọt song
Đẩy con châu chấu bay vòng xuống khe
Ngàn muôn ảo giác dội về

40.

Bàn tay chẳng nở đập ruồi
Ngồi im bất động. Cả lười lơ mơ
Thế gian lặng nhất như tờ

52.

Đắm vào hư ảnh dội gấm
An nhiên trời đất vẫn cam như bình
Hỏi cây cối cũng lặng thinh

54.

Tay cầm một nắm cỏ vàng
Thổi phù theo ánh trăng tàn cuối đông
Bay bay linh phách rung rung

55.

Ấn thân lún dưới ác tà
 Quên quên máu huyết lò xòa sôi reo
 Vi vu xương cốt nhịp đều

63.

Gieo thêm quẻ nữa rồi về
 Lửa tàn một lũ sao Khuê mọc đầy
 Âm hàn gió thổi đôi tây

64.

Rồng nằm từ buổi chim đi
 Vầng trăng rớt lại chút gì âm âm
 Rồi ra vạn đại nín câm

69.

Rống lên một tiếng tan đò
 Vầng trăng trắng trứng nằm co góc trời
 Càn khôn hơi ấm nhạt rồi

105.

Sớm nay An Lạc rỗng không
 Ngó mây đủ biết đại đồng đến nơi
 Xỏ quần xuống núi rong chơi

108.

Tay cầm một đoá sen vàng
 Giơ lên cho chín mươi ngàn cùng coi
 Không ai mím chút môi cười

126.

Ồ trắng.Ồ núi.Ồ em
 Lọt anh vào giữa chẳng thêm được gì
 Vô công vô danh vô vi

145.

Lỡ rong chơi với Lão Trang
Nên chưa rời nổi cái làng rỗng không
Lòng như trời trống mênh mông

155.

Hà hơi mù kín năm màu
Đỏ đen lộn ngược xám đầu tím chân
Chiều nay rất đổi phân vân

166.

Bất bình hú một tiếng dài
Bốn phương âm dội núi gài vào mây
Chung quanh rừng rú tan bầy

175.

Tiếc gì cùng đạt em ơi
Còn hoa nở vẫn còn hơi hít vào
Thế là đủ sống ngàn trâu

212.

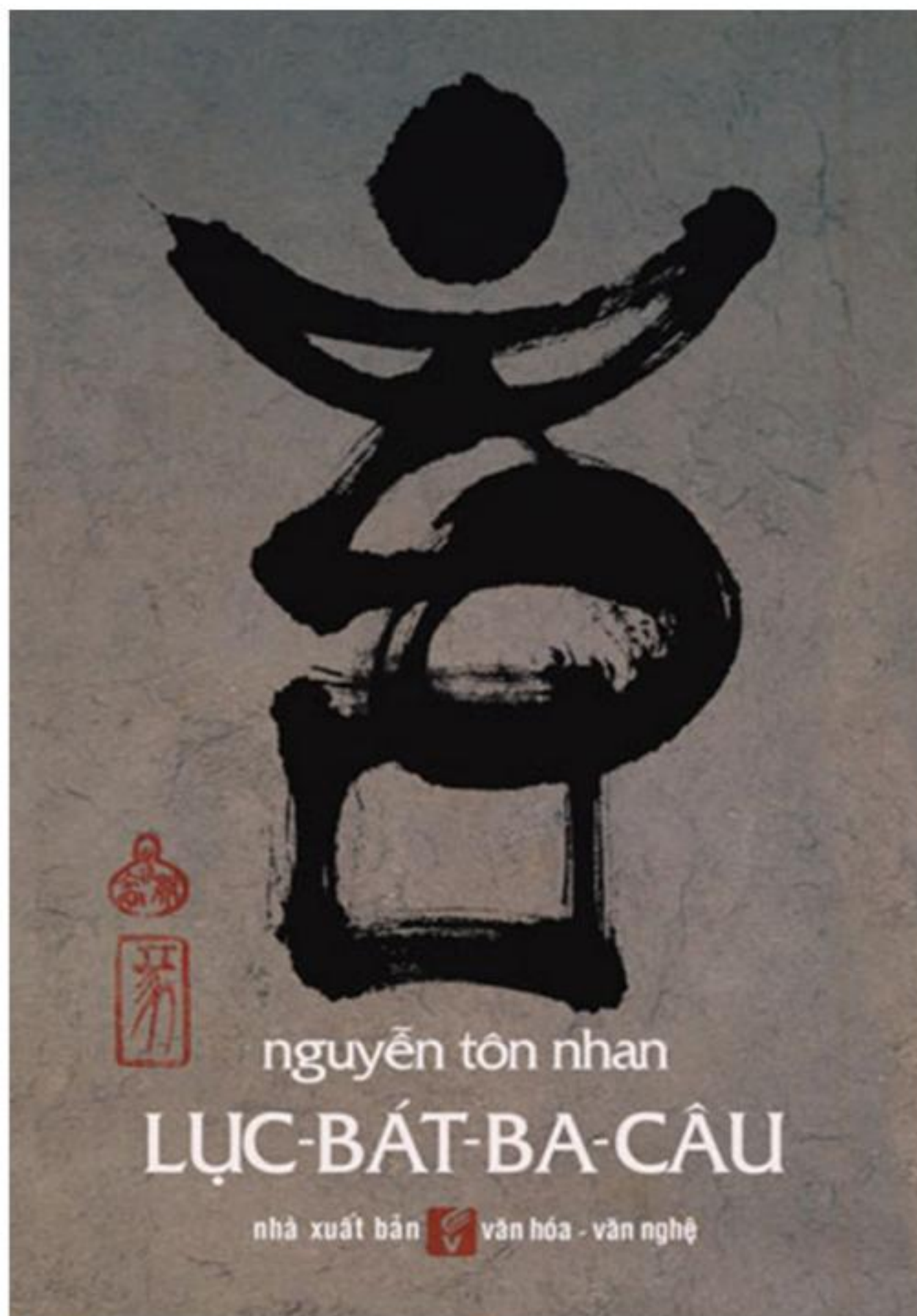
Không nhập gia, không xuất gia
Đừng đem Tịnh thổ ra mà mất anh
Hình như kiếp trước đã thành

225.

Pháp không có gốc có nguồn
Nên anh chẳng biết là buồn hay vui
Một mình trong cốc ngậm ngùi

227.

Hầu như tất cả pháp môn
Đều mang cái xác không hồn lừa nhau
Lại làm ẩm ướt địa cầu



NGÔ NGUYỄN NGHIÊM



CON ĐƯỜNG CHINH CHIẾN

*Cảm tác khi đọc Lá Thư Từ Rừng Trường Sơn
gửi cho Hồ Đăng Định, Seattle*

Nhận quà bạn lòng bồi hồi xúc động
cảm chân tình, cay mắt thăm rưng rưng
hăm mấy năm, sao biết tôi còn sống?
giữa Trường Sơn, khuất xó núi hốc rừng!

ngày rã ngũ tôi quay về phố thị,
ngỡ thanh bình hạnh phúc, sống yên vui
đòn thù hận dập vùi cay đắng vị
cuộc tang thương sông núi thấm ngậm ngùi

sau tù tội, lê thân tàn lang bạt,
giạt trôi về góc núi đá cằn khô
hoa tình nở, thăm khe rừng bát ngát
lửa thương yêu che khuất mộng sông hồ

ở lại đây, nhà sàn, lấy vợ thượng
khố ngang hông, trần trùng trực quanh năm
khói thuốc vàng răng, bắp khoai bắp nướng
núi rừng thâm, trời đất biệt mù tăm

mụ thượng cộng, vợ tôi, xưa du kích,
đào hầm chông, bắn sẻ, bẫy chúng ta
không chủ nghĩa, chẳng hận thù quá khích
xem chiến tranh như đốt rẫy vun cà.

người sơn cước hồn đơn sơ lá núi
tan đao binh, tưởng no ấm yên lành
lời hứa cuội, tàn bay vèo gió bụi
đói lạnh hành, gian khổ ghen rừng xanh.

xóa chiến tuyến, nhịp tim đồng tiếng gọi
hạnh phúc vui, thương gió núi trắng cài
hầm hiu, mấy chục năm dài, no đói
xẻ chia nhau từng hạt bắp miếng khoai

xưa hào hùng mang “giày xô” áo trận
rừng cao nguyên, in dấu vết ngang tàng
nay chân đất, trần truồng, vòng khố quấn
lòng yên vui, cũng hạnh phúc bình an

mỗi năm, đầu mùa mưa cao nguyên đổ,
Sâm băng rừng lặn lội, ghé thăm tôi
nhà sàn tả tơi, reo mừng hội ngộ
rượu hàn huyên ba bốn bữa tuyệt vời

cả buôn thượng cảm kích tình bằng hữu
ấm tim tôi, nắng hạnh phúc ươm vàng
vô tận thời gian, kiếp người ngắn ngủi
còn nhau đây, lòng dào dạt miên man.

những đêm mưa, sét xé trời chớp giật
vết thương xưa, lại rỉ máu trong hồn
dòng lịch sử, được thua, ai còn mất
tôi đào mồ quên lãng dấu vùi chôn.

mỗi rằm trăng, đứng triền cao đá lộng,
tôi hú dài vang vọng dãy Trường Sơn
gọi hồn oan, bắc nam hồn ảo mộng
chết âm thầm xương trắng núi cô đơn

có những khuya mưa rừng cuồng thác đổ
lòng hoang mang hư thực quăng đời qua
như giấc mộng, hào hùng ngày tháng đó
nỗi đau còn xé ruột, mấy phôi pha!

lần về Huế đi qua đường Thượng Tứ
lòng bùi ngùi nhà cũ bạn còn đây
kỷ niệm ngày xưa trong tôi đầy ứ
không hơi men, chệnh choáng bước chân gầy.

có thương nhớ quay về thăm đất nước
nhắn tin, tôi sẽ lội suối băng ngàn
gặp lần cuối, rượu rót tràn say khướt
lãng quên đời – tình bằng hữu chứa chan.

TRÀM CÀ MAU



QUỲNH THI

**DÒNG ĐA NHIM
CÓ MỘT THỜI NHƯ THẾ**

Dòng Đa Nhim chảy âm âm dữ tợn
 Chảy về đâu
 Chảy về đâu hơi sông
 Còn Ta thì đứng ở khúc quanh này
 Khúc quanh và tiếng sóng dữ cuộc đời
 Thôi hãy cứ chảy
 Ta tan tác ra
 Hay tụ lại thành cuồng triều vật vã
 Vác cuốc đi lang thang hai bên bờ tịch liêu chỉ nghe suối reo róc rách
 ý thơ vang vang đau đớn trong lòng
 Dừng lại bên khúc sông kéo ngã

Ở nơi đây mặt trời bị che khuất những tàn cây có bóng râm
Ngồi xuống đi mà thở
Thả linh hồn cho những mảnh lá trôi
Ngày đi làm vất vả cũng là ngày ẩn mình trong đất và tránh xa con người
bạn trung thành lúc nào cũng chỉ là chữ nghĩa
cũng chỉ là câu thơ
Nó không bao giờ phản bội
Nó là cơm của Ta
Nước của Ta
Tình nhân của Ta
Nhưng tuyệt nhiên như là điều dấu kín
Bí mật với mọi người
Để chỉ mình ta độc thoại
Lén lút với niềm đau thương
Thời đó ta giống như tên ăn trộm
Tên ăn trộm thơ của mình
Thơ ơi ! Giá mà Ta chết được !

(Những năm 80 ở Đơn Dương)

NIỀM VUI

Người như thoảng gió ngàn
Hay như cơn gió lạ bay đến trong đời
Một sớm nào lại bay về đây
Bay về bất chợt
Gió thổi vàng ngọn cây
Gió rụng rơi những cành phong đỏ
Tôi xem nàng như người em gái
Cũng có lúc coi nàng như người tôi yêu

Nhiều khi gặp
 Lúc chia tay lén ánh nhìn tha thiết
 Mắt ướt lệ sao vội vàng giấu kín
 Tiếc mà chỉ khi già từ nhau
 Tôi nhận ra thì xe đã lăn bánh
 Thật ra đời nhiều nỗi xót xa
 Không sao nói được

Thủa đó
 Tôi ở cách nàng gần ba trăm cây số
 Nàng nghèo lắm
 Khách đến chơi không có chỗ để ngồi
 Mà lúc đó tôi cũng túng thiếu chẳng kém gì
 Có một điều chắc chắn là hai người
 dư giả tình thương
 Một lần đến thăm

Khi từ già tôi nghĩ mình chỉ còn lại cái đồng hồ
 là đáng giá
 Tôi lặng lẽ len lén bỏ vào chiếc ngăn kéo của nàng
 Thế mà niềm vui mấy chục năm đã trôi qua
 Chẳng có cơ gặp lại
 Đến nay thấy lòng vẫn còn
 Ấm áp
 Người ơi
 Người như cơn gió thoảng
 Một thoáng bay về
 Gió thổi vàng ngọn cây
 Gió rụng rơi một mùa cổ tích
 Vô thường đời người trăm năm ./

QUYÊN THỊ



CHỊ BÍCH KHUÊ

Hồi trước cái nhà ông thi sĩ Hoàng Cầm say mê cô chị vừa đẹp vừa lãng mạn “váy Đình Bảng buông chùng cửa võng” đến độ suốt đời ngây ngô đi tìm chiếc lá diêu bông. Ai bảo ông tin vào những lời hứa hẹn trăng sao của phụ nữ. Lời họ hứa như sao, vì sao nhiều lắm; mà họ giữ lời hứa như trăng, vì trên mặt trăng có... chú Cuội! (Tôi bắt chước những anh đàn ông dầy dạn kinh nghiệm tình đời, nói lời chua cay! Nghe có chút chua cay nào không?)

Lúc bé, tôi cũng đi theo một cô chị. Tôi không say mê chị, nhưng say mê theo chị. Còn chị thì say mê đi hái rau khúc.

Hãy để rau khúc sang một bên, nghe tôi tả chị Khuê của tôi đây này.

Dạo ấy chị Khuê chừng 15, 16 tuổi, mắt sáng như sao, má thì hồng, môi thì đỏ, răng trắng tinh như bạch ngọc. Ở nhà quê mà sao chị xinh đẹp quý phái như thế Tôi không có ý nói con gái nhà quê không xinh đẹp, nhưng cái chất đẹp của chị Khuê là cái chất

đẹp thành phố. Cũng như gia đình chúng tôi, gia đình chị từ Hà Nội đi tản cư. Trôi giạt nhiều nơi, cuối cùng cả hai gia đình được cho trọ chung trong một nếp nhà ở thôn Thượng Vỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Cùng thân phận tản cư, hai gia đình xem nhau như một nhà. Tôi sung sướng được làm em cô chị xinh đẹp quý phái Bích Khuê.

Hồi ấy tôi chưa đầy 5 tuổi, nói ngọng. Tôi không phát âm được âm “khờ,” chỉ phát được âm “hờ” mà thôi. Bởi vậy tôi gọi chị là “chị Huê.” “Chị Huê ơi, cho em đi hái rau “húc” với.” Chị Khuê cười, “Ừ, thì cho em đi.”

Một lần mẹ tôi nghe tôi gọi chị Khuê như thế thì vờ lại mà bảo: “Con phải tập gọi đúng tên chị là Khuê. Khuê là căn phòng riêng trong nhà, dành cho con gái chưa đi lấy chồng. Ngày xưa người ta gọi là khuê phòng.” Tội thân tôi, chưa đầy 5 tuổi, làm sao hiểu được “khuê phòng.” Dù sao tôi cũng mừng tượng đó là một nơi chốn rất kín đáo, riêng tư dành cho con gái. Tội thân chị Khuê hơn, phận người tản cư, cô gái thành phố ấy làm gì có “khuê phòng.” Một lần tôi thấy chị Khuê ngủ trên cái chõng kê ngoài đầu hè. Trông chị như tiên vừa giáng phàm còn đang trong cơn mộng mị. Bố chị Khuê thì cắt nghĩa cho con gái: “Tên con là Bích Khuê, có nghĩa là cái khuê phòng màu xanh biếc như ngọc bích. Bố không đặt tên con là Khuê Bích như bác Giáp đề nghị, vì Khuê Bích chỉ là bức tường của khuê phòng. Hai chữ “bích” viết khác nhau, con ạ. Là Bích Khuê, con phải đi đứng, nằm ngồi cho ý tứ, con nhé.” Chị Khuê vâng dạ. Chả hiểu chị có hiểu hết lời cắt nghĩa của nghiêm phụ hay không.

1.

Năm ấy tết nhất đã qua, tháng Hai về. Trên cành, hoa đào vẫn còn lác đác nhưng người ta nói đào đã đến mùa “bói quả.” Những quả đào đầu mùa lớn dần, lớn dần lên, làn da xanh đã thấy phơn phớt sắc hồng. Đó cũng là lúc người ta ra đồng, ra bãi hái rau khúc. Thấy chị Khuê cắp cái rổ con, tôi nín tay chị, đòi theo. Hai chị em ra cánh đồng gần đấy, đôi khi quá bước ra tận cái bãi non đất mới bồi mà hái rau khúc. Ở đấy, rau khúc mơn mớn, đẹp tinh khiết như thân thể người con gái vừa tuổi lớn. (Đấy là cái ví von sau này khi tôi đã lớn, dạo ấy chưa đầy 5 tuổi, tôi nào biết chi đâu.)

Cẩn thận nhé, những con mắt long lanh và những bàn tay

hái rau khúc. Chúng có hai loại, rau khúc nếp và rau khúc tẻ. Rau khúc nếp lá nhỏ hơn, chỉ như cái ngòi bút thôi. Còn rau khúc tẻ lá to hơn nhiều, có khi lớn bằng đầu ngón tay. Đừng ham rau lớn, cứ loại rau nhỏ mà hái, vì rau khúc nếp thơm hơn, làm bánh ngon hơn nhiều.

Nói rằng rau khúc thơm, khó mà diễn tả cái mùi thơm lạ lùng ấy. Có người tả nó như “mùi đá núi phơi nắng!” Tôi không tưởng tượng ra được, chỉ cảm nhận rằng nó thơm hăng hắc, như mùi lá ngải cứu, nhưng nhẹ hơn nhiều. Cả hai đều thuộc họ “cúc,” nhưng một thứ để làm ngải cứu, một thứ để ăn. Bố tôi là đông y sĩ, ông nói: “Rau khúc cũng dùng để chữa bệnh được đấy, nhất là những bệnh về phổi, về đường hô hấp.”

Rau khúc tẻ và rau khúc nếp đều có lớp mỏng tơ màu trắng bạc phủ bên ngoài. (Về sau, học triết với Giáo sư Nguyễn Văn Trung, tôi nghe ông giảng cho sinh viên: “Cái gì quý báu cũng cần được che phủ.” Giáo sư Nguyễn Văn Trung nổi tiếng với chủ thuyết “ca tụng thân xác.” Thật là một lời giảng đầy... huyền bí!) Vì lớp mỏng tơ trắng bạc này mà buổi sáng còn sương sớm, những vạt rau khúc sáng lấp lánh như dạ quang.

Chỉ một vài tiếng, rổ đã đầy ắp rau khúc. Chị Khuê khẽ bảo: “Đủ rồi, ta về thôi!” Tôi nũng nịu, đòi chị cấp rổ ngang hông bằng một tay, còn tay kia thì dắt tôi. Bàn tay bé bỏng của tôi nằm gọn trong bàn tay ấm áp của chị. Tôi sung sướng nóng bừng cả hai má. Thỉnh thoảng chị mõi, đổi tay cấp rổ. Thế thì tay mới kia cũng lại phải cầm lấy bàn tay tôi, tôi mới bằng lòng.

Trưa hôm ấy chúng tôi giã bột bằng gạo nếp có pha thêm gạo tẻ. Việc chính là làm bánh thì mẹ tôi tự làm lấy. Mẹ luộc rau, chặt lấy nước, dùng để nhào bột. Rau thì mẹ giã nhuyễn, lọc bỏ hết những xơ già đi rồi cũng trộn vào bột để làm vỏ bánh. Nhân bánh, mẹ làm bằng đậu xanh đã chín và giã nhuyễn, hành mỡ, thịt lợn có cả thối mỡ trắng tinh, lại thêm một giọt cà cuống.

Cà cuống này có được là do công của mấy anh em tôi đấy. Những hôm mưa vừa tạnh, chúng tôi ra bờ ruộng tìm bắt cà cuống. Cái con vật thân hình dẹt, có cánh mà cánh cũng chẳng đẹp sao lại mang dưới bụng nó cái túi nhỏ chứa thứ tinh dầu thơm mê hồn như thế! Chúng tôi đem rổ cà cuống về nộp cho mẹ. Mẹ lấy cái túi

đựng tinh dầu ra, chắt vào cái lọ nhỏ, còn con cà cuống thì chúng tôi cũng chẳng tha, đem nướng ăn. Nó thơm và bùi lắm đấy.

2.

Bố tôi giảng giải về cái tên cà cuống: “Ngày xưa lâu lắm rồi, Triệu Đà lấy cà cuống cống vua Tàu. Vua ăn thấy ngon và thơm quá, mới hỏi sứ giả của Triệu Đà đây là món gì vậy. Sứ giả nghĩ, nếu bảo nó lấy từ cái con dưới ruộng bay lên thì còn gì là quý, mới nói rằng: “Dạ, đây là món quế đố, tức là lấy từ con sâu quế. Sâu này ăn quế nên nó thơm như vậy.” Sau, khám phá ra nguồn gốc của cà cuống, vua Tàu mới nói: “Gã Triệu Đà này nói dối.” Nói dối thì tiếng Tàu gọi là “cuống.” Từ đó món này có tên là “Đà cuống,” sau người ta gọi chệch đi là “cà cuống.” Tôi nghe thì biết vậy.

“Bào chế” xong xuôi, mẹ tôi đặt những chiếc bánh trên tàu lá chuối cắt theo hình tròn rồi cho tất cả vào trong chảo mà hấp. Bà lại rắc thêm gạo nếp lên bánh để làm áo bánh. Một lát sau, mùi thơm của nếp, của nhân đậu xanh, của mỡ, của hành, của thịt, của hạt tiêu, của cà cuống, của rau khúc từ chỗ bốc lên, lan toả đi, thơm nức cả nhà. Chúng tôi ngồi chờ bánh chín, mắt thì hau háu, lòng thì náo nức... Đến lúc được ăn rồi! Bánh ngon ơ là ngon! Ăn bánh mà như ăn cả hương của cánh đồng bát ngát, của rừng quế thơm tho...

Gia đình chị Khuê và gia đình tôi như có duyên với nhau. Chúng tôi cùng hồi cư Hà Nội. Nhà không gần nhau nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn thấy thấp thoáng bóng chị đâu đó trên đường phố Hà Nội. Rồi gia đình tôi di cư vào Nam, gia đình chị cũng vậy. Có mấy lần hai gia đình gặp nhau, tôi thấy chị Khuê đã lớn. Chị đẹp quá. Chị mặc áo dài trắng như mây. Tôi thấy chị giống như bánh khúc. Lớp áo bên ngoài tinh khôi, ẩn giấu bên trong là cái tâm hồn thơm tho, nồng nàn, lãng mạn, bí mật và huyền diệu... như là nhân cái bánh khúc vậy. “Cái gì quý báu cũng cần được che phủ!!!”

Bây giờ rau khúc gần như tuyệt chủng. Người ta thay nó bằng lá su hào, lá bó xôi, rau xà lách. Thì cũng ra cái màu xanh phơn phớt ấy, nhưng nó không phải là bánh khúc thật, không có cái mùi thơm ngan ngát đồng nội kia. Ăn chỉ cho đỡ nhớ mà thôi.

Có những cái trên đời này bất khả thay thế. Để làm bánh khúc, không thứ lá, thứ rau nào có thể thay cho rau khúc. Cô chị Bích Khuê xinh đẹp và quý phái của tôi, cô chị một tay cắt rửa rau khúc ngang hông, một tay nắm lấy bàn tay bé bỏng của tôi, dẫn tôi

đi giữa cánh đồng là một nàng tiên giáng trần, không ai thay thế được trong tâm hồn cho đến bây giờ vẫn non dại của tôi.

RÉT NÀNG BÂN VÀ HOA XOAN NGÀY CŨ

Trời đang nóng nực bỗng nhiên trở rét. Mẹ lục dưới đáy hòm gỗ, lấy cho tôi cái áo len. Đưa áo cho tôi, mẹ bảo: “Chúc mặc áo này vào cho ấm, kéo rồi lại cảm hàn. Rét nàng Bân đã về đấy.”

Cái áo len màu tím nhạt. Ở hay, con trai mà lại có áo len màu tím! Thỉnh thoảng tôi cũng tự hỏi như thế và cứ thắc mắc tại sao mẹ không sắm cho mình áo màu xanh, màu đỏ mà lại là áo màu tím. Mãi sau tôi mới biết áo này của chị Liên. Chị mặc lâu,

3.

gián cũng nhấm thũng mấy chỗ mặc dầu trong tủ, trong hòm quần áo chỗ nào cũng có mấy viên băng phiến trắng phau, tròn như hòn bi để trừ gián, trừ nhậy. Cái áo còn tốt quá, bỏ phí. Mẹ tháo len ra, đan lại. Mẹ ướm cái áo “mới” vào người từng đứa. Tôi mặc áo này rất vừa vặn, thế là được cái áo. Lúc ấy tôi không biết rằng “tiền thân” của áo ấy là cái áo len màu tím mà trước đây tôi vẫn thấy chị Liên mặc mỗi khi trời rét. Có lẽ từ bé đã được mặc áo màu tím nên lớn lên tôi thích màu tím. Cho đến bây giờ tôi vẫn có nhiều áo sơ-mi, áo len màu tím.

Tôi ngoan ngoãn mặc áo vào. Ấm áp thật! Ngồi bên cạnh mẹ, tôi hỏi: “Mợ ơi, rét nàng Bân là thế nào hở mợ?”

Mẹ tôi cười, kiên nhẫn giải thích cho đứa con 5 tuổi tính hay thắc mắc: “Người ta có câu ‘Tháng Giêng rét dài, tháng Hai rét lộc, tháng Ba rét nàng Bân.’ Chúc có nhớ đợt rét đầu năm không? Rét đến độ cu cậu mặc ba cái áo mà vẫn run cầm cập đấy. Tháng Giêng rét dài là như thế. Rét lắm, khiến hoa xuân rụng cánh chỉ còn đài hoa. Sang đến đợt rét tháng Hai, mới tháng trước ấy, có đem theo hơi nước ẩm ướt, rất thuận lợi cho cây cỏ sống lại sau cơn ngủ dài mùa đông tháng giá, đâm chồi nảy lộc xanh tươi. Còn rét nàng Bân ấy à... Đây là dựa vào truyện cổ tích để giải thích.”

Tôi thích nghe truyện cổ tích lắm, nhất là lại do mẹ kể, liên vôi vỉnh: “Mẹ kể truyện cổ tích ‘rét nàng Bân’ cho con nghe đi. Con hứa sẽ rất ngoan, sáng tối sẽ siêng năng kinh hạt sốt sắng.” Mẹ tôi thích nhất, mong nhất là con cái giữ đạo ngoan ngùy, để sau này cả nhà được lên thiên đàng, không ai bị sa hoả ngục. Nghe tôi hứa

như thế, bà bằng lòng lắm nên nói: “Được rồi! Hứa thì phải giữ lời đấy nhá. Còn nàng Bân à... Đó là một cô gái ngoan ngoãn nhưng vụng về.” Tôi chen vào: “Thế hở mẹ? Nàng ấy con cái nhà ai mà lại vụng về thế nhỉ? Thế bà mẹ nàng ấy không dạy con gái biết may vá thêu thùa thổi cơm nấu nước như mẹ chị Bích Khuê dạy chị ấy hay sao hở mẹ?” Mẹ tôi bảo: “Chúc yên, để mẹ kể nốt cho mà nghe...”

Rồi mẹ tôi kể tiếp: “Nàng Bân là con gái của Ngọc Hoàng Thượng Đế đấy. Ngọc Hoàng có nhiều con gái, cô nào cũng giỏi giang khôn khéo, chỉ mỗi nàng Bân là vụng về, chậm chạp thôi. Phu nhân của Ngọc Hoàng Thượng Đế là Vương Mẫu Nương Nương thấy con gái như vậy thì thương, mới bàn với Ngọc Hoàng là gả chồng cho nàng Bân, để nàng thấy có trách nhiệm mà học thêm việc nội trợ. Chồng của nàng Bân cũng là người trên thượng giới, nhưng mẹ không biết anh ta tên là gì. Lấy chồng rồi, nàng Bân yêu chồng lắm...” Nói đến đây, mẹ tôi thêm ý kiến riêng vào: “Đấy, con gái ngoan, đi lấy chồng thì yêu chồng mình. Yêu hơn hết tất cả những người khác. Chồng em áo rách em thương, chồng người áo gấm xông hương mặc người... Huống chi chồng của nàng Bân đâu phải là anh áo rách. Người trên thượng giới thì không là thánh cũng là tiên...”

4.

Tôi ngắt lời mẹ: “Con biết rồi! Nàng Bân yêu chồng mình. Nàng Bân không yêu chồng người. Nhưng rồi nàng Bân yêu chồng mình như thế nào hở mẹ?”

Mẹ tôi không hề bối rối trước câu hỏi vừa ngây thơ vừa cắc cớ của tôi (tôi thế là lúc ấy tôi không biết câu hỏi ấy là câu hỏi cắc cớ,) bà chậm rãi kể tiếp: “Ừ, nàng Bân yêu chồng mình lắm. Năm ấy, mùa rét đến mà rét thật đậm. Vì yêu chồng nên nàng Bân mới đan cho chồng một chiếc áo ngự hàn. Nhưng nàng vụng về quá! Bắt đầu mùa rét cũng là lúc nàng Bân khởi sự đan áo, song nàng cứ loay hoay mãi, tìm được vật này thì thiếu vật kia; tìm được vật kia thì lại bỏ quên vật nọ ở đâu không biết. Đến lúc có được tất cả mọi vật dụng cần thiết rồi thì nàng lại không nhớ phải đan như thế nào. Lẽ ra phải đâm que đan phải vào mũi đầu tiên bên que đan trái từ trên xuống thì nàng lại làm ngược lại, rồi thì cứ rối tung lên, thế là đan lại từ đầu; đến nỗi giờ đã sắp sang xuân rồi mà nàng mới chỉ đan được có một cổ tay. Nhưng nàng Bân vẫn không nản chí. Nàng

đan mãi, qua tháng Giêng rồi hết tháng Hai. Cuối cùng thì áo cũng đan xong nhưng đã hết mùa rét. Nàng Bân buồn lắm, thấy công lao của mình vô ích, chồng vẫn không được mặc áo ấm. Thấy con buồn, Ngọc Hoàng gạn hỏi. Khi biết chuyện, ngài vừa thương con vừa cảm động bèn làm cho giới rét lại mấy hôm để chồng nàng có dịp mặc thử áo.”

Đến đây, mẹ lại thêm ý kiến riêng: “Đấy, những người yêu chồng mình đều được Giới thương...” Tôi lại ngắt lời mẹ: “Rồi cuối cùng làm sao hở mẹ?” Mẹ tôi vẫn mơ màng: “Cuối cùng à? Cuối cùng thì Giới thương nên chồng nàng Bân được mặc áo vợ đan. Anh rất biết ơn vợ... Đàn ông có vợ phải biết ơn vợ. Vì vợ ngoan nào cũng yêu chồng, chiều chồng, hy sinh cho chồng... À... à... Rồi từ đó thành lệ, cứ vào khoảng tháng Ba ta, tuy mùa rét đã qua nhưng tự nhiên giới bỗng trở rét lại mấy hôm. Người ta gọi đó là rét nàng Bân. Mà cũng nhờ có rét nàng Bân mà hôm nay cậu bé Chúc của mẹ mới được mặc áo len... màu tím!” Tôi thích quá, vỗ tay cười khanh khách rồi chạy ra ngoài chơi.

Bên hông nhà là một dãy năm sáu cây xoan. Gia đình nhà bên cạnh nói rằng chủ nhân ngôi nhà chúng tôi đang được cho ở tạm trồng rặng xoan này để lấy gỗ làm nhà cho con trai cưới vợ. Anh ta chắc chưa có vợ vì cho đến bây giờ rặng xoan vẫn còn nguyên. Xoan là người bạn rất dễ tính và chung thủy. Xoan dễ tính vì trồng rất dễ, chẳng cần phải chăm bón nhiều mà lớn lên rất nhanh. Xoan chung thủy vì cứ khoảng tháng Hai ta, khi gió mưa sụt sùi, bầu trời ngậm hơi nước thì xoan đâm chồi nảy lộc, đồng thời hoa kết thành chùm, nở bung ra, tỏa hương thơm ngan ngát. Năm nào cũng thế. Sang tháng Ba, hoa vẫn còn nhiều nhưng đã có những chùm hoa kết thành quả. Trẻ con nhặt đầy túi những quả xoan ấy rồi lấy ống tre nhỏ làm thành “nòng súng.” Chúng nhét những quả xoan vào đầu nòng súng. Đầu kia, chúng lấy đũa thật mạnh vào. Quả xoan bị tức hơi, bắn ra, kêu lộp bộp. Đấy là nguyên nhân khiến cho cứ đến mùa xoan kết quả, bếp nhà ai cũng hay... mất đũa!

Bố tôi không cho các con chơi trò bắn súng quả xoan, mà tôi cũng chẳng thích. Tôi chỉ thích ra rặng cây xoan, nhặt hoa chơi thôi. Tôi xâu những bông hoa xoan cánh trắng nhụy tím ấy, làm thành những cái vòng. Vòng nhỏ thì để đeo cổ tay như cái xuyến.

Vòng lớn thì để đeo cổ như dây chuyền. Nhưng xuyên này, dây chuyền này có hương thơm, không như xuyên ngọc, chuyền vàng, đắt tiền mà chẳng thơm. Mẹ tôi và chị Liên đều đã từng được tôi tặng xuyên, tặng dây chuyền hoa xoan. Lúc còn bé, tôi cứ y như con gái! Con trai gì mà lại chịu khó ngồi kết hoa xoan thành xuyên, thành dây chuyền.

Có tiếng chân bước nhẹ nhẹ. Vừa xâu xong vòng hoa xoan, tôi ngước mắt lên. Chị Bích Khuê hiện ra như một cô tiên. Chị mặc áo len màu thiên thanh, mái tóc thả dài sau lưng, có những sợi bay loà xoà trên trán. Hình như chị hơi ngạc nhiên một chút khi thấy tôi mặc cái áo len màu tím nhạt. Nhưng chỉ một thoáng thôi, rồi chị tươi cười, nói: “Em mặc áo này thật giống như màu hoa xoan. Em đang làm gì đấy?” Tôi trả lời: “Thưa chị, em nhặt hoa xoan ạ.” Rồi thấy chị mặc áo len, tôi nói như người lớn: “Chị mặc áo len thế này tốt lắm, kéo lại cảm hàn. Rét nàng Bân đã về rồi đấy!” Chị Bích Khuê cười “Em cũng biết rét nàng Bân à?” “Em biết chứ. Nàng Bân rất yêu chồng. Nàng Bân đan áo cho chồng để chồng khỏi rét... Em biết về sau chị lấy chồng, chị cũng yêu chồng...” Hình như chị Bích Khuê hơi xấu hổ, má chị ửng hồng, hây hây. Tôi liền thoáng: “Nhưng chị giỏi hơn nàng Bân nhiều...” Chị Bích Khuê lại cười: “Ai bảo em thế? Mà... chị giỏi hơn nàng Bân như thế nào?” Tôi lại liền thoáng: “Nàng Bân vụng lắm chị ạ. Nàng đan áo cho chồng mãi mà cũng không xong. Hết cả mùa đông mà mới chỉ được cái cổ tay. Rồi từ Giêng sang Hai, từ Hai sang Ba mới xong, lúc ấy hết mùa rét rồi... Giời thương cho rét lại mấy ngày để chồng nàng Bân được mặc áo vợ đan đấy chị ạ... Còn chị thì giỏi giang lắm, cái gì cũng biết làm, may vá cũng giỏi, làm cơm cũng ngon...” Chị Bích Khuê ngắt lời tôi: “Nịnh vừa vừa thôi, chú mình! Chị còn phải học mẹ nhiều, học cả mẹ em nữa.”

Rồi thấy mấy cái vòng hoa xoan trên tay tôi, chị hỏi: “Em kết hoa xoan làm gì đấy?” Tôi đáp: “Em làm xuyên với lại làm dây chuyền đấy chị ạ. Em mới làm xong. Thế em cho chị nhé?” Tôi còn bé, chưa biết dùng tiếng “biếu” tiếng “tặng.” Chị Bích Khuê hơi ngập ngừng một chút rồi đưa cổ tay ra, nói: “Ừ, em cho chị đi.” Cổ tay chị tròn trĩnh, trắng ngần. Tôi thận trọng xỏ cái xuyên hoa xoan qua những ngón tay chụm lại như bông ngọc lan. Cái xuyên vừa vắn cổ tay chị. Đưa cổ tay lên ngắm nghía, chị có vẻ thích: “Chị

cám ơn em. Xuyến đẹp quá! Thơm quá!” Tôi rất vui vì đã làm chị vui, bèn nói: “Em cho chị cả cái dây chuyền nữa này.” Chị Bích Khuê cúi người xuống để tôi đeo dây chuyền hoa xoan cho chị. Tóc chị bay bay, thơm mùi bồ kết và hương nhu. May quá, dây chuyền tôi kết rộng đủ để lọt qua đầu chị. Chị thận trọng lùa mái tóc ra sau lưng. Dây chuyền hoa xoan màu trắng và tím nổi bật trên nền áo thiên thanh của chị. A ha... chị vừa thơm mùi bồ kết, mùi hương nhu, lại thơm mùi hoa xoan nữa. Chị đẹp như tiên như hoa. Chị đẹp hơn nàng Bân, con của Ngọc Hoàng Thượng Đế và Vương Mẫu Nương Nương.

(Về sau khi đã lớn, mỗi lần nhìn thấy những chùm hoa xoan trắng tím, tôi cứ ước ao giá mà được kết một vòng hoa xoan để chị Bích Khuê đội đầu ngày làm đám cưới, nhưng không có cơ hội ấy.)

6.

Nhà bên có tiếng sáo dật dìu vọng sang. Anh chàng bên ấy hình như thích chị Bích Khuê lắm, cứ thấy bóng chị là đem ống sáo ra thổi. Nghe tiếng sáo, chị Bích Khuê hơi cau mày nhẹ một tí. Đúng lúc ấy thì chuông nhà thờ cũng đổ. Tiếng chuông hôm nay không rộn rã như mọi khi, mà rơi từng tiếng trầm buồn. Hôm nay là thứ Sáu Tuần Thánh, tưởng niệm Chúa Giê-su chịu chết để chuộc tội thiên hạ. Chiều hôm nay giáo dân sẽ đến nhà thờ hôn chân Chúa. Bên cạnh Thánh giá lớn đặt giữa lòng nhà thờ sẽ có hai cái giỏ mây đựng bông rang trộn lẫn hoa xoan thơm ngan ngát. Hôn chân Chúa rồi, mỗi người bốc một nắm bông và hoa xoan ấy đem về nhà.

Tiếng chuông nhà thờ thánh thiện có sức mạnh hơn tiếng sáo quyến rũ kia. Chị Bích Khuê giục tôi: “Mình sửa soạn đến nhà thờ Chúc ạ.” Ngay khi ấy cũng có tiếng mẹ tôi gọi: “Chúc ơi, vào rửa mặt mũi tay chân rồi sang nhà thờ hôn chân Chúa chịu nạn.”

GÓI HOA TREO TRƯỚC CỬA

Sau khi đã thảo luận rất kỹ với mẹ tôi để gia giảm một số vị, bố tôi bốc xong ba thang thuốc dựa theo thang đại bổ của Hải Thượng Lãn Ông. Cả hai ông bà đều là đông y sĩ, theo học cùng một thầy.

Bố tôi bảo: “Ông Ký Ngữ mất sức vì đã lao lực lại còn lao

tâm chú không bệnh tật gì đáng quan ngại (*), cho uống mấy thang này thì bổ sức lại ngay. Tuy nhiên...” Nói đến đây, ông ngưng lại. Mẹ tôi hiểu ý, bàn: “Tôi biết ông ấy vừa qua cơn cảm hàn. Thành thử... hay là... đành rằng mạch môn có tác dụng thanh tâm hoả, điều hoà phế khí nhưng tính hàn, mình giảm đi một chút. Nhân sâm thì dùng sâm Cao-ly, tính ôn thay vì nhân sâm Hoa-kỳ hơi nghiêng về tính hàn. Cậu nghĩ sao?” Bố tôi gật gù: “Mợ bàn phải.”

Gói ba thang thuốc thành ba gói, buộc dây cói cẩn thận, bố tôi lại nhăn trán, lẩm bẩm: “Làm sao đưa thuốc cho ông ấy bây giờ! Sáng nay Tuấn đã theo cha Nến sang Tử Thanh giúp giảng phòng. Liên thì phải đi với vợ chồng mình ra chợ Quán bán thuốc phụ...”

Mẹ tôi chưa kịp có ý kiến gì thì chị Bích Khuê đang đứng gần đó, vội thưa: “Bẩm bác, cháu có thể đi giao thuốc giúp bác ạ. Hôm nay cháu rỗi, không có việc gì phải làm ạ.” Bố mẹ tôi mừng rỡ ra mặt. Mẹ tôi nói: “Vậy thì còn gì hơn. Thế cô xin phép ông bà nhé. Nếu ông bà cho phép thì chắc chắn chúng tôi phải làm phiền cô đấy.”

Gia đình chị Bích Khuê và gia đình tôi đều là người Hà Nội, đi tản cư và được giáo dân Thượng Vỹ cho ở tạm trong cùng một ngôi nhà.

Chị Bích Khuê vào buồng trong một chốc rồi ra ngay, vẻ mặt vui mừng, thưa với bố mẹ tôi: “Bẩm hai bác, bố mẹ cháu cho phép rồi ạ.” Tôi đã chực sẵn bên cạnh bố mẹ, xin ngay: “Cậu mợ cho con đi với chị Bích Khuê nhé. Con không làm nũng, không than mỗi chân đâu ạ.” Mẹ tôi nhìn bố tôi. Bố tôi cười cười, khẽ cốc đầu tôi rồi

7.

bảo: “Chỉ được cái nước xin đi chơi là giỏi!” Rồi quay sang chị Bích Khuê, bố tôi nói: “Cám ơn ông bà và cô... Lại còn xin cô dắt cái “của nợ” này đi theo với.” Chị Bích Khuê cười rất tươi, trả lời: “Bẩm, Chúc đi theo cháu càng vui ạ. Chị em trò chuyện, đường bớt xa ạ.”

Chị Bích Khuê một tay xách ba thang thuốc, một tay cầm tay tôi. Được đi chơi với chị, được chị cầm tay dắt đi quả là hạnh phúc lớn lao cho đứa bé hơn năm tuổi. Tôi sung sướng quá, nhảy chân sáo. Chị Bích Khuê khẽ giữ tay tôi lại, dặn: “Em cứ từ từ mà đi, đường xa mà nhảy nhót như thế này sẽ sớm mệt, không đi lâu được.” Tôi rất ngoan, vâng lời chị ngay.

Trời xanh mây trắng, cánh đồng bát ngát cỏ non thơm. Hai chị em giống như hai cái chấm nhỏ lặn trong trời đất mùa xuân. Vừa đi tôi vừa hỏi chuyện chị huyền thuyên, chị cứ nhẩn nha trả lời. Cho đến khi tôi hỏi: “Chị Bích Khuê ơi, hình như anh gì ở nhà bên cạnh, anh ấy phải lòng chị, phải không? Em thấy cứ chiều chiều lúc chị ra ngồi chõng đầu hè hóng mát là anh ấy đem sáo ra thổi...” thì chị Bích Khuê ngăn tôi lại: “Em còn bé, không nên để ý những chuyện ấy. Chị cũng không để ý. Em học ai cái tiếng “phải lòng” đấy? Em nói chuyện này nữa thì chị không chơi với đâu.” Tôi sợ quá! Thật là xấu cái tính tò mò! Tôi hứa ngay: “Vâng. Vâng. Em không nói chuyện thổi sáo, không nói chuyện phải lòng nữa. Chị Bích Khuê chơi với em mãi nhé.” Chị mỉm cười, gật đầu.

Đi một quãng xa nữa, hai chị em thấy một chú bé cười con trâu, miệng hát nghêu ngao. Tự nhiên chị Bích Khuê hỏi tôi: “Em có mỗi chân không?” Quả tình là có hơi mỗi, nhưng tôi chối bég, vì đã hứa với bố mẹ là không than mỗi chân: “Nào có mỗi gì! Chị mà cầm tay dắt em thì đi về tận... Hà Nội em cũng không mỗi chân.” Khiếp! Không hiểu ở đâu mà ngay khi còn bé tí tôi đã học được cách nói nịnh, cứ là ngọt sớt! Chị Bích Khuê cười: “Cu cậu mỗi chân thì cứ thú thật. Ai đã làm gì nào!” Rồi chị cất tiếng gọi chú bé chăn trâu: “Em gì chăn trâu ấy ơi... Cho chị hỏi tí này.” Chú bé chăn trâu “họ” cho trâu đứng lại, ngoái nhìn, thấy một cô gái đẹp như tiên như hoa, cứ ngẩn người ra, rồi lắp bắp: “Thưa cô... thưa chị... hỏi gì ạ?” Lại gần chú bé, chị Bích Khuê nói: “Em làm ơn cho em của chị cười con trâu một đoạn đường. Chị cho em mấy hào mua kẹo vùng, kẹo bột.” Chú bé mừng rỡ, tuột xuống rồi xốc tôi lên ngồi trên lưng trâu. Tôi ngồi ngھũnghệ, lúc đầu hơi sợ nhưng sau thấy trâu hiền nên vững dạ, lại thấy mình oai quá! Hình như chị Bích Khuê cũng thích con trâu nên nói với chú bé: “Cho chị dắt con trâu với.” Chú bé đưa sợi dây thừng cho chị, lại đưa cả cái roi tre. Chị Bích Khuê hỏi: “Cái roi này để làm gì?” Chú bé nói: “Để đét vào mông trâu nếu nó đứng lại gặm cỏ, không chịu đi.” Chị Bích Khuê trả chú bé cái roi, nói: “Chị không cần vì chẳng có gì vội. Trâu nó thích gặm cỏ thì để cho nó gặm.” Chị nhân từ, hiền lành quá! Đúng là một cô tiên.

Người và trâu cứ đứng đĩnh đi. Đến một chỗ kia thì chú bé nắm sợi dây cho trâu đứng lại rồi nói: “Đến đây thì thôi... Anh đỡ cho em xuống nhé.” Rồi chú nói với chị Bích Khuê: “Đã đến ranh

giới làng bên. Em không dám sang bên ấy đâu. Trẻ chăn trâu bên ấy nó đánh em nếu xâm nhập đất làng chúng nó.” Chị Bích Khuê thò tay vào túi, lấy cho chú bé ba hào chỉ. Chú bé mừng rỡ, cảm ơn rồi rít.

8.

Hai chị em lại đi bộ sang làng bên. Không lâu lắm, chị Bích Khuê dắt tôi rẽ vào một con ngõ, hai bên trồng trúc thân vàng óng. Bóng tre như thêu hoa lá trên đường trải cát. Chị Bích Khuê tài quá, cứ theo lời dặn của bố mẹ tôi là đi đến nhà ông Ký Ngũ, không phải hỏi thăm đường một lần nào.

Đến nhà, thấy cửa đóng, chị Bích Khuê gọi: “Ông bà ơi, cháu đem thuốc của ông Chánh Thư sang cho ông đây.” Thấy có tiếng guốc kêu lộp cộp rồi tiếng lách cách mở cửa. Ở quê mà nhà ông Ký Ngũ là nhà xây, mái ngói, tường gạch, cửa gỗ lim. Một cô bé trạc tuổi tôi hé cánh cửa nhìn ra, mắt tròn đen lay láy. Tôi mau miệng: “Chị em tớ mang thuốc đến cho ông đây... À, đằng ấy tên là gì?” Sao lúc bé tôi dạn dĩ thế, cứ thấy con gái là hỏi tên. Lớn lên, cái dạn dĩ ấy biến đâu mất! Tôi không bao giờ dám hỏi tên một cô gái nào. Cô bé nghiêm trang trả lời: “Tôi tên là Chi... Em mời chị, mời... cậu vào nhà.” Đã dợm bước, chợt thấy có gói lá sen nhỏ treo hững hờ ở cánh cửa, Chi nói nhỏ: “Cô Lê đã giao hoa,” rồi gỡ lấy cái gói lá ấy đem vào.

Bên trong nhà mát rượi. Chi dẫn chị em tôi vào phòng khách, mời ngồi. Từ buồng trong, một bà ngoài bốn mươi đi ra. Chi thưa: “Thưa mẹ, có chị em chị này đem thuốc đến cho thầy ạ.” Rồi đưa gói lá sen nhỏ nhỉnh cho mẹ, Chi tiếp: “Thưa mẹ, cô Lê đã đem hoa đến ạ.” Bà ấy đỡ lấy gói hoa rồi nói với chị em tôi: “Tôi là bà Ký Ngũ đây. Cảm ơn hai chị em đi đường xa mang thuốc đến cho nhà tôi. Thuốc ông Chánh Thư thần hiệu lắm. Mấy hôm trước nhà tôi chỉ mới uống có một thang mà cơn cảm hàn lui ngay. Nhà tôi thấy dễ chịu lắm rồi, chỉ còn hơi mệt tí thôi... Nhưng tôi xin phép tí nhé. Để dâng hoa cúng Phật đã rồi hỏi hai chị em tí chuyện.”

Bà Ký Ngũ nhẹ mở gói lá sen ra. Bên trong là hai nụ ngọc lan trắng muốt, hai bông sơn chi cũng trắng như sứ, hai ba bông hoa nhài trắng tinh tươm và một chùm hoa bưởi cũng trắng nốt. Ngấn ấy thứ hoa trong ngọc trắng ngà được gói trong tấm lá sen xanh muốt, bên ngoài buộc lỏng một sợi dây cói. Thấy hai chị em

tôi chăm chú nhìn, bà Ký Ngũ giải thích: “Làng tôi có mấy cô làm công việc giao hoa. Cứ sáng sáng, các cô gói hoa thành từng gói nhỏ bằng lá sen hay lá chuối rồi đem giao cho những nhà đã đặt trước. Gặp người nhà thì giao tận tay; mà nếu không gặp thì cứ treo ở cánh cửa. Chỉ một lát sau, mùi hoa toả ra thơm ngát, người nhà biết là hoa đã đến bèn đi ra, rước hoa vào nhà. Mùa nào hoa nấy. Hôm nay là ngọc lan, sơn chi, nhài, bưởi... Mùa khác thì ngâu, thì sồi, thì nguyệt quế. Có khi các cô còn kèm thêm một cánh hồi hay một mảnh quế chi... thơm thơm là... Hoa cũ mình phơi khô rồi dồn vào gói, đem ngủ mùi thơm lan vào tận giấc mơ.”

Ngừng một tí, bà Ký Ngũ tiếp: “Riêng tử đinh hương thì không bao giờ được giao đến nhà người ta.” Tôi chả biết tử đinh hương là hoa gì, nhưng chị Bích Khuê biết. Chị hỏi: “Thưa bà, sao thế ạ? Tử đinh hương cũng đẹp và thơm lắm ạ.” Bà Ký Ngũ cắt nghĩa: “Cái thứ hoa màu tím dịu dàng ấy quả là đẹp và thơm. Nhưng đối với nhiều người, nó là bông hoa đem lại vận xấu và bệnh tật,

9.

có lẽ họ suy diễn ra vì cái màu tím u buồn của nó. Người ta còn lưu truyền câu ‘Cô gái nào cầm hoa tử đinh hương sẽ không bao giờ được đeo nhẫn cưới.’ Lại còn có tục lệ là nếu muốn tế nhị nhắn rằng mối quan hệ giữa hai người từ nay chấm dứt thì mình trao tặng một cành tử đinh hương cho người kia.”

Bà Ký Ngũ ở quê mà biết nhiều chuyện hay về hoa quá. Sau này tôi mới biết trước đây bà là cô gái đẹp ở Hà thành, học trường Tây. Bà lấy ông Ký Ngũ, khi ấy là thư ký toà án. Sau hai ông bà mới dọn về quê vì ưa cảnh yên tĩnh. Từ đó, gia đình sa sút dần, ông Ký Ngũ phải làm cả những công việc tay chân của người dân quê.

Bà Ký Ngũ ngừng nói chuyện. Khi ấy Chi đã bắc ghế lấy cái đĩa sứ men xanh trên bàn thờ Phật xuống, bỏ hoa cũ ra, rửa sạch đĩa. Bà Ký lấy con dao cau, xẻ một mảnh lá sen nhỏ lót trong lòng đĩa rồi đặt tất cả những bông hoa trắng ngần vào, cung kính để trở lại trên bàn thờ. Bà ngồi xuống vuông chiếu hoa, mắt lim dim, tôi đoán là bà đang cầu Trời khấn Phật, mà trong lời cầu ấy thế nào cũng có lời cầu cho chồng mau bình phục. Rồi bà cúi đầu xuống sát chiếu, lạy Phật mấy lạy. Xong, bà đánh một tiếng chuông. Thế là hoàn tất một buổi cầu nguyện và dâng hoa lên Phật, thật đơn sơ mà trang trọng.

Quay lại với hai chị em chúng tôi, bà Ký Ngũ mời: “Nhà mới nấu nồi chè hoa cau. Hai chị em ở lại ăn bát chè rồi hãy về.”

Chi là một cô gái ngoan, mới có tí tuổi mà đã hiểu ý mẹ. Cô vào nhà trong, lát sau bưng ra một mâm gỗ sơn son, trên có mấy bát chè nho nhỏ và mấy cái thìa sứ trắng bong. Bốn người ngồi ăn chè. Chè hoa cau có chất bột trong quanh quánh, chìm bên trong là những hạt đậu xanh vàng hanh, ăn vào mát cả miệng và thơm mùi hoa bưởi. Tôi bắt chước mọi người, ăn một cách nhỏ nhẹ. Vừa ăn chè, bà Ký Ngũ vừa hỏi chuyện chị Bích Khuê: “Ông Chánh Thư có con gái xinh quá nhỉ, người trông cứ như là cây ngọc. Năm nay cô bao nhiêu rồi? Đã có chỗ nào chưa?” Chị Bích Khuê đỏ mặt, trả lời nho nhỏ: “Bẩm, cháu không phải con ông Chánh Thư ạ. Cậu này mới là con ông Chánh. Gia đình cháu ở Hà Nội đi tản cư, được cho ở chung nhà với gia đình ông Chánh ạ. Bẩm, cháu được mười sáu ạ, còn bé dại ạ.” Bà Ký Ngũ “à” lên một tiếng rồi nói: “À, ra thế... Người đâu mà đẹp cả người lẫn nét thế này!” Chị Bích Khuê lại đỏ mặt, cúi đầu không nói.

Có tiếng đăng hắng ở buồng trong. Hình như ông Ký Ngũ vừa tỉnh giấc. Bà Ký đứng lên, lấy trong ruột tượng mấy đồng tiền, gói vào một mảnh giấy rồi đưa cho chị Bích Khuê, nói: “Đây, phiền cô đem tiền thuốc về cho ông Chánh giúp tôi nhé. Cho tôi gửi lời cảm ơn ông đã hết lòng chạy chữa cho chồng tôi. Thôi... cảm ơn hai chị em. Tôi đi sắc thuốc cho ông ấy đây.”

Hai chị em chúng tôi chào bà, chào Chi rồi ra về. Đã xế trưa. Đường về xa lắm nhưng tôi chẳng ngại. Chị Bích Khuê cầm tay tôi, dẫn tôi đi cơ mà.

10.

Đêm hôm ấy tôi ngủ ngon vì đi đường xa, mệt. Nhưng trong giấc mơ tôi vẫn thấy tay mình nằm trong bàn tay chị Bích Khuê. Tôi thấy đôi mắt đen lay láy của Chi. Tôi vẫn cảm nhận vị ngọt ngào của bát chè hoa cau. Còn hương ngọc lan, sơn chi, nhài, bưởi thì thơm ngát cả giấc mơ tôi.

(*) Một bạn nhắc cho tôi rằng “quan ngại” là chữ Hán (關礙) có nghĩa là “cản trở, trở ngại” chứ không có nghĩa là “e ngại”. Tôi xin cảm ơn. Trong bài này, tôi ghi lại cách nói thông thường của người dân miền Bắc vào thời trước, có thể do hiểu nghĩa “quan ngại” là “quan tâm + e ngại”.

QUYÊN DI



Kể chuyện về GS. TS TRẦN QUANG HẢI TRẦN VIỆT HẢI



GS.TS Trần Quang Hải là một nhạc sĩ dù xa quê hương non nửa thế kỷ, nhưng tâm hồn ông vẫn đầy ắp đặc tính Việt tộc. Do vậy tôi suy nghĩ khi ông chọn ngành học và trình luận án tiến sĩ tại xứ người đậm nét dân tộc nhạc học (Ethnomusicologie), chuyên về nhạc dân tộc Việt Nam.

Về thân thế, ông sinh ngày 13 tháng 5 năm 1944, tại Linh Đông, quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định. Ông là hậu duệ đời thứ năm của nhạc sĩ cung đình Huế, Trần Quang Thọ (1830-1890), đời thứ bốn của nhạc sĩ nổi tiếng về đàn tỳ bà, Trần Quang Diệm, đời thứ ba của nhạc sĩ nổi tiếng về đàn kìm và dây Tố Lan, Trần Quang Triều tự Bảy Triều.. Ông là trưởng nam của Giáo sư Tiến sĩ Trần Văn Khê (1921-2015) và bà Nguyễn Thị Sương (1921-2014), cựu giáo sư Anh văn Trường nữ Trung học Gia Long ở Saigon, Việt Nam.

Nói về sự nghiệp, ông ảnh hưởng truyền thống gia đình, ông sớm định hướng theo con đường âm nhạc. Sau khi tốt nghiệp khoa violin tại trường Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn, ông sang Pháp tiếp tục học nâng cao về violin. Ở đó được cố vấn bởi trưởng dàn nhạc giáo sư Yehudi Menuhin ông đổi sang học các loại nhạc cụ dân tộc khác tại các trường đại học: Louvre, Sorbonne (Paris, Pháp), đại học Cambridge (London, Anh). Ông Hải sau đó lấy bằng tiến sĩ âm nhạc dân tộc người Việt tại Pháp, người thứ hai lấy bằng này sau cha của mình.

Ông bắt đầu làm việc cho Trung tâm Quốc gia Nghiên cứu khoa học tại Bảo tàng Con người (Musée de l'Homme) Paris (Pháp) từ năm 1968. Ông đã có những nghiên cứu đặc biệt trong lĩnh vực Dân tộc âm nhạc học như: hát đồng song thanh, phát triển gõ muống, phát triển kỹ thuật biểu diễn đàn môi... đang được thế giới quan tâm. Ông cũng là thành viên của Hội đồng Âm nhạc truyền thống quốc tế.

Ông và vợ là nghệ sĩ Bạch Yến, đã thực hiện hơn 3.000 buổi giới thiệu âm nhạc dân tộc Việt Nam ở 70 nước trên thế giới...

Là một nhạc sĩ ở đẳng cấp quốc tế ông được tôn xưng danh hiệu “vua muống” sau khi chiến thắng tại một cuộc thi gõ muống trong khuôn khổ Đại nhạc hội dân nhạc tại Cambridge, Anh quốc vào năm 1967. Tính ra, ông có hơn 60 năm gắn bó với những giai điệu từ muống. Ông từng biểu diễn “gõ muống” trong hơn 1.500 chương trình biểu diễn, buổi sinh hoạt âm nhạc ở hơn 70 quốc gia, vùng lãnh thổ. Đại diện cho âm nhạc Việt Nam, ông được Trung-

tâm Sách kỷ lục Việt Nam xác lập kỷ lục người trình diễn tiết tấu - âm thanh đa dạng nhất từ nghệ thuật gõ muống. Năm 2012 ông được Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam xác lập kỷ lục người trình diễn đàn môi mông tại nhiều quốc gia nhất trên thế giới.

Gần đây, Nhóm Nhân Văn Nghệ Thuật và Tiếng Thời Gian đã thực hiện hai quyển sách về những đóng góp quý báu của ông, một quyển bằng tiếng Việt, một bằng ngôn ngữ Anh và Pháp.

Cũng vào hôm Chủ Nhật, ngày 10 tháng 2, 2019 tại phòng hội của Đại Học Cal State Long Beach (CSULB) thuộc Phân Khoa Nghiên Cứu Về Người Á Châu Và Người Mỹ Gốc Á Châu (Asian & Asian American Studies) đã diễn ra buổi “Chiều Văn Học Nghệ Thuật” năm thứ III do nhóm Nhân Văn Nghệ Thuật & Tiếng Thời Gian cộng tác với Phân Khoa này đứng ra tổ chức.

Chương trình này rất đặc biệt, là buổi ra mắt 2 tập sách “Trần Quang Hải- 50 Năm Nghiên Cứu Nhạc Dân Tộc Việt” do nhóm Nhân Văn Nghệ Thuật & Tiếng Thời Gian thực hiện, và vinh danh Giáo Sư Tiến Sĩ (GSTS) Trần Quang Hải.

Trong sự ghi nhận của báo chí ông còn là một thuyết trình viên, nhà biên khảo nghiên cứu âm nhạc dân tộc học, nhạc sĩ sáng tác và là người thầy nổi tiếng về sự phạm âm nhạc. Nhạc sĩ kiêm giáo sư tiến sĩ Trần Quang Hải đã đưa chi nhánh âm nhạc Việt Nam trong dòng dân tộc nhạc học góp mặt ở khắp năm châu. Với cuộc sống ở nước ngoài gần nửa thế kỷ, GS. Hải luôn muốn đưa cái hay của Việt Nam ra dòng chính thế giới. Ông làm phiên dịch viên khi soạn nhạc không chỉ nghiên cứu âm nhạc truyền thống mà còn chủ trương nỗ lực bảo tồn nó. Ông góp mặt tổ chức hơn 3.000 buổi hòa nhạc tại hơn 60 quốc gia để giới thiệu âm nhạc đa dạng của dân tộc Việt Nam. Ngoài ra ông đã sản xuất hơn 30 đĩa CD âm thanh và video về âm nhạc Việt Nam tại hải ngoại. Giáo sư Trần Quang Hải đã sáng tác hơn 400 bài hát và âm nhạc về các loại như thanh nhạc ca hát và âm nhạc dựa vào các nhạc cụ truyền thống Việt Nam. GS. Hải còn viết nhiều bài biên khảo, về những nghiên cứu và tham luận về âm nhạc dân tộc học cho nhiều tạp chí nổi tiếng thế giới như The World of Music (UNESCO), Tạp chí Xã hội Âm nhạc Châu Á (Đại học Cornell, Hoa Kỳ), Cahiers de Musiques Traditionnelles (Thụy Sĩ) và Tạp chí Koukin (Tokyo, Nhật Bản). Các bài viết này của

ông về âm nhạc Việt Nam và châu Á cũng đã được ghi nhận lại trong từ điển New Grove. Trong phạm vi dân tộc nhạc học ông là một thành viên của nhiều hiệp hội nghiên cứu âm nhạc tại Hoa Kỳ, Pháp, Anh và Bỉ. Ông đã từng là diễn giả khách mời tại hơn 100 trường đại học trên khắp thế giới và đã trao hơn 1.500 bài phát biểu cho sinh viên ở các trường châu Âu. Tiến sĩ Hải cũng đã tham dự hơn 130 lễ hội âm nhạc quốc tế. Tên của ông đã xuất hiện trong nhiều cuốn sách, bao gồm cả Từ điển Tiểu sử Quốc tế (Anh), Quốc tế Ai là Âm nhạc (Anh), 500 Lãnh đạo Châu Âu cho Thế kỷ Mới (ở Mỹ và Pháp). Giáo sư Trần Quang Hải còn là thành viên SACEM (Society of Authors, Composers and Publishers of Music) và ông cũng được trao tặng bảo quốc huân chương (Ordre National de la Légion d'Honneur) của Pháp.

Với công trình như kể trên, vớ hàng ngàn cuộc nói chuyện quốc tế, giới thiệu âm nhạc Việt Nam khắp nơi trên thế giới. Ông không chỉ chuyên về nhạc dân tộc Việt, mà còn là chuyên gia về nhạc cụ và âm nhạc của các nước châu Á. Ông sống tại Paris, Pháp, đã thực hiện rất nhiều công trình vĩ đại với nhiều sáng tạo đầy màu sắc nghệ thuật độc đáo.

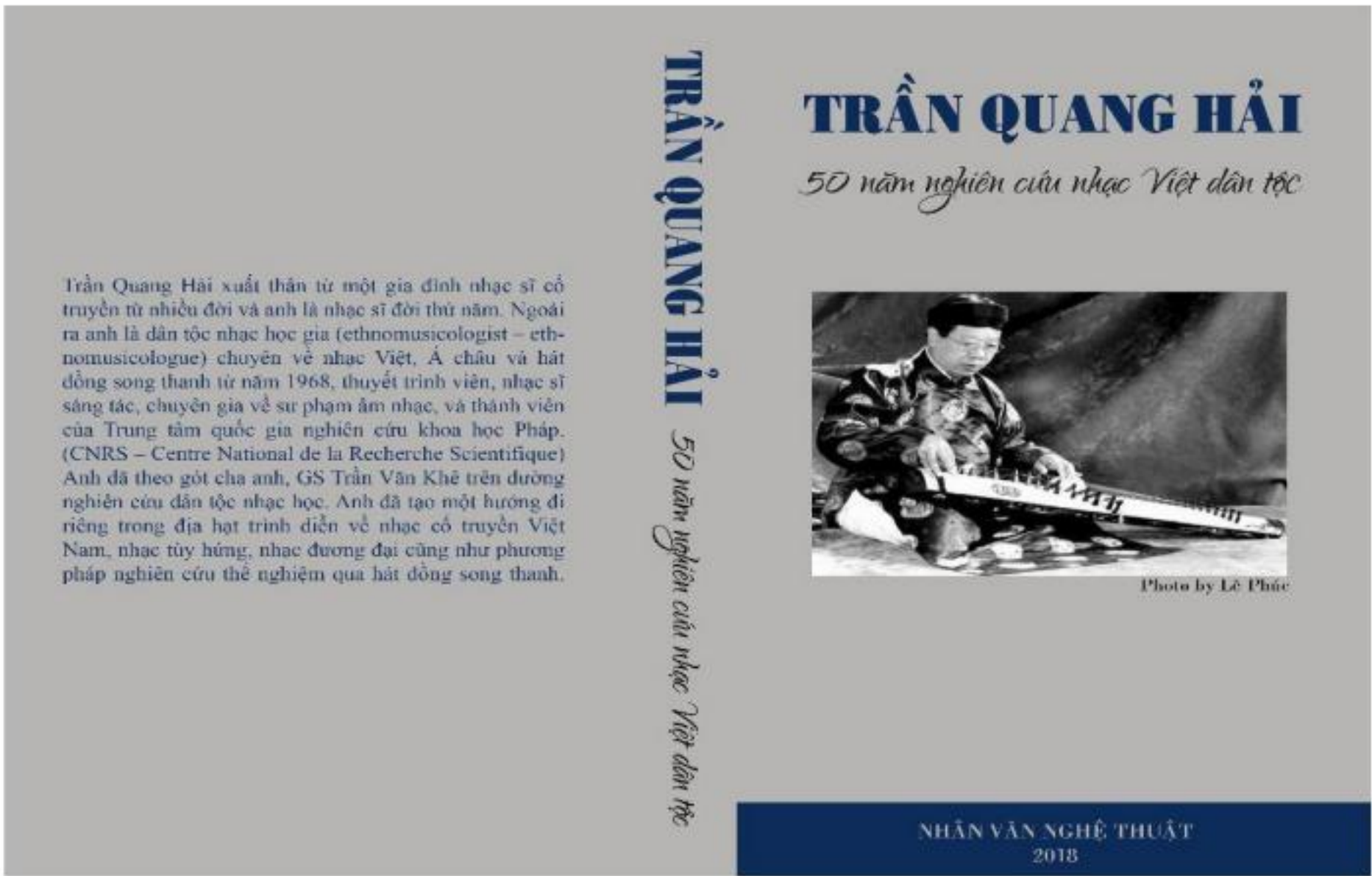
Những độc giả các nơi muốn mua 2 tác phẩm trên, xin vào online: Amazon.com link:

Tran Quang Hai-50 nam nghien cuu nhac Dan toc Viet (Vietnamese Edition) (Vietnamese) Paperback – October 11, 2018, by Nhan Van Nghe Thuat (Author), Thai H Pham (Author):

<https://www.amazon.com/Tran-Quang-Hai-50-nghien-Vietnamese/dp/172741411X>

Hầu đón nhận hai tác phẩm để tham khảo trong kho tàng văn hóa Việt Nam về người nhạc sĩ độc đáo của chúng ta, với công trình tích cực là duy trì và bảo tồn văn hóa Việt, để truyền đạt đến những thế hệ tiếp nối bản sắc dân tộc Việt cho ngày sau.

ghi nhận bởi **TRẦN VIỆT HẢI**, Los Angeles.



Bìa sách GS-TS Trần Quang Hải



GS-TS Trần Quang Hải



GS-TS Trần Quang Hải



Trái sang: GS Dương Ngọc Sum, GS.TS Trần Quang Hải



Bằng Vinh Danh GS-TS Trần Quang Hải, do Đại Học Cal State Long Beach (CSULB) thuộc Phân Khoa Nghiên Cứu Về Người Á Châu Và Người Mỹ Gốc Á Châu (Asian & Asian American Studies)



GS - Nhà văn Quyên Di, người đại diện trường đại học Cal State Long Beach (CSULB) thuộc Phân Khoa Nghiên Cứu Về Người Á Châu Và Người Mỹ Gốc Á Châu (Asian & Asian American Studies), trao bằng Vinh Danh cho GS-TS Trần Quang Hải. Cùng với nhóm Nhân Văn Nghệ Thuật và Tiếng Thời Gian tổ chức thành công buổi vinh danh.



Trái sang: Trần Việt Hải, Lê Hoa, Trần Quang Hải, HND, Phạm Hồng Thái



YÊU EM TRỜI MỘC TRỔ BÔNG

Ta với hái nụ cười em chợt tím
Thấp ưu tư soi bóng vọng nguyệt đình
Bước khệnh khạng khuya đường khuya bối rối
Gót thủy chung chi chút dấu gai tình

Mưa bao giờ rơi như tiếng cầu kinh
Để thấm hồn em ngát mùi áo lụa
Cho tim ta phơi phơi mộng cuồng chinh
Khai phá đất hoang dựng triều xưng chúa

Chùm câm nín chín ươm mật đắng
Bao nhiêu lần tập lơ lảo cho quen
Những buổi chiều vò hoàng hôn nát vụn
Tra hỏi mình thơ sĩ có điên không?

Yêu em trời mộc trổ bông
Mai khoan tay ngó phố hồng em đi!

Cõi hư vô cũng thấm thì
Ta xua muối đói hoài nghi cuộc đời
Đứng nghiêng tóc lệch vành môi
Ngâm thơ tình sử đắng lời vọng âm...

SA CHI LÊ



TỘI ĐỒ CHỈ ĐỨNG MỘT CHÂN

tội đồ chỉ đứng một chân
hãy giả tưởng nỗi buồn treo mắc nhện
đứng một chân ngắm nghĩa được mấy giờ
choàng cái bóng để nhập vào vai diễn

ấm ở ngôn tình gục xuống chạm giấc mơ
mệt quá phải không sao lòng còn rạo rức
tình độ kinh ngậm lửa tình mơ hồ
thì đừng nói: vong thân là đạt đạo

em bạch tạng rồi... sao ta niệm nam mô (?)
nếu trí trá cũng chỉ tầm gian dối
ta lột truồng nhìn ảo ảnh linh thiêng
biết là đói khát tình non nhục thể

liếm môi cười, chợt thấy được yên nguyên
mùi hạnh phúc lâu ngày trong cuống họng
vướng víu hoài nên tự hóa thai nhi
đánh cúi mặt nôn trào ra sắc tướng

nhìn em cười, diễm tuyệt nét hồ ly
 hơn bốn mươi năm đã lắm vô nghi
 rượu đắm hồn thơ cuồng điên ngạo mạn
 một chân đứng, tên tội đồ hào sảng
 còn múa may chơi trên chính quê mình

XIN MỘT LẦN

xin một lần tạ lỗi với dòng sông
 đã lâu lắm chưa về thăm mình bơi ngược
 không còn nghe bìm bịp kêu những ngày con nước lớn
 không còn nhớ mùa nào hoa tím dập duềnh trôi

xin một lần tìm lại tuổi thơ ơi!
 con thuyền giấy êm đềm trôi biển biệt
 con đẽ than nằm trong bao diêm quẹt
 cọng cỏ gà vươn cao cổ chờ sương

xin một lần về thăm lại quê hương
 trên ngọn cau chim chiều bay về tổ
 ngôi đình xưa chắc bây giờ ngói đỏ
 dân làng vui ngày lễ hội Kỳ yên?

xin một lần quỳ dưới chân mẹ hiền
 muốn được khóc như ngày còn thơ bé
 con khôn lớn cạn khô bầu vú mẹ
 tha lỗi cho con năm tháng quá vô tình

xin một lần tạ lỗi với con tim
 luôn chuyển động máu tuần hoàn sự sống
 ban cho tôi một nguồn thơ vô tận
 tôi đánh mất mình hoang phí đến vong thân

KHALY CHÀM



CÔ DÂU

Khi cô vừa ngồi yên vị trên ghế máy bay, hãng hàng không Korea Airline, sau một hồi chật vật đẩy cái túi xách bằng da lớn quá khổ mà mẹ cô tìm hết cách nhét các thứ vào, bắt cô mang rất nặng, sau khi đã phải năn nỉ nhân viên soát vé, lấy bớt đồ linh kính ra cho nhẹ, để được mang nó vào máy bay thay vì gửi ở khu vực hành lý, sau khi thắt dây lưng an toàn, đưa mắt lo lắng nhìn qua cửa sổ máy bay, mây lơ lửng, ngay vào lúc ấy thôi thì mọi người, những bà dì, bà cô, chị em họ, nói chung là tất cả, đều đã có cảm giác rằng cô đã xuống đến phi trường Seattle, đã bước đi trên đường phố tráng lệ, đã lái một chiếc xe hơi bóng nhoáng sơn màu đỏ chói, đã nói tiếng Anh như gió, đã mua được một căn nhà sáu phòng ngủ trên đồi, và dĩ nhiên một người như thế thừa khả năng để bắt đầu gửi tiền về Việt Nam cho mẹ cô, cho mọi người.

Sau khi cô đã đi rồi, mọi người còn đứng tụ lại trên khoảng sân nhỏ, có người ngồi ở bậc cửa, vì căn nhà quá nhỏ không đủ chỗ để ngồi, những bà mẹ trẻ vừa vạch áo cho con bú, vừa lấy tay đập muỗi trên má đứa trẻ, trở nên bớt cần nhần, cười nói vui vẻ và dễ dãi với những đứa bé lớn hơn, nghịch ngợm, vì nghĩ đến một tương lai mơ hồ chờ đợi họ. Có người tưởng tượng những cái bóp da nho nhỏ xinh xinh, có người mơ màng những đôi giày cao gót, cô đã hứa với họ. Cha cô bảo ông chỉ thích một cái ra đô để nghe tin tức, ông nói thế nhưng cô biết là ông cần nhiều thứ hơn nữa. Mẹ cô không nói gì cả, nhưng đó là sự kín đáo của một người lãnh đạo, tổ chức từ đầu đến cuối một công việc với mục đích rõ ràng.

Sau chuyến bay bốn giờ đồng hồ mà cô chẳng thấy mệt mỏi gì và không chóng mặt hay buồn nôn như người ta vẫn nói, có lẽ vì cô quá lo lắng hoặc quá sung sướng, hoặc cả hai, cô xuống phi trường Seoul trong một thời tiết êm ả, đẹp tuyệt, hơi mây mù nhưng không có mưa, ánh sáng mặt trời rắc lên đám cỏ xanh ngoài phòng đợi lấp lánh nháy múa. Cô mua một cái bánh sandwich để ăn cho đỡ đói vì trên máy bay mãi suy nghĩ, hồi hộp, cô chưa kịp ăn bữa ăn chiều thì người tiếp viên đã dọn mất rồi. Cô không có ý định mua cái bánh sandwich mà định mua thứ khác và một chai nước ngọt nhưng do không biết tiếng Anh, cuộc trò chuyện giữa cô và người bán hàng, một phụ nữ nhỏ bé, gầy gò, trở nên một cuộc thử thách đáng sợ nên cô đành chấp nhận món ăn kỳ quái, không kèm theo nước uống. Nhưng những thứ đó không đủ làm cô bức mình, chúng chẳng phải cực khổ gì lắm. Cô không phải là nàng công chúa có thể mau lẹ cảm nhận được hột đậu nhỏ ở dưới ba tầng nệm trắng; mới hôm qua đây thôi cô còn chạy qua đồng giữa trưa nắng gắt mang bữa cơm dọn sẵn và khoai mì, dưa cải cho cha của cô đi cày; mồ hôi lấm tấm trên mặt, cô suýt vấp ngã trên những luống cày, đất cứng như đá vì ba mươi tám ngày không mưa.

Anh nói với cô rằng những ngày khốn khổ của cô sẽ được đền bù, rằng bất chấp tất cả, khuôn mặt cô vẫn mịn màng, đẹp tuyệt và vì anh là một kỹ sư cao cấp trong hãng điện tử Hoa Kỳ, cô không nhớ là tên gì, nên việc chăm sóc sắc đẹp cho cô sau này không phải là chuyện lớn, vấn đề là cô phải trải qua những thử thách nho nhỏ; thử thách như kiểu cái bánh sandwich khô như

cúi xem ra không đến nỗi nào. Đồ đạc của chuyến xuất ngoại vẫn còn để đầy phòng, những bộ quần áo mà cô vừa mới may ở quán may đầu làng, chưa kịp mặc; hồi đó chưa có quần áo may sẵn như bây giờ, người ta phải đi mua vải tự may lấy. Mấy cái xách tay đã lộn trái ra ngoài không kịp xếp lại, hai ba đôi giày lủng chổng, những cái hộp giấy lớn vuông vức quần bằng dây gai nhiều vòng, che mất cả địa chỉ nơi đến, chỉ chừa lại những chữ "Seattle...USA.." nằm chắn ngay ở cửa phòng, những đồ trang điểm của đàn bà con gái, những gói đồ thức ăn, như thịt chà bông, tép khô mà hai mẹ con thức suốt đêm bên ngọn lửa liu riu chăm chút làm để mang đi vì nghe nói anh thích những món ăn thuần túy và đậm đà bản sắc dân tộc, những thứ giấy tờ linh tinh khác, một cuốn tiểu thuyết của một nhà văn Sài Gòn thường thường bậc trung nhưng ăn khách và cuốn sách dạy nấu ăn dành cho các cô dâu trẻ và hạnh phúc vì người lớn tuổi và không hạnh phúc quần quật trong bếp khói bếp mù cả mắt chẳng hơi đâu mà ngó tới, cô mang theo để đọc, vì thời ấy, đầu những năm một chín tám mươi, không có online như bây giờ. Cô đã học hết lớp mười trước khi nghỉ để phụ giúp việc gia đình và thời nhỏ rất mê đọc sách. Suốt nhiều ngày chúng không hề được chạm tới, những bức ảnh dán trên tường của cô cười xinh xắn, những bức ảnh có hình của anh và cô đi chơi biển Vũng Tàu, bước đi trên cát như những cặp tình nhân thơ mộng trong phim ảnh, quả cam để trên bàn từ xanh đến vàng đến khô, những người bạn thời nhỏ của cô đến ngồi bên cạnh giường, thương xót nhìn cô nằm thiếp trên giường, từ chối không ăn không uống, không khí vương mùi cỏ dại trong đất mới lật bay qua.

Cô chẳng nói gì, mẹ cô càng la lối, vừa la lối vừa khóc lóc thì cô càng im lặng, cha cô uống rượu nhiều hay lấy cớ để uống rượu nhiều thì không ai biết, ngồi trên chiếc bàn đóng bằng mấy cây tre khép lại dưới gốc mít đang ra những trái non, có những trái nhỏ bằng đầu ngón tay cái. Những người bà con và hàng xóm đi ra đi vào thì thảo trò chuyện, có người thương xót, có kẻ thỏa mãn ra mặt vì lòng ghen tị của họ đã được thỏa mãn mà lòng ghen tị của người Việt thì vô địch thế giới, càng có tự do càng ghen ghét càng khổ cực càng soi mói, những con ruồi xanh bay vo ve ngoài cửa, một con đậu lên mí mắt một đứa trẻ, một con đậu lên bầu ngực

căng phồng của người mẹ trẻ đang vạch áo cho con bú, con ruồi trông xa như một nụ hôn giận dữ. Cô nằm trên giường vòng hai tay lại nhìn trần nhà thấy những cái bóng đi qua đi lại, thấy anh đứng ở cửa phi trường ôm một bó hoa lớn gồm toàn hoa hồng đỏ nở nụ chím chím, cô đếm đủ năm mươi hai cái, sao lại năm mươi hai? Cô chợt nhớ ra đó là tổng số tuổi của cô và anh, nhưng nếu thế thì năm mươi một chứ không phải năm mươi hai vì còn ba ngày nữa mới đến sinh nhật của anh, đó là tính theo tuổi Tây, khi anh hỏi tuổi cô đã trả lời là cô hai mươi một tuổi, biết ngày sinh thì anh cười phá lên vì thực ra tính theo dương lịch thì cô mới mười chín tuổi, cô biết mình không đẹp lắm, chỉ có nét mặt mà duyên dáng, cô có yêu anh không cô cũng không biết vì cảm giác ân huệ mà anh mang lại lớn quá, cho mẹ cô và cả gia đình, nên cô chẳng còn thời giờ đâu mà nghĩ đến chuyện thổn thức của trái tim. Cô gần như sung sướng ngã đầu vào vai anh lập tức khi mẹ cô dẫn cô tới nhà anh lấy một cơ gì đó để tìm cách ra mắt đứa con gái và cô được anh chăm ngay trong lần đầu tiên giữa những ứng viên sáng giá khác.

Nhìn vào mắt cô, anh dịu dàng bảo: em có ba ngày để suy nghĩ. Được chứ?

Giọng anh ngân nga như hát.

Đó không phải là một câu hỏi. Cặp mắt anh thật là đẹp.

Cô chẳng cần đến ba ngày. Cô chỉ cần ba phút.

Nằm yên như thế một lúc cô bắt đầu nhận ra cái dáng của anh và tiếng cười khanh khách của một người đàn ông hơi quá tự tin, đang ban cho cô những ánh sáng của hạnh phúc, nhưng cô nhìn thấy những cái bóng khác nữa, mới đầu không nhận ra là ai, khi chúng đến gần cô hoảng hốt co rúm người sợ hãi, cô ngừng đầu ra khỏi cái gối, lấy tay che mặt một lúc rồi lại mở ra nhìn chăm chú, nửa tò mò, nửa sợ hãi; nửa lạnh lùng, nửa giận dữ. Cô ngạc nhiên thấy ở phi trường Seoul có những bông thược dược vàng mà cô chỉ thấy có ở quê mình, trồng bằng củ mỗi năm đào lên, cô vùi trong than bếp, kín đáo để ở góc bếp không ai biết, gần quá chúng sẽ nóng, xa chúng sẽ chết vì lạnh, mỗi năm cô gieo xuống đất và chờ ngày hoa nở dọc hàng rào, rất xa nhà vì ở xứ này đất còn nhiều và không ai lẩn thẩn đến nỗi đi trồng hoa ở ngoài bờ ruộng nên chỉ mình cô là biết đến những luống hoa nho nhỏ của mình. Cô đang

ngắn người ngắm những bông thược dược vàng, thật ra là tulip, thì vô ý đụng phải một người mang ba lô đi qua; anh ta nói gì đó như xin lỗi rồi ngồi xuống ghế ngay trước mặt cô. Phòng đợi đông nghịt người, dồn lại nhiều chuyến bay bị trễ vì một cơn bão di chuyển qua Thái bình dương. Những nhân viên hàng không tất tả chạy ra chạy vào không kịp trả lời các câu hỏi, không kịp giữ vệ lịch sự và văn minh thường ngày.

Trên chuyến bay không có một người đồng hương nào để cô có thể hỏi chuyện. Cô đứng hồi lâu trước màn hình chạy những hàng chữ thông báo chuyến bay, ngo ngác không biết chúng viết gì, cuối cùng cũng đủ sức nhận ra rằng mình cần lên chuyến bay đi Seattle trong vòng sáu giờ đồng hồ nữa. Đó là một thời gian khá dài, cô không dám đi đâu cả, nhưng cái bánh sandwich làm cô khát khô cổ. Người thanh niên mang ba lô mà cô đụng phải tỏ ra thân thiện và tử tế đưa mắt nhìn cô đoán chừng cô cần giúp đỡ. Anh hỏi chuyện và nói tiếng Anh rất chậm để cho cô nghe rõ, thực ra là đoán, đó là một người có khuôn mặt lai châu Á, hình như dân địa phương thì phải, nhưng cô không chắc lắm, và lại điều ấy không quan trọng, và cô đánh bạo trả lời bằng thứ tiếng Anh bập bõm của mình, khoa chân múa tay, một lúc thì hai người bắt đầu hiểu nhau, anh ta đứng dậy nhờ cô trông giùm cái ba lô và đi mua một ly cà phê, hỏi cô có uống gì không, nhưng cô lắc đầu. Anh ta trở lại với ly cà phê và một cái bánh, một chai nước ngọt cho cô làm cô ngạc nhiên. Cô không quen với phép lịch sự phương Tây. Cuối cùng cô từ chối cái bánh nhưng chịu nhận ly nước ngọt vì quá khát, rồi cô buồn đi tiểu vì ngồi đợi quá lâu, phần vì hồi hộp, bụng dưới của cô kích thích dữ quá, không chịu đựng được cô đành đứng lên và gửi cho người thanh niên tử tế cái túi xách tay của mình. Trong hành lang tối và hẹp cô đứng khá lâu sau hàng dài những người đứng đợi trước khi vào được phòng vệ sinh, vì các chuyến bay bị trễ nên phi trường rất đông người, trong phòng vệ sinh cô đau bụng vì ăn phải thức ăn lạ, bụng cô không quen bơ sữa. Cô uống một nửa chai nước ngọt, nhận ra nó ngọt quá, vẫn không đỡ khát, nên quay lại bưng hai tay uống thêm nhiều hớp nước nữa ở dưới vòi rửa tay của phòng vệ sinh. Vòi rửa tay điều khiển bằng quang điện tử làm cô lúng túng mất gấp ba thời gian, thỉnh thoảng mới chịu phun ra

một tí tinước như trẻ con đi tiểu chẳng thấm vào đâu.

Cô quay lại một lần nữa trước gương để soi lại mái tóc, nghĩ đến anh, những cử chỉ mà người ta hay làm khi do dự hay khi hạnh phúc, khi vừa lo lắng bất an vừa tin tưởng vào tương lai, tóm lại là cô trở lại chỗ ngồi trẻ, rất trẻ, đến nỗi chuyến bay của người thanh niên kia bay đi đâu đó đã cất cánh mất rồi, và anh ta không còn ở đó nữa, và cái túi xách của cô không còn ở đó nữa, tất nhiên, và giấy tờ bảo lãnh do tòa đại sứ cấp không còn ở đó nữa, và tờ hộ chiếu nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam màu xanh lá cây mà cô đã cẩn thận nhét ở dưới đáy xách ở giữa hai vé máy bay, một cuống vé từ Việt Nam đến Seoul đã dùng và một tấm vé từ Seoul đi Seattle sắp dùng, cũng không còn ở đó nữa.

Cô hoàn toàn hỗn loạn, và sự hỗn loạn nhân đôi bởi ngôn ngữ bất đồng, và mọi người không ai hiểu cô nói gì cả, tất cả các nhân viên phi trường, tất cả các người tốt bụng đi ngang qua không ai hiểu cô đang gặp chuyện gì cả hay mọi người trong một buổi chiều mưa bão lạnh lẽo đã mất hết khả năng giúp đỡ người khác hay vì đơn giản là chẳng biết giúp cô thế nào. Cô không thể đi đâu được trên thế giới này vì không tự xác định được mình là ai.

Hãng máy bay Hàn quốc đã mau lẹ quyết định gửi cô lên chuyến bay sớm nhất trở lại Sài Gòn, sau này ở Tân sơn nhứt người ta bảo như thế là tử tế lắm chứ còn họ có thể vứt cô ra đường để mặc cho bọn chuyên bắt cóc phụ nữ và trẻ em vì trong tay cô không có một thứ giấy tờ nào chứng nhận cô là hành khách của họ hay là công dân hợp pháp của bất kỳ một quốc gia nào có chủ quyền thậm chí không chắc cô có phải là cư dân hợp pháp của hành tinh này hay không. Bằng cách nào cô đã đi từ Sài Gòn về nhà thì cô không nhớ được, bằng cách nào cô đã đứng thật lâu trước cửa nhà cha mẹ mình đêm trăng khuya khoắt hai giờ sáng và rụt rè gõ lên cửa thì cô không nhớ được, bằng cách nào cô đã gọi điện thoại báo tin cho anh ở Seattle thì cô không nhớ được, hoặc là anh đã gọi từ Mỹ về vì chờ đợi quá lâu ở phi trường, quá nóng ruột, cô cũng không nhớ được. Cô chỉ nhớ là anh đã an ủi cô, đã bảo rằng sẽ tìm cách để làm lại giấy tờ bảo lãnh cho cô và mua vé máy bay đi chuyến khác. Giọng của anh vẫn dịu dàng vang lên trong ống nghe như hát, không có dấu hiệu nào của sự bức bối, tức giận hay khinh

thường. Cô chỉ nhớ là anh đã lặng người đi thật lâu, lâu lắm, đến nỗi cô nghe được không khí mùa hè di chuyển quanh người anh ở đầu dây kia như những vòng sóng trước khi anh nói thế. Cô không tưởng tượng được rằng đó là sự im lặng chết người, của một quyết định.

Những đóa hoa vàng ở phi trường bay lẩn lút trong phòng của cô mới đầu như những con bướm hay những thiên thần trong cổ tích về sau như những con ma trên nghĩa địa đầu làng nơi cô đi học về muộn chiều mưa lâm thâm vừa xoay cái áo tơ mẹ cô chằm bằng lá dừa vừa lúp xúp chạy, nghĩ đến cái bếp lửa ấm ở nhà của mẹ cô, về sau nữa chúng nhiều đến nỗi làm cô hoa cả mắt có một lúc cô đã òa khóc trong đêm nhưng không ai biết, mọi người đã đi ngủ. Mẹ cô, người tổ chức mọi chuyện sau vài ngày hò hét than khóc, tỏ ra có phần lãnh đạm có lẽ vì cố nén sự đau khổ, là người đã báo tin cho cô biết rằng cuộc hôn nhân cuối cùng bị hủy bỏ và anh đổi ý, sẽ không bảo lãnh cho cô qua Mỹ nữa. Vì sao thì người ta không biết, có người cho là vì anh quá thất vọng và giận dữ vì sự ngu ngốc của cô, lại có giả thuyết cho rằng đó chỉ là giọt nước làm đầy ly, anh chỉ chụp lấy cái cớ này mà thôi, vốn anh đã không yêu thương gì cô cả hay mới quen một người đàn bà khác, đã kịp thời nghĩ lại sau khi đại đột hứa hôn, lại có người sâu sắc hơn nghĩ rằng đó là thử thách mà cô không vượt qua được, cưới một cô bé nhà quê như thế để mà tàn đời hay sao, lại có giả thiết cho rằng đây là sự nhầm lẫn tình cờ, chúng cũng nhiều như những con bướm nhỏ xíu không ngừng bay đi bay lại giữa những gói hàng lẩn lút trên sàn nhà bằng đất nện mát lạnh, rịn mồ hôi trong những ngày hè nắng gắt. Những con bướm và những giả thuyết ấy không làm cô dịu được nỗi nhục nhã ê chề, sự thất vọng của mấy mươi người cộng lại, sự khiển trách trong ánh mắt của những đứa bạn chị em họ, vết thương của những gót giày cao gô xuống tâm hồn cú đánh xây xẩm mặt mày của những cái túi xách bằng da cá sấu làm ở Ý, cô bị nghiền nát dưới bánh của chiếc xe hơi màu đỏ chóc bị vút trong tầng hầm tối của ngôi nhà sáu phòng ngủ mà cô vừa mới tậu trên đỉnh đồi, không chịu đựng được tất cả những thứ đó, cô đã quyết định bỏ chúng mà đi, đập cánh bay vù mất. Sau đó mẹ cô đã nhặt được dưới gầm giường của con gái một cái chai nhỏ, thứ vỏ chai xá xí con cộp bán đầy ở các quán nước.

Đựng một chất nước tối đen, đậm đặc, cô đã uống hết nhưng vẫn còn hơi nồng nặc, bạn chỉ ngửi qua là đã buồn nôn. Thử nước này nông dân miền Nam ai cũng biết vì dùng để diệt sâu rầy có hại cho mùa màng. Ai uống vào, sau vài giờ, khó cứu được. Cô đã uống hết, không để lại một giọt.

Thật ra, giữa những giấc ngủ chập chờn, cũng có lúc cô đã thức giấc và hoàn toàn tỉnh táo, đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Cô biết mình đang ở đâu. Tiếng chào hỏi ồn ào ngoài sảnh đường, tiếng trẻ con chạy dọc hành lang. Giàn nhạc kèn trống chơi những nốt nhạc khi ấm áp khi lạnh lẽo. Rồi cô nhìn thấy mẹ cô mặc áo gấm xanh thêu hoa kim tuyến đi vào và cô nhớ ra mọi chuyện. Ở ngoài vườn khách sạn, giữa những bụi hồng trổ hoa đầu mùa những cô phù dâu che miệng cười những chàng phù rể ném những bông *confetti* xanh đỏ lên đầu họ, dãy xe taxi và xe hơi đắt tiền đậu chen chúc chật cả lối ra vào. Một nhóm những người lớn tuổi đứng hút thuốc trò chuyện với nhau bên hồ nước. Anh đến lúc nào không biết, đứng sau lưng đặt tay lên vai, cô quay lại mỉm cười nhìn anh. Cô hỏi: có phải đây là chuyện thật không anh? Hay chỉ là giấc mơ của em? Không đợi trả lời cô lại quay nhìn ra cửa sổ, đứng yên khi anh hôn lên mái tóc của mình. Cô thấy một người thiếu nữ đi tới, mặt khuất sau tấm mạng che mặt, tà áo cô dâu trắng như tuyết phủ dài lê trên cỏ xanh mới cắt, dài đến nỗi cô ta bước đi vương vীu dù có hai đứa trẻ kèm theo sau nâng tà áo lên. Cô dâu kia di chuyển chậm chạp nhưng dáng đi đẹp để thanh thoát đến nỗi cô không thể đoán biết là ai, mỗi lúc một đến gần, rồi bỗng ngẩng đầu lên nhìn vào cửa sổ nơi cô đang đứng: thật ngạc nhiên, cô dâu ấy chính là cô chứ còn ai nữa. Trong khi ấy từ phòng bên dương cầm trỗi lên những nốt nhạc thánh thót mỗi lúc một mạnh mẽ.

NGUYỄN ĐỨC TÙNG



TẢN MẠN VỀ THƠ

TRẦN HOÀI THU

Thức dậy lúc 4 AM. Nằm nán khoảng 10 phút trên giường. Như ngày thơ, mẹ kêu dậy học bài, vẫn giả vờ không nghe, để nán lại ít lâu. Ngày ấy, nán vì ngại dậy, ngại học bài, ngại ra ngoài sân lạnh cắt để rửa mặt. Và có khi là còn vương vất cơn mơ... Nhưng bây giờ tuổi già, thì nằm nán, để tâm hồn như bay bổng. Thơ hình như nhập vào hồn. Bong bóng thì nhẹ, và bay kên trời thì lơ lửng. Thơ cũng vậy. Lơ lửng. Lâng lâng. Có khi nghĩ đến một câu thơ cũ, thấy lại hình ảnh xưa, trở lại cùng quá khứ: *Nghe như bùn ướt còn vương tóc/ Lính bụi mà em có thương không ?* Thơ tôi đấy. Cái chàng trung đội trưởng thám kích ấy

may mắn lắm. Bởi hấn là thi sĩ. Hấn thắng hoa nổi khổ cực trăm bề của một đêm trắng mắt, hay lội đồng, băng rạch, bùn dính cả áo quần tóc tai... để đỡ dành hấn. Hấn vinh danh mùi bùn để an ủi trái tim trong khi các em quay mặt hay chỉ mơ những hoàng tử.... Ôi hợp cà phê đầu ngày, điệu thuốc đầu ngày. Rồi tiếng nước sôi, tiếng lửa reo, rồi đôi má của cô hàng chợ Huyện trở nên au hồng dưới ánh lửa. Cô hàng chợ Huyện mơ gì nhỉ / mà sao im lặng như tương tư/ Tôi biết đêm rồi không chó sủa/ Đêm rồi tôi cũng dệt cơn mơ...

Niềm vui tùy theo người có một quan niệm riêng. TCS thì mỗi ngày cho tôi chọn niềm vui. Ông chọn bởi vì niềm vui quá nhiều. Còn tôi làm gì có nhiều để mà chọn nó cho đẹp cuộc đời. Đêm trắng mắt giữa lòng mật khu. Và ngày thì trưa mới thấy rõ những vách đá vây quanh, thì làm gì mà được cơ hội tìm một nụ hoa cho đời mình... Cũng như bây giờ, cái hoàn cảnh của một lão già có vợ bị liệt bại không thể ngồi dậy, rồi thêm cái con quỉ nhập tràng đã chiếm lấn bộ bán cầu não, thì làm sao tôi có thể chọn cho đời mình một niềm vui ? Cái bát rượu đời của tôi tuổi trẻ thì đầy máu, hay mồ hôi tủi nhục, và bây giờ thì đầy lệ...

May mắn, tôi là nhà thơ. Tại sao nhà thơ đồng nghĩa với nỗi may mắn ?

Bởi vì thơ đi với cái đẹp. Khổ cũng đẹp. Sướng cũng đẹp. Em là gái trời bắt xấu cũng đẹp. Hay em đẹp như tiên nga cũng đẹp. Dưới mắt nhà thơ, hình ảnh những bông súng trên đầm khổ sai khác với con mắt thường tình. Hay cái thập tự giá trên ngọn đồi sọ ở Kinh Nhà Chung khác với cái nhìn của người thường.

Nếu trong những năm tháng làm lính dữ, lạc lõng trong rừng, nếu những con kiến, lá giang, nước sương, con chuột là những thứ vật chất để tôi có thể áp dụng bài học mưu sinh thoát hiểm, thì nửa đêm vầng trăng lấp ló giữa những cành lá rậm rạp của núi rừng, hay những nụ hoa vàng, hoa đỏ, hỏa hoàng, mọc đại giữa bãi cốt xương, thì làm lòng mình cảm thấy nao nao... Thơ là sự giao cảm giữa đôi mắt và trái tim và bộ bán cầu não. Đôi mắt nhìn. Chưa đủ. Phải nhờ trái tim mới có thể rung động. Và cuối cùng qua cái đầu, sử rung động kia được thăng hoa, vinh danh.

Đó là lý do tại sao tôi tự cho mình là nhà thơ. Nó cứu tôi. Dù tôi biết thơ tôi thú vị lắm, ghê lắm. Hãy tha lỗi, tôi không phải là nhà đạo đức. Tôi là cựu lính thám kích, quen chửi thề, ăn tục, nói tục:

1.

*Giờ tôi chân rã tay rời
Lơ trắng lơ gió lơ trời lơ mây
Lơ lồn để nó leo cây
Đê tôi còn lại cái ...cọc này buồn thiu !*

2.

*Mỗi ngày mấy tiếng thăm nom
Mỗi ngày mấy tiếng bổ hòn nuốt vô
Vô rồi ra cửa hậu môn
Còn tôi, không hậu mà ra môn làng
Thơ thì thum thum thăm thương !*

TRẦN HOÀI THƯ



CƯỜI HUẾ

Huế, từ bao giờ vẫn nổi tiếng về vẻ trầm mặc, cổ kính. Nơi đó đã sinh ra, lớn lên những người con thông minh, sắc sảo, những người con làm nên Huế đờm lược, những người con của miền đất anh hùng.

Huế cũng là nơi tôi bỏ đi vào một buổi chiều mưa dầm sùi sụt. Tôi bỏ Huế đi như em đã bỏ tôi đi xa gái. Nhưng Huế, là nơi tôi sẽ trở về, dù tôi biết không còn em tóc dài, mắt sáng, ngấn cổ cao nòn nao chờ đón tôi ở đó.

nòn nao chờ đón tôi ở đó.

Mùa hè tôi trở lại Huế. Đứng trên bờ sông Hương nước vẫn lặng lờ. Nhưng Huế thương, Huế nhớ nên Huế vẫn nhận ra tôi, vẫn dang đôi cánh tay thần thoại ôm xiết tôi vào lòng. Bởi vì tôi là một nửa đứa con của Huế, cho dù tôi đã bỏ Huế đi từ nửa thế kỷ mịt mù cơn mưa thuở trước.

Nước sông Hương tôi từng rửa mặt nên khi trở về đây, đứng với Huế tôi nghe thấy được mùi Huế qua một điệu hò. Hò mái đẩy vời vời nhớ thương vẳng lên từ dưới một mui đò. Nhưng khi tiếng chèo quấy chạp từ bến đò Thừa Phủ đưa người qua sông tôi nghe còn buồn hơn cả một điệu hò buồn bã Huế.

Hình như gương mặt Huế lúc nào cũng buồn với tôi. Cái buồn sập sận dưới chân cầu Trường Tiền theo gió xông lên thoảng mùi vị Huế. Mùi tóc em gội bồ kết. Mùi dịu dàng trên đôi môi thơm Huế. Mùi em líu lo như chim hót khi mình gặp lại nhau. Và mùi em từ tốn, ngọt ngào khi chia tay anh.

Đập Đá là nơi mình từng gặp nhau. Nhưng Đập Đá bên kia là Vĩ Dạ cũng là nơi để mình chia biệt. Khi em bỏ tôi đi, làm sao em thấy được Huế tối tăm trong lòng tôi một cơn mưa mịt Huế. Huế có mùi tím than nên Huế có cả màu tím Huế, cái màu nảo nùng tím, biến biệt tím mãi đâu. Những cuộc tình thơ mộng thuở nào của chàng trai Quốc Học và thiên hương Đồng Khánh giờ tím tận phương nao. Và rồi vì em cũng tím mãi đâu để Huế một mình tím lịm bởi vết chém tàn bạo của chiến tranh.

Những người con Huế dưới hình thù của một người lính âm thầm đi chiến đấu và chết vô danh ngoài mặt trận.

Huế của tôi buồn đến vậy hay sao?

Huế ngồi dưới gốc buồn thiu thít. Cây tre còn trẻ đã phong trần. Lá bay theo gió mười phương thổi. Tản mạn như người buổi chiến tranh. Quê khóc giùm anh hùng mặt trận. Mùa mưa gục ngã ngoài chiến trường. Mảnh hồn tan tác bay về núi. Sống lẫn vào trong nỗi nhớ thương.

Huế xa vắng đến thế sao?

*Một đời anh chắc chẳng bao giờ tìm ra nỗi Huế
Bởi sinh ra chân anh đã có những con đường
Những con đường mọc ra những đóa hướng dương
Chở súng đạn ra ngoài mặt trận*

*Sau chiến tranh những trận đánh đều trở nên luộm thuộm
 Người ta cất các chiến cụ và những cuộn băng trong các viện bảo tàng
 Anh trở về ước mơ tàn tạ dưới chân
 Ngó ra Huế chút Huế cũng đành hanh xa vắng.*

Huế buồn rứa đó.

Hòa bình tôi trở lại Huế. Ban đêm đứng một mình trên hành lang Thành Nội tôi như còn sờ được những nếp nhăn của Huế. Cảm nhận được Huế già như chuyện cổ tích. Tôi nghe Huế khóc. Lịch sử Huế từ bao giờ vẫn nằm trên những trang bìa buồn.

Cũng ban đêm của một đêm nồng nã cơn mưa hè ở bãi dâu, tôi ngửi được mùi máu của Huế. Từ đó tôi lơ mơ nhìn thấy lại Huế bị trói thúc kè. Người ta xâu Huế bằng những cuộn dây thép gai, dẫn Huế ra pháp trường, xử tử Huế bằng trăm bằng ngàn nhát cuốc. Huế bể đầu nứt sọ, theo máu ngã xuống. Người ta chôn Huế cạn nhách dưới những hầm hố bầm dập Huế.

*Huế của ngày ấy bị trói thúc kè bằng những cuộn dây thép gai
 Và bạo lực được viết bằng những nhát cuốc
 Để câu máu chảy thành câu đứt ruột
 Nước mắt khô chan trên mỗi mảnh đời.*

Hòa bình tôi trở lại Huế. Huế không còn cảm phần hay cuồng nộ như thời máu lửa chiến tranh. Bên Gia Hội tôi cảm thương Huế trầm lặng ngồi dựa lưng vào những con thuyền nằm phơi bụng như chén úp dưới những bãi cát dài. Những con sóng đập vào bờ đã trở nên êm ả dịu dàng, nhưng những mảnh vỏ ốc thì lạ mặt từ bao giờ.

Từ đại dương nhìn xuyên qua vỏ ốc tôi đã thấy gì? Huế vẫn trầm mặc, cổ kính. Thành quách, lăng miếu vẫn buồn bã rêu phong. Những tiếng chèo trên bến đò Thừa Phủ vẫn làm khách qua đò gợn lên những cơn sóng u hoài, não nuột. Huế buồn từ ngàn xưa

nên những câu hò dù vui vẫn nghe ra nức nở.

Hòa bình tôi trở lại Huế. Huế nhọc nhằn hỏi tôi về để làm gì. Bằng giọng quê Huế xưa, tôi cung kính, nhỏ nhẹ nhưng nghiêm trang nói tôi về Huế để viết nên một bài hát "Cưới Huế".

Tuy trầm mặc thêm thiếp sương đêm, Huế già cỗi khàn giọng cũng gắng gượng cất tiếng hát cùng tôi:

*Tôi xa Huế lâu rồi
Như tôi đã xa người
Mấy chục năm xa quê
Mấy chục năm nhớ Huế*

*Những lúc ngó mây trời
Huế mọc trên lưng tôi
Những lúc dưới trăng ngồi
Huế tựa bờ vai tôi.*

*Huế. Khó quên người ời
Nhớ thuở ai đi mô
Cũng hoài mong về nớ
Những lúc nắng trên đồng*

*Huế đuổi ra menh mông
Những lúc thấm mưa dầm
Huế lụi ở trong tôi.*

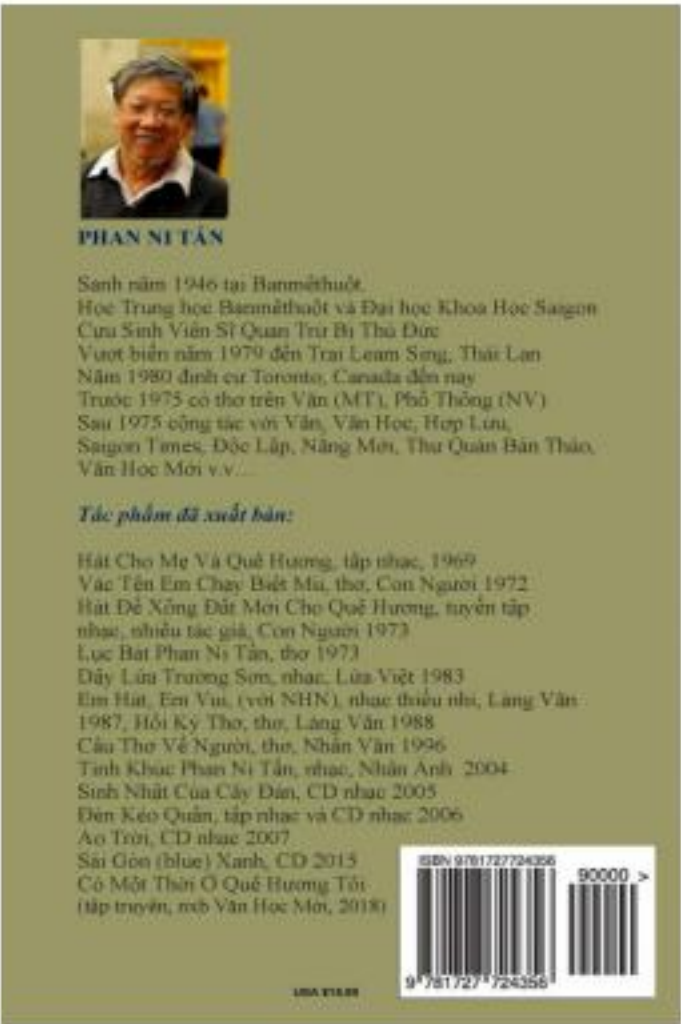
PHAN NI TẤN



DOÃN KHÁNH

(Thứ nữ của Nhà Văn lão thành Doãn Quốc Sĩ)

TRÒ CHUYỆN VỚI
PHAN NI TẤN
QUA
CÓ MỘT THỜI Ở QUÊ HƯƠNG TÔI





1. Chuyện tình Xẻo Rô

Nhân vật chính trong câu chuyện tình này là thủy thủ Đồ Đồng Chiếc, người dường như sinh ra dưới ngôi sao “thất tình”. Khi đến ấp Xẻo Rô, anh là một người thất tình. Khi rời Xẻo Rô, anh tiếp tục là người thất tình. Lần thứ hai, anh thất tình với cô Hồn, một cô gái người Tiều với nụ cười “tỏn tẽn” và “cái răng khểnh dễ thương”. Lý do thất tình là vì gia đình người Tiều không bao giờ gả con gái cho trai Việt. Vì nỗi éo le này mà gia đình cô Hồn dọn đi Cà Mau và thủy thủ Chiếc thì xin đổi ra đơn vị tác chiến để lăn xả vào các chiến trường ác liệt. Nhưng bom đạn hình như “chê” không lấy mạng kẻ thất tình. Sau năm năm, thủy thủ Chiếc vẫn

“sống phây phây”, quay về Xẻo Rô với niềm yêu vẫn đầm thắm như xưa, nhưng anh không tìm được người xưa. Năm 1975, anh theo đơn vị xuống tàu ra khơi và cuối cùng định cư ở Pháp. Từ đấy anh tiếp tục sống cuộc đời độc thân cho đến một ngày nọ, 40 năm sau, định mệnh khiến anh gặp lại chú họ của cô Hồn và chính cô Hồn. Ngày ấy anh biết được rằng, như anh, cô vẫn độc thân. Đồng thời anh cũng hay tin cô Hồn bị ung thư máu, thời kỳ cuối.

Câu chuyện tình này được kể không theo thứ tự thời gian. Bắt đầu truyện, thủy thủ Chiếc về lại Xẻo Rô để thấy ấp này hoàn toàn vắng bóng cô Hồn và gia đình. Rồi trở lại năm năm về trước, độc giả hay chuyện hai người yêu nhau nhưng bị chia uyên rẽ thùy. Rồi mới đến biến cố năm 1975 đưa đẩy thủy thủ Chiếc đến cuộc sống ở Pháp. Cuối cùng là cuộc gặp gỡ định mệnh 40 năm sau ở Pháp. Chuyện khởi đầu từ quá khứ, đi ngược lại quá khứ xa hơn, rồi trôi tới tuần tuột như một chiếc xe tụt dốc không thẳng. Hình như tác giả cố tình làm độc giả ruột rối bời bời.

Cảnh đoàn tụ cuối truyện không “mừng mừng tủi tủi” như độc giả chờ đợi. Chỉ có câu người chú tiết lộ về căn bệnh hiểm nghèo của cô Hồn bằng một giọng vô cảm. Chắc hẳn ông muốn chừa chỗ cho độc giả tự chiêm nghiệm lòng chung thủy của hai người yêu nhau trong hoàn cảnh nhiễu sự của xã hội và gia đình Việt. Rồi để mặc họ tự mừng tượng nhất búa đau thương cuối cùng sẽ kết liễu ra sao vừa mạng sống cô Hồn vừa một cuộc tình vốn lờ dờ từ đầu tới cuối. Ôi đời! Ôi tình!

2. Đập vỡ cây đàn

Trên chuyến tàu Vĩnh Phước từ Rạch Sỏi có một đám đông thật đa dạng. Có cô Ba Khả Khiếm dịu dàng, cởi mở, thiết tình, đôn hậu lại giỏi bếp núc, đảm đang việc buôn bán. Có thằng Lục Lăng ma lạnh nhất nhưng vẫn tốt bụng cùng một đám bạn thanh niên hồi đó học cùng lớp với cô Ba. Có một anh thương phế binh “tàn dư chế độ cũ” giỏi đàn hát và chịu trình diễn. Nhiều đó đủ tạo một chương trình nhạc yêu cầu sôi nổi.

Tuy nhiên, không đồng thanh tương ứng với đám đông là một tên công an áo vàng. Hắn nhào vào găm lên đòi đập vỡ cây đàn của anh thương phế binh. Mĩa mai thay, bài hát được hoan nghênh

nhất tên “Đập Vỡ Cây Đàn”. Tàn nhẫn và nực cười thay, khi tàu cập bến thì anh thương phế binh bị bắt và cây đàn bị đem nhốt!

Truyện được viết khoảng năm 1977 nên có không khí, nhân vật và nhiều từ vựng đặc trưng của thời đó: công an áo vàng hung hăng, thương phế binh bị coi là “tàn dư”, luật pháp lỏng lẻo đến độ thanh niên xung phong có thể giải cứu người tù.

Ngoài phần chính yếu có liên quan tới tựa đề truyện, còn có phần viết thêm về cô Ba Khả Khiếm và ông chồng cựu sĩ quan, cùng lời xì xào của thiên hạ rằng “sĩ quan gốc núi sức mấy mà với tới cô Ba” hoặc “Thằng chả (chồng sĩ quan của cô Ba) hên thiệt à ghen. Chắc kiếp trước có tu.” Phần này chắc chắn cũng quan trọng không kém vì cô Ba Khả Khiếm chính là vợ của tác giả Phan Ni Tấn. Đương sự Phan Ni Tấn cũng chính là một sĩ quan.

3. Mình dìu Tắc Cậu

Câu truyện này làm cho tôi lúng túng khi tìm cách điểm nó. Tôi có cảm tưởng tác giả chỉ bâng quơ viết xuống những ý nghĩ bất chợt đến mà không có nhã ý ghép vào thành một câu truyện. Tôi cũng ngờ rằng tác giả dựa vào thuyết luân hồi để nói lên điều gì đó. Cuối cùng, vì vẫn lúng túng, tôi quyết định sắp xếp những chi tiết trong bài viết như sau, rồi sẽ nắn nỉ tác giả soi sáng thêm.

- Nhân vật:

- o ông Hoàng A Lệnh với sở thích nuôi gà chọi và chơi đồ cổ.
- o cụ Vương Đông: nhà sưu tầm đồ cổ, bạn tâm giao của ông Hoàng A Lệnh
- o Cu Lơ (cháu nội ông Hoàng A Lệnh) hay đi sưu tầm đồ cổ với ông nội, đem lại sự may mắn cho ông nội.

- Địa điểm:

- o Cù lao Tắc Cậu, cách thị xã Rạch Giá 20 cây số - nơi ở của ông Lệnh thời còn buôn bán.
- o An Biên, Rạch Giá: Nơi ở của ông Hoàng A Lệnh khi về già.
- o Bãi Xàu, Sóc Trăng, chỗ ở của nhà sưu tập đồ cổ Vương Đông (bạn của ông Lệnh)

- Diễn tiến câu chuyện:

- o Ông Hoàng A Lệnh chuẩn bị đi cù lao Tắc Cậu với cháu nội, Cu Lơ.
- o Sau một chuyến đi thăm bạn Vương Đông, ông Hoàng A

Lênh ốm liệt giường, mơ thấy mình đang là núi bỗng biến thành sông, có xác mình trôi về quá khứ.

- Quá khứ:

o 1802: Gia Long thiết lập kinh đô Phú Xuân, thành lập thành Thái Giám

o 1806: Ông Lênh tình nguyện vào đoàn tiểu thái giám lấy tên là A Vỹ

o 1784: Gia Long làm tiệc đưa Hoàng Tử Cảnh theo Bá Đa Lộc sang Pháp cầu viện. Ông Lênh bưng trà sứ tiến vua, bị hoàng tử đụng phải làm bể chén ngọc và bị tống vào ngục thất và bị chặt đứt ngón tay út.

- Trở về hiện tại:

o Ông nội mua được cây bút đời Sùng Chính với giá hời.

o Cháu nội của ông ăn quá nhiều khóm nên bị Tào Tháo rượt.

Bây giờ đến phiên tác giả Phan Ni Tấn cầm đèn pin soi sáng ...

4.Nền Vua

Đây là một bài viết có nhiều thông tin có giá trị về mặt lịch sử và địa lý: tác giả nghiên cứu kỹ địa danh Rạch Giá và lịch sử VN trong giai đoạn Tây Sơn.

Truyện nhắc nhở đến môn võ Bình Định rất đáng tự hào của người Việt và hình ảnh con gái Bình Định múa roi đi quyền rất độc đáo.

Tuy nhiên, cũng giống như với truyện “Mình Dì Tắc Cậu”, tôi bối rối vì cách sắp xếp tình tiết của tác giả nên chỉ xin đưa ra dàn bài như sau. Những mong được “chỉ giáo” thêm:

Thành viên nhà Nguyễn Võ (hậu duệ của nhà Tây Sơn)

1. Tam kiệt nhà Tây Sơn

1. Khởi nghĩa năm Tân Mão 1771

1782: Vua Thái Đức (Nguyễn Nhạc) đánh thành Gia Định lần

4. Nguyễn Phúc Ánh thua chạy vào Tam Phụ qua cửa Cần Giờ, về kiên Giang, xuống Sóc Trăng ra đảo Phú Quốc Khi tới Kiên Giang thì mất dấu Nguyễn Phúc Ánh.

Trên khi lui về Quy Nhơn, quân Tây Sơn đắp gò cao làm nơi dưỡng quân

Công nhà Tây Sơn: Mở mang bờ cõi sau hàng trăm năm Trịnh Nguyễn phân tranh.

2. Ông Châu Sía (bạn tâm giao của tổ phụ

2. Khám phá nền đất Tây Sơn trong một rừng già tại Rạch Giá, báo cho tổ phụ biết.

3.Năm xưa

3. Tổ phụ lặn lội từ Bình Định tới Rạch Giá, đào được tại ấp Tây Sơn một mảnh đất thiêng và lưỡi chủy thủ.

4.Ông nội tôi

4.

- 1950: dọn từ Bình Định về Sài Gòn (Cầu Kho), mở trường dạy võ Bình Định.

- Truyền nghề võ cho cha

- Ngã bệnh và qua đời sau khi cha tôi tử trận.

5. Cha tôi

6. Tôi (Nguyễn Võ Côn)

5.

- Cha kế nghiệp (đời 2) đời trường về Tân Định
- Cha hy sinh tại chiến trường Nam Lào (1972)
- Chương môn thứ ba, mang trọng trách giữ gìn di vật đời Tây Sơn.
- Đi thăm nền vua, bị hai tên du kích VC tấn công, Ông dùng võ thuật hạ đối thủ, nhưng không giết vì lý do nhân bản.

7. Tôi (tác giả) Sự kiện

- Nghiên cứu lịch sử đời Tây Sơn
- Viết truyện theo lời kể của ông Côn.

5. “Út Hồng À!...”

Út Hồng giỏi mà hiền, nghĩa biết trọng mà tình cũng thâm. Một bữa Út Hồng được tặng một con nhông biết nói. Người trong xóm ngạc nhiên vì con này bắt chước những người chung quanh nói: “Út Hồng à!”.

Một tối trời mưa, Út Hồng quên không mang con nhông vào nhà. Sáng ra Út Hồng phải hơ cho nó ấm. May sao nó không chết. Vừa tỉnh dậy, nó đã nói “Út Hồng à!” bằng một giọng mỗi mết, ỉu xiu.

Lời bình: Câu chuyện người kể qua điện thoại, chỉ theo một chiều, nhưng có lẽ người bên kia đầu dây chỉ điểm xuyết nên câu chuyện vẫn dễ hiểu. Tựa đề “Út Hồng À!” được đặt vào mỏ con

nhổng với giọng Nam rặc. Con nhổng mang cá tính của người miền Nam, xuề xòa, không biết giận. Sau một đêm bị bỏ quên ngoài mưa gió, nó vẫn hồn nhiên nói “Út Hồng à!” Thật là dễ thương.

Truyện cũng nhắc đến nét văn hóa của người Đông phương chỉ biết ngày chết (giỗ) chứ không quan tâm đến ngày sinh. Có lẽ vì ông bà mình quen nói đến kiếp sau chứ không nghĩ rằng chết là hết. Hèn chi Út Hồng “dây nẩy” khi được quà sinh nhật!

6. Đồng Giũa

Các nhân vật

Thằng Nõn: chèo ghe thuê

Hai chị em Bòl, Thùy (khách đi ghe)

Chú thím Út (ba má của Bòl, Thùy)

Chú Tư Nun (anh bà con của chú Út)

Ông Thái Tường (ông nội của hai chị em Bòl, Thùy), người Trung Hoa lập nghiệp ở Hà Tiên, phiêu bạt ra Hòn Trẹm, rồi Ba Hòn, sau đó làm ruộng rẫy ở Rạch Giá. Cuối cùng ông xuôi con rạch Bàu Trâm, queo trái xuống kinh Bàu Láng và chọn Đồng Giũa làm quê hương.

Câu chuyện chỉ là cảnh thằng Nõn từ Xẻo Rô chèo ghe chở hai chị em Bòl, Thùy đi tảo mộ ở Đồng Giũa. Sau đó đoàn tảo mộ về ăn giỗ ở nhà chú Tư.

Lời bàn:

Truyện nhắc đọc giả về thói quen chèo ghe và xuống của người dân quê miền Tây. Thằng Nõn chèo xuống chở hai chị em đi ăn giỗ ở Đồng Giũa suốt 15 năm. Càng ngày càng thêm đường cái, thêm cầu, nhưng được cái là thằng Nõn vẫn thích chèo ghe, chèo xuống và hai chị em Bòl & Thùy vẫn thích đi ghe, đi xuống. Nhờ thế mà thằng Nõn vẫn thỉnh thoảng có khách đi ghe, xuống.

Nhân đó, đoàn người Minh Hương được nhắc đến. Ông nội của hai chị em Bòl & Thùy đến Hà Tiên lập nghiệp và làm giàu rồi sau đó chọn Đồng Giũa là quê hương, lấy vợ Việt và đẻ con tại đó. Việc một người Minh Hương lấy vợ Việt hoàn toàn đi ngược lại nguyên tắc của người Hoa: cho phép gái Việt lấy trai Hoa, nhưng không cho trai Hoa lấy gái Việt.

Tác giả cũng nhắc đến những người Khơ Me qua khăn hoang rồi đem bán đất canh tác cho người Minh Hương giàu có. Chỉ tổ làm ông nhà giàu Thái Tường (ông nội của hai chị em) càng giàu thêm!

Chuyện hai chị em đi xuống ăn giỗ ở Đồng Giữa không có gì gay cấn, nhưng đọc thấy sao nó mộc mạc dễ thương quá, tưởng như hồn thiêng đất Kiên Giang Rạch Giá đang sống lại. Ngoài ra câu chuyện của hai nguồn lưu dân ở Hà Tiên và Đồng Giữa là một trang sử độc đáo làm nên đặc tính di dân của hai địa danh này.

7. Gió Đưa Cây Bẹo

Ông bà Hai Ớt thuộc giới thương hồ. Ông làm nghề thợ máy, bà là khách thương hồ. Một hôm máy ghe bà bị hư, ông sửa; thế là cả hai bị tiếng sét ái tình mà nên duyên vợ chồng.

Con Bẹo là con gái của ông bà Hai Ớt. Con Bẹo ra đời trong một hoàn cảnh oái oăm: bà Hai Ớt mang bầu mà vẫn khiêng nặng trên sà n ghe, té cái oạch, rớt hai đứa sinh non, một chết, một sống – đó chính là con Bẹo, sinh ra đã tật nguyền. Sở dĩ nó có cái tên “Bẹo” là vì lúc đó ba nó đang loay hoay cột trái giác trên cây mía lên cây Bẹo.

Dù tật nguyền, con Bẹo vẫn là một con người hồn nhiên, liến thoắng, thích ca hát, rồi lớn lên thành một thiếu nữ quán xuyến từ bếp núc đến sổ sách. Về sau con Bẹo lấy con trai chủ nhân của ông Hai Ớt và được gọi là bà Chơn Nguyên, một bà chủ lịch lãm, nghiêm nghị của một công ty xuất nhập cảng. Đồng thời bà cũng là một Phật tử đầy lòng bác ái hay làm việc từ thiện.

Lời bàn:

Truyện này có thể được coi là tiểu sử của bà Chơn Nguyên, một con người khả kính, giàu sang và đầy lòng từ bi.

Nhân đọc đến chi tiết vợ ông Ớt, bà Thìn, bụng bầu mà té cái oạch phải được chở tới nhà thương bằng xe ba gác trong khi Ông Ớt lạch bạch chạy theo, tôi nhớ đến một chuyện tương tự đã xảy ra trong gia đình tôi vào thập niên 90.

Năm ấy hai vợ chồng đưa em trai của tôi còn ở chung với gia đình. Chồng làm nghề tài xế du lịch nên thường vắng nhà. Vợ ở nhà sinh non đứa con thứ hai, trong một tình huống vô cùng

nguy hiểm: xuất huyết giữa đêm từ ở nhà. Cả nhà náo loạn, phải gọi anh hàng xóm chạy xe xích lô để chở bà bầu đi nhà thương. Đứa em dâu thứ hai, vì là bác sĩ nên chạy lạch bạch theo xe ba gác để kịp thời gỡ gắm những đồng nghiệp quen. Bố tôi đạp xe theo, tôi thì quỳnh quáng chỉ biết lau dọn những vũng máu khi mọi người đã đi khỏi, ruột gan rối bời, bắt buộc phải chuẩn bị cho những chuyện tồi tệ nhất có thể xảy ra. Vài tiếng đồng hồ sau, bố tôi đạp xe về, báo tin một em bé trai đã ra đời, mẹ tròn con vuông. Tôi thở phào nhẹ nhõm. Thật là một phép lạ vì lúc đó ngay cả bác sĩ và y tá đều chuẩn bị hy sinh con để cứu mẹ.

Chuyện này xảy ra không phải ở một vùng quê như Đồng Giũa mà ở ngay thành phố Sài Gòn vào thời điểm khi các điều kiện y tế của Việt Nam vẫn còn rất thô sơ. Chỉ còn dựa vào phúc đức của gia đình.

Nhân đọc truyện này tôi cũng khoan khoái học thêm một chữ tiếng Việt: cây bèo. Vốn thích cuộc sống thương hồ của dân miền Tây và luôn thú vị về nếp treo các món hàng bán lên cao để khách hàng biết mà đến mua. Vậy mà giờ tôi mới biết cái cây dùng để quảng cáo hàng có tên là cây bèo.

Đừng nói tiếng mẹ đẻ không có chữ cho mình học thêm!

8. Tử Sanh Hữu Mạng

Đây là một truyện về thảm kịch chiến tranh. Năm người dân quê mộc mạc trên một chiếc ghe thương hồ bị Việt Cộng chặn đòi thuế và máy bay VN Cộng Hòa đánh chìm. Cả năm người trên ghe đều chết. Ấu đó là số mạng của hai vợ chồng, một cô gái và hai đứa con nít. Chuyện sống chết của con người quả là do số mạng! Cảnh vật trong truyện càng sống động, tình người trong truyện càng chân chất thì kết cục càng gây chấn động trong tim độc giả. Hãy cứ nghĩ đến con Ưng sau ba năm lênh đênh trên ghe thương hồ trở về thăm mộ má khóc “bù non bù nước”. Hãy nghĩ đến thím Tư Đục đắm đang, xốc vác mà vẫn ướm át nhớ đến ngày xa xưa khi chú Tư Đục nắm tay tỏ tình “với cái mặt sượng trân” và “với cái miệng cà hực cà hữ nói không ra lời”. Hãy nghĩ đến câu đối thoại duy nhất trong truyện khi thím Tư Đục bảo con Ưng: “Ý mèn ơi, A Ưng, thiếu chút xíu là tao quên trớt quớt ...”. Để rồi chết lặng vì cảnh dội

bom lạnh lòng và lời bình luận chua chát của tác giả: “... người dân dẫu có hiền lành, chất phác hay vô tội kia, cũng cứ chết thảm, chết tức tưởi, chết không kịp ngáp dưới làn đạn oan khiên.”

Nói nôm na thì “con người sống chết có số”, nói cầu kỳ thì “tử sanh hữu mạng”

Tác giả kết câu truyện bằng lời thốt lên: “Đúng quá!” trong khi độc giả chắc hẳn quay quắt vì cái phi lý tột cùng của chiến tranh

9. Con Rạch Bầu Nhum

Đây là câu truyện về một cặp vợ chồng với cái tên rất ngộ nghĩnh: chú Tôi, thím Tìa và với một nếp sống không giống ai: nếp giải quyết bất hòa bằng võ nghệ (cả hai đều là con nhà võ). Lúc nổi cơn tam bành, “thím cầm con dao xuống tắm thớt nghe một cái kịch. Đứng phắt dậy phui đít, hét một tiếng trợ oai ...”

Oai thế, hèn chi lúc nào thím cũng thắng. Đúng là con cháu hai Bà. Nhưng thực ra, ai thua ai thắng dường như không quan trọng lắm vì họ thi đấu trong tinh thần thượng phong và tinh thần “yêu nhau lắm, cắn nhau đau”. Hễ chú té thì thím cúi xuống kéo dậy. Sau cuộc đấu, hai người vẫn cứ yêu nhau ra rít khiến dân số gia đình chú tăng lên 8.

Điều thú vị nhất là những chuyện “thiệt lạ đời” trong gia đình Tôi-Tìa:

- Chuyện sui gia: “Cùng một ngày cả hai ông sui đồng thanh khóc vợ...” “Hai bà cùng tuổi chết cùng ngày. Sống thì sát vách nhau, chết hai bà lại nằm cạnh nhau.”

- Chuyện cảnh nhà: “đông đảo nhất, nheo nhóc nhất, chộn rộn nhất, xằng xái nhất, võ nghệ nhất, hào phóng nhất, xung phong nhất, khắng khít nhất ...”

- Chuyện con cái: Thím “sòn sòn năm một cho ra đời bốn cặp sanh đôi, vị chi là bốn mống khiến cả làng cả xóm phải lắc đầu le lưỡi.” “Coi oai phong lắm liệt, phong độ dữ dằn, tiền hô hậu ủng vậy nhưng cả nhà đều hiền khô như con rạch Bầu Nhung.”

- Chuyện sinh lão bệnh tử: “Ở cái tuổi cửu tuần, chú Tôi mất vì bệnh già. Lúc con vợ thằng Tư hơ hải về Bầu Nhum báo hung tin, đúng lúc con Út bay ngược qua Hà Tiên báo Thím Tìa là đời.” Các nhà văn viết truyện thường cố viết sao cho thực, nhưng ở đây nhà văn lại viết về những chuyện “thiệt lạ đời”. Vậy mà đọc sao vẫn cứ thấy “thiệt”. Có lẽ vì lời lẽ sống động của các nhân vật trong truyện:

“Chèng đéc! Cái cựa bén ghê! Cái mào đỏ chết hà...”

“Bà có ngon ra sau hè ăn thua đủ với tôi.”

“Á à! Cái này ông nói đó ghen!”

Vả lại, tác giả đã xác nhận là chính mình nghe chuyện từ võ sư Hai Tụ năm 1972 tại huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định khi ông ra Quy Nhơn công tác với sư đoàn Bạch Mã, Đại Hàn.

Bởi vậy mà nghe “thiệt” quá chừng!

10.Nội về Cần Giuộc

Tác giả gắn Cần Giuộc với trang sử của những nghĩa sĩ chống Pháp và với những kỷ niệm riêng tư với bà nội của mình. Lúc chưa đi học thì có kỷ niệm được nội ru ngủ và bị kim đâm chân. Lúc đi học thì có kỷ niệm đòi nội đứng ngoài cửa sổ suốt buổi học. Ngày tác giả được cha mẹ cho lên Đà Lạt học trường Tây chính là đánh dấu cuộc chia tay với Cần Giuộc và với Nội.

Đây không phải là một truyện ngắn, mà là một trang nhật ký thật cảm động của tác giả. Kỷ niệm ngày đầu đến trường thì ai cũng có. Khởi đầu là ông Thanh Tịnh được mẹ “âu yếm” dặt tay trên con đường làng khi trên trời có những “đám mây bàng bạc”. Rồi tôi lại nhớ đến chị Hai mình ngày đầu vào lớp học bắt người cô phải đứng ngoài cửa sổ suốt buổi học. (Chị đâu biết ở xứ Cần Giuộc có một ông PNT cũng đòi y như vậy!) Lại còn đứa em Út của tôi đi học ngày đầu tiên về thì tuyên bố một câu xanh rờn: “Tuồng đi học sướng lắm, ai ngờ ...”

Nhưng chỉ có PNT mới nâng kỷ niệm được nội dặt đi học lên hàng những điều “kỳ diệu” nhất của vũ trụ và của con người.

11.Ngoại Gánh Huế Theo

Đây là một trang nhật ký khác của tác giả về bà ngoại “gánh” Huế lên tận Ban Mê Thuột. Cũng có thể coi đây là một trang gia phả của gia đình họ Hồ của Ngoại. Vốn gốc gác là con gái của một quan thượng thư, khi góa chồng bà đưa tám người con lên Ban Mê Thuột lập nghiệp. Kỷ niệm về ngoại có cái kẹo sô cô la của ngoại bán cho mấy người Tây được về lại trong miệng cháu ngoại. Có đồng năm các bà cho, mua được một đĩa bánh cốm ở đầu ngõ. Có nhan sắc đài các của ngoại mà một người dì được kế thừa. Có bản tính đôn hậu của bà do gần gũi với kinh Phật. Và cuối cùng có một ngày khi cháu ngoại nghe hung tin ngoại qua đời.

Đây là một truyện không có cốt truyện cổ điển kiểu xuất phát từ một xung đột, dâng lên trong một cao trào lâm ly rồi dẫn đến một kết cục bất ngờ. Không, đây chỉ là bức tranh đời thường của một người đàn bà đức hạnh và quán xuyến. Truyện có được từ góc ngách của trí nhớ trẻ thơ và được viết xuống từ lòng yêu thương của một đứa cháu ngoại. Việt Nam chắc chắn có nhiều bà ngoại như vậy, nhưng không phải bà ngoại nào cũng có một cháu ngoại viết được những dòng tưởng nhớ như cháu PNT của bà.

12.Con Đò Thủ Thiêm

Đây là một câu truyện thời chiến tranh giữa Việt Minh và Pháp

Con đò vùng Thủ Thiêm của ông Tư thật đặc lực. Không những ông chèo giỏi, đàn và hò hay mà còn có nghề bốc thuốc gia truyền chữa bệnh miễn phí cho dân nghèo. Con người chân quê xứ Huế hiền lành và thiết tha của ông chan hòa với cảnh sông nước miền Thủ Thiêm. Ông toàn dùng chữ Huế rặc (“Dà, o mô rứa? O cần chi tui giúp.” “Dà, bữa ni gió lớn, đò trông tránh, cô Hai Hên cẩn trọng hỉ.” “Dà, anh Hai giúp tôi bốn hần lên chờn để tui chộ.”) làm độc giả có cảm giác thú vị...cho đến cuối truyện thì sững sờ với cảnh giao tranh giữa Việt Minh và Pháp, làm thiệt mạng dân lành, trong đó có ông lái đò. Giọng văn từ tốn nhưng chua chát của tác giả ở cuối truyện làm độc giả phải ngưng đọc giây lát để nuốt xuống cái cục nghẹn ngào trong cổ:

“Con đò của ông Tư vẫn bồng bênh neo dưới mé sông. Có điều phía trái mạn đò, dòng máu tươi như vết son, rớt dính mớ tóc bạc kéo thành một vệt dài chảy xuống đọng thành vũng giữa lòng đò.” Gió dưới bến đò đã êm, sông đã lặng, như thể sóng và gió đồng lõa với cảnh phẳng lặng và kỳ lạ của máu người.

13.Lội Biển Ra Ghe

Tác giả ghi lại trang sử bi thương của miền Nam Việt Nam từ ngày 10 tháng 3, khi Ban Mê Thuột rơi vào tay Cộng Sản, cho đến ngày 30 tháng 4, khi toàn bộ miền Nam chịu chung số phận này. Những kinh nghiệm của tác giả chắc chắn rất quen thuộc với người dân miền Nam nước Việt. Đọc không để biết mà để sống lại. Từ trại học tập cải tạo, có một điều tác giả dám làm mà nhiều người không dám: trốn trại. Anh trốn được. Sau đó anh làm một điều

khác cùng cả triệu người miền Nam nước Việt: vượt biên. Anh cũng đến được bến bờ tự do. Ta có thể nói anh là người may mắn.

Tôi “sống với lũ” hơn 30 năm trong đó có bốn năm dạy học ở Vũng Tàu nên thấu hiểu cảnh bến xe đò thuở đó mà tác giả mô tả. Xếp hàng từ khuya, may ra bảy giờ sáng mới mua được vé. Lơ mơ một chút là mất túi như chơi! Nhớ thuở đó tôi xa nhà lần đầu, lại bị “Bác và Đảng” gõ đầu quá đáng nên tuần nào cũng muốn về thăm nhà. Ngày thứ bảy, sau giờ chủ nhiệm lúc 12 giờ, tôi mới ù ra bến xe xếp hàng. Có lần xui nhất đến năm giờ chiều mới mua được vé, lại gặp xe chạy bằng than nên ì ạch chạy đến tối mịt mới về đến nhà. Rí rầu với chị và các em một buổi tối, sáng hôm sau đã phải ra bến xe xếp hàng từ sớm để hy vọng 12 giờ trưa mua được vé và xâm xẩm tối thì trở lại Vũng Tàu để chào cờ sáng thứ hai. Gặp những năm bố tôi ở nhà (không bị “cải tạo”) thì mẹ xót, bố xót. Sáng sớm hét ngày chủ nhật mẹ gói cho tôi vài thứ ăn được (thuở ấy cả nước đói), bố đưa ra bến xe gần nhà, chỉ để thấy tôi bắt đầu xếp hàng, rồi bố về nhà. Chốc chốc bố quay lại bến xe xem tôi đã mua được vé chưa, thường có thêm một ly cà phê sữa để tôi hớp vài hớp cho tỉnh táo. Cứ như thế một vài học kỳ thì ông nói với tôi bằng một giọng cương quyết: “Thôi, đừng đi làm xa nữa, con ạ.” Tôi chỉ đợi có thể, bèn nộp đơn xin nghỉ ngay, chẳng nghĩ ngợi gì đến hộ khẩu đã cắt và khả năng xin việc rất mong manh ở Sài Gòn. Điều này đi ngược với bản tính nhút nhát và thận trọng của tôi. Có lẽ vì vào lúc toàn dân miền Nam tràn ngập một tâm thức liều lĩnh thì người nhát nhất cũng hóa liều. Cũng với sự liều lĩnh ấy, thỉnh thoảng mẹ tôi lại dặn: “Ở Vũng Tàu nếu có học trò nào rủ vượt biên thì con cứ đi nhé, khỏi về nhà xin phép!”. Và trong trường hợp tác giả PNT thì người liều lĩnh chính là mẹ của ông, một phụ nữ trước đây chỉ quanh quẩn trong góc bếp.

Liều lĩnh đôi khi cần thiết để có hành động, chứ cứ lẩn thẩn “to be or not to be” kiểu Hamlet thì làm sao có được những cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại như bây giờ.

14. Con Gà Là Bạn Của Tôi

Gà đây là con gà chọi được mua từ một người túng tiền bán lại và nhờ đó mà được giải nghệ khỏi đấu trường. Bạn của gà là một người trí thức hiểu biết sống đời cần lao, đạm bạc nhưng lúc nào

cũng “ăn mặc tươm tất, nói năng nhỏ nhẹ”.

Gà chọi về hưu làm bạn với người trí thức đi “cải tạo” về thì hẳn ăn ý. Và khi gà chọi chết oái oăm vì thuốc rầy do chính bạn trí thức pha (với ý đồ diệt chuột) thì nỗi buồn tưởng như không lời nào diễn tả được. Nhưng với người trí thức thì buồn vẫn ra thơ. Câu đầu kể lể “Bạn bè có mỗi con gà”, rồi câu giữa nhắc lại bằng một giọng thân mật và thiết tha hơn “Bạn bè có mỗi mình mày đấy thôi” và rên rĩ “Chết gà tôi lại đơn côi”.

Tuy nhiên, vào thời đói kém, dù buồn biết mấy người ta không chôn con gà bị thuốc rầy chết mà vùi vã hốt xác gà, trưng nước sôi nhổ lông làm thịt. Người trí thức thêm câu cuối vào bài thơ của mình “Nay tôi làm cỗ con gà. Nhấp chung rượu để gọi là nhớ nhau.” Rượu vào, nỗi buồn có phần thêm thi vị.

Nhưng vẫn chưa chát. Ngay tại quê nhà thời buổi nhiễu nhương, người ta ăn bất kỳ cái gì nhúc nhích trong “nhà tù nhỏ” và ăn cả thịt nhấm độc trong “nhà tù lớn”.

15. Tù Trưởng Y Krea Bouk

Đây là một bản anh hùng ca dành cho vị tù trưởng của buôn Dam Rông được mô tả là người “cường tráng, oai phong lẫm liệt”, có công “tạo niềm tin, mang yên vui no ấm cho dân làng”. Kẻ thù của Y Bouk là một con cạp đã từng vồ ông khi ông còn là em bé, giết chết cả cha lẫn mẹ ông khi họ tìm cách cứu hai anh em của ông. Công cuộc trả thù của Y Bouk ở giai đoạn thứ nhất đã khiến con cạp sa bẫy, phải tự cắn đứt chân mình để thoát bẫy. Ở giai đoạn hai nhiều năm sau, con cạp ba chân trở lại, giao tranh mãnh liệt với tù trưởng để cuối cùng cạp chết dưới lưỡi giáo của tù trưởng, nhưng trước đó đã kịp “đổ ụp cái thân hình to lớn nặng nề xuống người Y Bouk.” Y Bouk đã phải trả giá cho chiến thắng sau cùng bằng cái chết của chính mình, để đưa em, Y Yuk, chiều hôm ấy “ngồi lặng lẽ một mình” trong căn nhà lạnh lẽo.

Sự xung đột giữa người và mãnh thú giữa chốn rừng xanh thật khốc liệt khiến các độc giả cư dân đô thị phải bàng hoàng.

16. Thu Nường

Tuy “ông ký giả” kể chuyện này đã khẳng định đây không phải là chuyện ma của Bồ Tùng Linh, nhưng không khí của truyện đầy vẻ ma quái. Nào là cô gái áo trắng (Thu Nường), tóc dài đến

chân, chỉ xuất hiện lúc giữa đêm và chân đi không chạm đất. Nào là nhận định của một vị sư khất sĩ rằng người đàn ông thấy cô mỗi đêm (Vũ Văn Tạng) “người đầy tà khí”. Nào là tiếng thì thầm “truyền âm nhập mật” dẫn ông Tạng bật đèn sáng ngăn cô gái vào xâm hại và chỉ đường ông đến nghĩa trang để nhận diện cô gái. Nào là cái chết đột ngột vì bị rắn cắn. Nào là hai ngôi mộ tình cờ nằm cạnh nhau.

Có hai người xưng tôi trong truyện. Độc giả phải dựa vào lời thưa gửi để biết ai là ai. Tôi “thưa anh ký giả” là Tôi Vũ Văn Tạng, còn tôi “thưa bạn đọc” là Tôi Phan Ni Tấn. “Tôi” nào cũng giúp độc giả nhập vào không khí liêu trai rờn rợn nhưng hấp dẫn của truyện.

17. Huyền Phổ Đại Huynh

Tựa đề truyện báo trước độc giả sẽ được thưởng thức một loại truyện kiếm hiệp Tàu hay hiệp sĩ Tây. Quả vậy, nhân vật chính là đệ tử của hòa thượng chùa Thiếu Lâm, nhưng lại khoác áo dòng Ki Tô và được gọi là cha Huyền Phổ. Ban ngày cha “mang hình tượng hiệp nghĩa, thân thiện, hào phóng, vui tay phát quà bánh cho trẻ con, rao giảng tin lành cho người lớn”, ban đêm “thoát xác, biến hình, đội lốt ‘người áo đen’ chuyên ‘trừ gian diệt bạo’ bằng cách phi thân, điểm huyết để tránh giết người.

Nhân vật Huyền Phổ trở nên rất thực khi được đặt trong bối cảnh di cư trên chiếc “tàu há mồm” và khi tác giả kể đã nghe chuyện từ Cố Francis Bay và mãi 60 năm sau mới viết lại thành truyện tại Canada.

Thú vị nhất là nhân vật Huyền Phổ có hai vẻ đẹp và hai chức danh tùy vào cách nhìn của độc giả. Nếu nhìn vào vẻ đẹp bác ái thì chức danh là linh mục (linh mục Huyền Phổ), còn nếu nhìn vào vẻ đẹp quả cảm thì chức danh là đại huynh (Huỳnh Phổ đại huynh). Có lẽ tác giả Phan Ni Tấn thích kiếm hiệp Tàu hơn nên đã đặt tên truyện là “Huyền Phổ Đại Huynh”.

18. Du Côn Hữu Dụng

“Du Côn” ám chỉ nhân vật chính của truyện. Tên đúng là người vì anh này tên Côn và quả thật là tay du thủ du thực, không nghề không nghiệp, ngoại trừ thời gian đi buôn lậu và dắt người vượt biên.

“Hữu Dụng” cũng mô tả chính xác tên “du côn” dễ thương, lúc nào cũng xăng xái giúp đỡ bàn dân thiên hạ từ việc khuân vác ngoài bến xe, đến việc phụ dọn hàng ngoài chợ và giải bài toán khó cho con bà chủ quán.

Gay cấn nhất là cuộc đấu võ giữa du côn Annam mít và chúa đảng Khmer. Hình như tác giả cố tình “chiếu” cho độc giả coi một cuốn phim (bằng chữ) ly kỳ với kết cục có hậu để ai nấy được hả hê.

Sau chiến thắng này du côn “mít” chuyển địa bàn hoạt động lên Ban Mê Thuột nhưng không khăm khá lắm. Kết cục đặc biệt không chấm dứt câu truyện mà dễ dàng mở sang một chương khác: “Biết vận may của mình không còn nữa, tôi chuyển qua nghề khác. Nghề dắt người vượt biên bằng đường bộ.”

Độc giả được hướng dẫn chuẩn bị đọc một truyện về vượt biên bằng đường bộ!

19. Sắc Sắc Không Không

Truyện bắt đầu ở một thế giới ảo (không không) trong đó tác giả mơ thấy mình là một đứa trẻ mồ côi được lên núi học đạo, rồi trở thành một Samurai gan dạ, dũng cảm, không hề biết lùi bước. Tuy nhiên, vẫn trong giấc mộng, tác giả chiến đấu với một kiếm sĩ kiệt xuất, rồi tắt thở vì bị một con mãng xà mổ vào nhân trung. Thoát khỏi mộng, thế giới thực (sắc sắc) có phần phũ phàng vì tác giả thấy mình ú a ú ớ “cái miệng vô duyên” đến độ vợ “đang coi phim Đại Hàn ngoài phòng khách” phải chạy ù vô lay cho thức dậy.” (Tôi thật khoái cái dí dỏm của tác giả khi chưa thêm chi tiết “đang coi phim Đại Hàn”).

Tác giả thật khéo tự chế riếu mình, nhất là lúc mô tả mình “chân run rẩy co lên”, “mắt láo liên” tìm đối thủ. Tuy nhiên, bài học ông rút được mới tuyệt làm sao: “... giây khắc đẹp nhất trong đời thực là buổi cơm chiều thơm mùi nấu nướng mà người vợ hiền đang sửa soạn ngoài kia.”

Tôi nhớ đến Phan Ni Tấn phu nhân với nụ cười trong sáng, dáng điệu khoan thai và mừng tượng được mùi nấu nướng mà chị là tác giả bao lâu nay trong mái ấm nhà chị.

20. Linh Cầu Đội Xác Phàm

Thoạt đọc tựa truyện, tôi không mừng tượng được gì hết. Dè đâu lại được đọc một giọng văn sống động, được gặp những

nhân vật dễ thương như hai con chó Toto, Kiki vất vưởng trong thời chiến và anh lính Huế “Bồ Tát” đã cứu hai mạng chúng.

Gọi là “linh cầu đội xác phàm” là phải rồi vì Ki ki đích thân kể chuyện thật có duyên. Nó biết “oa oa xị” cái dị đoan về năm tuổi khi năm Mậu Tuất tới, nó biết “ốt dột” khi tự thấy mình “trơ trơ như gỗ đá, không biết tình yêu là cái chi chi”. Và cái tình của nó đối với bạn chí cốt Toto thì thật còn người hơn nhiều người nữa. Trước cái chết “dị òm” của Toto, nó lại nhớ đến ngày chiếc hòm kẽm của ân nhân được chở về, nó và Toto đã cùng “khóc hết nước mắt”. Bây giờ chỉ có nó một mình “cứ buồn, cứ nhớ, cứ thương tiếc hoài” hai người bạn trong đời. Ôi, đúng là linh cầu!

21.Con Ma Nhỏ Ở Điện Bàn

Cặp đôi được giới thiệu trong truyện này hết sức đặc biệt: chàng là bác sĩ tâm thần Võ Thiêm, một ông già yêu cuồng sống vội lần đầu năm 70 tuổi và nàng là Út Mót, cô em gái ma của nhân vật xưng tôi. Cô chết từ năm 4 tuổi, nhưng vẫn tiếp tục lớn cho đến khi gặp người yêu. Lúc ấy cô là một thiếu nữ cực kỳ xinh đẹp và “hơ hớ đến hùng hực gợi tình”. Cặp đôi này tuy cộc cạch nhưng ông yêu như bị hớp hồn, còn con ma nhỏ thì yêu “chân thành, say đắm”. Cả huyện Điện Bàn chỉ có mỗi ông bác sĩ tâm thần thấy được con ma nhỏ (thấy để yêu) và nhân vật xưng tôi (thấy để làm chứng cho cuộc tình). “Thú vui hòa hợp âm dương” đã khiến Út Mót “táo tợn làm rung chuyển cả luân lý” và ông bác sĩ tâm thần cuối cùng qua đời vì kiệt sức yêu. Lúc ấy Út Mót mới hoàn toàn tan biến trong trời đất. Lồng vào câu chuyện tình cuồng nhiệt là những chi tiết khốc liệt và ma quái của chiến tranh, khi toàn bộ mười bảy người trong một gia đình đều chết vì mìn giây của Pháp và khi đầu Út Mót bốn tuổi lìa khỏi cổ, lăn long lóc dưới chân chị mình, khi những người qua đường chứng kiến cảnh nhân vật tôi ôm cứng rất lâu một bóng ma mà họ không thấy. Quả thật có một thời ở quê hương chúng ta mọi sự khó giữ được ở thể bình ổn.

22.Rồi Đời Chiến Tranh

Nhắc đến chiến tranh thì phải nhắc đến cái chết (“rồi đời”). Tác giả làm một cuộc điểm danh những người chết và những trận đánh làm người chết. Ông có thể kể một hơi dễ dàng vì “súng đạn đốn ngã không biết cơ man nào mà kể”, vì chiến tranh như Thần Chết

cầm lưỡi hái đi hái mạng người. Những bà mẹ Việt Nam sinh con và nuôi con vất vả mấy cũng không cung cấp đủ mạng cho Thần Chết hái. Mỗi người chết nằm xuống đều có cả một lịch sử sống. Mới ngày nào rửa lon thiếu úy, mặc quân phục oai hùng, xúc dầu thơm hết biết để dắt đào đi chơi, rồi cũng nạp mạng cho Thần Chết hái. Có biết bao cách chết, có người chết không còn xác chôn, có người chết chỉ còn lượm được vài mảnh xương nên cái hòm nhẹ hều, có người chết xác trương phình.

Như một người hết nước mắt khóc, tác giả chỉ còn biết “mắc cười thấy mụ nội” và coi cái chết nhẹ như lông hồng. Nhưng đó chỉ là vờ thôi vì đến khi người nhà mình hy sinh thì “mũi dãi ở đâu mà cứ sụt sịt tuôn ra đầm đìa”, thì “cả nhà bù non bù nước vật vã khóc than”. Có những bà mẹ lặn lội đi nhận xác con và chắc chắn có những người vợ đi nhận xác chồng. Oan khiên cay đắng ngất trời. Ở xứ người sau hai thế chiến, những người chết còn được mỗ yên mả đẹp dưới mưa, dưới nắng và giữa những bông hoa xinh đẹp. Ở xứ mình thì chôn rồi mỗ mả còn bị cây xới lên.

Một nửa thế kỷ đã qua rồi mà nhắc lại vẫn còn đau.

23.Quỳnh My

Đây là một mối tình em hậu phương, anh tiền chiến, cũng say đắm, oái oăm và lỡ làng như bao mối tình thời chiến khác. Say đắm thì không giải thích được (làm sao cắt nghĩa được tình yêu), oái oăm vì sự chênh lệch tuổi tác của hai người và lỡ làng vì không có cảnh chàng nàng lấy nhau rồi sống hạnh phúc bên nhau suốt đời. Nhưng cũng còn được cảnh chàng may mắn thoát khỏi quê hương ngục tù và nàng sống hạnh phúc bên chồng (không phải là chàng) và con. Khi tình cờ được tin nàng nơi xứ người, quyết định không tìm gặp người xưa của chàng là một quyết định lãng mạn kiểu “tình chỉ đẹp khi còn dang dở”. Lãng mạn cũng vì chàng nhất quyết sẽ còn giữ muôn đời hình ảnh một thời của Quỳnh My.

24.Trận Đánh

Truyện như một cảnh phim ngợp trong khói lửa chiến tranh. Cần nhớ hai tên người là trung úy Tiên và hạ sĩ nhất Bảy Nẫu và một tên địa danh: tiền đồn Pleibuk tại Pleiku.

Ngoài đời hai người là thầy trò của nhau: ông hạ sĩ nhất dạy võ cho anh trung úy. Trong quân đội trò sĩ quan là “bề trên” của thầy hạ sĩ nhất. Trò sĩ quan “trẻ, khỏe, phong trần, chịu chơi, dũng

mãnh, gan lì”. Thầy hạ sĩ nhất đã 50 tuổi nhưng vẫn còn “ào ạt, liều lĩnh, chai lì, bạt mạng”.

Hai tính chất ăn khớp nhau nên khi tình cờ gặp lại ở chiến trường, họ vui mừng biết mấy.

Nhưng tác giả “chiếu” lại cuốn phim “Trận Đánh” không hẳn để ca ngợi hai chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa đâu. Rõ ràng là ông cố tình gây sốc cho độc giả khi tả chân cái chết thảm khốc của hạ sĩ nhất Bảy Nẫu dưới làn đạn đại liên. Thân hình con nhà võ trước đây “dẻo dai, chắc nịch, cứng như thép nguội” nay “oặt ẹo như một loài động vật không xương ...”. “Mặt ngựa lên trời, mắt mở trừng trừng. Lồng ngực vỡ toang, nhầy nhựa những gân, xương và thịt.” “Máu theo tử thi trôi xuống vẽ nên một vệt dài ngoằn ngoèo chảy đỏ bầm cả mặt đất.”

Mặt đất còn đỏ bầm, hèn chi loài côn trùng phải “rên rĩ, ai oán, than van cho cảnh Nam Bắc tương tàn!”

25. Thách Đấu

Ở trường học, con nhà văn thường thức những lời hay ý đẹp trong những áng văn hay. Con nhà võ thì đành đi tìm sư phụ chứ trong chương trình phổ thông không có môn nào gọi là môn “Võ”. Sau khi được gọi là người “có võ” thì phải lo đi thách đấu thay vì ghi tên vào một kỳ thi nào đó. Bởi vậy mới có câu truyện tên “Thách Đấu” này.

T trong tiếng Anh, võ được gọi là một nghệ thuật (martial art). Tác giả Phan Ni Tấn không biết có giỏi võ không, nhưng rõ ràng là thấy được cái đẹp của nó: “Hai ông thầy võ mời nhau ra sân trao đổi nhau những đường quyền Bình Định trông thật uyển chuyển, đẹp mắt mà chắc nịch”.

26. Vô Ảnh Cước

Đây là một truyện ngắn kể lại một trận đấu võ giữa Võ Đê, một tay võ nghệ chân truyền từ một hòn đảo ngoài khơi vịnh Rạch Giá và một nữ nhân tự xưng là Băng Tâm Song Cước Nữ Bạch Y, người Bình Định. Vô Ảnh Cước là chiêu võ nổi tiếng mà Võ Đê dùng để đánh bại một người được phong là “Hầu Vương Độc Cô Cầu Bại”.

Việc Võ Đê thi đấu với một nữ nhân quê Bình Định có thể không lạ lắm. Tuy nhiên, việc anh thua chổng quèo thì chắc lạ. Ai lại thua ở thế bị đá vào hạ bộ và bị ngồi đè lên ngực! Nhưng lâm ly

nhất là, bốn mươi năm sau, Võ Đế vẫn tiếp tục bị đè lên ngực bởi đôi mắt có sức hút ghê gớm của đối thủ”: “... đôi mắt đổ lửa xuống mặt kẻ chiến bại chuyển dần qua ánh mắt xanh thăm diệu dàng.”

Thua là phải rồi!

27. Uyên Ương Gãy Cánh

Cặp uyên ương này yêu nhau ra rít trong nhiều hoàn cảnh trở trêu. Chàng là một người tù “cải tạo” vượt ngục. Nàng lén lút “giấu” chàng trong căn gác của mình. Hẳn có những ngày bình thường và có những buổi rất vui như bữa tiệc giao thừa tại nhà em họ của nàng và sau đó là cơn khóc ngất trời vì say. Rồi một tối thức trắng trên cây vú sữa. Sáng hôm sau mất dép vì tưởng bị công an rượt! Trong hoàn cảnh nào chàng cũng có nàng hỗ trợ. Nàng dúai tiền cho chàng “rủi đập bánh trắng”, nàng tiếp tế thực phẩm, nàng lượm dép khi chàng trốn công an xúc dép. Cuối cùng nàng còn chừa chấp chàng trong gác xếp nhà. Bởi thế chàng nói chắc nịch: “... dù rằng tôi có trở thành tên thất cơ lỡ vận, khổ rách áo ôm hay trôi sông lạc chợ, nàng vẫn không màng, vẫn bán vàng nuôi tôi, và yêu tôi tha thiết.”

Nhưng rồi uyên ương gãy cánh vì người yêu tên Thủy đã theo đường sông nước mà vượt biên. Nỗi đau gãy cánh chuyển thành một bài thơ rất cảm động:

*Nước đi suốt chín năm dài
Đêm nào anh cũng nằm nhai mối sầu
Nhiều đêm trần trọc canh thâu
Nhai nhăm miếng nhớ làm đau điếng hồn.
Nước đi ra biển xa nguồn
Hai mươi năm lẻ tiếng buồn anh mang.*

Ai nhai thịt nhăm mẩu xương chứ nhà thơ này thì “nhai mối sầu nhăm miếng nhớ”. Ngôn từ thiệt là độc đáo!

28. Gác Xếp

Câu truyện vẫn về cái gác xếp trong “Uyên Ương Gãy Cánh” nhưng lần này phần đầu được kể bởi nhân vật xưng tôi tên Ngọc Trảng. Cô kể về mối tình lãng mạn của cô với trung úy Lương Hữu Thế. Lãng mạn kiểu rất cổ điển ở chỗ nàng liễu yếu đào tơ được chàng phong sương mạnh mẽ ra tay nghĩa hiệp cứu khi đang bị một đám lưu manh bắt nạt.

Ở phần hai, truyện được kể ở ngôi thứ ba tiết lộ rằng sau đó hai người yêu nhau và Ngọc Trảng đã kể lại trong nhật ký mối tình này, vốn là tình đầu của trung úy Thế. Khi nhật ký được chuyển đến tác giả Tấn từ tay cô em Bích Thủy của Ngọc Trảng thì trung úy Thế đã mất tích trên chiến trường và Ngọc Trảng vừa qua đời vì tai nạn xe cộ.

Đúng là một truyện tình đẹp nhưng buồn thảm. Họ gặp nhau ngoài đường phố để cuối cùng nàng cũng chết ngoài đường phố trong khi chàng lang bạt ở một phương trời vô định nào đó không ai hay biết.

Cuối cùng nơi chốn quan trọng của đời họ là căn gác xép mà họ đã lén lút sống với nhau trong bốn tháng trời trước khi anh Thế phải bỏ trốn vì má của Ngọc Trảng về nhà bắt chọt. Câu truyện vì thế mang tên “Gác Xép”.

29. Người Yêu Của Lính

Người yêu của lính gọi lính là chú, xưng con vì nhỏ hơn lính đến 25 tuổi. Người yêu lớn lên cùng với lính ở một cô nhi viện. Lính ra khỏi cô nhi viện trước để trở thành nhà giáo, rồi sau đó sĩ quan nhà binh. Hai mươi năm sau lính rước người yêu về ở chung nhà và vẫn chú chú con con với nhau. Tuy lính vẫn hồn nhiên với “con bé” thơ ngây ngày nào nhưng con bé ấy thực sự đã trở thành thiếu nữ và khẳng định tình yêu của mình. Con bé đem lại sự ngăn nắp và tươi sáng đến căn nhà bết bợn và bụi bặm của lính. Lính hành quân liên miên, và mỗi lần rời nhà đều là để đi đến những nơi đầy chết chóc. Lính ra đi để lại người yêu “buồn bã khóc rưng rưng” và không ngừng cầu nguyện cho sự bình an của lính. Lính trở về “ngồi ngơi phong độ”, khiến “căn nhà lại tràn ngập niềm vui và nắng ấm” Lính theo dõi người yêu thiếu nữ bằng câu hỏi thường tình “Đã có bạn trai chưa nào?” Lính làm bộ thách thức bom đạn: “Chú sẽ hiên ngang đứng sững giữa trời, đón bắt ba hòn tên mũi đạn quăng âm xuống đất để trở về với con.” Biết bao lần lính trở về với nhiều loại thương tích “vì viên đạn đồng, mảnh lựu đạn, miếng bom thép vô tri xuyên qua người.” Biết bao lần người yêu làm ướt những vết thương của lính bằng những dòng nước mắt thanh xuân, nhưng lính vẫn cười vô tư mừng tượng một sự việc bình thường: “Lẽ ra giờ này con phải đi bên cạnh một chàng trai.” Nhưng rồi chuyện gì phải đến đã đến: lính trở về vĩnh viễn bằng chiếc hòm kẽm phủ cờ. Người yêu gục xuống nền nhà và chìm trong mùi tử khí của lính.

Từ đầu đến cuối truyện, người yêu không có tên và không có sắc diện. Ở Việt Nam vào thời chiến, có vô số kể những người yêu của lính như vậy. Tình yêu của họ và nỗi đau của họ không mang tính cá nhân mà nó hòa vào với tình yêu và nỗi đau của dân tộc Việt. Nhưng người lính trong truyện lại có tên Tịnh, có sắc diện và có cá tính của riêng anh. Bởi vì anh là người yêu độc nhất vô nhị của một người. Hình ảnh thân thể anh được bao phủ bởi lá cờ tổ quốc, một lá cờ không còn bay phất phới khi người yêu của lính gục ngã. Cuối truyện là một câu đưa tin bằng giọng văn báo chí: “Tịnh hy sinh trong một trận đánh trên đèo Dục Mỹ vào giữa tháng 3 năm 1972.” Giọng văn ngầm báo rằng cuộc chiến sẽ vẫn còn tiếp diễn.

30. Cọp Rằn

Đây không phải là con cọp bốn chân mà là trung úy Ban (biệt danh Ban Lì) thuộc Liên Đoàn 21 Biệt Động Quân Ban Mê Thuột. Trong suốt ba năm bị giam trong trại cải tạo Cọp Rằn luôn quan sát địa hình và sinh hoạt chung quanh để lập kế hoạch vượt ngục. Anh khéo che dấu âm mưu của mình đến độ các cai tù nói lòng sự canh gác, cho phép anh làm “anh nuôi”, chợ búa xong còn la cà đây đó rồi mới trở về xe.

Đến ngày giờ vượt ngục, với sự đồng lõa của người tài xế vốn trước đây là lính vác máy truyền tin, anh thực hiện “một cuộc vượt ngục kỳ lạ, một kỳ công vượt bậc của một người tù có sức mạnh và ý chí quyết thắng đến liều mình”. Kế hoạch này do anh tài xế nghĩ ra hết, từ tư thế tòng teng dưới lườn xe đang chạy, đến lúc buông mình khỏi xe ở chỗ dốc sinh lầy, rồi vượt qua các bụi cây gai góc và đám dây leo chằng chịt, và cuối cùng lẫn vào khu rừng rậm. Cuộc vượt ngục là một cuốn phim gay cấn, ly kỳ. Nếu đây là một cuốn phim kiểu Mỹ thì khán giả cứ việc hồi hộp mà vẫn yên tâm là kết quả sẽ có hậu, người hùng sẽ có quý nhân hỗ trợ và vượt qua được mọi hiểm nguy. Nhưng không, đây chỉ là một cuốn phim Việt khốc liệt. Trong rừng rậm, Cọp Rằn chỉ là “một con người rừng tã tơi, hoang dã và cô độc.”

Từ ngày ấy Cọp Rằn biến mất. Người ta “thả cọp về rừng” thì chờ đợi là nó sẽ tung hoành. Nhưng Cọp Rằn hai chân thì có thể khác. Sau 39 năm, vẫn “không một tin tức, không một dấu vết, không một ai biết được số phận của anh ra sao...” Ngay cả anh tài xế, tác giả kế hoạch vượt ngục, cũng hoài nghi sự sống sót của Cọp Rằn.

Phần kết luận mở khiến người nghe chuyện rồi kể lại phải viết những dòng chữ ca tụng người tù trốn trại như viết một bài điệu văn: “Anh đã biểu hiện một cách hết sức dũng cảm và linh động nhân cách của một sĩ quan QLVNCH, một quân đội sống chết vì tổ quốc, vì dân tộc mình.”

Riêng tôi, sau khi đọc xong truyện, tôi phải cố gắng lắm mới dần xuống được nỗi xúc động dâng trào.

31.Đường Bộ

Tác giả kể lại một cuộc vượt biên bằng đường bộ cùng hai người bạn lính, một cặp vợ chồng trẻ người Khmer và một cô gái Miên chỉ đường. Chặng đầu đi bằng xuồng, sau đó là bảy ngày đi bộ, vượt qua ba ngọn đồi năm con sông. Lương thực có người tiếp tế hàng chặng. Vì đi đường rừng để không bị lộ nên bắt tắc giữa đường là muối tấn công, quân Khmer Đỏ giết người như ngóe, và rần rít trong rừng. Muối cắn thì phải chịu đựng, Khmer Đỏ thì canh chừng để tránh xa, còn rần rít thì biết đâu mà lường. Giữa những hiểm nguy chết người có những thơ mộng mà những con người mệt mỏi nếu còn sức thì thưởng thức: đó là ánh trăng rừng len lỏi và nụ cười duyên dáng của cô gái Miên đưa đường. Nhưng rồi hai vợ chồng trẻ bị loại ra khỏi cuộc phiêu lưu vì vợ bị rắn độc cắn chết và chồng đau khổ hóa điên, lao mình vào vực sâu. Bốn người con lại đi tiếp, miệt mài. Khi cuối cùng đến được biên giới Thái Lan – Kampuchia thì mọi người vui mừng chỉ kịp ôm nhau, nhảy nhót, cảm tạ Trời Phật trước khi một tràng súng vang lên hạ ngựa hai người bạn lính và hạ gục cô gái Miên. Chỉ còn tác giả sống sót, nhưng ông không buồn cho độc giả biết tràng súng ấy của phe nào. Có cần biết không khi đảng nào các bạn đường của ông cũng đã bỏ mạng trong cuộc đi tìm tự do.

32.Án Phi Hồ Thị Chỉ, Vợ Vua Khải Định

Lần mò theo những đường vòng gia phả của tác giả thiệt chóng cả mặt vì thâm cung bí sử nhà họ Nguyễn lắm điều ngoắt ngoéo. Nghĩ đến gốc gác con vua cháu chúa của ông, tôi tự nhủ “Hèn chi nhạc ông làm có giai điệu ngoạn mục và lời nhạc thì kiêu sa.” Nhờ bài viết này, tôi khám phá ra rằng có một quan đại thần tên Hồ Đắc Trung. Ngày xưa tôi biết một người con gái gốc Huế tên Hồ Đắc Thủy Hoàng. Lúc ấy tôi thắc mắc sao tên con gái mà có chữ “Hồ Đắc” nghe con trai thế. Giờ thì tôi hiểu rằng gốc gác nhà quan thì

trai gái gì cũng được quyền giữ.

33. Người Thợ Săn Vô Danh Của Vua Bảo Đại

Thế giới rừng của Ban Mê Thuột vừa rờn rợn vừa hấp dẫn. Nào là con ma tóc dài ở Dốc Láng, nào là con Min “chỉ khịt một tiếng là cộp cong đuôi chạy mất đất”, nào là râu cộp trộn với lá rừng biến thành một loại sâu róm xanh lè ...

Lại có nhân vật “Ba Lô”, người thợ săn vô danh của vua Bảo Đại, với bao chuyện kể hấp dẫn về kinh nghiệm săn bắn của ông. Toàn bộ cuộc đời của ông cũng thật kỳ lạ vì được kết hợp bởi bốn loại hình: quân nhân, thợ săn, nghệ thuật và nhà tu. Tôi thích cách ông mô tả tiếng tụng kinh đều đặn của mẹ già như một phép lạ thấm vào lòng người thợ săn ác liệt. Tôi cũng thích cảnh đêm trăng có một vị sư trong chiếc áo tràng lam lấy cây đàn vĩ cầm ra kéo những bản vọng cổ “mùi rệu”.

Thú vị nhất là tiết lộ sau cùng của tác giả: “Ông Ba Lô là ba của tôi”.

Chúc mừng con trai của ông Ba Lô có ông ba “vô danh” mà rất khác thường.

34. Vững Mộng

Câu truyện này độc đáo về cả đề tài lẫn giọng văn.

Đã gọi là “vững mộng” thì phải chờ đợi cái gì đó vừa nhấy nhựa như “Vững lấy của chúng ta” vừa thơ mộng như “Mộng Chiều Xuân”. Thực vậy, trong một “chuỗi thất bại trường kỳ của cuộc đời”, tác giả đã tạo ra một chuỗi long lanh những thành công rực rỡ. Được cái trong hai truyện của vững mộng, tôi thấy được những nhân vật mà tôi ưa thích: Trương Chi-Mỵ Nương, Don Quixote. Tôi thích Trương Chi Mỵ Nương nhờ bài hát “Khởi tình Trương Chi” của Phạm Duy và thích Don Quixote nhờ vở kịch “Man of La Mancha” mà tôi học thuở sinh viên. Trong vở kịch có bài hát “This Is My Quest” với những ngôn từ nghịch làm mê hoặc tuổi trẻ tôi thuở đó: “To dream the impossible dream, to reach the unreachable star, to beat the unbeatable foe ...”

Giọng văn thì bốn cột không thể tưởng tượng, khiến tôi phải bật cười từng đợt. Sau đây là một vài thí dụ:

“Riết tôi không thèm chơi với đời xấu xa này nữa mà chui đầu vào mộng.”

“Chắc kiếp trước cổ mắc nợ thằng chả nên kiếp này cổ nai lưng ra trả. Nhưng mà trả đâu không thấy chỉ thấy bàn tay nắm ngón mưa sa của cổ cà cạc Visa, Mastercard mệt nghỉ.”

“Một đêm trăng sáng lơ mờ, sao nhấp nháy, gió hiu hiu, đứng bên hàng rào kẽm gai gần cầu tiêu tập thể, tôi bạo gan nắm lấy tay cô Hai, bàn tay trái đời, chai sạn.”
Đúng là “Vũng Mộng”!

35.Mối Tình Đầu Của Tôi

Kể ra tác giả cũng là một cậu trai may mắn vào thuở có mối tình đầu vì tuy “nhát hích”, vẫn được “con nhỏ” người yêu “xáng tới hun cho mảy một cái ‘cbii...tt’”. Một nụ hôn mặn nước mắt vì “con nhỏ” hồi trưa ăn cơm cá kho mà không chịu rửa miệng. Một vị mặn dai dẳng, đến 70 năm sau vẫn còn mặn. Một tình yêu kiểu “yêu như chưa yêu” khiến bao năm sau cậu vẫn có cảm tưởng chưa biết yêu.

Nhắc lại, tuy có phân vân “không biết mối tình đầu của tôi trôi giạt ở tận phương trời nào” nhưng cậu vẫn riều cọt một câu kết “A di đà Phật”. Ngộ nghĩnh thay!

36.Người Yêu Của Tôi

Nhân vật xưng tôi, một cô sinh viên xinh đẹp, mô tả người yêu đa tài đầy văn chương chữ nghĩa của mình như thế này:

“Người yêu của tôi có cái tật khá dễ thương. Anh thích đứng yên lặng vòng tay ôm tôi từ phía sau lưng, rất lâu. Hôn tóc tôi, anh nói thơm mùi lúa. Hôn gáy tôi, anh nói thơm mùi sữa. Trên đời này, ngoài cha mẹ anh chị em tôi, không có ai yêu thương tôi bằng anh, cho tới chết.”

Lại còn buổi gặp gỡ đầu tiên ở xa cảng miền Tây mới là lâm ly: cô sinh viên chuẩn bị lên xe đò để về thăm quê ngoại thì bị một tên cướp nhào tới giật xác tay. Trong đám đông ngoài đường chỉ có mình anh ra tay nghĩa hiệp thọc cổ tên bất lương giật lại sắc tay cho cô. Cô run rẩy, lí nhí cảm ơn và trên xe đò không ngừng nghĩ đến chàng hiệp sĩ.

Thực tế kém thơ mộng hơn, Người Yêu trong thời buổi nhiều nhương của đất nước khi kiếm sống bằng nghề vá bánh xe

đạp ở góc đường, khi bán sách ở chợ trời và thường xuyên lang thang như phưởng trôi sông lạc chợ. Đã thế khi hai người tình cò gặp lại nhau, anh còn lơ đãng nhìn cô bằng cặp mắt bình thản. Và sau đó khi thân thiết nhau hơn anh cũng không bao giờ vồ vập trước sắc đẹp của cô sinh viên.

Sẽ không nảy nở một mối tình nào hết nếu không có người đẹp nhận ra được nhân cách lịch lãm, điềm đạm và chiều sâu trong tâm thức của anh cũng như nếu không có người đẹp dạn dĩ lao vào cuộc tình với anh.

Nhưng ông Trời không cho anh hưởng lâu những ngày tháng vui vì được yêu. Hoàn cảnh chết của anh cũng bụi đời y như hoàn cảnh sống: ngất xỉu khi đang uống nước máy ở chợ Cô Giang Cô Bắc, rồi hôn mê một tuần trong bệnh viện.

Phần đầu câu truyện tình thật lâm ly. Tôi ngờ rằng đoạn văn này sẽ làm những cô bé mới lớn phải mơ màng mong đến ngày được sống trong trang tiểu thuyết tương tự.

Phần sau là cái chết bi thương của Người Yêu vào đầu mùa mưa, khiến lệ trời hòa với nước mắt cô sinh viên và khiến cô từ ấy luôn nhớ đến anh khi đi trong mưa lạnh. Mưa lạnh hòa với nước mắt có lẽ ấp ủ được lòng cô đôi chút. Nhưng nếu trời nắng, không mưa thì sao?

Tôi nhớ đến lời bài hát *Rain and Tears* của Aphrodite's Child:

*"Rain and tears are the same,
But in the sun, you've got to play the game."*

Tôi đọc lại lời cô sinh viên cuối truyện: "Người ta nói chỉ có thời gian mới trị lành mọi vết thương, kể cả vết thương lòng. Tôi không nghĩ vậy."

Và tôi thương cô sinh viên phải tuân theo luật chơi (*play the game*) mỗi khi trời nắng.

DOÃN KHÁNH



ĐIÊN CUỒNG KỶ NIỆM ÊM

Biển giảng mừng vào tối
Bờ nằm dài không lời
Khuôn mặt nghiêng chờ đợi
Biển ngồi bên như cười

Bờ khóa thân trắng nõn
Khát căng tròn ưỡn cao
Mịn màng nóng hôi hổi
Lim dim hờ mắt sao

Biển vỗ lên nao nức
Cuốn bờ vô vòng tay
Đôi tình nhân nghiêng ngửa
Nô đùa vào mộng say

Cô liêu ta bé nhỏ
Trước biển và nhớ em
Tâm hồn dâng lên mãi
Điên cuồng kỷ niệm êm.

NHẬT TÌNH YÊU RỐT VỠ ĐÔI

Hai tay cúi nhật gió thu
 Nhật buồn kết áo sương mù đã... ôi
 Nhật câu thơ rã rượi trôi
 Nhật nụ hôn cuối bẹp môi sém đôi

Nhật đôi bóng ngã chiều ngồi
 Nhật tia mắt đẹp lên ngôi nữ hoàng
 Nhật mi xanh khép bẽ bàng
 Nhật lời cay nghiệt bàng hoàng chén đêm

Nhật tình đánh mất mùa êm
 Nhật hương trên gối đã mềm đón đau
 Nhật đôi mắt ướt khóe nhàu
 Nhật trong quay quắt những màu yêu xưa

Ngước lên nhật trời ngưng mưa
 Nhật tay hờ hững đã thừa ngày thôi
 Nhật tình yêu rớt vỡ đôi
 Ghép muôn mảnh héo mùa ngồi nhật... nhau.

MÃ LAM



HẠ DU

MƯA PHỐ NÚI

Đi vào trong lòng gió
Xào xạc tiếng cỏ cây
Nghe vũ điệu của lá
Chiều nay mưa lắt lay

Bầu trời đang thơ mộng
Gió tung tăng rì rào
Từng lùm cây vật vã
Siêu thoát từng ánh sao

Thênh thang con đường vắng
Tiếng côn trùng nỉ non
Xa xa mờ lối nhỏ
Lại nhớ anh nhiều hơn

Những đêm mưa phố núi
Nghe tiếng lòng cô đơn

SƯƠNG KHÓI BAY

Sương lan mờ phố nhỏ
 Một mình em đơn côi
 Nghe trái tim lỗi nhịp
 Tình ta đang rồi bởi

Muốn hỏi một lần thôi
 Sao tiếng lòng lạnh giá
 Bao giờ trọn niềm vui
 Phải đâu là sỏi đá

Gió chiều thổi hiu hiu
 Mặt nước buồn đến lạ
 Hoa tím rộ ven hồ
 Xạc xào trong tiếng lá

Chim buồn bay khắp ngả
 Bỏ lại những niềm vui
 Dấu chân ai ! Vội vã
 Thoáng trong ta ngậm ngùi

Ngày tháng xưa thức dậy
 Tìm về cùng ai đây !
 Yêu thương tràn ngày ấy
 Gởi vào sương khói bay !

HẠ DU

(Trích trong tập *Thổ Thúc Nhau Từ Ấy* đã xuất bản)



XUÂN THỦY

GẶP LẠI EM

Gặp lại em trên con
phố nhỏ lắm người qua
người đi qua nhau tất
nhiên đó không phải như

những lần anh đã gặp
em đến với nhau trong
bình an trong dòng đời
dòng người trôi hôm nay

không biết có phải em
không vì em đâu xấu
thế đằng sau cái khẩu
trang không quen không quen

màu xám xám của thành
phố những con đường anh
đang qua đang nhìn ngắm
tưởng như khi anh nghĩ

đến em nên em mới
hiện ra nhưng đôi bàn
chân nhỏ nhắn ừ gần
giống không đi tất đôi

giày vải tự may như
thường lệ đôi mắt anh
vẫn vậy vẫn khẽ nhìn
như em vẫn khẽ nhìn

có thể đã nhận ra
anh và đang nói về
anh như anh nhận ra
em nhưng vờ không nhận

ra không ai biết anh
đang buồn bực nhiều khi
giận em nhiều khi vui
được thấy em cười mà

chỉ giữ trong lòng nơi
đáy mắt vẫn là thành
phố màu xám xám đang
nói lời thì thầm hay

như em đang nghĩ về anh
không biết giờ này em
đã có gia đình chưa
anh chúc mừng em thôi

đó là điều cần làm
luôn luôn và lúc nào
cuộc đời này có gì
đâu là bất ngờ hãy

mời anh ngày cưới để
anh thấy em cười em
vui để anh cảm thấy
hạnh phúc trong lòng không

nói ra đâu không cho
ai hay biết đâu cơn
gió thổi đi mất tình
yêu em của anh nhưng
dù thế nào dù thế
nào đi nữa thì anh
cũng sẽ lại gặp lại
em vì đó là tình
yêu chúng ta.

XUÂN THỦY



NGUYỄN VINH LONG

TRĂNG GIỮA BAN NGÀY

1.

Cơn mưa hắt lên mùi bùn hôi nồng nặc từ con kinh đen ngòm phía dưới nhà sàn. Tánh trần trọc, không ngủ được. Phần lạ nhà, phần tiếng cười nói ồn ào vọng lại phía trước. Nó không hiểu sao người ta có thể sống chui rúc ở đây, chớ đừng nói chi đến việc ăn uống. Buổi chiều mới tới, ra tắm phía sau nó phải nín mũi, ọi lên ọi xuống mấy lần đến chảy nước mắt. Bên dưới nhà tắm là dòng kinh nước đen bùn sền sệt, đầy rác rưởi. Tô hủ tiếu có miếng bánh tôm chiên là món ưa thích nhất, nó cũng ráng nuốt qua loa cho đỡ cào ruột. Đến tối, chị Ánh đưa mền gối dặn nó, mới lên đường xa nên ngủ sớm và nhớ đừng đi lang bang ra nhà phía trước ban đêm. Tánh gật đầu, nhắm mắt rồi nằm trần trố cho tới bây giờ. Nó thắc mắc không biết đã mấy giờ mà chung quanh vẫn còn tiếng người ăn uống, cười giỡn. Nghiêng tai một bên, nó chợt nghe như có tiếng mưa rào rạt bên ngoài. Tự dưng nó muốn về nhà, ngay bây giờ. Tánh muốn nằm trên cái chõng tre quen thuộc và cuộn

tròn trong cái mềm chỉ ngã màu của nó mỗi đêm trời đổ mưa...

Nó giật mình tỉnh giấc bởi tiếng cái vĩa và đồ đạc đổ vỡ. Tánh không hiểu mình đã chớp mắt tự bao giờ. Tiếng khóc của người đàn bà mỗi lúc một rõ. Rồi giọng quát tháo nhừa nhựa của người đàn ông:

- Đ.m. mấy làm đi thiên hạ chưa đủ sao còn dẫn thằng con nít về ngủ nữa..!

- Anh say quá, nói bậy không hà... Tánh là người hàng xóm, mẹ em nhờ lên gặp em có chút chuyện nhà... Khuya rồi, anh la lớn quá hàng xóm báo cảnh sát thì phiền lắm.

- Đ.m., tao chấp đó. Thằng nào dám gọi cảnh sát, tao đâm lòi ruột cho biết mặt.

- Anh ngủ đi cho khỏe. Mai thức dậy muốn gì em cũng chiều hết.

- Hồng mai mốt gì hết. Đ.m. đừng làm bộ... Tao muốn làm liền bây giờ. Còn sáng mơi, tao hồng muốn thấy bản mặt thằng nhỏ đó nữa. Nghe chưa... Đ.m. đưa tao cái bọc áo mưa rồi cởi quần ra.

Không còn tiếng cái vĩa của chị Ánh và người đàn ông. Vài con mèo đói lang thang trên mái nhà, kêu gào thảm thiết. Tiếng vật giương, tiếng thịt người dội lên, dồn dập... Tự dưng nước mắt Tánh ứa ra, ướt mặt gối. Không hiểu tại nó nhớ nhà hay khóc thương thân phận chị Ánh. Mười bảy tuổi, chưa lần đi xa khỏi huyện nhà, nó nào hiểu được cuộc đời đen tối, dơ bẩn còn hơn vũng chân trâu. Tánh nghiêng mình cắn cây viết máy Pilot chị Ánh mua cho nó hồi chiều. Cây viết có khắc cả tên Tánh và chị Ánh. Chị muốn nó học giỏi, nay mai trở thành người hữu ích cho xã hội, hãnh diện gia đình, làng xóm trong đó có chị. Tánh mắc cỡ, chỉ biết lí nhí cảm ơn. Chị và Tánh chụp chung một bức ảnh làm kỷ niệm. Nghiêng đầu vào vai Tánh, nó không còn nghe mùi chanh thoảng ra từ tóc chị nữa. Mùi dầu thơm và nắng gió cuộc đời đã thay vào đó, quện từng sợi tóc ngày thơ.

Tánh nâng niu cây viết máy, mùi thơm bàn tay chị vẫn còn phảng phất đâu đây. Nó áp vào má, hít từng hơi dài, nhắm mắt và quên đi cả mùi tanh nồng của dòng kinh đen phía dưới.

2.

Nhà chị Ánh phía dưới đầu cầu Dừa. Con rạch chia làng Tánh ra làm hai phía. Một bên đất làm ruộng, bên kia là những vườn thẳng tắp trồng đủ loại hoa quả và cây ăn trái. Cha chết sớm, mấy mẹ con chị sống bằng nghề bán xôi, chè bắp mỗi buổi chợ. Trong làng ai cũng gọi mẹ chị là bà Sáu xôi bắp. Con gái lớn, năm lớp bảy Ánh đã bỏ trường theo mẹ tần tảo nuôi nấng đàn em. Đối diện phía bên kia cầu là nhà Tánh. Gia đình nó làm ruộng nòi, đất đai bề bề mấy đời nội tổ. Sau chính sách người cày có ruộng, gia đình Tánh chỉ còn mấy chục công đất ruộng hương hỏa phía sau nhà. Tía nó nhìn xa, thúc đẩy con cái học chữ, lấy đó làm nghề. Chị Ánh lớn hơn Tánh vài ba tuổi, nhưng trước mặt chị, nó thấy mình còn con nít nhiều lắm. Có lẽ tại chị đẹp, đẹp nổi tiếng cả làng. Phần mồi côi cha, ra đời sớm Ánh như loài hoa dại nở rục rở, hoang vu giữa chốn đồng nội. Sáng nào trước khi đạp xe lên trường huyện Tánh đều ghé chị Ánh mua xôi. Không ăn nó cũng mua gói theo cho buổi trưa. Chị Ánh luôn dành nhiều tình cảm đặc biệt cho nó. Lần nào chị cũng múc xôi nhiều, cho thêm nước cốt và kèm theo nụ cười thật tươi tắn. Năm lớp tám, mười bốn tuổi, Tánh bắt đầu thấy mình khác. Giọng nói nó đục khàn khàn, chân tay lòng thòng thừa thãi và mặt bắt đầu lốm đốm mụn. Mỗi lần gặp mặt chị Ánh, Tánh cảm thấy lúng túng, ngượng ngùng. Tối nào học bài khuya, trước đi ngủ, nó đều ra phía sau hè ngóng nhìn qua ánh đèn nhà chị, bên kia con rạch nhỏ. Tự dưng Tánh mong trời mau sáng để được nhìn thấy nụ cười dễ thương của chị.

Qua mùa khô, lúa đã vào bồ, tía má Tánh bắt đầu đốt chân rạ mấy công đất để làm rẫy. Giá lúa không lên, tía nó cắn răng phá mấy công ruộng gần nhà, lên vồng trồng dưa hấu. Mấy năm gần đây nghề trồng dưa trong làng phát triển dữ dội. Sau một mùa Tết, nhà nào cũng dư tiền mua sắm đồ đạc, ghe máy và cả máy truyền hình chạy bình. Không phải nghề chân truyền, nhưng tía nó sáng dạ, biết đất biết phân, chắc bầm cũng thành tiền thành bạc. Giữa lúc đó thì trên chợ huyện tổ chức đại hội. Dù công việc chưa xong, tía nó cũng trả tiền công cho anh em Tánh đi coi hát. Tánh nghĩ ngay đến chị Ánh, rủ và bao chị đi coi đại nhạc hội. Nhưng sáng gặp mặt, Tánh cũng không nói được thành lời. Cuối cùng Tánh

đành lui thủ đi một mình.

Chương trình văn nghệ đầy tiết mục hấp dẫn nhưng Tánh vẫn lảng đãng, thờ ơ. Văn hát, nó lang thang vòng quanh chợ huyện. Máy hàng quán dọc bên đường đang chuẩn bị dọn dẹp, đóng cửa. Mọi người tản về các làng với nhiều phương tiện khác nhau. Ghe, xuồng, đò máy và thắp đuốc đi bộ. Tánh mang theo mấy bó đuốc, dẫu ở lộ đá trước khúc rẽ vào làng. Gió đêm xào xạc, mang theo hơi nước dọc theo mé sông. Nó ngược nhìn lên, bầu trời đen ngịt không thoáng một vì sao. Không chừng trời sắp đổ mưa. Cả tháng nay khô hạn, tối ngợp sao trời. Đợi đến nay nó đi coi hát, trời mới đổ mưa cho đáng.

- Tánh... Phải Tánh hông, đợi Ánh chút.

Đúng là tiếng chị Ánh, hay xưng tên với nó. Tim Tánh đập thình tịch, chân tay nó lạnh hết.

- May quá, theo Tánh kịp. Về một mình, lại gần mưa, Ánh sợ chết quá.

- Chị đi một mình sao...

- Đâu dám. Với chị Xuyên. Nhưng chỉ chưa chịu về liền, mà còn ghé ăn hàng với đám bạn trên trường huyện. Ánh phải về, mai còn thức sớm nữa.

Đi bên cạnh chị Ánh, Tánh rợn rợn khó tả. Nó không biết nói gì thêm, đếm từng bước chân mình trên lộ đá. Mùi hương chanh dịu dịu tỏa ra từ mái tóc chị thoang thoảng trong đêm. Tới gần khúc rẽ vào làng thì gió bắt đầu thổi mạnh. Hai bó đuốc dài vẫn còn đỏ. Chị Ánh giúp Tánh một tay mỗi lửa. Lần đầu tiên nó chạm bàn tay mềm mại, ấm ấm của chị. Dưới ánh đuốc, khuôn mặt chị Ánh sáng hồng, đẹp hơn bao giờ hết. Nó vừa đi vừa quơ bó đuốc soi đường. Vài khúc nhiều mô, đất gồ ghề chị Ánh sợ vấp nắm lấy tay nó.

- Tánh đi chậm chậm lại nghen. Ánh theo hồng kịp, vấp té chết.

Nó đi chậm lại. Chị vẫn nắm chắc tay nó không buông. Khuôn mặt chị thật gần, vài sợi tóc loà xoà vương qua má Tánh.

- Mai mất Ánh đi xa, Tánh có nhớ chị hông ?

- Chị đi đâu ? Nó ngạc nhiên hỏi nhanh.

- Má định gửi Ánh lên trên tỉnh, nhờ người bà con kiếm công việc làm khá hơn. Bán xôi bắp vậy hoài, không đủ tiền sinh sống. Không chịu cũng không được. Đành thôi Tánh à... Đi xa chắc

Ánh nhớ làng mình và nhớ Tánh lắm..!

Tại sao chị phải đi xa, Tánh không hiểu. Nhưng tự dưng nó buồn muốn ứa nước mắt. Rồi mai mốt, trước đi đạp xe lên trường huyện mỗi sáng, không còn ai gói cho nó gói xôi đặc biệt với nhiều nước cốt dừa. Mỗi đêm học bài khuya, Tánh không ai để nó háo hức đợi ngày mai gặp mặt. Tánh đi nép vào chị gần hơn. Gần để đủ nghe từ chị, một mùi thơm kỳ diệu thoảng ra, ngây ngất. Mùi thơm của bộ đồ mới và da thịt chị. Tự dưng Tánh thấy mình lớn hẳn ra, muốn che kín những cơn gió thổi lạnh bờ vai chị. Đâu hơn nửa đoạn đường, vài hạt mưa rơi thấm áo Tánh.

- Chết rồi, trời mưa Tánh ơi. Chắc về không kịp quá.

- Không sao. Tháng này chắc trời mưa hồng lớn đâu.

Tánh dứt câu chẳng bao lâu thì mưa rào lên, lớn hột. Không ai bảo ai, cả nó lẫn chị Ánh đi nhanh như chạy, nhìn quanh tìm chỗ trú. Cũng may gần đó có cái quán nhỏ bên đường. Ánh lửa bập bùng từ bó đuốc soi mặt quán che tạm bởi tấm bạt, chừa khoảng hiên hẹp phía ngoài. Cả hai chạy lùa vào trú. Bó đuốc lịm tắt. Mưa tạt từ bên hông dữ dội.

- Tánh nép sát vào đây, ướt hết.

Giọng chị Ánh khàn khàn. Tánh nép sát vào. Hơi ấm từ da thịt chị tỏa lan, truyền sang. Bờ ngực mềm mại, áp vào bờ lưng nó. Tánh băng khuâng, nhột nhạt. Nó nuốt nước miếng khó khăn, ao ước trong đầu. Phải chi nó lớn hơn chị Ánh, Tánh sẽ ôm lấy và che chở cho chị lúc này. Không biết lúc nào, má Tánh kề vào má chị. Tánh nghe hơi thở chị nóng hổi, thơm mùi dịu dịu. Nó nghĩ tới trái mận hồng đào nhà ngoại nó trồng, nở lứa đầu mùa. Lờ mờ trong bóng đêm, Tánh lén len quay qua, mong nhìn thấy mặt chị. Nó chột hốt hoảng khi đôi môi ướt lạnh của nó chạm vào bờ môi hé nhỏ của chị. Ngoài hiên, có tiếng chớp rền vang, như xé đêm mưa.

3.

Tánh choàng tỉnh giấc. Miệng khô đắng và tê tằm một bên mình. Trời vẫn chưa sáng. Không biết Tánh chớp mắt lúc nào, mộng mị chập chờn. Nó khẽ trở mình thì chạm bờ vai ai nằm bên cạnh. Chị Ánh. Tim nó đập lên thành thịch. Không biết chị Ánh vào ngủ

bên nó tự lúc nào. Còn thằng đàn ông khốn nạn đánh chửi chị đâu rồi. Nó ngủ say hay đã bỏ đi. Hơi thở chị Ánh đều và nhẹ. Chắc chị đang ngủ say. Nó không dám nhúc nhích, chỉ mở đôi mắt thật lớn nhìn qua. Khuôn mặt chị trong giấc ngủ say, hồn nhiên và thật đẹp. Sóng mũi thon dài theo phía dưới đôi chúm nhỏ, hơi hé mở, chị giống như mấy hình vẽ trong tập truyện bằng tranh. Cái giường không rộng, lại cũ, thở mạnh cũng cong mình kéo kẹt. Chị Ánh mở mắt, bắt gặp Tánh đang nhìn mình đắm đắm. Chị nghiêng qua, cười nhẹ:

- Nhà lạ, ồn ào. Khó ngủ phải hông Tánh.
- Dạ...
- Thằng chả đi rồi, Tánh không phải sợ nữa.
- Tánh không sợ. Nhưng tại sao chị phải sống với hắn.
- Một ngày nào đó, lớn lên, Tánh sẽ hiểu. Bây giờ, Ánh chỉ muốn Tánh đừng khinh ghét chị.
- Không, Tánh không ghét. Tánh thương... Về lại quê mình đi chị.
- Quá trễ rồi. Ánh không còn xứng đáng với gia đình, làng xóm mình nữa.

Giọng chị Ánh trũng nước. Tánh bối rối không biết làm gì. Trong bóng đêm, chị Ánh dụi đầu vào nó, nức nở. Dòng nước mắt nóng hổi thấm vào da thịt Tánh, như những mũi kim đâm sâu tâm hồn nó toí bời. Đưa tay vuốt mái tóc mượt dài, dỗ dành chị đừng làm nó phải khóc theo. Chị Ánh ngược lên, kéo mặt Tánh lại gần và hôn nhẹ lên hai má nó. Vệt nước mắt vô tình của chị vương khõe môi Tánh mẩn mẩn. Tánh hôn trả lên má chị, như một phản xạ tự nhiên.

- Con trai lớn mà không biết hôn gì hết.

Chị vừa nói vừa cười khúc khích. Đôi môi ấm áp chị Ánh áp vào môi nó. Tánh ngây ngất khi đầu lưỡi chị chạm đầu lưỡi nó quẩn quít. Chị kéo bàn tay Tánh đặt trên bờ ngực. Trái vú chị mềm mại, no nê. Tánh ghì chặt hai tay vào đôi bờ xúc cảm. Chơi vơi, cuộn chảy. Con sông nhỏ quê Tánh đang uốn mình qua khỏi khúc sông bồi. Nó mở rộng, chảy thiết tha hơn về phía sông cái lớn, sắp chuyển mình ra biển. Nước con sông ngọt dịu, đục màu phù sa chọt chan hoà với lòng biển đời xanh mướt. Cửa cuộc đời quá hẹp cho những tâm hồn trắng trong, chân thật. Vòng tay con người không rộng lượng bao

giờ. Chỉ có nước mắt và má môi của chị tạo cho Tánh bao nhiêu mơ ước đời này. Nó đang chơi vơi như con diều trên cánh đồng lộng gió quê nhà. Tánh bỏ ngõ, vươn vai trở thành một dòng sông lớn, cuốn trôi bao nỗi khổ đau của chị đêm nay.

- Tánh ơi..!

Tiếng kêu thảng thốt của chị Ánh từ nghìn trùng vọng lại. Có vầng trăng vàng vạc tuổi thơ, trái vàng niềm hạnh phúc vô biên trên thân thể của Tánh và chị. Đêm sắp tàn và ngày mai đang xô đẩy bao kiếp người phía trước.

4.

Buổi chiều tháng tư, bầu trời thành phố Huntsville, Alabama thấp và nhiều mây. Mấy ngọn đồi thấp, xanh mượt nối nhau như cặng thành một chiếu võng đong đưa những con đường xa lộ đan nhau theo mùa gió. Người đàn ông cho xe chậm lại vào bãi đậu. Hampton Inn, cái khách sạn đã vài lần ghé, tạo cho người đàn ông cảm giác dễ chịu hơn sau mấy giờ bay dài. Một laptop xách tay, một chiếc va-li kéo tay là hành trang quen thuộc cho những chuyến đi xa.

- Hi, tôi có đặt phòng trước. Tôi họ Nguyễn, tên Tony. Tôi sẽ ở lại cho đến hết tuần.

Bà Linda, phụ tá quản lý người da trắng nhận ra Tony ngay. Vài lần trước ghé Huntsville cho mấy buổi họp ngắn ngủi, Tony cũng gặp bà. Đưa thẻ chìa khóa, bà cũng không quên nhắc Tony khách sạn cung cấp điểm tâm mỗi sáng miễn phí. Tóc hoa râm, nhưng dáng dấp ông vẫn còn nhanh nhẹn, tự tin. Tony buông người xuống mặt nệm, chơi vơi. Những căn phòng khách sạn bày trí nhan nhản giống nhau, cô đơn và nhàm mắt. Phía bên ngoài khung cửa sổ, nắng đã xuống thấp màu vàng nhạt. Ngày mai là những buổi họp, những công việc quen thuộc đang chờ ông. Sự tái lập của đời sống xứ này cho những phát triển không ngừng của nền văn minh kỹ thuật, nhưng lại là những đong vũng, khô cạn dần cho biết bao nhiêu sông nước tình người. Những dòng sông tâm hồn ông muộn phiền, không chảy. Những vơi vơi trời xanh dĩ vãng không mây. Bủa vây, tù hãm. Lòng người cửa đóng, then cài. Đời sống chính ông cũng hóa trang nhiều mặt. Dè dặt, bề ngoài, giả tạo trở thành phản xạ tự nhiên trên mọi mặt phẳng cuộc đời. Tony ngụi lạnh dần những háo hức ban đầu cho những vùng đất mới. Mỗi nơi, một

thành phố hay một huyện hạt hẻo lánh với những tên gọi lạ tai, trước tiên ông đều mở cuốn giám điện thoại tìm những họ phổ biến của đồng hương ông. Những Nguyễn, Lê, Trần,... Để nói lời hỏi thăm, làm quen bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của ông. Đáp lại là, những giọng nói nhát gừng, thoái thoát hay khước từ cả nguồn gốc cha ông. Họ nói bằng thứ tiếng mẹ xa lạ, lạnh lùng, mù mù hàm ý. Ông bỏ điện thoại xuống, lòng chùng nỗi thất vọng, đắng cay. Từ đó, những chuyến đi xa, Tony không còn thói quen tìm kiếm tình đồng hương đó nữa. Tiếng điện thoại reo. Đầu dây kia là tiếng quen thuộc của người đàn bà da trắng:

- Hi Tony, Liz đây. Anh tới lâu chưa. Chuyến bay thế nào, có thoải mái không ?

- Cám ơn Liz. Mọi chuyện cũng tốt đẹp, ổn thỏa.

- Tôi muốn mời anh cùng đi ăn tối. Một tiệm ăn Ý tôi biết rất nổi tiếng về đồ biển.

Giọng người đàn bà mời gọi. Liz tuy không chung nhóm với Tony, nhưng là nhân viên quản lý thương mại cao cấp của công ty. Là cố vấn kỹ thuật, Tony thường đi cùng với Liz cho những hợp đồng thiết kế quan trọng. Người đàn ông Á-đông trí thức, gần năm mươi, không gia đình vợ con là điều tò mò hiếu kỳ của những người đàn bà bản xứ làm chung. Qua sách vở, tài liệu phong tục tập quán Á-châu, con trai lớn lên không cưới vợ vì tình yêu cũng phải vì “ mối lái “. Chưa kể là cổ lệ tục truyền, trai năm thê bảy thiếp. Địa vị và sự thành công của Tony lại là mục tiêu của những dòm ngó nhiều hơn. Liz là một trong những người đàn bà da trắng tò mò đó. Chưa tới bốn mươi, một đời chồng, Liz trải qua nhiều kinh nghiệm của tình ái. Người đàn bà này không chỉ muốn nhìn ngắm, mà nhập cuộc. Cuộc phiêu lưu tình cảm không mất mát phần ai. Cuộc vui tự nguyện và luôn mở rộng cửa sau cho những chán chường. Với đôi mắt xanh lơ tóc hoe vàng, bờ ngực vung đầy mời gọi, Liz chưa từng thất bại trên tình trường. Nàng đến với Tony tự tin, “ quyết thắng “. Lần đầu tiên trong đời Liz vấp ngã, chơi với trước một người đàn ông “ thiếu số “, thẳng thắn và tử tốn. Tony bước vào phòng ngủ nàng như dạo chơi trong khu rừng cấm lạ. Không vội vã chiếm đoạt, không thêu thân theo từng phút giây tàn lụi. Những người đàn ông khác đến với Liz là như vậy và chỉ có như vậy. Môi hôn nhộp nhọt, sự tham lam trên bờ ngực và cuối cùng là sự biểu hiện lòng kiêu hãnh, chiếm đoạt

nghèo nàn của họ. Có ba nơi để người đàn ông biểu lộ bản năng của họ: tiệc rượu, sòng bạc và lúc làm tình... Để ngày mai không muốn thấy mặt. Để gặp lại là nổi dửng dưng, lạnh lùng. Nàng bày da thịt cuộc chơi, họ cũng giả dối tìm vui phút chốc.

Tony khác. Ông trân trọng trên từng phần da thịt Liz. Ông chậm rãi gần đến hững hờ. Tony đưa nàng đến tận cùng mọi khoái cảm, ngắt ngảy. Để ngày mai họ mong gặp mặt nhau. Bên quan hệ tình dục đời thường, họ còn cả tình người rộng lượng. Ông một mực chân tình, trân trọng những tình cảm tốt đẹp của Liz như một tặng phẩm hiếm hoi. Rồi mỗi người có một vòng tròn trong đời sống họ. Giao điểm chính là mặt đời sống hiện tại, với bao đẩy lùi của quán tính riêng tư. Những phát triển vượt bậc của khoa học hiện đại làm trái đất chúng ta thu nhỏ lại. Nhưng lòng người cũng từ đó, chật hẹp hơn ? Ông quý trọng giao điểm có được với người đàn bà bản xứ. Liz cũng quên mất màu da trong quan hệ tình nhân. Như bao nhiêu người đàn ông Việt Nam khác, Liz nghĩ, họ đã trải qua những chặng đường lịch sử khổ đau, hùng tráng nhất, phải sâu kín bên trong là những hệ lụy vượt khỏi đời thường. Liz càng bị ông chinh phục bởi những vết thương thâm kín trong lòng. Họ là bạn chân tình ở những phía nhìn nhân bản đó.

Nhưng chiều nay Tony chợt lười biếng cho lời mời gọi của Liz. Ông đang cần sự yên tĩnh và niềm cô đơn riêng tư.

- Cám ơn Liz. Tôi rất ân hận là vừa ăn lỡ buổi ở phi trường Dallas, vẫn còn no. Chúc Liz buổi ăn tối vui vẻ, ngon miệng.

- Không có gì. Tony cứ nghỉ ngơi cho khỏe. Hẹn gặp lại sáng mai ở phòng thử nghiệm.

Ông đã nói dối. Từ sáng đến giờ ngoài mấy ly cà-phê và bánh ngọt trên phi cơ, Tony chưa có bữa ăn trọn vẹn. Bụng ông cũng đang đòi hỏi phần mình. Một buổi tối cơm Tàu, vì ông biết chắc thành phố này không có một quán ăn người Việt. Một buổi ăn yên tĩnh, lặng lẽ cũng là niềm hạnh phúc, đôi khi. Ông quý mến Liz, nhưng cũng cần những khoảng cách. Tony rời khỏi phòng, buổi chiều không còn nữa.

Tiệm ăn Tàu, China King, nằm khiêm nhường ở một góc đường nhỏ. Ghế bọc và khăn trải bàn đều màu đỏ thêu rồng phượng. Khách ăn hơn phân nửa tiệm. Tony gọi một đĩa đồ xào biển và cơm trắng. Ngụm trà đá cuối ngày làm ông dễ chịu và tỉnh táo hơn. Ông cảm thấy có chút gì quá đáng trong những đối xử

với Liz. Người đàn bà da trắng, già nhân ngãi non vợ chồng. Liz đến với ông hoàn toàn tự nguyện và tự do. Sự ràng buộc duy nhất của họ chính là mối chân tình ở mỗi người. Ông không hứa hẹn, giả dối để lợi dụng sự thỏa mãn thể xác. Liz không cần phải bày vẽ cho một cuộc chơi. Họ đã đủ trưởng thành để hiểu được giá trị của thời gian, của định mệnh cuộc sống dành cho con người. Những khuôn mặt bề ngoài đã làm họ mất quá nhiều thời gian để sống. Rửa sạch bộ mặt tâm hồn, làm bộ mặt thể chất của họ trong sáng và quý giá hơn. Họ giữ lại trái tim và cho nhau cuộc sống.

- Thuận muốn ăn gì, shrim hay chicken ?

- Con muốn both.

- Ok. Còn anh ?

Giọng nói tiếng Việt chen lẫn tiếng Anh của phụ nữ và trẻ con từ phía sau làm ông chột ngẩn người. Một gia đình trẻ người Việt Nam ? Không kềm được sự tò mò, ông quay lại như một phản xạ không kềm chế được. Họ, cả ba, còn thật trẻ. Người thanh niên ngồi đối diện ông, chạm mặt, khẽ gật đầu chào. Ông lúng túng, mỉm cười đáp lại.

- Chú là người Việt.

Người thanh niên tiến đến bàn ông, giọng cởi mở. Ông đứng dậy, bắt tay anh, vui mừng.

- Dạ. Tôi người Việt... Tôi tên Tánh, từ North Carolina đến đây công tác.

- Em tên Sơn. Nhìn chú, Sơn biết là người ở xa đến.

Vừa lúc người bồi bàn mang thức ăn ra cho ông. Sơn nói nhanh:

- Hay là chú Tánh dời qua ngồi chung bàn với vợ chồng Sơn luôn.

- Được vậy thì vui quá.

Sơn giới thiệu ông với vợ con. Hồng, tên vợ Sơn, có khuôn mặt đẹp dịu dàng và nụ cười thật tươi. Nụ cười làm ông ngẩn ngơ thoáng chốc.

- Gia đình Sơn cũng mới dọn đến thành phố này vài tháng nay. Chú đến đây lần đầu.

- Không. Lần thứ ba rồi. Tôi đến thiết kế trạm viễn thông không gian cho Space Shuttle Assembly Center.

Sơn hơn hờ cho biết anh cũng làm trong đó, bộ phận lưu trữ, database. Hồng ít nói hơn, lo chăm sóc thức ăn cho con. Thỉnh thoảng nàng chỉ đóng góp vài nụ cười dè dặt, cho đầm ấm bữa ăn. Đôi lần ông cũng bắt gặp ánh mắt Hồng len lén nhìn ông ngơ ngợ. Sơn thì nhanh nhẹn cho biết có khoảng hơn trăm rưỡi gia đình người Việt ở rải rác chung quanh thành phố Huntsville. Hầu hết làm cho trung tâm không gian Nasa và trung tâm viễn thông quân đội Hoa Kỳ. Cả ông lẫn vợ chồng Sơn đều vui mừng gặp được người đồng hương nhưng họ giữ nhiều khoảng cách. Hai thế hệ chừng như có cùng kinh nghiệm cho những nhiệt tình hân hờ ban đầu sẽ đem đến họ những phiền muộn về sau. Đã trở thành một thứ qui ước tự nhiên. Ông vẫn còn nghĩ ngơ trong nụ cười của Hồng. Bữa ăn cũng kết thúc, bé Thuận phải ngủ sớm cho nhà trẻ ngày mai. Nhịp sống không đợi ai, nên họ phải chạy theo cho kịp con số thời gian vật lý. Sơn ghi vội cho số điện thoại nhà và chỗ làm. Ông hẹn với vợ chồng Sơn buổi cơm chiều ngày mai. Họ vui vẻ nhận lời.

Ông Tánh ngồi vào xe vẫn mông lung về nụ cười của Hồng. Ông đã gặp rất nhiều nụ cười, nhưng chưa bao giờ ông bị ám ảnh như hôm nay. Mọi hết tận cùng trí nhớ, ông cũng không tìm được một giải đáp nào cả. Đã gặp đâu chẳng nụ cười thật tươi nầy, đời ông ? Trí nhớ ông chợt trở nên tối tệ. Ông lắc đầu, đành chịu. Cho xe ra đường lớn, về phía khách sạn, ông Tánh quên cả mở đèn xe. Đêm chơi vơi, bắt đầu. Ông thở dài, thần thờ dõi mắt tìm một vầng trăng. Bầu trời đêm thấp và đen mờ mịt.

Hơn nửa đêm, cả nhà đã ngủ say. Nàng lặng lẽ, nhẹ tay kéo mấy cuốn album trong hộc tủ, ôm ra phòng khách. Nàng trần trọc không ngủ được vì khuôn mặt, nhất là ánh mắt của người đàn ông đứng tuổi tình cờ gặp trong bữa cơm chiều. Đôi mắt tự tin, tha thiết nhìn nàng như quen biết thuở nào. Nàng đã gặp ông ta ở đâu rồi chẳng ? Cái nút ruồi thật đậm dưới đuôi mắt trái của ông ? Chắc chắn là không. Vậy mà nó theo nàng đuổi nàng đến tận bây giờ. Dưới ánh đèn, nàng dờ từng trang trong cuốn album dày cộm. Từng trang thậm trọng lướt qua. Không một dấu vết. Cuốn thứ nhất. Cuốn thứ nhì. Con nhỏ lắm thần quá chừng. Người dung lạ quắc, bắt họ hàng làm thân. Nàng tự cười mình, hờ hững lướt qua cuốn album khác. Thôi cũng lờ mắt ngủ, lâu lâu nhìn lại hình ảnh

xưa cũng thú vị... Cuốn album cuối cùng xếp lại, nàng thần thờ ngã người xuống chiếc sofa. Có lẽ đời sống nàng vẫn chờ đợi một hình ảnh nhạt mờ nào đó.

Một cái tên trùng hợp hay một bóng hình không thật. Cái tên của một đoạn đường dĩ vãng mà chính nàng chưa hề băng qua. Nàng chợt ứa nước mắt. Chồng và con đang yên giấc ngủ say cho ngày mai có thật. Hạnh phúc đang ở trước mặt nàng có thật. Ánh mắt đọng nước của nàng chợt dừng lại cuối phòng. Đứng rồi ở một góc cuối của căn phòng mẹ nàng. Nơi mà mỗi đêm bà đều nhìn ngắm hằng giờ. Nơi bà treo bức hình họa lớn từ bức ảnh nhỏ trắng đen, phai màu bà bọc kỹ lưỡng trong cuốn album. Bức hình mẹ nàng chụp chung với người thanh niên, một thời mới lớn. Bức ảnh mà bà trân trọng lau chùi hằng ngày, như một kỷ vật thiêng liêng bất khả ly thân. Bức hình duy nhất của mẹ nàng chụp chung với người đang luân lưu giòng máy trong nàng. Nhiều lần hỏi mẹ, bà chỉ thở dài và nức nở thương nhớ như mới hôm qua. Chỉ một lần, có nàng và họ chẳng bao giờ gặp lại nhau lần nữa. Tại sao ? Tại đời bà trôi nổi theo vũng lầy của dòng kinh nước đen cuộc đời nghiệt ngã. Tại cuộc chiến tranh bùng nổ dữ dội, tan tát và nhận chìm bao nhiêu thân phận con người. Tại hai giòng đời họ mãi mãi chảy song song trên cùng mặt phẳng của định mệnh. Nhưng đêm nay, nàng chợt nhận ra chừng như ở cuối đuôi mắt trái của người thanh niên trong ảnh cũng in vết chiếc nút ruồi hệ lụy.

Nàng bật ngồi dậy và cầm điện thoại bấm số quen thuộc của mẹ. Tiếng reng từng hồi. Hai. Ba. Rồi những hồi sau nối tiếp. Không ai nhắc chiếc điện thoại ở phía kia đầu dây. Chắc bà đã ngủ say, quá say bởi những viên thuốc giúp bà vượt qua bao đêm khó ngủ, bơ vơ. Không biết bà đang trong giấc mơ đen tối một đời, hay đang tung bay trong một lần tươi đẹp đời bà thoáng khắc... Ngày mai sẽ tới, như mọi sự thật sẽ chỗi lên theo nắng ban mai. Đêm chợt rộn rã và sâu thẳm.

5.

Bên cạnh Liz dựa vào vai ông thờ đều. Mấy hôm nay cả ông và Liz đều làm việc thật dồn dập, ngày đêm. Ông ăn tại chỗ làm, và có ăn ngoài ông phải đi ăn với bạn đồng nghiệp. Họ vừa ăn vừa tiếp tục các dự kiến công việc sắp tới. Ông đã không có dịp nào

để gặp lại vợ chồng người bạn trẻ ông gặp ở quán ăn. Cho đến một buổi sáng thật sớm, Liz gọi qua phòng ông báo cần gặp ông gấp có chuyện khẩn cấp. Giọng Liz không đùa giỡn, làm bộ. Ông vội qua ngay và đã thấy Liz đứng đón ông ở cửa phòng. Trông mặt Liz mệt mỏi và thoáng chút lo âu. Không phải đợi, Liz báo ông đã mất kinh hơn hai tháng và sáng nay ói mửa đến vật vã. Ông sờ sững nhìn Liz, không biết phải hành động và ăn nói như thế nào cho hợp cảnh. Nàng cười trấn an ông, nếu có, chắc chắn là giọt máu của ông. Nhưng không vì thế mà bắt buộc ông phải nhận hoàn toàn trách nhiệm. Ông có thể chối từ, Liz không oán trách. Nàng muốn khám bác sĩ cho an tâm nên mới phiền đến ông. Làm sao ông có thể cầm lòng được trước ánh mắt đã dươi, xanh lơ của người đàn bà da trắng này. Và họ đã cùng trở về trên chuyến bay.

Qua khung cửa, phía dưới là những thêm mây trắng đang trôi ngược. Bầu trời xanh thẳm, cùng tận. Ông không dám thở mạnh, nhúc nhích sợ đánh thức giấc ngủ say của Liz. Không ràng buộc nhưng ông đang quàng nặng trên vai trách nhiệm của mình. Bất giác ông chạm cuốn sổ đang đặt trong lòng. Bàn tay như một thói quen, kéo nâng niu cây viết máy cũ kỹ. Ông cúi mắt nhìn thật lâu bốn chữ khắc trên thân bút đã trầy trụa, nhạt mờ. " Kỷ niệm Ánh&Tánh ". Chỉ có vậy. Vốn vẹn chỉ ngần ấy là cả một đời ông đóng kín mọi cửa ngõ của trái tim. Tình yêu ông đã dốc cạn, từ những buổi đầu tuổi nhỏ. Đến nay, ba mươi năm, không chút phai nhạt lãng quên. Những tưởng sẽ quanh quẩn vòng đời, nào ngờ là nghìn trùng xa cách. Chỉ cuối một chân cầu, mà nửa đời tăm cá mù khơi. " Nhưng lẽ đó, ông lại là người hạnh phúc nhất trên thế gian này. Người có được một tình yêu vĩnh cửu trong tim ", Liz thường nói với ông...

Trước mặt ông có muôn vàn bão tố. Tận đời ông có vạn nẻo đổi thay. Nhưng khuôn mặt và nụ cười đó, mãi mãi sẽ là thiên-thần-hạnh-phúc bên suốt đời ông. Trái tim người đàn ông dạt dào, thổn thức khi ký ức ông chạm lại đôi môi bé nhỏ đọng giọt mưa đêm. Cổ chột khô nghẹn, đôi mắt ông trĩu nặng, nhạt mờ. Ông cố giương ánh mắt nhìn ra khoảng trời xanh bên ngoài. Cuối cùng ông cũng tìm thấy. Ông đã thật sự tìm thấy, một vầng trăng vàng vạc, treo lơ lửng giữa ban ngày.

Durham, North Carolina

NGUYỄN VĨNH LONG



NHƯ MÂY LẠC ĐƯỜNG

Chiều xuống vội, giữa bàn tay
ngẩng nhìn quanh, thấy mưa bay
thấy như chua xót, như cay đắng nào

cay đắng nào, hay chiêm bao?
chiêm bao? hay sự thật nào?
mà sao lòng ứa máu đào em ơi

giấc mộng đời, như lá rơi
khảy tiếng đàn xưa, khóc người
đọc văn thơ cũ, tưởng người về qua

một mình, đếm dấu vết xưa
một mình, nhớ sao cho vừa
một mình, hỏi gió, hỏi mưa, một mình

hình như, gió lộng, qua cảnh
hình như, ai đến, trong đêm
rượu cay, trăng sáng, bập bênh, rượu cay

à ơi, thế sự cũng say
à ơi, mất ai, còn ai
một người ở lại, như mây lạc đường

KHÊ KINH KHA



NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH CÓ GIẤC MƠ

*Nhân Hồ Đình Nghiêm nói,
... tôi thực sự cần một giấc mơ...*

Có giấc mơ bay lên từ mắt
Xanh từ đáy con người khao khát
Đêm trần gian ác mộng thất thanh

Có giấc mơ trở mình thức giấc
Từ mộ khuya. Ngửa mặt hướng dương
Thế. Từ đây thôi nợ nần bóng tối

Có giấc mơ mọc nhánh mùa xuân
Từ chồi biếc đôi bàn tay nắm lại
Trổ hoa mùa cây trái nhân gian

Có giấc mơ từng giây hít thở
Reo hai vai đôi bờ nắng nở
Mở vòng tay nói khẽ, hôm nay

Nghe cát chảy xốt từng tích tắc
Nghe giấc mơ cuối dòng lệ mặn
Hoài thai nào không nặng không đau

Đậu trái ngọt lời thơ diệu vợi
Lời thương yêu nhỏ nhoi hạt sỏi
Rót từng ngày sẽ biển xanh. Xa...

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH
(Trích từ tập *Ngôn Ngữ Xanh*, chưa in)
5.2017

MÙA NÀO THỨC NẤY

Nếu bạn đang liếm môi hy vọng tìm được món ăn dưới đây, thì coi như thất vọng rồi, vậy xin ghé qua quán Thương Nhớ Mười Hai của Vũ Bằng cho đỡ thèm chút vậy.

Hồi vừa qua tuổi sách hoa tím mực tím chi đó, mua cuốn ấy về cứ tưởng sẽ được phiêu suýt muốt với cái gì đó lãng mạn, bởi cái tựa đề nghe tình quá sức, dè dặt, tác giả giới thiệu món ăn theo mùa và nói lên cái thú hưởng một trong những cái khoái nhất ở đời, là ăn, một khoái-lạc-thơ-mộng. Vũ Bằng. Đọc say mê. Từ ấy, để ý đến cách thưởng thức, không cứ là thú ăn uống, mà mọi thú sống ở đời. Thế nào để trọn vẹn đôi đường với những vui sống về mặt giác quan lẫn tâm thức. Đó là điều tôi nhận được sau khi đọc Thương Nhớ Mười Hai của Vũ Bằng, cũng như Sống Đẹp của Lâm Ngữ Đường qua bản dịch của Nguyễn Hiến Lê. Cách họ tán thưởng, hưởng thụ thú vui, đều mang hồn văn chương nghệ thuật, họ hòa chất thơ, chất cao nhã vào những lạc thú trần gian. Thật là Biết sống, theo tôi.

Hạnh Phúc của ta thuộc về cảm giác... Một thứ triết học cao thượng phải tạo được cho ta niềm tin vào cái cơ quan đẹp đẽ, nơi tiếp nhận cảm xúc, là cơ thể ta đây. (Sống Đẹp)

Nghĩ như thế thật nhân bản, ngẫm lại thì có phải ngũ quan khiến tâm trạng vui vẻ hay u buồn hay không? Đó là cái tâm-trạng-đáp-lời.

Nhưng cũng phải nói ý tôi, không phải tất cả bắt đầu từ giác quan, có khi cảm xúc tinh thần đưa đẩy hay chế ngự để thân xác có trạng thái dễ chịu. Vũ Bằng gắn liền cái ăn vào nỗi lòng tương tư cổ lý, thành ra món ăn trở nên không chỉ là ngon của lưỡi mà còn truyền đi thi vị của tâm tư. Và cảm xúc u hoài ly hương ấy khiến món ăn càng thêm đậm đà, hóa thành nỗi nhớ. Rõ là có qua có lại.

Phải nói Vũ Bằng thanh lịch mà hưởng những thời trân.Này nhé, ở miền nam nhớ về quê bắc vào độ tháng giêng trăng non rét ngọt, ông đi từ cái nỗi say sữa, con vật nằm thu hình trốn rét thấy nắng ấm thì bò ra nhẩy nhót kiếm ăn, thấy trời trong mây nồn rung động như cánh con ve mới lột, sinh ra cảm giác thèm ăn và ăn thiệt ngon, một bữa cơm giản dị cà om thịt thăn với lá tía tô... Thế có phải từ nhìn đi tới cảm khoái mùi vị món ăn, rồi dẫn nhau đến ngộ cảm xúc?

... khuya, trời vẫn rét một cách tình tứ, nên thơ... đôi vai mầu ngà ai thơm ngát hương cau. Chẳng còn biết chuột lắt léo mèo đi hay mèo đuổi chuột. Nhưng mà bạn ơi, cảm giác để thấy hạnh phúc một cách nên thơ như thế, là chuẩn rồi.

Tôi mê nhất cái lúc Vũ Bằng tháng hai tương tư... Khởi đi từ mùi hoa sữa -ngủi-, đêm -nghe- mưa ngâu sục sùi, nhóm lửa thối một nồi cơm gạo vàng ăn với thịt gà mái ấp (gà mái được rồi, sao phải gà mái ấp thưa ông?) để rồi -cảm thấy- sao tháng hai nó ngắn quá, bấy giờ thì giác quan mở rộng cửa cho mơ mộng, người đàn ông thấy mình lạc phách, rơi vào giấc mộng hoa đào sơn nữ mặc váy thủy ba đu đưa ven suối.

Với đào biên thủy Bắc Việt thì, đưa lên miệng -cắn- giứt mình vì cái thơm của đào... lại càng -cảm thấy- trái đào hé mở đẹp không biết bao nhiêu... gớm cho nhà thơ nào đã dùng hai chữ “nhụy đào” ... Đấy, Vũ Bằng để cho cái ngon của vị giác dẫn đường tới liên-tưởng.

Đến tuyết lê của xứ Lào Cai, *lê như một trái cây bằng thủy tinh, gõ cho bụi tuyết rơi, ăn từng miếng nhỏ, dịu hiền và thơm ngát thơm ngào*: một rung động cùng lúc của cảm xúc và thính giác. Ông tả cái ngon của mỗi thứ quả, có tính cách riêng biệt cũng như *mỗi dây trong chiếc tỳ bà reo lên một thứ tiếng tơ đồng khác nhau... Có phải là mình thương yêu phần tử nên yêu luôn từ bông hoa mà yêu xuống đến trái cây, yêu từ cái lá hoè lẫn tẩn yêu lan sang chùm hoa mộc?* Tôi đưa ra những hình ảnh trên chỉ là muốn nói rằng tinh thần và thể chất đều có tác động như nhau trong trạng thái hạnh phúc.

Trong gió non của mùa xuân, mùi mưa đêm còn văng vất đâu đó trong hương lá và nhựa cây, hay tôi vừa trôi ra từ mầu xanh nostalgia của tranh Đinh Cường mà bỗng lãng đãng đến u buồn ruột gan vậy. Chắc là đang đi tìm giấc mơ trong hương gây mùi nhớ của thời gian. Cái giấc mơ sương khói địa linh... Thôi thì...

Cứ như chiếc lá phiêu du trên dòng thời gian, nhấp nhô những dặm phai, chắc rồi sẽ bắt gặp được một nhịp nghỉ nào đó vừa đúng cái rơi của giấc mơ. Trong 2 tỉ 500 triệu lần đập của trái tim một đời người, ít ra cũng cho tôi một vài, để đập nhịp của giấc mơ chứ, đó là lúc thực của giấc mộng cuộc đời. Ảo thực ấy đưa tôi

đi qua từng phút giây của cuộc sống này với một cảm giác hưởng thụ, biết ơn. Cất bước mà đi vào buổi xuân sớm, chẳng phải là hợp lúc, cho mầm tươi đang lục súc trong người hé lên chồi hớn hở với đất trời phức thơm đó sao.

Ở bảo điện Đại Hùng chùa Thiên Mụ có bốn ô khắc thơ chữ Hán xen giữa các bức cảnh sắc Huế, là bài ngũ ngôn tứ tuyệt này, *Xuân du phương thảo địa, Hạ thưởng lục hà trì, Thu ẩm hoàng hoa tửu, Đông ngâm bạch tuyết thi*. Mùa nào thức nấy. Dường như hợp ý lắm, cái quan niệm sống để hạnh phúc như thế. Thời bây giờ người ta đã có nhiều cái thú khác với miền cỏ thơm, ao sen, rượu cúc, thơ tuyết rồi, nhưng lúc này, tôi muốn trôi đi với bài cổ thi du du. Chắc là tôi sẽ nắm được áo lãng tử Thôi Hiệu ở miền cỏ thơm để xin Người vài câu bạch tuyết thi...

Xuân du phương thảo địa... Mùa xuân dạo chơi miền cỏ thơm. Chan chứa rong chơi nhàn tản, yêu thích vì cái khơi gợi mệnh mông đường dài đánh động bước chân bó rọ của mình. Áo mùa Xuân đã dậy mùi, tung tăng đi mà hít thở hương đổi thay của đất trời để cơ thể rạo rức xuân khí. Lan man giữa miền thơm để đàn thời gian lại rung lên những phím thanh xuân.

Tưởng như nhịp sinh học con người đang đập nhịp của thiên nhiên. Trong dòng chảy nôn nao về tim ấy, bạn đẩy mùa xuân mình tới đâu mà chẳng thấy cận kề được cái thơm tho mới mẻ của cuộc sống? Có thể buông đi những bận bịu theo những cánh én bay về mái vòm đỏ giáo đường San Juan Capistrano trong tiếng chuông gọi ước hẹn mỗi đầu xuân, đọc một tản văn của Nguyễn Xuân Thiệp biết là chim én đã quên lời thề không trở lại, nhưng hề gì, hẹn ước càng dài càng nên thơ đá vàng. Có thể theo hương gió mà đến một cánh đồng hoa poppy ngàn vàng để hít đầy lồng ngực mùi đất trời hùng hực tiết xuân phân California.

Bạn thân thiết ơi, mưa tầm tã ở đây đang mở những mơ xa, bạn có muốn theo tôi tới miền xa ký ức? Biết đâu bạn sẽ lấy thêm được năng lượng từ hương xuân thơ đại để đi tiếp những hạ thu đông? Thì hãy cùng tôi,

Ao mùa hạ sen nở, búng thuyền đi mà thưởng lục hà trì. Sen thì siêu sao rồi. Tôi muốn nhắc đến một loài sen ngủ gọi là tiên tử kia. Hoa súng. Sen vừa tàn thì súng lại tím ngát. Nó tựa mình trên

nước nở hết sức tự tin, bung mầu tím pha hồng, Chế Lan Viên lại bảo, cái mầu hoa súng ấy như cơn đau không dám khóc / chỉ lặng yên sắc tím để mà đau. Sao vậy, có lẽ nhà thơ buồn theo những cánh thụy liên úp mặt trong đêm tối?

Tôi thì mê mê hồ súng của Monet. Mùa hạ, nhắm mắt mơ một cái thấy mình rơi xuống mảng xanh tím miên man Monet thì chắc chết đi được. *bay đi / bay đi / vỡ tôi hạt tím / rơi như mơ / những đóa water lilies / tiếng cọ Monet phết long lanh đôi cánh / thêm thiếp tôi / hồ mộng...* Thưa, hạ thường lục hà tri của tôi đấy.

Còn cái thú của Nguyễn Bình Khiêm thì *Xuân tắm hồ sen, Hạ tắm ao**. Ồ, chắc mùa xuân hồ chưa có sen nên rộng đường cho Người tắm tấp, và ao trước nhà trong cho Người hưởng nước mát vào ngày hè oi ả. Mấy ai đủ bản lãnh để sống đơn giản thế...

Sang thu, có bạn thân mời nhau một chung rượu hoa cúc vàng để thấm vào lòng cái hắt hiu *Thu ẩm hoàng hoa tửu*, cúc vàng cất thành rượu như thế nào, và cũng không biết ở đâu bán, tôi sẽ làm hay sẽ mua, để dành cho hơi ẩm tình bạn mùa thu (rượu vang Calif. cũng tuyệt bạn ơi). Tự hỏi có gì mùa thu lại uống rượu hoàng hoa? Biết từ lâu theo sách, thì vào tiết Trùng Cửu ngày 9 tháng 9 âm lịch, số 9 thuộc dương nên còn gọi tiết Trùng Dương, là mùa thu khi cúc vàng nở rộ, chắc có nhiều hoa cúc để làm rượu, hay uống rượu bên hoa cúc? Theo lời cô Viên Trân “cô bán rượu cao cấp” ở Việt Nam thì hoàng hoa tửu, làm bằng hoa cúc Ấn Độ và gạo nếp, đựng trong bình hạ thổ từ sáu tới mười năm. Có không? Thế thì hơi đại gia.

Ngõ vườn nhà tôi có một hàng hoa cúc, cúc mùa Thu thì quả là ánh vàng rực rỡ trên nền u xám buồn, nên quyến luyến người ta lắm. Bỗng liên tưởng đến nghĩa bóng của chữ hoàng hoa, chỉ sự xa vắng, nơi hiu quạnh, là do tích con trai Tàu xưa, đến tuổi, phải lên đường đi lính lại đúng vào thu hoa cúc nở, Kinh Thi có câu Người đi lính thú phương xa nhớ nhà làm thơ hoàng hoa... Chinh Phụ Ngâm cũng Xót người nương chốn hoàng hoa dậm dài... Người xưa lại sánh cúc mùa thu với khí tiết người quân tử nữa. Mới nói, hội đủ mọi yếu tố hấp dẫn để mời bạn, vào thu nâng chén rượu hoa vàng. Nếu không có tửu thì tôi có thể cùng bạn, chén trà bằng sứ trong đó một đóa cúc trắng xoè mềm mại hơi thu cũng được chứ. Hẹn nhé.

Lại nghe, Tuyết Giang Phu Tử, có thú thu ăn măng trúc*, ai cùng tôi, một đĩa măng luộc, tước thành sợi, trộn với rau thơm, tỏi, mè, lạc rang, xiu nước mắm, ít giọt chanh, xúc với bánh tráng nướng, và rượu gì mà bạn thích, ngồi bên thêm hoa cúc, cùng nhau? Thế là trọn vẹn mùa thu. Thu cuộc đời.

Nghĩ thêm cái thông thả của người xưa. *Đông ngâm bạch tuyết thi*, tôi có nhiều thơ lắm (!) ngất ở miền Nam Calif. mùa đông không có tuyết nên chưa được kinh nghiệm đọc thơ hòa với mầu trắng lạnh căm. Mất một nửa cái trọn. Nhưng mà, hình như trong mỗi trầm lặng tâm tư, ai cũng có một miền tuyết lạnh, để mỗi khi đông đời một mình lắng vào, nghe một vọng âm xa ... *ta khắc thơ trong tuyết, chờ nhau...* Chờ là một chữ rất dài. tuyết lại rất mỏng rất xa... (chữ xiên, thơ Nguyễn Lương Vỹ)

Mơ màng... Kia cái cảnh u cư, gió tre xao xác lạnh, trong vườn, có ngôi nhà bằng gỗ, nền gạch nung nâu nâu. Ngồi bên chiếc bàn sơ sài, so đĩa cùng Bạch Vân cư sĩ đông ăn giá*

... Từ sớm tôi đã muối một ít giá tươi với hành, Người không thích hẹ, rồi với hai bìa đậu mua vài xu từ cô gái bên kia đậu mỏng tươi, cắt thành những miếng vuông, một nửa lăn qua mè muối, một nửa lăn qua cốm xanh. À, cốm này Người để dành từ độ thu rồi, gói vào một vuông lá chuối khô rồi để vào cái âu đất đặt cạnh cửa sổ mát lạnh hương khuya. Đậu ấy chiên giòn ăn kèm dưa giá muối sổi, gạo quê nghe như còn mùi đồng sữa, với những bát đĩa sành thô, không tròn trịa của khuôn thước, chiếc đĩa hơi vênh, ấy thế mà ai được hít thở một không khí trang nghiêm kẻ sĩ lạ thường. Cũng hợp lòng khi đọc thơ cùng Người, bạch tuyết thi thì chắc không vui. Thơ càng buồn thì cảm càng đã, xin lỗi, đây là chữ của một bạn thơ. Muốn trang nghiêm quạnh quẽ với đông hàn sĩ kia phải sắm sửa mình với cái buồn, "*chỉ nỗi buồn mới thực của ta, riêng*" (Du Tử Lê).

Dường như trải dài miền cỏ thơm Anh Vũ đến tận ao tắm mùa hạ kia, tôi nghe phiêu du Thôi Hiệu, trong khói sóng trời chiều *hương quan hà xứ thị***... Cõi vắng vẻ Bạch Vân vang lên những lời thơ nôm đáp lại, *ta đại ta tìm nơi vắng vẻ / người khôn người đến chốn lao xao**... Làm sao để theo được lời dạy của Người, đi giữa cõi lao xao bằng một tâm an tịnh? Và tôi thấy hai người thơ ấy, *rượu đến cội cây, ta sẽ uống / nhìn xem phú quý tựa chiêm bao*. Cõi như đã

đi qua một vòng thời gian xuân hạ thu đông... rồi xuân. (À, bạn có coi phim này chưa?)

THÊM MỘT MÙA THỜI GIAN...

Nghe nói nhiều rằng, ta phải quên đi thời gian, đồng ý thôi, nhưng sao phải quên khi bản chất của nó là phôi pha? Theo định nghĩa ở Wikipedia thời gian là thuộc tính của vận động, và chỉ có một chiều duy nhất quá khứ hiện tại, đến tương lai (có chiều ngược lại không nhỉ?)

Thời gian đối với riêng tôi là một dòng chảy mộng ảo, mặc chiều đi tới, chẳng cần biết khi nào thì con người khám phá ra con đường đi ngược, mỗi khi chuông cảm xúc reo là cảm thấy những điều đã hay chưa thuộc về nó, thời gian. Thường thức nó như, đi đường xa, uống một ly nước đầy cho đến cạn, một hơi. Dặn dò đừng nặng lòng với quên, nhớ, nó đến, nó đi, nó ở, cứ sẵn lòng mà đón, rồi đưa, thôi thì, hoài niệm, hay giấc mơ, là điểm nào đó của đêm hôm qua, sáng ngày mai, ngày kia, kia...

Ai đó đã nói, người ta thật sự không quên điều gì cả, chỉ có là mỗi lúc người ta biết cách đối xử hơn với những điều đã qua. Tôi tin mỗi lúc ấy là mỗi nhẹ lòng đi và biết mộng ấy, có những thăng giáng tình cờ, để nẩy một nốt nhạc thời gian không chuẩn thang âm. Lững lơ. Đó là lúc tấm gương trong suốt của thời gian long lanh dưới chân, soi tỏ bước tôi đang đi, ... *Phương đông hẹn nên chân trời rất khác / Thao thao con đường kể chuyện hôm nay...*

Đó là lý do tôi rủ bạn đẩy cánh cửa ký ức, bạn thân của tôi. Tôi tin nơi cuối trời cánh điều ước mơ sẽ đặt vào bàn tay chúng ta sợi dây lộng gió ngày cũ, chỉ cho chúng ta biết cội hẹn của ngày mai. Và chúng ta yên tâm với những bận bịu của phút giây này, trả ơn thời gian đang làm cho chúng ta vui sống, hôm nay.

Trên thêm nhà tôi đọng thăm nước mưa, những cánh mai rụng như bèo dạt, và trên cành vẫn đang nở tiếp những nụ vừa hé hồi tinh mơ, Hôm Nay đấy.

Đáng lý tôi đã tạm biệt bạn để đi với ngày đang đến. Nhưng

ông thầy dạy anh văn vừa kể cho tôi nghe một tai nạn giao thông của một cô gái 23 tuổi, khi cảnh sát điều tra hiện trường thì biết trong điện thoại của cô, cái text cuối cùng là cho người yêu với bốn chữ xxxx (là nụ hôn). Một cái chết trong những phút cuối với những nụ hôn gửi trong máy (cõi trời mung lung?) Thật nao lòng người. Tôi sững sờ trước hình ảnh vừa bi thương vừa đẹp náo nùng của hạnh phúc. Một tích tắc ác mộng đưa cô vào vĩnh viễn thời gian một giấc chiêm bao bất tận những nụ hôn với người yêu. Ai nói mùa xuân sẽ tàn, ai cho là thời gian sẽ qua, có một mùa xuân ở mãi với đất trời qua thông điệp của hạt bụi ngậy thơ ấy.

Cho dù có rất ít điều đẹp đẽ trong cuộc đời đi nữa, hướng chỉ là chúng ta đã có nhiều, thì thời gian cứ ảo mơ chờ chuyên những đến, những đi, những ngẫu nhiên tình cờ, cho ta được sống, được lập lại cảm xúc, được nuôi nấng cảm xúc, để sẵn sàng với một ngàn lần hơn, những dự báo bất an của ngày mai.

Xin mời cạn chén mùa xuân với bao nhiêu hương vị, Cá Tháng Tư, Easter, Phật Đản, Ngày của Mẹ, Ngày Của Cha, Memorial Day, Flag Day..., rồi sẽ, bạn thân ơi, Hạ thưởng California lộng lẫy nắng vàng.

Santa Ana, 30 tháng 3...

Bài thơ “Nhàn” trong tập thơ Bạch Vân Quốc Âm Thi Tập, viết bằng chữ Nôm theo thể thất ngôn bát cú đường luật của Tuyết Giang Phu Tử Nguyễn Bỉnh Khiêm:

*“Một mai một cuộc, một căn câu
Thơ thần dẫu ai vui thú nào
Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ
Người khôn người đến chốn lao xao
Thu ăn nắng trúc đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao
Rượu đến cội cây ta sẽ uống
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.”*

trong bài thơ Hoàng Hạc Lâu - Thôi Hiệu: ... Phương thảo thê thê Anh Vũ châu / Nhật mộ hương quan hà xứ thị

Dịch nghĩa: Lầu Hoàng Hạc: ... Cỏ thơm trên bãi Anh Vũ mơn mớn xanh tươi / Trời về chiều tối, tự hỏi quê nhà nơi đâu?

(<http://vi.wikipedia.org>)

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH



ĐỖ QUYÊN

HAI KIẾP ĐỢI CHỜ

Không anh ra đón
Em đợi thọt một chân
Còn một để đến nhau
Kiếp sau

Không anh ra đón
Em chờ lòa một mắt
Còn một để nhìn nhau
Kiếp sau

Không anh ra đón
Em đợi liệt một tay
Còn một để ôm nhau
Kiếp sau

Không anh ra đón
Em chờ trọn con tim
Để sống tới
Kiếp sau

Phi trường đêm trắng kiếp này
Không anh, em đợi mãi rày kiếp sau

TÔI BÍ THƠ BÍ YÊU

những khi bí thơ tôi
đều cầu cạnh tân hình
thức viết mỗi lúc bí
yêu tôi lại cần tới

em tiêu chí thơ trong
tân hình thức viết bao
gồm ý tưởng cùng nhịp
điệu tiêu chuẩn yêu với

tôi vô lượng tùy tâm
trạng nơi em và thời
tiết đất trời tân hình
thức viết sinh hạ đầu

thế kỷ hai mốt còn
thơ viết già cả những
ngàn năm yêu có từ
thuở adam ăn trái

cắm tôi bí yêu sau
buổi gặp em những khi
bí thơ tôi tìm tân
hình thức viết với ý

tưởng từ em cùng với
nhịp điệu đất trời mỗi
lúc bí yêu tôi cần
em trong tâm trạng thi

ca và thời tiết tân hình
thức viết thế nhưng những
khi bí thơ đồng thời
bí cả yêu tôi không

thể nào biết phải làm
sao

ĐỖ QUYÊN

Vancouver, 2018 - 2019



NGUYỄN MINH TRIẾT

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGHỆ THUẬT VÀ SỰ TƯƠNG TÁC NHÀ VĂN VỚI NGƯỜI ĐỌC

Việc đọc hiểu một văn bản xem ra rất đơn giản, hễ ai biết đọc ngôn ngữ của mình là có thể hiểu được ý nghĩa của văn bản. Nhưng thực ra sự đọc hiểu văn bản không đơn giản như vậy vì có nhiều khi ta đọc mà không hiểu được ý nghĩa hoặc hiểu nhưng không hiểu hết hoặc hiểu sai ý nghĩa của văn bản. Mọi hệ quả của việc đọc đều bắt nguồn từ việc hiểu mà ra. Hiểu sai, hiểu lệch, hiểu chưa tới, hiểu ngược với ý tác giả thì các hậu quả tiếp theo sẽ rất khác nhau. Do đó, đọc phải đi đôi với hiểu, và đọc hiểu trên bình diện lý luận văn học là một vấn đề khá phức tạp.

Trước hết xin được xác định vài khái niệm về đọc hiểu và văn bản là gì. “Đọc” là hoạt động của con người dùng mắt để nhận biết các ký hiệu hay chữ viết, dùng trí óc để suy ngẫm và lưu giữ những nội dung mà mình đang đọc, có thể đọc thầm cho mình hoặc phát ra âm thanh để truyền đạt đến người nghe. Còn “hiểu” là phát hiện và nắm vững nội dung của văn bản. Thuật ngữ

“văn bản” chỉ phương tiện ghi tin và truyền đạt thông tin bằng ngôn ngữ (hay ký hiệu) nhất định. “Văn bản nghệ thuật” dùng để chỉ các loại hình văn chương như thi ca, tiểu thuyết, tản văn, ký sự, kịch bản văn học, kịch bản điện ảnh..v.v..

Tiến trình đọc hiểu một văn bản văn chương gồm bốn giai đoạn là trước hết đọc hiểu ngôn từ tức là tìm nghĩa của các từ lạ, khó hiểu, hoặc có gốc tích điển cố, tiếp theo là đọc hiểu hình tượng nghệ thuật tức cụ thể hóa để hiểu tình cảnh mà ngôn ngữ chỉ biểu đạt khái quát..., sau đó mới đến đọc hiểu tư tưởng và tình cảm của tác giả bằng cách kết hợp ngôn từ với các phương thức biểu hiện hình tượng, sau cùng là đọc hiểu để thưởng thức, để từ đó phát hiện chân lý đời sống trong tác phẩm.

Như vậy, văn bản là sản phẩm của hoạt động ngôn ngữ dùng trong giao tiếp, được diễn đạt bằng hình thức chữ viết. Các đặc điểm của văn bản là có sự thống nhất về chủ đề, các câu văn kết cấu mạch lạc, có trình tự, và văn bản nhằm một mục đích giao tiếp nhất định. Văn bản được sáng tạo bởi một hay nhiều người được gọi là tác giả và người đọc là người tiếp nhận văn bản. Tác giả và người đọc có mối tương tác với nhau. Không có người đọc, văn bản chỉ tồn tại như một vật thể.

Tùy theo lãnh vực hoạt động liên quan đến đời sống xã hội mà văn bản được sản sinh ra với các nội dung và hình thức khác nhau. Và dựa trên mục đích giao tiếp và phạm vi sử dụng, các văn bản được phân loại như sau:

- văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật như thơ, truyện, ký sự,...
- văn bản theo phong cách ngôn ngữ sinh hoạt như nhật ký, thư từ...
- văn bản theo phong cách ngôn ngữ khoa học như bài luận, báo cáo khoa học...
- văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính như đơn, biên bản...
- văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận như lời kêu gọi, bình luận chính trị...
- văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ báo chí như bản tin, phóng sự...

Bài viết này chỉ xin giới hạn riêng về văn bản nghệ thuật là văn bản viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. Ngôn ngữ nghệ thuật là ngôn ngữ chủ yếu dùng trong các tác phẩm văn chương. Nó không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của con người. Đó là thứ ngôn ngữ được tổ chức, sắp xếp, lựa chọn, tinh luyện từ ngôn ngữ thông thường và đạt được giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ cao.

Mỗi văn bản văn chương bao giờ cũng là lời nhắn gửi trực tiếp hay gián tiếp, kín đáo hay công khai của người viết về cuộc đời và cuộc sống. Bằng sáng tạo nghệ thuật theo phong cách riêng của mình nhà văn tạo ra tác phẩm bao gồm yếu tố khách quan và chủ quan nhằm gây một tác động đặc biệt lên tâm hồn người đọc. Ngôn ngữ nghệ thuật khá đa dạng về thể loại, phong phú về màu sắc, biến hóa về tính sáng tạo và thống nhất ở ba đặc tính cơ bản là tính hình tượng, tính biểu cảm và tính hàm súc.

- Tính hình tượng: là đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nghệ thuật. Hình tượng văn học là phương tiện để người đọc giao tiếp với tác phẩm văn học. Thông qua hình tượng văn học người đọc hiểu được thế giới nội tâm, tình cảm, tư tưởng của nhà văn. Nếu hội họa là nghệ thuật của đường nét, màu sắc; âm nhạc là nghệ thuật của âm thanh, tiết tấu...; thì văn học là nghệ thuật của ngôn ngữ. Ngôn ngữ trong văn bản nghệ thuật được xem là chất liệu xây dựng hình tượng của văn học. Vì thế mà nhà văn được mệnh danh là nghệ sĩ của ngôn từ. Với tài năng sáng tạo, nhà văn tìm mọi cách cho hai mặt ngữ âm và ngữ nghĩa của ngôn ngữ hòa quyện vào nhau để tạo ra những hình tượng làm sao để tạo thành những ấn tượng sâu đậm và lý thú trong tâm trí người đọc.

Long lanh đáy nước in trời

Thành xây khói biếc non phôi bóng vàng

Hai câu thơ trên trong truyện Kiều của Nguyễn Du là cả một bức tranh lộng lẫy, diễm ảo được vẽ bằng ngôn ngữ. Bức tranh có đủ sắc màu, đường nét, và mây khói, nó cho ta thấy không gian rõ nét, đồng thời cũng thấy được cái bóng hư ảo của thời gian. Qua hai câu thơ đó ngôn ngữ đã hoá thân thành hình tượng, và thi

phẩm đã thăng hoa thành họa phẩm.

- Tính biểu cảm: Động lực của văn học là tình cảm. Tình cảm là ngọn nguồn, là sức sống, là linh hồn của cái đẹp. Chính điều này là cội rễ sâu xa quyết định một đặc trưng hàng đầu của ngôn ngữ văn học, đó là tính biểu cảm. Thiếu tính biểu cảm, người nghệ sĩ không thể phô bày được thế giới cảm xúc phong phú mãnh liệt của mình. Ngôn ngữ văn học không thể nào chấp nhận được sự khách quan lạnh lùng, vô cảm. Mỗi một lời nói bao giờ cũng phải được chất chứa đầy tình cảm. Mỗi một ngôn từ bao giờ cũng phải hàm chứa một sắc thái biểu cảm nào đó. Để tất cả hợp lại thành điệu tình cảm chung của tác phẩm.

- Tính hàm súc: Nói đến văn chương là nói đến tính hàm súc. Hàm súc hiểu nôm na là lời ít ý nhiều. Có lẽ vì thế mà hơn ở đâu hết ngôn ngữ nghệ thuật cần được làm giàu nghĩa để nó thực sự là thứ ngôn ngữ đa nghĩa. Đa nghĩa vì văn bản nghệ thuật thường bao hàm nghĩa đen, nghĩa bóng và nghĩa hàm ẩn. Riêng nghĩa hàm ẩn có vai trò vô cùng quan trọng trong việc tìm hiểu ý nghĩa đích thực của văn bản. Ngoài ra, bản thân ngữ cảnh của văn bản văn chương cũng tạo ra tính đa nghĩa. Vì văn bản văn chương thường mang nhiều tầng ý nghĩa khác nhau nên để hiểu hết ý nghĩa của văn bản người đọc phải khám phá và hiểu các tầng ý nghĩa khác nhau ấy.

Những bài thơ của nữ sĩ Hồ Xuân Hương là tiêu biểu cho tính hàm súc, nhiều tầng ý nghĩa trong tác phẩm văn chương này. Bài thơ “Bánh trôi nước” của bà ngoài sự diễn tả chiếc bánh bình dân được ưa chuộng, còn tả đến một bộ phận trên cơ thể người nữ, nhưng thêm vào đó còn đề cập đến thân phận trầm luân chìm nổi của người phụ nữ. Hầu như tất cả thơ của bà đều hàm súc, đa nghĩa như vậy. “Lá diêu bông” của Hoàng Cầm cũng hàm súc tương tự. Lá diêu bông là một thứ lá không có thật, chỉ là lời thách đố được tác giả dùng như hình tượng nghệ thuật và tác giả dùng nó như cái cớ để biểu lộ tình cảm của mình...

Cho nên để truy tìm đầy đủ ý nghĩa của văn bản ta phải quan tâm đến ba lãnh vực: ý nghĩa vốn có trong văn bản, ý nghĩa mà tác giả muốn gửi gắm tương quan với một hiện thực nào đó, và ý nghĩa do mối quan hệ của người đọc đặt vào văn bản.

Về lãnh vực ý nghĩa mà tác giả muốn gửi gắm trong tác phẩm,

người đọc thường dễ dàng tìm thấy trong các tác phẩm cổ điển của nền văn học Việt Nam nói riêng và phương Đông nói chung. Vì quan niệm “văn dĩ tải đạo” hay “văn vị nhân sinh” nên các tác phẩm văn chương cổ điển thường phải “tải đạo” tức phải mang đến cho người đọc một thông điệp về “đạo lý” để cải đổi con người và xã hội. Hiểu một cách rộng ra, có thể nói “tải đạo” cũng là dùng văn bản để nói lên tình cảnh hoặc tâm tư tình cảm của người viết. Những áng văn cổ điển như Cung Oán Ngâm Khúc chuyển tải tâm tình của vị phi tần bị vua thất sủng, hay Chinh Phụ Ngâm Khúc là tâm sự của người vợ chiến binh lo sợ cho sự an nguy của chồng và nỗi cô đơn trong thời gian trông ngóng ngày trở về của chinh phu, hoặc Lục Vân Tiên nói lên nền luân lý xử thế của người quân tử

Riêng áng thơ tuyệt tác Kim Vân Kiều của Nguyễn Du ngoài việc dùng hình ảnh nàng Kiều để nói lên lòng trung với nhà Lê của mình, Nguyễn Du còn bày tỏ những đau xót, buồn thương, phần nộ trước "những điều trông thấy" khi phải sống lưu lạc hay ngay cả khi sống giữa quan trường trong giai đoạn giao thời đầy nhiễu nhương từ nhà Lê sang Nguyễn Tây Sơn và Nguyễn Gia Long. Đồng thời truyện Kiều cũng nói lên tình cảm sâu sắc của Nguyễn Du đối với số phận người phụ nữ trong xã hội cũ, tài hoa mà bạc mệnh, cũng như kiếp nhân sinh và thái độ bất bình rõ ràng của ông đối với các số phận con người.

Ngoài ra, theo quan niệm mỹ học cổ Đông Phương việc đọc hiểu tác phẩm văn học cũng là việc tìm sự cảm thông giữa những tâm hồn đồng điệu, là việc tìm giao cảm giữa những tâm hồn tri kỷ, tri âm. Nhưng việc tìm thấy được khách tri kỷ, tri âm thấu hiểu được tâm tư ký gởi trong tác phẩm không phải là dễ. Việc gặp được khách tri âm như vậy may ra ngàn năm có một. Do đó, mà Bá Nha đã đập đàn khi người bạn tri âm nghe thấu hiểu tiếng đàn của mình là Tử Kỳ không còn nữa. Và cũng trong niềm ưu tư đó mà Nguyễn Du khi kết thúc Truyện Kiều đã tự hỏi:

Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như

Không biết ba trăm năm sau có ai trong thiên hạ thấu hiểu được tâm sự và cái chí của Nguyễn Du khi đọc Truyện Kiều.

Tóm lại, để hiểu một văn bản một cách thấu đáo ta phải tiếp xúc với văn bản, phải hiểu được nghĩa đen, nghĩa bóng, nghĩa hàm ẩn của tất cả các tầng ý nghĩa của ngôn từ, cũng như thông hiểu các biện pháp nghệ thuật, các thông điệp tư tưởng, tâm tư cũng như các hình tượng nghệ thuật được dùng trong văn bản. Vì đọc là hoạt động tìm ý nghĩa, và vì ý nghĩa là cái không hiển thị rõ ràng nên đọc là hoạt động cảm thụ kết hợp với khả năng tiếp nhận của người đọc nhằm kiến tạo ý nghĩa cho văn bản, mà khả năng tiếp nhận lại tùy thuộc vào tri thức tích lũy từ trước của chính người đọc. Cấp độ sơ đẳng nhất là người đọc phải nắm bắt đúng thông tin trong văn bản thì mới có thể nói tới các khâu tiếp theo như cảm thụ thẩm mỹ, tiếp nhận tâm tư và thấu hiểu thông điệp mà tác giả văn bản muốn gởi gắm.

Do đó, muốn đọc hiểu văn bản văn học một cách đúng đắn thì phải hiểu rằng mọi yếu tố của văn bản đều có nghĩa, các yếu tố đó lại kết thành hệ thống, và cái nghĩa có sức thuyết phục nhất là phải phù hợp, không mâu thuẫn với bất cứ yếu tố biểu hiện nào. Chỉ nắm lấy một vài yếu tố, bỏ qua, không đếm xỉa tới các yếu tố khác được xem là sự suy diễn cắt xén, một căn bệnh thường gặp nhan nhản trong các bài phê bình, giảng văn xưa nay. Cho nên phải tôn trọng các quy tắc về cách đọc thì mới tạo thành thói quen đọc có văn hóa, đáng tin cậy.

Như vậy, sau khi văn bản được ra đời, vai trò của người đọc rất là quan trọng trong việc đọc hiểu văn bản vì bản thân của văn học nghệ thuật nói chung và các văn bản nói riêng là sáng tạo ra cho người đọc. Nếu văn bản văn chương không có người đọc, nó chỉ là những trang giấy trắng có những dòng chữ đen vô hồn, vô nghĩa.

Không có tiếp nhận thì không có đời sống của tác phẩm vì tác phẩm chưa được sử dụng thì đó chưa phải là sản phẩm đích thực. Chánh người đọc đem sinh khí đến cho văn bản và biến nó thành tác phẩm văn chương. Số phận của tác phẩm nghệ thuật như thế nào là tùy thuộc vào nó và người tiếp nhận nó. Chỉ đến khi được người đọc tiếp nhận thì hoạt động sáng tạo nghệ thuật mới hoàn tất. Hoạt động sản xuất tinh thần này cũng giống như hoạt động sản xuất vật chất. Một vật phẩm được làm ra nhưng không

được đưa vào sử dụng thì nó chẳng có ích lợi gì cho sự sống, và nó chẳng có giá trị gì cả. Một tác phẩm nghệ thuật được viết xong nhưng nằm im trong ngăn kéo của nhà văn hoặc không được ai đoái hoài tới thì chưa phải là tác phẩm nghệ thuật thực sự. Vì nghệ thuật có chức năng giao tiếp, nên văn bản nghệ thuật là phương tiện giao tiếp rất quan trọng của con người. Chánh quá trình sử dụng sản phẩm của nghệ thuật, là quá trình giao tiếp của nghệ thuật, là quá trình phát huy tác dụng chức năng của nghệ thuật. Quá trình đó xác định con đường sống hay số phận lịch sử của tác phẩm nghệ thuật.

Khi tiếp nhận văn bản, người đọc đã làm văn bản nghệ thuật thoát ly khỏi nhà văn để tồn tại một cách độc lập trong xã hội, trong từng người đọc. Mỗi người đọc phải tự mình đọc lấy thì hình tượng, cảm xúc và nội dung mới từ văn bản dấy lên trong lòng mình. Người ta không ai thưởng thức hộ cái đẹp, phong cảnh... cho người khác, hoặc xem hộ một bộ phim, thưởng thức hộ một bài hát, bài thơ cho kẻ khác. Do đó, đọc là hoạt động mang tính chủ quan cao độ, và gắn liền với trình độ tư duy của người đọc. Đọc hiểu là tự hiểu, không ai hiểu dùm được cho ai. Cho nên, cũng cùng một văn bản nhưng mỗi người đọc hiểu và cảm nhận khác nhau, chi phối bởi những định kiến khác nhau nên mới đôi khi xảy ra tình trạng hiểu lầm, tranh biện giữa nhiều người đọc cùng một văn bản đó.

Thêm vào đó, tình trạng hiểu lầm và tranh biện thường xảy ra còn vì một lý do khác nữa, đó là vì ngôn ngữ là một hình thái biểu đạt phiến diện. Con người không chỉ phát biểu bằng ngôn ngữ, mà còn bày tỏ bằng cơ thể, cử chỉ, giọng nói, dáng nhìn, vẻ mặt... Những tín hiệu ấy là một kiểu thông tin tiền ngôn ngữ. Ta nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy và hiểu người đối thoại với ta một cách tổng hợp, năng động qua lời nói và cử chỉ của cơ thể. Ta tiếp thu điều người đối thoại muốn truyền đạt một cách toàn diện: vừa cảm vừa hiểu. Ngôn ngữ viết không được như vậy. Chức năng của ngôn ngữ viết là ghi lại những ý tưởng thành ký hiệu bất động. Do đó, ngôn ngữ viết tức văn bản tự bản thân không có đủ yếu tố cần thiết cho sự truyền đạt thông điệp một cách chánh xác.

Ngoài ra, theo quan niệm cổ điển đọc văn bản là đọc tư

tưởng, tình cảm, thái độ của tác giả đối với các hiện tượng của cuộc sống đời thường chung quanh. Cho nên để hiểu thấu đáo ý nghĩa của văn bản người đọc phải chú ý đến nhiều yếu tố ngoài văn bản như tiểu sử và đặc trưng tư tưởng của tác giả cũng như bối cảnh sáng tác và bối cảnh xã hội chung quanh, bối cảnh trong đó văn bản được sáng tạo, ngữ cảnh khi tác phẩm được viết ra hoặc ngữ cảnh khi người đọc đọc tác phẩm.

Chẳng hạn, để hiểu bài thơ Đây Thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử người đọc phải biết bối cảnh ra đời của bài thơ. Đó là mối tình đơn phương của Hàn, một người tuyệt vọng trong căn bệnh vô phương cứu chữa gởi cho người đẹp xứ Huế Hoàng Cúc mà chàng yêu say đắm trong tâm tưởng:

*Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay*

.....

*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà.*

Những lý luận vừa trình bày cho thấy khi tiếp nhận văn bản người đọc đã tham gia vào quá trình làm ra tác phẩm cùng với nhà văn. Sự việc tiếp nhận đem lại đời sống cho tác phẩm vì tác phẩm chưa được sử dụng thì đó chưa phải là sản phẩm đích thực. Khi làm như vậy người đọc đã không tiếp nhận văn bản một cách thụ động mà đã tham gia vào chu trình biến văn bản thành tác phẩm nghệ thuật. Tiếp nhận văn bản là khâu hoàn tất cuối cùng của quá trình sáng tạo - giao tiếp của văn chương.

Nhưng từ khoảng giữa thế kỷ 20, sự tiếp nhận văn bản được nhìn lại dưới một quan điểm tích cực chủ động hơn. Sau khi nhà văn hoàn thành tác phẩm, văn bản được coi như thoát ly khỏi nhà văn và tồn tại như một hiện tượng, một vật độc lập khách quan. Và vì văn bản mang tính độc lập nên các nhà lý luận văn học theo trường phái Cấu Trúc(Structuralism) chủ trương rằng để khám phá nội dung của văn bản chỉ cần chú trọng đến cấu trúc của văn bản mà thôi. Đọc văn bản văn chương là tìm hiểu và giải quyết vấn đề tương quan giữa các cấu trúc hiện diện trong văn bản. Trước hết

là cấu trúc ngôn ngữ thứ đến là cấu trúc hình tượng thẩm mỹ sau nữa là cấu trúc ý nghĩa.

Một trong các nhà lý luận văn học theo trường phái này là Jacques Derrida đã sáng tạo ra học thuyết Giải Cấu Trúc (De-construction). Qua học thuyết này ông chủ trương khi phân tích một văn bản ta phải đặt trọng tâm vào ngôn ngữ của văn bản và đặc biệt nhấn mạnh vào sự tương tác giữa người đọc và văn bản như yếu tố quyết định ý nghĩa của văn bản. Ngoài ra, ông còn nhấn mạnh vào vai trò trội yếu của người đọc trong việc tìm hiểu văn bản. Ngược lại với quan niệm cổ truyền tin rằng ngôn ngữ có khả năng diễn đạt ý tưởng và tác giả là nguồn gốc của mọi ý nghĩa của văn bản, Derrida phủ nhận vai trò của tác giả như là nguồn cội của sự tìm hiểu tác phẩm và theo ông chỉ văn bản mới đích thực là đối tượng của nghiên cứu. Ông cho là khi tìm hiểu tác phẩm văn học người đọc không chỉ đào sâu vào cấu trúc của văn bản mà còn phải tách rời tổng thể của cấu trúc ra để nghiên cứu và giải mã. Đọc văn chương có nghĩa là tháo gỡ các ký hiệu văn chương trong văn bản, là tìm hiểu ý nghĩa của tác phẩm thông qua các cấu trúc của văn bản như cốt truyện, kết cấu, nhân vật, đối thoại, không gian, thời gian v.v... Tiếp theo là tổng hợp các khâu của việc đọc như cảm tưởng, phân tích, đối chiếu, tổng hợp, đánh giá, v.v... hầu phát hiện ra cái thông điệp mà văn bản gửi đến cho người đọc và chân lý đời sống trong tác phẩm.

Khi tiếp nhận văn bản, người đọc dựa vào toàn bộ nhân cách của mình, năng lực và kinh nghiệm cá nhân, thị hiếu thẩm mỹ, lập trường chính trị xã hội, tình cảm và lý trí, tri giác cảm tính và suy tưởng trừu tượng,... để cố gắng làm sống dậy hình tượng, khôi phục những nét mờ, làm nổi rõ lên phần ý nghĩa tiềm ẩn của hệ thống hình tượng, khơi dậy cảm xúc thẩm mỹ..., rồi từ đó thâm nhập vào chiều sâu tác phẩm để nhận ra mọi khía cạnh ý nghĩa của hình tượng. Nhờ đó, hình tượng từ tác phẩm sống dậy trong lòng người đọc, hòa đồng với văn bản. Vì mỗi người đọc có một hình tượng nghệ thuật riêng cho nên hệ quả là ý nghĩa của văn bản được diễn giải bằng nhiều cách khác nhau. Ở những góc nhìn khác nhau, với những thái độ, quan niệm khác nhau người ta khám phá ra những giá trị khác nhau của tác phẩm văn học.

Đọc là phát hiện trong văn bản, một thế giới khác, những con người khác. Người đọc sống trong một thế giới tưởng tượng của mình, thông qua tác phẩm, xây dựng cho mình một thế giới riêng. Do đó đọc là một hoạt động tích cực; người đọc nhập cuộc hóa thân với những cảm xúc riêng của mình, những kỷ niệm, ký ức, khát vọng riêng. Đọc có nghĩa là chuyển đổi tác phẩm thành một vũ trụ tình cảm, cảm xúc, tư duy, tình cảm riêng của mình. Nói một cách khác khi đọc một tác phẩm văn học, sự tương tác giữa người đọc với văn bản đã tạo dựng lại câu chuyện qua cảm nhận của người đọc. Vì vậy, với học thuyết tiếp nhận hiện đại, người đọc đã trở thành đồng sáng tạo với nhà văn.

Tuy nhiên, nói người đọc đồng sáng tạo tác phẩm với nhà văn đã dấy lên nhiều phản biện. Người sáng tác và người đọc là hai thực thể khác nhau trong quá trình tạo ra văn bản văn chương. Điều hiển nhiên mà ai cũng thấy là tiếp nhận phải là công việc sau khi văn bản đã thoát ly khỏi nhà văn và tồn tại như một hiện tượng, một sự vật độc lập khách quan. Người đọc chỉ tiếp xúc với tác phẩm là kết quả của quá trình sáng tạo của nhà văn chứ không phải cùng tham gia viết tác phẩm.

Tiếp nhận văn chương không phải là đồng sáng tạo, nhưng cũng không đơn giản là hoạt động thụ động. Tính tích cực chủ động sáng tạo của người đọc là ở chỗ người đọc khám phá ra giá trị của tác phẩm, giúp nó sống với thời gian bằng liên tưởng hay bằng tưởng tượng. Khi người đọc càng tìm ra nhiều tầng ý nghĩa khác nhau từ tác phẩm thì càng làm cho tác phẩm thêm giá trị. Chánh sự tiếp nhận và sự truy tầm ý nghĩa của người đọc mà giá trị của tác phẩm ngày càng sâu sắc, phong phú thêm. Như vậy, tác phẩm văn học không chỉ là của riêng tác giả mà còn là những hình ảnh, ý tưởng hiện lên trong đầu của người đọc. Truyện Kiều của Nguyễn Du là một ví dụ điển hình cho khía cạnh tích cực tham gia của người đọc vào hành trình tạo dựng giá trị cho văn bản nghệ thuật. Từ khi Truyện Kiều ra đời cho đến nay không biết bao nhiêu là người đọc Việt Nam và thế giới đã tham gia vào công cuộc truy tìm những nét thẩm mỹ đặc thù của tuyệt tác này. Càng nhiều khám phá càng chứng tỏ Truyện Kiều là một viên ngọc quý có một không hai của nền văn học Việt Nam.

Theo Nguyễn Hiến Lê một nhà văn có uy tín đối với đời sống văn học miền Nam, từ những năm 60 của thế kỷ trước khi bàn về “Nghề Viết Văn” cũng khẳng định nhà văn có thể không cần của cải vật chất, nhưng nhất định là phải cần độc giả. Tất nhiên có tác phẩm kén độc giả, có tác phẩm không, có người viết cho đương thời, có kẻ viết cho hậu thế, nhưng đã viết thì ai cũng mong có người đọc mình.

Như vậy, Nguyễn Hiến Lê đã xác nhận rằng ngoài chuyện văn bản rất cần có người đọc, người viết văn, giống như Nguyễn Du đã ưu tư, là không chỉ viết cho người đương thời mà còn muốn gởi gắm tâm tình cho các thế hệ mai hậu. Do đó, đọc văn thực chất là một cuộc đối thoại giữa lịch sử và hiện đại, giữa thế hệ hôm qua và hôm nay, giữa một nền văn hóa này và một nền văn hóa khác. Để kết luận có thể nói đọc hiểu văn bản là một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống có văn hóa, một nghệ thuật cần phải được rèn luyện, cách thế để con người mở rộng chiều kích tồn tại của mình, sống thêm nhiều cuộc đời khác thông qua những mối tương giao tinh thần. Và văn học là nhịp cầu cho sự giao lưu đó, là cánh cửa của đối thoại. Vì vậy, về bản chất, văn học đích thực mâu thuẫn với sự phong tỏa, đóng kín và những rào cản. Cho nên, văn học rất cần không khí tự do để phát triển và văn nghệ sĩ cần tự do như con người cần được hít thở khí trời để tồn tại vậy.

TS. NGUYỄN MINH TRIẾT

(tác giả gửi)



CHU THUY NGUYỄN

CĂN PHẦN

1.

e_m

nường tựa vào chiếc lá chính em
đức tin vào cội định phần
bên bờ sông giải oan

2.

hiển linh thay
ngõ về
trái tim dầu luôn thương tạt
vẫn không để bài dụ ngôn nào lạc lối

3

nào hãy kịp mở đôi tay ra
tung lên trời cao
bài đồng ca cát bụi
hát cho thân phận đàn bà

4.

nào hãy nghe chuyện kể
về biển
thời muối đã mất mùi đi
và mùi nhân gian từ lâu đã pha tạp

5.

em cho dù đã quay quắt
vẫn luôn nương tựa vào chiếc lá chính em
thời khắp mọi nơi k đang ngự trị
mong sao chút tình yêu sót lại may ra còn âm tính.

CHU THUY NGUYỄN



KHAI NGUỒN ...

Ngày không khoan thai trôi đi ngày
luôn râm ran niềm nỉ non thê
thiết dung nhan ta đo theo từng
bước đi cây kim giây ước mơ

ta sôi theo từng ngọn lửa tình
đời hạt bụi "ta" sẽ bay về
"nhau" ời ??? chuyển đáp ta sau cùng
là huyết mộ hoa trái nào ta

rơi lại hỡi rừng cây nhân gian ..!?
đường anh đi lắm oai phong chân
anh đi nhiều bi thiết bàn tay
anh ngón nào gây mưa ngón nào

cho nắng với đời ta luôn quạnh
hiu với tình ta nhiều tẻ lạnh
chân trời anh có gì ngổ buồn
em lã đội từng sợi mây bay

đi có lời nhắn em mưa nắng ngày
qua đã là tiếng than van em
hỡi tháng năm biệt mù tăm tích
làm thơ em bung mạch khai nguồn ..!!

HÀ BẠCH QUYÊN



HƯƠNG TRINH ĐÃ TAN RỒI!



***E**m không đi nữa
Em về ôm quê hương mình.
(thơ Minh Đức Hoài Trinh)*

“**H**ương trinh đã tan rồi!”, câu hát ấy ở trong bài hát “Kiếp nào có yêu nhau” (1958) của nhạc sĩ Phạm Duy, phổ từ bài thơ cùng tên của Minh Đức Hoài Trinh. Câu hát nghe thật buồn. Có điều là, trong bài thơ được phổ nhạc không hề có câu ấy, không hề có “hương trinh” nào cả.

“Hương trinh đã tan rồi!” là một trong những câu người nhạc sĩ tự ý thêm vào, một cách cố ý, khi phổ nhạc bài thơ ấy.

Sao gọi là “một cách cố ý”?

Trên những tờ nhạc xưa cũ, bên dưới cái tựa bài hát ấy, người ta đọc thấy: “Thơ: Hoài Trinh, nhạc: Phạm Duy”, hoặc “Thơ Hoài Trinh, Phạm Duy soạn thành ca khúc”.

Một bài thơ khác cùng tác giả cũng được Phạm Duy phổ nhạc, người ta nghe được:

Đừng bỏ em một mình

một mỗ trinh

chênh vênh chờ cỏ xanh

(“Đừng bỏ em một mình”, Phạm Duy & Hoài Trinh)

Người ta cũng nghe được, trong một bài quen thuộc của Phạm Duy:

Rước em lên đôi xanh

*Rước em lên **đôi trinh***

(“Cỏ hồng”, Phạm Duy)

Hương trinh, mỗ trinh, đôi trinh... Nếu chỉ là ngẫu nhiên, hẳn sẽ là một ngẫu nhiên thú vị khi nghe thêm một bài Phạm Duy khác:

Người xây ngục tối / tình yêu lừa dối

Giọt mưa tìm tôi / để chia làm đôi

*với người **hoài trinh***

(“Nước mắt mùa thu”, Phạm Duy)

Câu ấy từng được nghe, được hát nhiều lần nhưng liệu có mấy ai hiểu được những tình ý trong câu hát.

“Hương trinh đã tan rồi”, đâu chỉ câu hát ấy, những câu nào nữa cũng được người nhạc sĩ thêm vào khi phổ nhạc bài thơ “Kiếp nào có yêu nhau”:

Đôi mi đã buông xuôi / Môi răn đã quên cười

Xa nhau đã xa rồi / Quên nhau đã quên rồi...

cười”, chẳng hạn), là những câu được thêm vào hoặc để đáp ứng cấu trúc của bài nhạc, hoặc do bài thơ ngắn, cô đọng, cần “nối” thêm ý. Những câu hát này, hay những “câu thơ Phạm Duy” này, chảy xuôi chiều với mạch thơ và phù hợp với tổng thể của bài thơ.

Đến cả lời thơ cũng được thay đổi câu, chữ, vừa để tạo nhạc tính vừa để tương ứng với âm vực thấp cao, trầm bổng của nốt nhạc:

“Trăng mùa thu gãy đôi” đổi thành *Trăng thu gãy đôi bờ*

“Chim nào bay về xứ” đổi thành *Chim bay xứ xa mờ*

“Hoa đời phai sắc tươi” đổi thành *Hoa xanh đã bơ vơ*

“Đêm gối sầu nức nở” đổi thành *Đêm sầu gối ơ thờ*

Những đổi thay này vừa giữ lại được ý thơ vừa nghe cũng rất “thơ” nữa (“Trăng thu gãy đôi bờ”, chẳng hạn).

Tâm hồn nhạc sĩ Phạm Duy vốn nhạy bén với thơ, dễ bắt được những tần số rung động của thơ, ông đã thực sự chấp cho bài thơ “đôi cánh nhạc”.

“Nếu không có nét nhạc thần tình của Phạm Duy,” tác giả bài thơ được phổ nhạc nói, “‘Kiếp nào có yêu nhau’ sẽ chẳng có được sức sống mãnh liệt đến như thế.”

“Kiếp nào có yêu nhau” không dễ hát và càng không dễ hát cho hay. Thái Thanh, giọng hát vẫn được xem là gắn liền với nhạc Phạm Duy, cũng gắn liền với bài hát này. Những giọng ca sĩ khác, mỗi giọng có cách thể hiện riêng; thế nhưng, với nhiều người yêu nhạc và yêu bài hát này, Thái Thanh vẫn là giọng hát thể hiện được trọn vẹn nỗi niềm, tình ý của bài nhạc.

Nghe Thái Thanh là nghe tiếng lòng thổn thức của trái tim đầy thương tích, là nghe trộn lẫn những tình cảm tiếc thương buồn tủi, những chua xót đắng cay, những giằng xé giày vò của duyên kiếp lỡ làng, của tình yêu muộn màng, vô vọng.

Giọng hát rõ rượi, như phả hơi thở cảm xúc vào từng lời từng chữ, từng nốt nhạc, thể hiện nỗi đau xót đến tột cùng.

Bài hát cuốn hút người nghe ở những chuyển đoạn đột ngột đầy kịch tính, từ khắc khoải, rời rạc đến gấp gáp, vội vàng, từ những nốt thật trầm vươn đến những nốt thật cao, đẩy mạch cảm xúc lên đến tột độ.

Đừng nhìn em! Đừng nhìn em nữa..., anh ơi!

Những nốt nhạc rướn lên, não nuột.

Anh đâu, anh đâu rồi? Anh đâu, anh đâu rồi?!...

Những nốt nhạc chùng xuống, rã rời.

Nước mắt đã... buông rơi

theo tiếng hát... qua đời

Nghe câu hát ấy, nghe giọng hát ấy, không ai mà không nghe tim thắt lại.

Đừng nhìn nhau nữa..., anh ơi!...

Những nốt nhạc lại rướn lên ở câu kết (coda) với chuỗi ngân thang thốt tạo cảm giác hụt hẫng, như một kết thúc chưa tròn vẹn, một nỗi tiếc nuối không nguôi.

Cái hụt hẫng và kết thúc chưa tròn vẹn ấy cứ mãi đeo bám, đè nặng lên trái tim người nghe, như một nỗi ám ảnh, dằn vặt, tựa ngấn nước mắt vẫn còn đọng lại trên khuôn mặt nhợt nhòa.



Ban Giám Khảo Giải Văn Chương Học Đường VNCH (Saigon, 1974)

- Từ trái: Nhân viên Nhà Sinh Hoạt Học Đường, Phạm Long Điền, Nguyễn Mộng Giác, Minh Đức Hoài Trinh, Bình Nguyên Lộc, Minh Quân, Lê Tất Điều, Võ Phiến...

(Ảnh: nguyenmonggiac.com)

Xin dẫn ra một đoạn trong bài phân tích về nhạc thuật của “Kiếp nào có yêu nhau”, được nhạc sĩ Phạm Duy khá “tâm đắc” lúc sinh thời:

“... Cấu trúc thơ đã được đẽo gọt lại để hợp với cấu trúc nhạc. Tôi đoán rằng nhạc sĩ đã ngân nga được cái motif ‘Đừng nhìn em nữa anh ơi’ và cái motif cân bằng thứ hai là ‘Hoa xanh đã phai

rồi / Hương trinh đã tan rồi', và chọn nó làm sườn bài chính của nhạc khúc. Cái cấu trúc này rất logic, nó khởi đầu bằng một câu tán thán với một cung nhạc rải vút lên (arpeggiated) 'Đừng nhìn em nữa anh ơi', rồi chứng minh ngay lời cầu khẩn đó bằng hai câu nhạc tương tự nhau là 'Hoa xanh đã phai rồi' và 'Hương trinh đã tan rồi'...

Sang phần hai của phiên khúc, ta thấy nhạc sĩ đã làm tăng kịch tính của câu nhạc bằng cách khéo léo nhắc lại motif nhưng với một biến thể là thêm vào ba nốt 'Đừng nhìn em (Là Mi Lá)' trước khi lên đến nốt Mí rồi trả lại nốt Ré, rất phù hợp với lời nhạc có tính cách van xin, vì có ai van xin một câu rồi thôi?" (1)

Chỉ một vài nét phác ấy đủ cho thấy "tay nghề" phổ thơ của "nhà phù thủy âm nhạc" Phạm Duy, như cách người ta vẫn gọi ông.

Đến nay nhiều người vẫn còn nhớ giọng hát rưng rưng của Thái Thanh và "Kiếp nào có yêu nhau" trong vở kịch "Áo người trinh nữ" trình diễn trên Đài Truyền Hình Việt Nam (1967), đã lấy đi không ít nước mắt của khán giả.

Gần đây, cũng bài hát ấy, cũng giọng hát ấy đã mê hoặc và truyền cảm hứng cho một đạo diễn điện ảnh người Mỹ gốc Việt, Dustin Nguyễn, để thôi thúc anh thực hiện một phim tình cảm lãng mạn ở trong nước. Bao giờ có yêu nhau, tên phim, mượn từ một câu hát trong bài hát ấy. "Kiếp nào có yêu nhau", nhạc phim chính, và giọng hát đầy ma lực của Thái Thanh đã "hớp hồn" nhiều khán giả trẻ lần đầu tiên nghe được ca khúc ấy, khiến phải đi tìm cho bằng được bài hát và giọng hát này để được thưởng thức trọn vẹn. Rõ ràng là trước giờ tuổi trẻ trong nước chưa hề được nghe bài hát nào, giọng hát nào như thế.

"Tôi chọn ca khúc 'Kiếp nào có yêu nhau' làm nhạc phim vì nội dung bài hát quá phù hợp với chuyện phim," người đạo diễn trẻ tâm sự. "Ca khúc bất hủ ấy không chỉ nói về kiếp người, sự luân hồi, mà còn khắc họa cả câu chuyện tình bất hạnh, tiếc nuối. Bên cạnh đó, giọng ca của nghệ sĩ Thái Thanh mang màu sắc liêu trai, ám ảnh và cực kỳ ma mị. Ca khúc này được lồng ghép vào phim chắc hẳn sẽ chạm được đến trái tim khán giả."

Đối với nhiều người ở trong nước, đây là bài hát "mới", hiểu theo nghĩa mới được nghe lần đầu. Bài hát, như thế, có đến

hai đời sống, cách nhau đến hơn nửa thế kỷ. Bài hát, như thế, có đến hai đời sống, cách nhau đến hơn nửa thế kỷ.

“Kiếp nào có yêu nhau” phù hợp với giọng nữ hơn là giọng nam. (Vài nam ca sĩ tự ý đổi lời bài hát từ “em” sang “anh” nghe khá... phản cảm, khi mà những “hoa xanh” và “hương trinh” chỉ dành cho người nữ:

Đừng nhìn anh! Đừng nhìn anh nữa..., em ơi!

Hoa xanh đã phai rồi!

Hương trinh đã tan rồi!)

Thái Thanh-Hoài Trinh-Phạm Duy, “bộ ba” này đã giữ cho lời hẹn thề “Kiếp nào có yêu nhau” của những đôi tình nhân được bền vững mãi cho đến trọn... kiếp này.

Điều đáng ngạc nhiên là, bài thơ được phổ nhạc khi tác giả còn tuổi đời rất trẻ. Người đọc tìm thấy, nhiều bài thơ, câu thơ của Minh Đức Hoài Trinh như được phủ lên một màn sương âm u, một không gian u tịch của những “chiều tha ma hoang lạnh”, những “đường nghĩa trang gập ghềnh”, những “tiếng cầu kinh vắng vắng”, những “tiếng búa nện vào đình”, những “vòng hoa tang ủ rũ”, những “cỏ dại phủ mộ trinh”, và cả đến những “thịt xương rữa nát”, những “côn trùng rúc rĩa”, những “oan hồn lạnh lẽo”, những “bóng thuyền ma lênh đèn”...

Về phía người nhạc sĩ, những bài thơ của sinh ly tử biệt ấy mang đến cho ông sự đồng cảm sâu xa, khi mà “Tình yêu–Sự khổ đau–Cái chết” vẫn là những chủ đề, như ông bộc lộ, từng theo đuổi và ám ảnh ông không rời. “Kiếp nào có yêu nhau”, “Đừng bỏ em một mình” và những bài thơ nào nữa của Minh Đức Hoài Trinh đã truyền cảm hứng đến ông để từ đó một loạt những ca khúc về siêu hình, tâm linh, về cái chết và nỗi chia lìa ra đời, như “Đường chiều lá rụng” (1958), “Nếu một mai em sẽ qua đời (1958), “Tạ ơn đời” (1959), “Một bàn tay” (1959), “Ru người hấp hối” (1965), “Những gì sẽ mang theo về cõi chết” (1966), “Anh yêu em vào cõi chết” (thơ Nguyễn Long, 1971), “Tưởng như còn người yêu” (thơ Lê Thị Ý, 1971), “Bài hát nghìn thu” (1988), “Người tình già trên đầu non” (1988), “Trút linh hồn” (thơ Hàn Mặc Tử, 1993)...

Đến nay thì cả hai, người nhạc sĩ lẫn người thi sĩ đều đã đi về một thế giới khác. Và tiếng hát người ca sĩ, từ lâu cũng lặng tiếng, im hơi.

* * *

“Anh còn có dịp đi qua
thăm giùm em với, căn nhà thân yêu
Hôn giùm em những buổi chiều
Nói giùm em, nói rất nhiều xót xa” (2)

Người viết những câu lục bát ấy đã đi xa. Lời thơ thật tha thiết, thật xót xa. Tôi không rõ chị đi xa mãi tận đâu đâu, thế nhưng tôi tin rằng linh hồn chị thế nào cũng về lại quê hương cũ, về ngồi lại trên thềm nhà cũ của “căn nhà thân yêu”, về hôn lên những buổi chiều vàng trên đồng lúa mênh mông, về thăm lại “màu đất đỏ đường dốc cao Bến Ngự”, (2) về nhìn lại “trăng sông Hương vằng vặc giọng hò khoan” (2) nơi thành phố đầy ấp những kỷ niệm mà một phần đời của nhà thơ còn gửi lại chốn ấy.

Tình yêu đó, tình yêu chị gửi về “quê nhà xa lắc xa lơ đó”, đến “kiếp nào” cũng không hề phai. Dầu “hương trinh đã tan rồi”, dầu hoa đời có “phai sắc tươi” thì tình vẫn cứ xanh cho đến “tận ngàn sau”. Không phải là bài hát ấy đã nói như thế sao?

Minh Đức Hoài Trinh, chị không đi xa (như cách người ta vẫn nói), chị trở về. Một con người yêu đất nước yêu quê hương đến như vậy, yêu đến nâng niu từng kỷ niệm đến như vậy, thì không thể nào không trở về.

Trở về như những cánh “chim nào bay về xứ”. (2) Trở về như những câu thơ:

“Trở về thành phố của màu rêu tuổi nhỏ
vẫn còn nghe trong gió
bầy chim sẻ trên nóc chuông nhà thờ
gọi tên rất khẽ
Hoài Trinh”

(“Quê nhà”, thơ Minh Đức Hoài Trinh)

Và những câu thơ nào nữa, trong những bài thơ “trở về” nào nữa:

“Em về ôm lửa
Em về ôm anh
Em không đi nữa
Em về ôm quê hương mình”.
(“Em về ôm quê hương mình”, thơ Minh Đức Hoài Trinh)

Minh Đức Hoài Trinh, chị đã “về ôm quê hương mình”.

(1) Học Trò: Vài cảm nghĩ về “Kiếp Nào Có Yêu Nhau”, thơ Hoài Trinh, nhạc Phạm Duy

(2) Thơ Minh Đức Hoài Trinh

* Thái Thanh hát “Kiếp nào có yêu nhau” (nhạc phim *Bao giờ có yêu nhau*):

<https://www.youtube.com/watch?v=3qLkSx1SSlg>

LÊ HỮU



NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI

NHÀ CŨ

Ông về lại căn nhà cũ.

Đứng bần thần nơi căn bếp rộng, ông nghe tiếng gió đẩy cánh cửa kéo kẹt nhịp rụt rè như bước chân của loài chuột ăn đêm. Căn nhà bỏ hoang treo bảng bán đã lâu, không hơi người nên mùi ẩm mốc trong không khí xộc thẳng vào mũi. Có lẽ lâu lắm vợ cũ của ông không trở lại đây từ buổi sáng gặp nhau ở toà. Cô chỉ nói một câu “good luck” và biệt tăm từ đó.

Ông nhìn dấu son môi nổi mờ mờ trên ly rượu đang nằm lăn lóc trên bàn bếp, và tự hỏi, cô đã đến đây lúc nào, trước hay sau cái ngày định mệnh ấy.

Cái ngày định mệnh ? Chẳng có gì gọi là to tát. Ông quên đón con sau giờ học. Hai vợ chồng cãi nhau. Cô gọi ông là kẻ vô trách nhiệm. Lời qua tiếng lại. Trong lúc nóng giận ông xáng cho cô một bạt tai. Ha. Rồi cảnh sát tới, cô một mực đòi ly dị.

Không nhiều nhận tài sản chung để chia chác. Tài sản quý nhất với ông là đứa con, và từ ngày cô mang nó đi, hầu như nó cũng biết tắm hơi như mẹ của nó.

Cô đã chọn căn nhà này, ngay lần đầu tiên đi coi nhà vì vị trí yên tĩnh và thơ mộng. Sau bờ đê cao phía bên kia là cánh rừng thông bát ngát. Nhà ở ngay góc đường nên đất rộng và tương đối xa hàng xóm.

Không gian thật lý tưởng cho cặp vợ chồng đang trong thời kỳ hạnh phúc và nôn nao đón đứa con đầu lòng.

Mà thật. Ông đã có những tháng ngày rất hạnh phúc. Những ngày ấy hồ như là giấc mơ không thật.

Ông nhìn chăm chăm vào bộ bàn ăn đặt ngay góc bếp nhìn ra khu rừng. Ông cố hình dung, tưởng tượng lại dáng đi nhanh nhẹn của vợ ông lúc cô nấu nướng. Dọn chỗ này, bày chỗ nọ, lấy thịt ra khỏi lò nướng, cắm hoa, thắp nến trên bàn ăn.

Cô chỉ thích nến mùi vanilla hiệu Yankee, mỗi lần order cả thùng xài nửa năm mới hết.

Ông cố tưởng tượng mọi tiếng động của những ngày hạnh phúc ấy, chỉ mới đây thôi nhưng ông có cảm giác mình là kẻ bị thế giới chối bỏ, và kẻ vừa trở về từ hoang đảo kia đã mất đi hoàn toàn ký ức của quá khứ, kẻ hiện tại là ông lại quá xa lạ với khung cảnh xung quanh mà một thời ông đã vun xới với bao khát vọng.

Ông mở cửa lần ra sau vườn. Đập vào mắt ông là hồ tắm đầy rêu, lá úng khô và rác. Ở đây, ông dường như nghe lại, tiếng đập nước bì bõm của đứa con và vợ ông, cô nằm sưởi nắng trên chiếc ghế nhựa xanh, cô đeo mắt kính đen, đeo headphone và trên tay đang cầm ly rượu đỏ. Thường, ông tiến lại về phía cô. Ông thích vuốt ve bờ vai trần rám nắng kia lúc nào cũng mịn màng óng ả màu hổ phách.

Không còn chỗ để bước qua với ngổn ngang vật dụng. Máy cắt cỏ, máy cưa, lò nướng thịt, lò đốt củi mùa đông.. Cây đào bên nhà hàng xóm ngã đè gãy khúc hàng rào góp phần thêm vẻ rêu rã vốn sẵn đã thê lương.

Ông dừng rất lâu bên cây sồi đã mắc sẵn hai hàng dây thừng với miếng gỗ xích đu, một chỗ rất ưa thích của con ông, và cả ông nữa. Những ngày cuối tuần êm ả, dưới tàng cây rậm mát, ông và cô cùng ngồi đung đưa, đung đưa.. nghe bên kia rừng thông, tiếng

chim hót hòa điệu theo tiếng suối chảy róc rách.

Một bức tranh thật nên thơ.
Một gia đình hạnh phúc.

Đạp vệt lên đám cây khô, ông ghé ngồi trên chiếc xích đu. Hai sợi dây thừng hình như đã mòn. Nó thở hơi rin rít như người bị bệnh hen suyễn.

Chừng nào nó sẽ đứt như chính cuộc sống của mình ? Ông trầm ngâm thở dài.

Thực lòng, ông rất muốn cô trở về, hàn gắn lại những đổ vỡ mà ông biết, mình có phần lỗi sau sự việc ấy. Nhưng lỗi ấy, có thể tha thứ cơ mà. Ông là người cha, người chồng tốt. Tiệc tùng họp mặt, ông không nhìn nghiêng ngó ngửa. Rượu chè thì thỉnh thoảng. Ông không có thú vui nào khác ngoài niềm vui dành cho vợ con.

Cô còn đòi hỏi điều gì nơi ông nữa ?

Nhưng, cô quá lạnh lùng khi ông cầu xin điều đó. Thậm chí, ông chẳng đáng là hạt bụi làm cay mắt. Ông sợ khi nhìn ánh mắt đầy căm ghét và xa lạ ấy.

Sao người phụ nữ lại có thể dễ dàng quay lưng, dễ dàng ruồng bỏ mọi thứ như vất đi mớ quần áo cũ khi cuộc sống đó ít nhiều đã từng là một phần đời của họ ?

Nghe đồn, cô đã có bạn trai mới. Người ấy là bác sĩ, cùng phòng phẫu thuật với cô và là bạn học thời sinh viên. Có phải đó là nguyên nhân mà cô mạnh mẽ dứt khoát với ông ? Cô có hạnh phúc không ? Đôi lần ông tự hỏi mặc dù ông biết, những mong ước hằn gấn của mình đi vào ngõ cụt.

Nhưng trái tim ông luôn nhắc nhở rằng, ông vẫn còn yêu cô, vẫn tha thiết cần cô nhưng ông biết mình thật sự không còn cơ hội. Người phụ nữ khi thay đổi họ đã nhanh chóng chặt đứt đường về, riêng người đàn ông luôn nhìn lui mỗi mắt để mong tìm lại dấu chân ngày cũ.

Ông trở lại gian nhà bếp.

Lúc ấy, trong cơn mê muội ông lại ao ước nghe tiếng nước sôi trên bếp, tiếng va chạm muổng nĩa và mùi thức ăn ngào ngạt vừa lấy ra từ lò nướng.

Ông ngắm nghía dấu son môi của vợ ông mờ nhạt trên thành ly. Màu son hồng tím từ món quà kỷ niệm sau mười năm ngày cưới. Màu tím hình như nhạt dần nhưng mầu hồng còn rất đậm, nổi rõ những đường vân môi..

Ông áp môi mình trên vành ly, ngay chính đường vân hồng và bật khóc.

NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI



Có những con đường
miệt mài đi
không tới
Ngu ngơ ngổ ra
Mù mịt lối về

Có những cuộc tình
dường như
rất mới
Ngày đơm bông
Rắc nắng tình khô

Có những
hẹn hò qua
tầm tay với
Lời dự ngôn
Run rẩy bờ môi

Có những con thuyền
 lên đèn biển đợi
 Sóng bạc đầu
 Biển nhớ bờ xa
 Như vạt tình anh
 cần tay em vun xới
 Phù sa đắp bồi
 Ngày
 rót mật vào đêm

Hãy ủ hương
 vào hoa thơm lừng
 đợi bình minh phơi phơi
 Mặt trời nghiêng vai
 Rạo rức thanh xuân
 Ta sẽ hát lời
 tình ca vu vơ
 Như cuộc tình vốn
 sẵn đại khờ

Như ngày cũ
 riêng lòng rất mới
 Anh ơi.

NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI



NGUYỄN KHÔI VIỆT

**NHỮNG NGÀY BỊ THƯƠNG
NĂM Ở TỔNG Y VIỆN
CỘNG HÒA *tháng tư năm 72***

Trên Facebook ngày hôm nay, một người bạn tag cho tôi bài Cây đàn bỏ quên. Vũ Khanh hát. Chợt nghe bồi hồi, thấy như màn sương ký ức đang kéo dần qua một bên để tâm hồn ngoảnh lại nhìn mảnh thời gian vàng cũ.

Tháng 4 năm 72

Nằm cạnh cửa sổ, bên ngoài là hành lang, nơi khu điều trị có tên Tổng Quát 7 của Tổng Y Viện Cộng Hoà. Phòng tương đối rộng, chứa được 3 giường. Tôi may mắn được nằm ngoài bìa. Nhìn lên mái nhà lợp ngói, rợp bóng lá Me, Diệp xanh mát, lúc này những vết thương đã bớt đi phần nào đau đớn, tôi đợi chờ nghe những bài hát yêu thích văng ra nhẹ nhẹ từ những chiếc loa nhỏ đặt dọc theo mái nhà ngoài hành lang. Hồi ấy, tôi vẫn nghĩ là có lúc tôi phải lên chỗ phòng phát thanh, để biết ai là người đã cho phát thanh những băng nhạc rất hay mà tôi, và có lẽ nhiều người khác cũng yêu thích. Người đó chắc hẳn cũng đẹp trai. Hoặc đẹp gái. Và biết thưởng thức âm nhạc. Tôi nghĩ thế. Luôn để nhạc bắt đầu

khoảng 11 giờ sáng. Rất êm dịu, vừa đủ nghe. Đôi khi ngưng khoảng nửa tiếng như để những đôi tai ghiền nghe nhạc háo hức đợi chờ. Buổi sáng. Sau khi những thương bệnh binh đã chấm dứt xong phần khám bệnh, thay băng. Cũng là lúc những bài hát tiền chiến, Trần Thiện Thanh, Phạm Duy, bắt đầu cất lên. Ngày ấy tôi hay nằm đợi bài Cô hàng nước, Cô hàng chè xanh. Cô hàng cà phê. Sĩ Phú hát. Còn bài Cây đàn bỏ quên thì Duy Trác hát. Phải chăng vì vậy mà tôi có giọng hát giống Sĩ Phú. Bạn bè nói vậy. Tôi thì chẳng bao giờ nghĩ mình được như Sĩ Phú. Anh có giọng hát trầm ấm lôi cuốn người nghe. Một người khiêm tốn và nghệ sĩ. Còn tôi chẳng là gì cả. Cho đến bây giờ vẫn tiếc là ngày ấy không đi lên phòng phát thanh coi người phụ trách âm nhạc ấy là ai? Nam hay nữ mà để nhạc có “tâm hồn” quá chừng.

Khu Tổng Quát 7, có mấy ghế đá chạy dài bên tay phải

Nằm nhìn qua cửa sổ thật là thú vị. Thấy buổi trưa, chiều, và tối qua dần. Bên ngoài những hàng cây râm mát là con đường nhỏ, đôi khi có những tà áo dài dịu người yêu, hay chồng, tay chân băng bó, hoặc ngồi trên xe lăn, đi chậm chậm. Thật trữ tình và đẹp đẽ như câu hát: gió heo may đã về, chiều tím loang vĩa hè...

Nhưng nếu nhìn xa hơn một chút. Bên kia con đường. Là khu Tiết niệu hàm mật nơi những người được điều trị vì những vết thương trên mặt và đường bài tiết. Họ ít khi ra ngoài. Có lúc tôi bắt gặp họ ngồi đó. Gục đầu, buồn bã.

Xa hơn nữa về phía tay trái. Là khu Tổng Quát 4.

Là nơi những thương binh bị cụt chân hay tay. Đã điều trị lành và đang đợi tái khám hoặc ra hội đồng Y Khoa. Họ cũng ít ra ngoài. Không như bên trại của tôi là những thương binh không nặng lắm. Nên sau vài tuần là đi tới đi lui như giặc, ngồi ngóng người yêu hoặc người nhà tới thăm. Đám lính tráng chúng tôi thằng nào cũng khoảng 24, 25 đổ lại, đa số đều có người yêu chứ rất ít thằng có vợ.

Nên mấy tay độc thân được hưởng cái hạnh phúc là ngắm và tán dóc với người yêu của...người khác.

Vì vậy không lạ lắm mỗi khi tôi có người đẹp đến thăm. Vô số tên lạng qua lạng lại trước cửa phòng, hoặc giả vờ vào hỏi chuyện rồi ngồi luôn tán dóc. Không cần biết rằng sự có mặt của họ vô cùng thừa thãi, và ảnh hưởng nghiêm trọng đến thì giờ vàng bạc của đôi trẻ.

Nằm chung phòng với tôi là một trung úy chi đội trưởng chiến xa đánh ở Bình Long. Khi tôi tỉnh lại hai ngày sau khi đưa về từ chiến trường, thì anh cũng được đưa từ phòng hồi lực sang. Bị thương vì bị trúng B40, phải cưa một chân ngang ống quyển. Chắc vẫn còn đau nên rên la mê sảng cả đêm, không biết kẹt ở mặt trận bao lâu mà sáng hôm sau, khi người y tá gỡ băng rửa vết thương cho anh, dòi rớt ra cả chục con. Tuần lễ sau đỡ dần. Người bạn thứ ba cùng phòng than thở: hai ông kêu la cả đêm, hết người này (tôi) gọi Pháo binh xong thì cha Thiết giáp kia kêu bắn trực xạ. Anh này ở vùng 4. Thiếu úy an ninh quân đội. Chở vợ đi chơi bị té xe. Vợ không sao. Chồng bị đập đầu xuống đường, bể sọ may không chết. Nằm cũng được 3 tuần rồi. Nhiều lúc mê sảng toàn nhắc tới đồ nhậu. Trong đó có món rắn xào bầu. Lâm, anh bạn thiết giáp nói với tôi: Mẹ! Thằng đó chắc nhậu dữ lắm nên nhắc món nhậu hoài. Mà rắn xào bầu đâu có ngon. Thây kệ, lâu ngày nó thêm. Tôi nói.

Khi cái chân bình phục, ăn da non, tấp tểnh chống nạng đi được rồi Lâm bắt đầu cười nói ồn ào.. Anh tưởng tá to lớn bậm trợn. Nói năng thiệt thà. Kể chuyện lúc chỉ huy và đụng trận không biết mệt. Nhưng tôi nhìn thấy, sau những niềm vui mà anh đã có với bạn bè trong những lúc nguy nan, và hăng say quên mình nơi nhiệm vụ. Là nỗi buồn u uẩn cố nuốt xuống của anh. Vì hơn ai hết, anh biết rằng anh không thể còn trong quân ngũ được nữa. Anh đã là một thương phế binh. Ý nghĩ đó nhói lên như mũi dao đâm vào ngực khi tôi nghĩ tới cánh tay phải bất động của mình. Nên tôi chỉ cốt tập vật lý trị liệu. Sau mấy lần nghỉ 29 ngày tái khám, cánh tay tôi hồi phục khá nhiều, tuy vậy vẫn phải làm đơn về phục vụ đơn vị, vì “bị” cho ra loại 2 không tác chiến.

Lúc tỉnh lại. Cảm giác đầu tiên là đau, và khát nước kinh khủng. Tay đang được truyền máu. Em đang ngồi một bên, mắt khóc lo âu. Cho anh uống nước, không chết đâu. Tôi nói.

Và em cho tôi uống hết chai Limonade. Em nói. Anh mê man suốt hai ngày rồi. Bác sĩ dặn lúc anh tỉnh dậy chỉ cho uống

từng muổng nước thôi, sợ vết thương ra máu.

Sau đó tôi mới nhìn thấy Hiếu. Người lính mang máy truyền tin của tôi ngồi cuối giường. Người vẫn còn quá yếu, nhìn gì cũng lơ mờ. Tôi lại thiếp đi sau đó. Cả tuần lễ sau em phải đỡ tôi mới ngồi dậy được.

Đại đội phó của tôi cho Hiếu ở trong bệnh viện để chăm sóc tôi, thời gian đầu. Được tuần lễ sau khi tôi tỉnh lại, nó buồn nhớ đơn vị, muốn về. Tôi nói để tao viết trong tờ Sự vụ lệnh của mày, xin ông Toàn (đại đội phó, giờ đang xử lý thường vụ đại đội trưởng) cho ở đây ít ngày nữa. Dưới đang đánh lớn, về bây giờ là lên bàn thờ ngồi đó mày. Đại đội tôi thương vong gần hết sau hơn một tháng trời giao tranh. Hiếu tánh tình hiền lành nhưng gan lì. Hạ sỹ nhất mang máy truyền tin. Sau một thời gian tôi chỉ dẫn. Nó có thể chấm tọa độ rất chính xác để tôi xin bắn pháo binh, lúc đang bận rộn bố trí đội hình tác chiến với với các trung đội trưởng khi đụng trận. Nhưng tới cuối năm 73, trong một trận đi đột kích đêm. Nó bị một viên đạn ngay tim. Lúc tấn công tôi chạy phía trước, nó mang máy chạy sau. Chẳng hiểu sao đạn lại trúng nó chứ không trúng tôi. Đúng là trời kêu ai nấy dạ.

Hàng ngày, vào khoảng 8 giờ sáng là giờ y tá đến thay băng. Hai ông y tá một ốm một mập, cả hai đều sanh ở miền Tây, vừa thay băng vừa nói chuyện vui, chắc để bệnh nhân đỡ đau khi nghe chuyện. Họ làm việc cẩn thận và gọn gàng, nhiều lúc tôi phát la lên vì anh dứt băng cũ ra quá nhanh. Anh còn cười và nói: sao tui không thấy đau gì hết. Nhưng sau đó anh giải thích, tùy theo chỗ, có chỗ nếu gấp băng ra từ từ tôi sẽ đau hơn. Tôi cũng đồng ý với anh. Tôi thường xin anh thuốc ngủ và thuốc giảm đau Darvon vì các vết thương hành đau dữ quá. Anh cho tôi loại thuốc ngủ gì tôi tôi không nhớ tên, nhưng rất mạnh vì chỉ khoảng năm mười phút sau khi uống là ngủ liền.

Những khu nhà nguyên thủy của Tổng Y Viện đều là những kiến trúc của Pháp. Nhìn chắc chắn và mỹ thuật. Một căn nhà như vậy gồm 20 phòng, kể cả phòng của y sỹ trưởng và phòng của y tá. Sơn vàng, mái lợp ngói. Như màu của bưu điện Sài Gòn ngày xưa. Vì tình hình chiến sự leo thang, nên đã xây thêm khu Tổng quát 3, lớn hơn. Và hai tầng chứ không như khu nhà cũ. Tôi lại không thích mấy, vì họ xây theo kiểu Mỹ, nhìn thoáng đảng và sạch sẽ nhưng

tương phản với những ngôi nhà xung quanh. Tổng Y viện có hệ thống loa phát thanh thiết kế rất đầy đủ để có thể gọi tên bệnh nhân trong trường hợp cần thiết. Đôi khi lang thang qua câu lạc bộ hay thăm bạn bè ở dãy khác. Anh Phan Nhật Nam cũng nằm điều trị tại đây một thời gian ngắn. Tôi nghe nhiều lần loa gọi: "yêu cầu đại úy Phan Nhật Nam hiện đang ở trại nào, xin trở về Tổng quát 7 gấp. Có y sĩ trưởng cần gặp". Tôi thì biết chắc chắn anh đang ở...nhà. Ở trong bệnh viện buồn quá, lúc sức khỏe khá hơn tôi cũng "dù" về nhà vài lần. Mặc dầu có Quân cảnh gác nhưng năn nỉ họ cũng cho ra hoặc làm lơ. Mấy cha thương bệnh binh mà, để họ về nhà cho gia đình vui. Một người Quân cảnh thân với tôi đã nói như vậy.

Cuối tuần. Hai ngày thứ bảy và chủ nhật hay có những phái đoàn của học sinh các trường trung học tới thăm và tặng quà cho lính. Tất nhiên là lính rất khoái vì ngoài quà tặng còn được những người đẹp tới trò chuyện, đôi khi có ca hát "bỏ túi" rất là "ấm lòng chiến sĩ". Nhiều mối tình tất nhiên đã nở ra. Phái đoàn của Hạ viện thường đi với phu nhân của tổng thống Nguyễn Văn Thiệu là một phái đoàn thăm thương bệnh binh rất thường xuyên. Tôi vẫn còn nhớ một cô tên Mai. Thật dễ thương, đẹp và gần gũi với lính. Mỗi lần tới thăm tôi đều được cô cắt móng tay, có một lần hớt tóc nữa.

Cơm nhà thương cũng không tệ. Lúc nào cũng có canh, rau xào và món mặn như thịt kho trứng, cá chiên, hay một miếng gà chiên hoặc kho. Kho là nhiều nhất trong tuần, vì chắc dễ làm hơn. Trưa và chiều, hai bác nhân viên đẩy xe đồ ăn dọc theo hành lang mang tới tận giường. Nhưng chắc vì thành kiến với cơm bệnh viện nên nhiều tay bệnh binh vẫn ngóng đợi cơm nhà, hoặc mò xuống hội quán của Tổng y viện ăn mì, hủ tiếu. Nên xe cơm của hai bác thường là ế. Khi đêm xuống, đôi khi cũng có người bán mì gói, cà phê, bánh ngọt. Lâu lâu tôi mới gặp họ đi ngang chỗ nằm.

Tôi số hơi cực. Ra vào Tổng Y Viện cũng mấy lần. May không có lần nào bị nặng. Và cũng thuộc loại "con bà phước" nên ngoại trừ khi có người quen vô thăm, thì cũng ngồi tương tư những bóng hồng đó mà thôi. Lính thật ra chẳng phải hào hoa, ngon lành như trong mấy bài hát của Hùng Cường-Mai Lệ Huyền. Đi chiến đấu cực khổ, chui rừng rúc bụi, đưa ba mươi sáu cái xương sườn ra đỡ đạn. Lúc về thành phố đa số thằng nào cũng thấy cô đơn. Túi tiền thì ít. Nên sinh ra mặc cảm. Từ đó sinh ra đánh lộn đánh lạo

phá phách. Không ít thằng đi tác chiến coi đơn vị là gia đình thứ hai. Trong đó có tôi. Đời lính sống chết làm cho anh em thấy trò thương nhau. Cái tình cảm đó khó diễn tả thành lời. Mỗi khi sinh hoạt đơn vị hàng tuần, chúng tôi thường hay hát bài Ly cà phê cuối cùng: Mình trăm đứa hôm nay gặp nhau, bên ly ba xi để... Hay bài hát: mình có ba người, ba đứa chết ba nơi, nên không bao giờ gặp nữa. Lại một cái là trong những bài hát sinh hoạt đơn vị lại có bài Tổ quốc ơi tôi đã nghe của La Hữu Vang, một nhạc sĩ rất khuynh tả hồi đó. Quân đội và văn nghệ miền Nam không phân biệt những bài ca của phe địch. Miễn hay là nghe và hát thôi. Những ngày bị thương, nằm vừa đau vừa nhớ đơn vị quay quắt. Đại đội phó và hai trung đội trưởng của tôi tử thương. Đại đội trên trăm còn lại có mười mấy người. Phía Bắc quân thiệt hại nặng nề, vì lính của họ đa số đều trẻ quá, không có kinh nghiệm chiến trường nên trong nhiều trận đụng độ, phe ta chiến thắng dễ dàng. Những thương binh và tù binh chúng tôi bắt được chỉ toàn ở trạc tuổi 15,16. Vậy mà đưa Pall Mall cho hút, lại chê là không ngon bằng Thăng Long. Loại thuốc lá đó chúng tôi đâu lạ gì, hút thử cho biết mà chẳng ai hút được vì khét lẹt, dở vô cùng. ĐM, thuốc đó hơi khét, xách dép cho Bastos xanh của tụi tao. Thằng em mang máy chữ.

Nhưng điều đáng nói là vũ khí của họ đều mới toanh, và rất "hiện đại" nói theo kiểu bây giờ. Từ trung liên RPD, AK47, súng B40, B41, máy truyền tin, đều mới như vừa lấy trong hộp ra. Có 2 khẩu súng cối 61mm mà sau khi quan sát, tôi nhận thấy gọn nhẹ và linh hoạt, ở chỗ bộ máy nhắm gắn thẳng vào thân súng. nên bắn rất nhanh so với súng cối 60mm của mình. Đặc biệt nhất trong số vũ khí chiến lợi phẩm là 2 khẩu 82 không giật, loại súng mà lần đầu tiên chúng tôi nếm mùi lợi hại của nó. Sau này, trong trận đánh năm 74 tại Đồng Ôt, Trảng Bàng, họ bắn chúng tôi với một loại súng không giật khác. Chẳng biết hình dáng mặt mũi nó ra sao. Từ tiếng đề pa đến lúc nổ nhanh như chớp. Chỉ lấy được chuôi đạn, áng chừng nó cỡ chừng 100 mm. Giao lại cho phòng 2 Tổng Tham Mưu. Rồi sau cũng chẳng thấy trả lời là súng gì?

Vì vậy khi đụng trận, bên "phe ta" chỉ nghe tiếng M16 và tiếng lóc cóc của phóng lựu M79. Thì bên kia là B40, B41, 82 không giật, nổ rền trời như sấm. Cay đắng mà nhìn nhận rằng. Từ năm 72. Vũ khí của chúng ta thua xa so với họ.

Đơn vị tôi thường đi đánh giải toả những thôn làng bị Cộng quân đóng chốt, từ đó tôi nhận thấy người dân những vùng "xôi đậu" ngày Quốc Gia, đêm Cộng sản, họ khổ trăm bề. Tính mạng họ nói nôm na là treo sợi tóc vì những oan khiên có thể đổ ập xuống bất cứ lúc nào, tôi đã thấy cái chết của những thiếu nữ trong tuổi thanh xuân, chết ngậm ngùi như "Người con gái Việt Nam da vàng" của Trinh Công Sơn. Hôm đánh "chốt" trước khi bị thương khoảng hai tuần. Khi chiếm được bìa ấp, một thằng em bắn M72 vào một căn nhà ngói nhỏ vì thấy đạn AK sau nhà bắn ra. Xong ập vào lục soát kéo lên từ hầm trú ẩn hai ông bà già lưng còm trơ xương, lập cập khóc lạy ông quan tha mạng. Con cái không có, giặc vào không có sức mà chạy. Mà chạy chưa chắc họ cho đi. Giữ dân lại để làm lá chắn, đó là chiến thuật sở trường của họ. Tôi bỏ ra hông nhà đứng nhìn cây rơm cháy dở chẳng biết nói gì. Móc túi còn được đâu nửa tháng lương, đưa cho ông bà cụ như phần nào bù đắp. Chiến tranh mà, họ biết kiện cáo ai bây giờ. May mà không chết vì đạn M72. Đơn vị hành chánh sở tại sẽ giúp đỡ làm lại nhà cửa cho họ. Còn mất mát về nhân mạng thì không thể bù đắp được.

Chiều đó sau khi mục tiêu kết thúc. Bố trí quân nằm lại, tôi uống một ly cà phê trong khẩu phần Ration-C. Nghe bài Giọt nước mắt cho quê hương từ chiếc máy cassette nhỏ luôn mang theo trong ba lô, thấy quê hương tôi đầy đêm đen và những đám tang. Một đất nước luôn chiến tranh với những con người khốn khổ. Có nằm trong bệnh viện, đau đớn với những vết thương, nhìn những giọt máu được chuyển vào thân thể đang khô cạn sinh lực. Mới cảm nhận thấy thế nào là "khô dòng máu châu thân". Và "dân mình phận long đong

Và dân mình vẫn long đong từ đó tới giờ. Chưa kể là chưa biết chừng nào sẽ rơi vào tay Tàu cộng.

NGUYỄN KHÔI VIỆT



TRẦN DZẠ LỮ

ĐÊM Ở B'LAO

Đêm đêm anh gõ cửa
Trái tim em đáp lời
Thị trấn có xa xôi
Mình đo bằng nỗi nhớ...

Hoa quỳ vàng còn nở
Tháng 10 trên đồi cao
Hoa Hoàng Hậu vẫn đỏ
Sao mình vội xa nhau?

Mù sương một tinh cầu
Mưa nghiêng một hồn nhỏ

B'Lao ơi B'Lao
Yêu một người thật khó...

Thương một người sao nở
Hái vầng trăng trên đầu ?
Cắt chiều, cho dấu thỏ
Lạc qua miền thương đau !

Đêm đêm không còn nữa
Tiếng gõ cửa lòng nhau
Đứng một mình ngờ ngợ
Quên...mà quên được đâu?

PHẢN ĐÒN

Cứ tưởng em là báu vật của đời anh
Ở nơi trăm năm không hề suy yếu
Chỉ có em, vàng trắng không hề khuyết
Trong tim anh, tháng mộng, năm lành...

Anh a vào cõi nhớ mộng mênh
Thấp ngọn lửa tình yêu vĩnh cửu
Anh tuyệt đối với em-nàng Út
Của câu thơ tròn điệu, nên vần...

Nghĩ suốt đời ta không thể phân thân
Bên suối mơ rất ngọt ngào giòng chảy
Có ai ngờ em phản đòn đến vậy?
Thương tích này anh chỉ kịp...trân trân !

Danh tướng hể! sa vào mắt mỹ nhân
Là chết chắc ! huống anh người khờ khạo?
Vỗ vể chi tình để đau giông bão
Cứ lùa về một phía-trái tim anh !

Anh giờ đây, giống bại tướng mất thành
Sửng sốt té bên chiều hối lỗi
Khiêng giáp chi đỡ tình không nổi
Cú phản đòn , thôi hết thấy trời xanh...

TRẦN DZA LỮ



HẬU “hại điện”

Ngưon lái xe đi trên đường West. Buổi chiều trời xuống thật chậm. Một màu vàng, rất vàng từ ráng chiều, làm Ngưon đã buồn lại buồn thêm. Từ ngày Sài bỏ đi, anh thường hay lái xe đi lơ ngơ một cách vô tội vạ trên đường. Có lúc tạc vào một quán cà phê ngồi một mình, ngó. Ngó thiên hạ qua lại ở khu chợ người Việt. Có khi anh lăm nhăm một mình như người tâm thần. Anh nhớ em. Nhớ quá. Em ở đâu? Ở đâu? Đó có thể là khởi đầu cho một căn bệnh trầm cảm. Bác sĩ đã bảo thế. Nhưng anh không tin. Đó chỉ là nỗi nhớ về một cuộc tình mất, đã quá xa.

Chuyện Ngưon nhớ thương Sài cũng có lý do. Đó là cuộc chồng vợ của anh đã được tám năm. Tính đúng ra là mười lăm năm từ ngày quen nhau. Tám năm từ ngày làm đám cưới, trọn vẹn cả tinh thần lẫn thể xác. Ngưon và Sài thuê chung phòng, sống với nhau, ăn ngủ, làm tình, đều đặn suốt tám năm. Có hôn thú hôn thơ dàng hoàng. Nhưng tự nhiên Sài bỏ đi như làn sao xẹt, khiến Ngưon chơi vơi. Sài không để lại địa chỉ thì Ngưon biết tìm đâu ra. Anh chỉ biết tưởng vọng và nhớ thương thôi. Cho nên anh lăm ca lăm cảm là đúng rồi.

Cái khổ nhất của người thất tình là mất cả chì lẫn chài. Chì là tinh thần, chài là xác thịt. Ngươn mới bốn mươi lăm, sức trai ngồn ngộn. Thế nên về vấn đề sinh lý anh thấy mình hụt hẫng hẳn. Tìm ai, tìm ai để bù vào chỗ mất Sài, đây.

May mà khi anh vào khu công viên. Ngươn thường đi bộ buổi sáng, gặp Can. Người đàn ông độ khoảng năm mươi cũng hay ra công viên đi bộ như anh. Sau khi làm quen và tâm tình. Thì ra hai người cũng độc thân, cũng bị vợ bỏ đi theo một bóng hình trai khác, nên dễ thông cảm và trăm sự đổ lên đầu người đàn bà phụ bạc. Nhưng cái duy nhất là họ thông cảm nhau về sự dằn xé của xác thịt.

Ngươn hỏi Can:

- Anh còn sung quá vậy, bỏ bỏ đi anh làm sao xả?

Can làm ra vẻ sành điệu:

- Thì ở đây nhiều em lắm. Em tràn hà trên báo chí, em trong các tiệm mát xa đó.

Ngươn hỏi thêm:

- Nhưng phải là những em biết chịu đựng một chút, chứ nghề nghiệp quá mình cũng nản.

- Thì đúng rồi. À, để tôi giới thiệu anh cô này, July. Cô này hơi già, trên bốn mươi, nhưng biết chịu hết mình.

- Thiệt không anh?

- Thiệt chứ! Tôi qua rồi. Ngon.

- Nói thiệt với anh, bỏ đi ba bốn tháng rồi, tôi kiệt quá. Cũng muốn xỏ. Anh chỉ tôi đi. Tôi mời anh ly cà phê.

Thế là hai người vào ngồi quán cà phê tán dóc. Với ly cà phê làm tin, Can đã biết được địa chỉ và số phone của cô July chịu đựng, mà Can giới thiệu.

Cuộc phone đầu tiên đến, July không bắt máy, nói để lại lời nhắn. Ngươn nói là cần gặp July có chút chuyện và cho số điện thoại của mình. Cũng hai ngày sau, một buổi trưa, điện thoại reo và tiếng người nữ bên kia đầu giây:

- Tôi là July, hôm trước anh có gọi tôi.

Ngươn ngớ người. Hình như anh đã quên cuộc điện thoại đó. Như một phản xạ. Anh nói ngay.

- À, tôi. Tôi đây. Tôi có gọi cho cô.

Và trực giác cho anh nhớ lại cú điện thoại anh đã gọi cho July.

Bỡ ngỡ trong những phút đầu, nhưng sau thì ăn nhịp. Ngươn nói mình vừa thất tình. Người vợ đã bỏ đi. Chàng buồn chán. Và cần giải quyết sinh lý. Đã ba tháng nay không có chi trơn. Nàng không nói giá, chàng cũng không hỏi. Nàng cho địa chỉ. Một motel... lầu 2... Phòng 20...

Anh hứa hẹn, sẽ đến, trước khi đến anh sẽ phone cho em. Thế là Ngươn đến.

Người đàn bà trên bốn mươi, không đẹp nhưng có duyên. Khuôn mặt hình trái soan, dáng mỏng. Bộ ngực căng. Có lẽ có bơm, độn, nhìn săn cứng. Ngươn nói như đã nói trên phone:

- Anh là Ngươn đây, vừa điện thoại cho em.

July cười. Nụ cười hiền. Đó là cái nhận xét ban đầu của Ngươn. Làm đi trên xứ người là một điều tệ hại. Có biết bao nhiêu hăng, xướng, cần những người assembly, lao động phổ thông... Có biết bao nhiêu quán ăn, nhà hàng, cần các nữ nhân viên bưng bê, phụ bếp, lương cũng không quá tệ. Tại sao em làm nghề này? Ngươn tự hỏi. Và không có câu trả lời.

- Tám chục anh.

Ngươn nghĩ. Rẻ. Lần đầu tiên. Thôi chiều người đẹp. Không trả giá. Dù một ngày lao động của anh cũng chỉ chừng ấy tiền. Và anh nghĩ thêm, theo anh biết, ở đây, những cô gái "Việt nam du học" làm thêm, hay các cô gái Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan... từ một trăm hai, đến một trăm rưỡi. Mà khi lâm trận, các nàng hối thúc, lẹ lên anh. Không đầy năm phút.

Ngươn nói:

- Được em!

July nói:

- Anh đi tắm đi. Vào em tắm cho.

Ngươn lú lú. Đúng là anh lú lú. Đã bao nhiêu người đàn bà qua đời làm anh lú lú. Chính Sài, khi yêu cũng thế. Anh đã thể sống thể chết với nàng. Anh sẽ yêu em đến ngàn đời sau. Và anh đã tuân thủ như vậy. Chỉ có nàng là bội ước.

(Sài, khi ở tiệm neo, nơi nàng làm việc, con Oanh, rỏ vào tai nàng. Bà ở với thằng chả chi cho mất cả xuân xanh. Bà phải sống

cho bà. Biết bao nhiêu thằng Mỹ đến đây mát sa, kết bà, nó nói, được bà, nó tốn cả năm trăm, một ngàn, nó cũng OK. Thế là nàng xiêu lòng. Có một lần, vào mát sa cho một thằng nhóc Mỹ, nó cởi hết áo quần ra, và nói. You eat me. Sài không hiểu hết, nhưng nàng thấy thân hình nó quá ngon. Dù lần đó, nàng chỉ mát xa thông thường, nhưng trong lòng nàng, sau này nói với đám bạn làm neo. Trông thân hình và nhìn của... nó, ngon ơ, sừng sững, nhìn mà ứa nước miếng.)

Thế là nàng bỏ Ngươn, theo tiếng gọi của cái gì nàng cũng không biết, không hiểu, nhưng nàng nghĩ, phải bỏ đi, bỏ cái cũ, theo cái mới. Dù trong tự thâm tâm, nàng vẫn mang ơn Ngươn, Ngươn là người tốt, đã đem nàng qua đây.

July chỉ bận một cái sịp nhỏ, đủ che cái... của nàng.

July nói:

- Anh ngồi yên. Để em tắm cho anh.

July với tay lấy cục xà phòng Dove, nàng xoa nhẹ và chà lên lưng anh. Ngươn nghe một làn hơi ấm truyền qua thân thể.

Ngày xưa (trước đây sáu tháng, Sài cũng thường nói, “anh tắm sơ sịa quá, kỳ không hết gàu, dơ ồm, để em xoa xà phòng và kỳ lưng cho”. Anh đã để yên cho Sài lấy tấm mút kỳ lưng mua tại chợ Nhật, chà qua chà lại lưng chàng. Ngươn nghe thật phê. Sài nói, anh thấy sạch chưa? Sạch trơn nè. Thích hén!)

Bây giờ July cũng xoa lưng Ngươn bằng cục xà phòng Dove. Nàng xoa tận tình, không sơ sịa, qua loa. Ngươn biết thế, vì anh nghĩ, nàng xoa cho nàng, nàng bảo vệ cho nàng, trước khi lâm trận, người đàn ông phải sạch sẽ, phải hết mùi xú uế, hơi hám bên ngoài, của đàn ông.

Cái sự tận tình của July làm Ngươn cảm động. Dù gì, trong những cuộc tình (làm tình) anh đã trải, với những cô gái bán hoa, ở Việt Nam hay ở Mỹ, các nàng đều làm qua loa, mau đi anh, lẹ đi anh. Và nàng rên rĩ, như đã đạt đến khoái cảm tuyệt đỉnh. Khiến bao chàng sướng tê mê, tưởng mình là đấng trượng phu, nam nhi chí chí, đã đưa nàng lên đỉnh vu sơn. Nhưng đó là giả, chỉ là màn kịch.

Điều này July làm thiệt, thiệt tình, vì vốn dĩ, dù làm đi, nàng vẫn muốn người đàn ông nằm trên người nàng, trước tiên phải sạch sẽ, thơm tho (nàng đã kỳ cọ bằng xà phòng Dove). Nàng có chiêu thức riêng của nàng. Nàng biết những người đàn ông đến với

nàng, đều muốn được chịu. Và ví như muốn nàng phục vụ hết mình bằng cách thổi kèn (nên trước tiên nàng đòi hỏi là phải sạch sẽ, bảo họ hãy đánh răng, súc miệng. Kem, bàn chải mới nàng đã để sẵn). Đó cũng là chiêu thức. Đàn ông lúc nào cũng muốn tới bên, nên nàng phải đổi lại, là nàng chịu hết những gì đàn ông yêu cầu. Có mất gì đâu, trên bốn mươi tuổi, nàng đã dần trở thành đồ phế thải). July níu đàn ông bằng cách ấy. Chịu. Dù ăn bánh trả tiền, nàng biết ai cũng muốn ăn được miếng bánh ngon.

Ngươn thích July từ đó. Dù không phải tình yêu nhưng do nhu cầu, anh thường đến với July, một tuần hoặc nửa tháng, tùy theo túi tiền của anh.

*

Ngươn đang lái xe trên đường West thì điện thoại reo. Thường thì khi lái xe Ngươn không bắt điện thoại, nhưng khi nhìn qua màn hình, anh thấy hiện lên chữ: Thảo, li dị. Anh biết đây là tin của Thảo, người đang là dịch vụ đảm nhiệm vụ li dị giữa anh và Sài. Ngươn bấm máy.

Tiếng Thảo:

- Anh Ngươn đó phải không? Đây là Thảo từ dịch vụ David, Thảo báo tin cho anh biết đơn li dị của anh đã về, đã xong. Khi nào thuận tiện, anh đến văn phòng Thảo lấy bản copy nhé.

Anh xứng người. Thế là xong, đoạn kết một cuộc vợ chồng.

Ngươn nói:

- Rồi, tôi biết rồi, khi nào tiện tôi sẽ ghé lấy.

Thảo:

- Cảm ơn anh! Chào anh.

Ngươn nghe buồn đến tận tim gan. Cuộc tình mười lăm năm, từ ngày yêu Sài, đến ngày đem nàng từ Việt Nam qua, bây giờ tính tổng cộng mười lăm năm. Hai người cùng chung sống tám năm. Ngủ chung tám năm, không bỏ sót một đêm. Nhưng anh biết anh có lỗi, là không đem được hạnh phúc cho em. Anh là một thằng dờ. Quá dờ, không cho em một cuộc sống đầy đủ, như em mong ước, như em mơ khi còn ở Việt Nam. Xe hơi, nhà cao cửa rộng. Anh chỉ có căn nhà se một phòng, chiếc xe hơi đời cũ. Cái gì của anh cũng cũ càng. Anh xin lỗi em!

Những lúc buồn người ta thường sa vào rượu, để tìm quên. Với Ngươn, vẫn thích uống rượu để quên, nhưng anh vẫn sợ cảnh

sát hơn và sợ tàn đời mình vì cái án Dui (say rượu lái xe). Nên anh không sa vào chuyện say sưa đó. Nhưng bây giờ, đời anh đang tan hoang, vì em đã đi xa, và nay, một sự thật hiển nhiên bày ra trước mắt. Tờ giấy li hôn được tòa ký, đã về, anh phải làm gì đây. Anh lịm người.

Anh bày ra trước mắt. Con buồn. Ngày xưa chàng trai trong truyện Trầu Cau thất tình, đã hát rống lên:

"Ôi ta buồn ta đi lang thang bởi vì ai?

Ơi ta buồn ta đi quyền sinh bởi vì ai?

Anh cũng đang phân vân không biết mình đi về đâu đây?

Ngươn không nhắn tin được với Sài, vì nàng đã off máy từ ngày xa anh. Nên anh tự nhủ lòng. Vậy thôi. Anh thấy như mình rớt từ trên cao xuống, vô cùng tận. Rồi anh từ từ tỉnh lại.

Bây giờ mới sáu giờ. Anh nghĩ chỉ có July lúc này mới cứu vãn anh được thôi. Nên anh bấm máy cho July:

- A lô July, anh đây, Ngươn đây! Bây giờ anh đến em được không?

- Em bận rồi anh. Có khách. Hai giờ sau anh đến nhé.

Ngươn thấy mình hụt hẫng đi.

- Ủ, thôi, 2 giờ sau anh đến.

Ngươn nghĩ ngay. Bây giờ thời gian trống trải quá. Hai giờ sau. Anh tìm cách khác. Liền gọi đến Minh Hiếu, một cô gái mát xa, mà từ ngày mất Sài anh hay đến để xoa bóp, xoa nỗi sầu.

Minh Hiếu nói:

- Anh đến đi, em đang rảnh.

Trước khi đến chỗ Minh Hiếu, anh vẫn nghĩ đến chuyện với July, có một lần July nói:

- Anh mới hơn bốn mươi, hơn em mấy tuổi, mà sao anh ỉu xiu vậy? Phải hùng dũng lên chứ!

Ngươn nói:

- Ủ, tự nhiên anh buồn quá, nên “nó” cũng buồn theo.

July khuyên:

- Anh nên tìm “vây” mà uống đi, thuốc thần đó. Chứ anh như vậy, cô nào gặp anh cũng bỏ anh đi thôi. Không kể gì cô Sài.

Nghĩ vậy, nên trước khi đến Minh Hiếu, Ngươn đã đến tiệm thuốc tây mua một viên “vây”.

Minh Hiếu xoay quanh người anh. Nàng hiền hậu! Người

miền tây. Sao những người miền Tây đến với anh nhiều quá. Sài này, July này, rồi Hiếu. Hiếu mát xa, nhưng Hiếu nói với anh những điều đạo nghĩa, về Phật, về một tôn giáo mới, cũng Phật, nhưng không phải là Phật. Ngươn nghe như đang trong trận hỏa mù. Nàng nói, phải chọn lựa, trong tương lai, ai theo đạo của em thì sẽ được vào nát bàn. Còn không, sẽ sa vào hỏa ngục hết. Ngươn biết một điều, nát bàn không phải muốn là có được, mà phải tu, tu hàng ngàn kiếp. Mà anh chưa có duyên nên chưa tu được. Anh còn đang lăm than nơi chốn trần ai. Anh cũng tu, nhưng tu theo cách của anh.

Ở tiệm mát xa của Hiếu ra. Ngươn thấy buồn. Vẫn buồn. Một nỗi buồn thật lớn. Anh đã gặm nhấm nó suốt gần nửa năm nay, từ ngày Sài bỏ anh mà đi. Nhưng hôm nay, đúng ngày anh nhận tin từ trung tâm dịch vụ, giấy li hôn đã về. Có gì buồn hơn! Sài thì vẫn mịt tăm. Ở Mỹ, tìm nhau đâu có dễ. Nếu muốn xa nhau thì sẽ biệt. Bỏ email, bỏ điện thoại, di chuyển chỗ ở, có trời mà tìm. Mà tìm làm chi khi người ta muốn vậy.

Ngươn lái xe theo đường G, nơi có motel July đang ở. Đúng là đã đến giờ hẹn rồi. Viên “vây” đã uống khi vào mát xa, bây giờ đã ngấm. Anh chợt nhớ bản nhạc Buồn của Y Vân.

*Buồn như ly rượu đầy không có ai cùng cạn
Buồn như ly rượu cạn không còn rượu để say
Buồn như trong một ngày hai đứa không gặp mặt
Buồn như khi gặp mặt không còn chuyện để vui*

Chuyện với Sài tưởng dễ quên mà không quên được. Ngươn vẫn lẫn quất hình bóng Sài, lời ăn tiếng nói của Sài. Giọng người Nam, ngọt ngào đến độ, chàng như lịm mê man vào giọng nói đó, cử chỉ đó, bóng sắc đó. Dù chàng nhiều lần, cố lên tiếng mạt sát, cố lên tiếng chê bai, nhưng rót cùng, nhớ vẫn nhớ, yêu vẫn yêu. Chàng cố tình quên, nhưng qua mọi chuyện rồi vẫn nhớ, trăm năm, ngàn năm, vẫn vậy, phải không?

Ngươn đến nơi. Dừng xe ở parking. Rồi bước vào khu motel, leo lên lầu hai, đến căn 20...gõ cửa. July mở cửa, lộ đầu ra. Thấy anh, nàng ra dấu, rồi nói nhỏ:

- Anh đến rồi hả? Anh ra kia đứng đợi em. Em xong rồi. Đợi chút, để khách trả tiền xong là anh vào.

Ngươn bước thậm thụt vào phía sau khoảng mười mét. Đợi. Anh nhìn lom lom về phía cánh cửa. Khoảng 5 phút sau, cánh cửa mở, một người đàn ông từ trong đó đi ra. Dáng một ông già, anh đoán khoảng trên sáu mươi. Người đàn ông bỏ áo ngoài quần, đi lăm lăm. Rồi cánh cửa mở. July hiện ra, ngoắc tay.

- Anh Ngươn, vào đi anh. Xong rồi.

Ngươn lướt vào. Viên thuốc "vây" làm anh xốn xang, cộng thêm cơn thất tình dồn nén. Ngày trước, những lần như thế này, thì Sài tự động đến ôm anh. Nàng nói giọng nam ngọt lịm, anh yêu, em thèm, hôm nay là thứ tư, em thèm, anh trả bài em đi. Nàng đã trống hốc. Chiếc áo voan mỏng đã trút bỏ từ lúc nào. Hồi đó, Ngươn không cần viên "vây" nào, anh cũng thấy nóng hừng hực. Sài cong người dưới anh.

Bây giờ thì Ngươn mất Sài. Nàng đã đi về phía xa tít, thật xa, ở chân trời nào. Nơi đó, có một lần nàng kể, có một chàng trai Mỹ... July nói:

- Anh vào rest room đi.

Ngươn bước vào và tự cởi áo quần. July đã trút bỏ xiêm y lúc nào. Nàng có bộ ngực săn cứng.

Nàng kỳ cọ cho Ngươn thật kỹ. Đó là chiêu thức của nàng. Đến khi sờ vào Ngươn, July hốt hoảng la lên:

- Sao hôm nay anh ngon vậy?

Ngươn:

- Anh đang thất tình. Vừa được tin giấy li hôn đã về.

July cười nghèo:

- Ly hôn thì buồn chớ sao vui.

Ngươn trả lời:

- Không biết nữa. Nhưng tự nhiên anh thấy rất ham. Muốn xỏ ra tất cả. Xỏ cả cơn buồn.

July đứng lên, hai người đối diện nhau. Ngươn ôm kín July vào lòng:

- Em xoay lại đi. Doggy nhe.

July hỏi lại:

- Không ra ngoài giường sao?

- Không, đứng thú vị hơn.

- Anh muốn thì em chịu.

July chịu ý Ngươn, xoay người lại. Doggy. Anh đang cắn cứng.
July lại la lên hoảng loạn:

- Sao hôm nay anh "khủng" thế. Ơ! hơ!
- Tại anh đang thất tình.

Cuộc chiến kéo dài hơn ba mươi phút. July la lên từng hồi.
Nàng chết lên chết xuống với đầy đủ tư thế của Ngươn.

Màn kịch di chuyển từ phòng tắm ra đến giường ngủ.
Xong, khi nằm trên giường. July nói:
- Anh hôm nay "khủng" thiệt đó. Mấy năm nay em tưởng là em đã nguội lạnh, không ngờ hôm nay với anh, em hưởng hết mình. Thôi, hôm nay em lấy anh nửa giá, từ nay về sau anh là của em, và em cũng chỉ lấy nửa giá, nhe.

Ngươn cảm động vì lời nói và ý tốt của July, nhưng anh vẫn đặt vào tay July tám chục.

Anh mở cửa bước ra, trong lòng vẫn cơn buồn nặng trĩu.
Anh về ghi lên com mấy câu thơ hậu "hại điện":
Anh đã say mê em trong tàn canh gió lạnh. Em cho anh nửa giá nhưng anh vẫn bù cho em đầy đủ bằng giá y chang mọi ngày. Mình còn gì hờ em, còn gì cho ngày hôm nay, ngày mai, ngày mốt. Mình li hôn rồi. Em ơi, Sài ơi! Hôm nay là ...ngày...tháng...năm, mình đã li hôn..."

TRẦN YÊN HÒA



NGÃ PHƯƠNG HUYỀN phụ trách



NXB Văn Học Mới, trong tháng 3 /2019 vừa qua đã
ấn hành tập thơ :

NHỊP ĐẬP TRONG NHAU của Nhà thơ HẠ DU

Tập thơ mỏng rất dễ thương, chỉ với 52 trang trên giấy tốt
và được bán trên Amazon...

Người giới thiệu sách viết về thơ Hạ Du:

Một người con gái trẻ tốt nghiệp cao đẳng mỹ thuật Đà Lạt...
Ngoài tài Vẽ ra, còn có một năng khiếu đặt biệt đáng chú ý
hơn là Làm Thơ... Hạ Du dùng chữ thông thường. Những
con chữ hiện đại như những lời nói thường nhật bên ngoài
đời sống đưa vào thơ, nhưng toát ra một thi tính rõ nét ...Thế
nên thơ Hạ Du khi đọc lên nghe âm thanh và hình ảnh hiện
trong tâm trí thật nhẹ nhàng, giản dị và dễ hiểu nhưng
không thiếu sự cuốn hút bởi chuỗi cảm xúc.!!

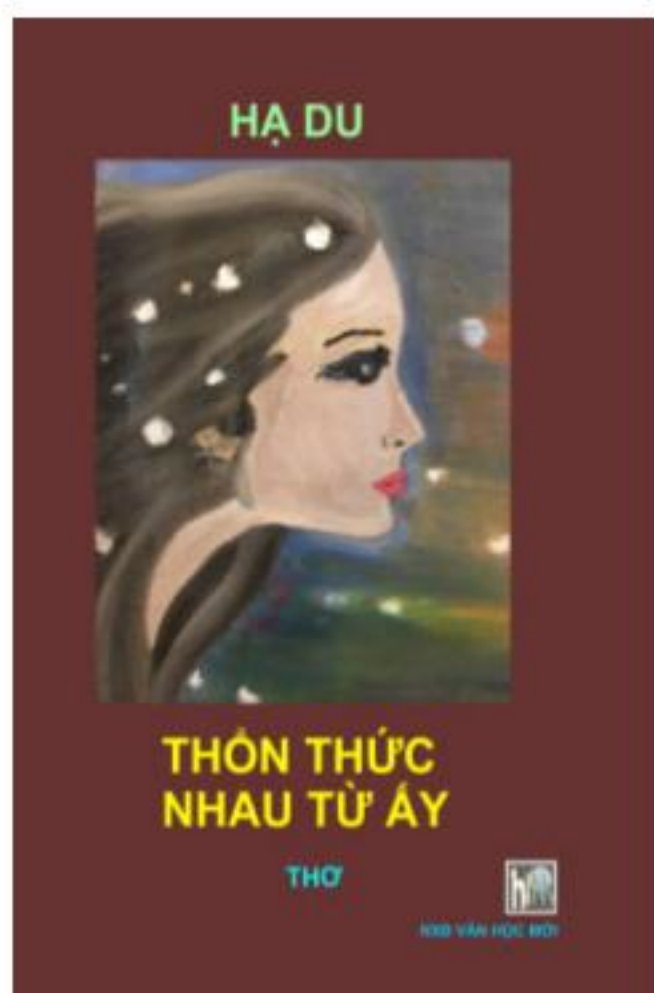
NXB Văn Học Mới, trong tháng 3 /2019
vừa qua đã ấn hành tập thơ:

*

THỐN THỨC NHAU TỪ ẤY của Nhà thơ HẠ DU

Tập thơ cũng lại mỏng rất dễ thương, chỉ với 58 trang
trên giấy tốt và được bán trên Amazon...

Tôi thật lòng ca ngợi tấm lòng rất hiếu thảo và thương
yêu Ba mình đến không yên lòng, đến thắc thỏm thảng
ngày, đến nghe cú rúc mà mơ về phố núi đắm sương
giăng.!! Viết đôi lời cho tập thơ này, chỉ để nói về sự
cảm xúc của Hạ Du, đã toát ra thành những dòng thơ
rất chân thật, mà khi mọi người đọc lên đều nhiệt tình
chia sẻ, tưởng như Hạ Du làm thơ cho chính họ...





THƯ QUÁN BẢN THẢO

Số 84 tháng 4-2019

Tưởng nhớ 9 bằng hữu cộng tác viên

NGUYỄN BẮC SƠN • ĐÌNH CƯỜNG • PHẠM NGỌC LƯ •
HOÀNG NGỌC HIỂN • LÊ VĂN THIÊN • HOÀI KHANH •
TỪ THẾ MỘNG • LÂM ANH • TRẦN VĂN NAM



NXB Văn Học Mới, trong tháng 5 /2019 đã ấn hành tập thơ Tân Hình Thức, đến tháng 6 mới thật sự phát hành. Tập thơ mang tên:

DẤU MỐC

★

của Nhà thơ NGUYỄN LƯƠNG BA.

Là một tập thơ Tân Hình Thức đẹp, mỏng trông dễ thương. Có đến ba người làm thơ THT viết về tập thơ này: Khế Iêm, Hà Nguyên Du, và Phạm Quyên Chi.

Trích ngắn: Thơ sang tay, một lần nữa biến thành trò chơi trí thức giữa nhà thơ và phê bình, còn người đọc bị đẩy ra ngoài lề, mà không biết rằng bài thơ, bằng nghệ thuật, phải có khả năng mang sinh thú trực tiếp đến mọi thành phần người đọc.(Khế Iêm)

Tòa soạn Văn Học Mới, nhận được báo biểu:

THƯ QUÁN BẢN THẢO

do chủ biên - Nhà Thơ, Nhà văn

TRẦN HOÀI THƯ gửi...

Một tạp chí VHNT bất định kỳ số 84 tháng 4-2019. Là số báo:

★

“Tưởng nhớ 9 bằng hữu cộng tác viên”:

Nguyễn Bắc Sơn, Đình Cường, Phạm Ngọc Lữ, Hoàng Ngọc Hiển, Lê Văn Thiên, Hoài Khanh, Từ Thế Mộng, Lâm Anh, Trần Văn Nam

Sách dày 262 trang . Bìa trước và sau cùng màu trắng. Sáng tác đóng góp của Nguyên An Bình, Ngọc Bút, Camli Nguyễn thị Mỹ Thanh, Nguyễn Âu Hồng, Trần Thị Nguyệt Mai, Lê Thị Hoài Niệm, Nguyễn Dương Quang, Phạm Cao Hoàng, Nguyễn Thanh Châu, Trần Hoài Thư...

Truyện Thơ Thạch Sanh Lý Thông, do GS Nguyễn Văn Sâm phiên âm và giới thiệu lần đầu tiên. Viện Việt Học bảo trợ 2019. Sách dày 196 trang, in trên giấy tốt. NXB Văn Học Mới ấn hành - 2019. Có bán trên Amazon, Barnes & Noble.



Truyện thơ Thạch Sanh Lý Thông được lưu truyền qua bốn thời kỳ ở những dạng khác nhau:

- Thời thế kỷ 19: Bản Nôm Nam, 1855. Duy Minh Thị, khắc ván ở Quảng Đông.
- Thời đầu thế kỷ 20 Bản Nôm Bắc, 1917, khắc ván ở Hà Nội.
- Những năm 30 tới 60: Các bản chữ quốc ngữ dựa trên bản Nôm, chữ bị chỉnh sửa nhiều.
- Những năm gần đây: Các bản quốc ngữ đã chỉnh sửa theo văn mới.

Vậy thì chúng ta cần biết rõ về hai bản Nôm của thời kỳ đầu. GS Nguyễn Văn Sâm giúp chúng ta phiên âm để cho thấy văn phong Nam Kỳ Lục Tỉnh khi vùng đất này mới thành lập và đưa ra những từ ngữ cổ mà ngày nay không còn thấy nữa. Với thời gian, hi vọng bản Thạch Sanh Lý Thông, Khải Định 1917 lưu hành ở Bắc, sẽ được giới thiệu... (Phan Tấn Hải)

Thi sĩ Thanh Thanh

Hân-Hạnh Giới-Thiệu Sách Mới: “VỢ”

Tập Truyện Ngắn của tác giả TRÀM CÀ MAU.

Đây là tác-phẩm thứ tư . Vài nhận xét về Tràm Cà Mau: “ ..anh đã kể lại với những nhận xét rất dí dỏm làm người đọc vui thích”

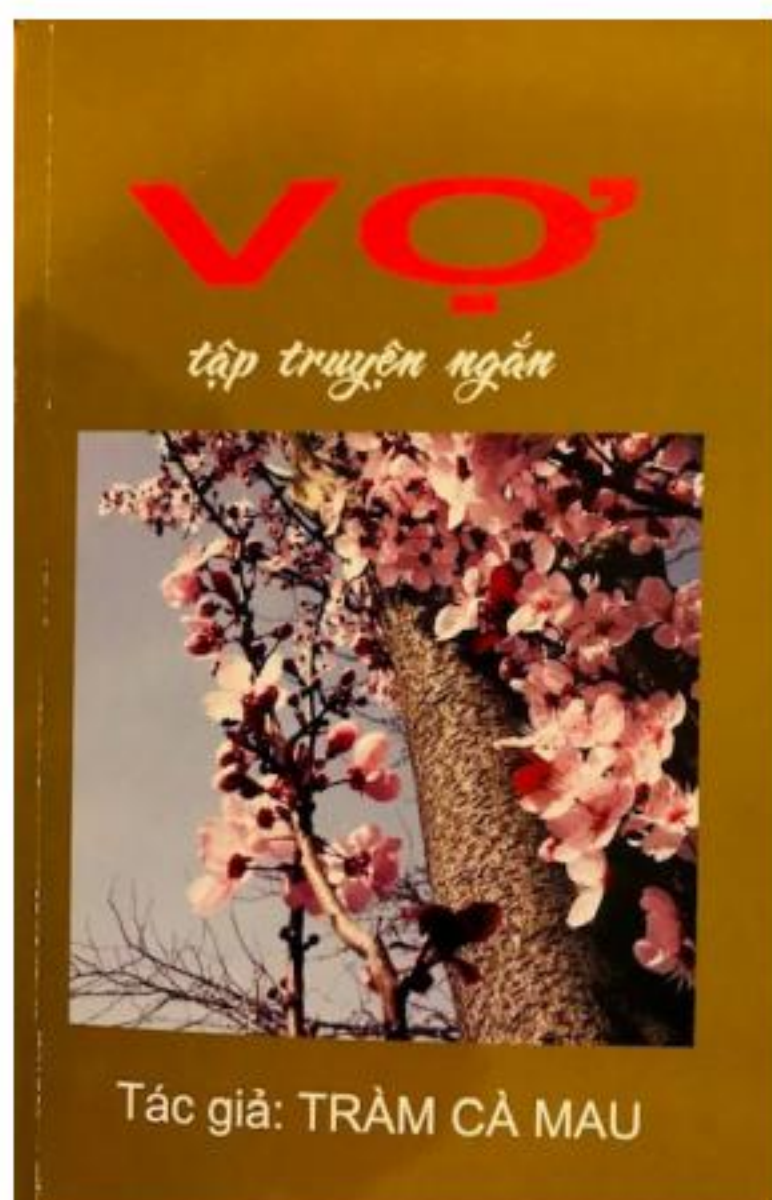
(Nhà văn Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh)

“...đọc xong nhiều đoạn, gấp sách lại, tôi vẫn không nhin được cười..” (Nhà báo Thanh Thương Hoàng) người viết chuyện dễ thương, dí dỏm, có cái nhìn đôn hậu và lòng nhân ái” (Độc giả Trần Thiện Tích); “một nhà văn thật khiêm tốn, với giọng văn hiền hòa mà mang tải được nhiều nội dung cải thiện xã hội” (Độc giả Trần Việt Long). Sách dày 300 trang, gồm 16 truyện ngắn. Có 9 truyện liên hệ đến vợ, nên tác giả chọn nhan đề là “VỢ”

Giá bìa là \$15.00 mỗi cuốn, nhưng độc-giả mua trực-tiếp chỉ trả \$10.00 cộng bưu-phí (nhận sách rồi mới

trả tiền) Liên-lạc qua địa-chỉ email: tramcamau2003@yahoo.com

Chúng tôi đồng-ý với nhận-xét ngắn-gọn mà đầy-đủ của cố lão-thi-hữu Hà Thượng Nhân: “Nếu như người ta chịu khó đọc Tràm Cà Mau, biết đâu cuộc sống của họ có ý nghĩa và vui vẻ hơn”





TRẢ LỜI THƯ TÍN

1/ Tòa soạn Văn Học Mới, xin chân thành cảm ơn quý thân hữu là Nhà thơ, Nhà văn, Nhà Phê Bình, Biên khảo đã hết lòng ủng hộ..

Rất cảm ơn quý vị đã vì quá yêu mến VHNT nên không chút lo ngại gì khi nhiệt tình mua báo dài hạn... Mặc dù chỉ mới là số ra mắt...

Và tòa soạn VHM cũng không quên cảm ơn quý vị mua tạp chí của chúng tôi trên Amazon, kể cả mua trong những nhà sách mà chúng tôi có giới bán...

2/ Văn Học Mới, rất cảm ơn Nhà thơ, Nhà văn, Nhà Biên Khảo & Phê Bình **Ngô Nguyên Nghiễm**, đã hết lòng ủng hộ Văn Học Mới và giới bài sang cộng tác...

3/ Văn Học Mới, vì nhiều bận rộn nên quên nhắc đến sự may mắn gặp lại Nhà thơ bạn hữu rất lâu năm là **Sa Chi Lệ**. (Hiện cư ngụ tại Canada). Một người từng gây sóng thi ca qua những sinh hoạt văn nghệ rất nhộn nhịp ở tỉnh Tây Ninh, vào thời 1965, 1966, 1967, 1968... với các bút nhóm, thi văn đoàn và mấy tờ tập san Trần Gian, Động Đất...

4/ Văn Học Mới số 3 kỳ này có một niềm vui là gặp lại **Nhà Văn Nguyễn Vĩnh Long**, do đọc được thông tin trên báo online nên anh giới thư chúc mừng và cộng tác bằng một truyện ngắn kèm theo....

5/ Văn Học Mới số 3 kỳ này có thêm niềm vui nữa là sự ủng hộ nhiệt tình của Nhà văn **Quyên Di** (Chủ biên báo Tuổi Hoa, trước 1975, hiện là GS dạy Việt ngữ, trường Đại Học Cal State Long Beach (CSULB) USA.

6/ Văn Học Mới số 3 kỳ này có thêm niềm vui, một niềm vui không nhỏ... Là có sự cộng tác của Nhà văn nữ Đặng Thơ Thơ, một trong những Sáng Lập Viên của trang web damau.org, một trang web Văn Chương Không Biên Giới, rất nổi tiếng lâu nay (ĐTT là một sáng lập viên thể hiện rất đúng với chủ trương văn chương không biên giới, hay không phân biệt linh tinh kiểu co cụm, ghetto, thiếu bài bản nhân văn mà chúng ta chỉ nghe nơi nói tốt qua đầu môi, chót lưỡi.!!)

Tạp chí Văn Học Mới



Thể lệ gửi bài về Văn Học Mới

Gởi sáng tác, xin kèm theo địa chỉ, tên thật (có thể), số phone và email.
Gởi đến Văn Học Mới, xin vui lòng đừng gởi báo khác. Nếu tác phẩm đã từng dùng hay phổ biến dưới dạng thức nào, quý vị nên cho bốn báo hay biết.

(Không nhận đăng bài đã đăng trên facebook, hay đăng trên các trang VHNT online khác, nhất là không nhận bài viết tay)

*

Văn Học Mới ưu tiên đăng bài tác giả có mua báo dài hạn.

Bài vở, đánh máy một mặt giấy. Xin dùng Microsoft Word với công cụ Uni Code hay Unikey là tốt nhất. Cần theo font chữ Arial hay Time New Roman. *Bài không đăng không trả lại. Thời gian không đăng khoảng 2 số liên tiếp, quý vị có quyền gởi báo khác...*

Tạp chí Văn Học Mới :

Phát hành mỗi năm 4 số. (hay 3 tháng ra 1 số)

Chấm dứt không nhận bài vào ngày 15 của tháng thứ 2

Gởi bài vở cho Văn Học Mới, theo 2 email :

1/ hanguyendu@gmail.com

2/ vanhocmoi68@gmail.com

**

Ngân phiếu / chi phiếu xin đề:

Ha Nguyen (Ha Nguyen Du)

10291 Arundel Ave
Westminster, CA 92683 - 5821- USA

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ / MỘT NĂM / \$70.00. HAI NĂM \$140.00

CANADA / MỘT NĂM / \$80.00 / HAI NĂM \$160.00

Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / \$80.00

HAI NĂM \$160.00

Giá bán tại các nhà sách US \$18.00 / Cuốn
(Giá này áp dụng cho sách bìa mềm)

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ / MỘT NĂM / \$70.00 / HAI NĂM \$140.00

CANADA / MỘT NĂM / \$80.00 / HAI NĂM \$160.00

Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / \$80.00

HAI NĂM \$160.00

Giá bán tại các nhà sách US \$18.00 / Cuốn
(Giá này áp dụng cho sách bìa mềm)

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ / MỘT NĂM / \$70.00. HAI NĂM \$140.00

CANADA / MỘT NĂM / \$80.00 / HAI NĂM \$160.00

Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / \$80.00

HAI NĂM \$160.00

Giá bán tại các nhà sách US \$15.00 / Cuốn
(Giá này áp dụng cho sách bìa mềm)

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

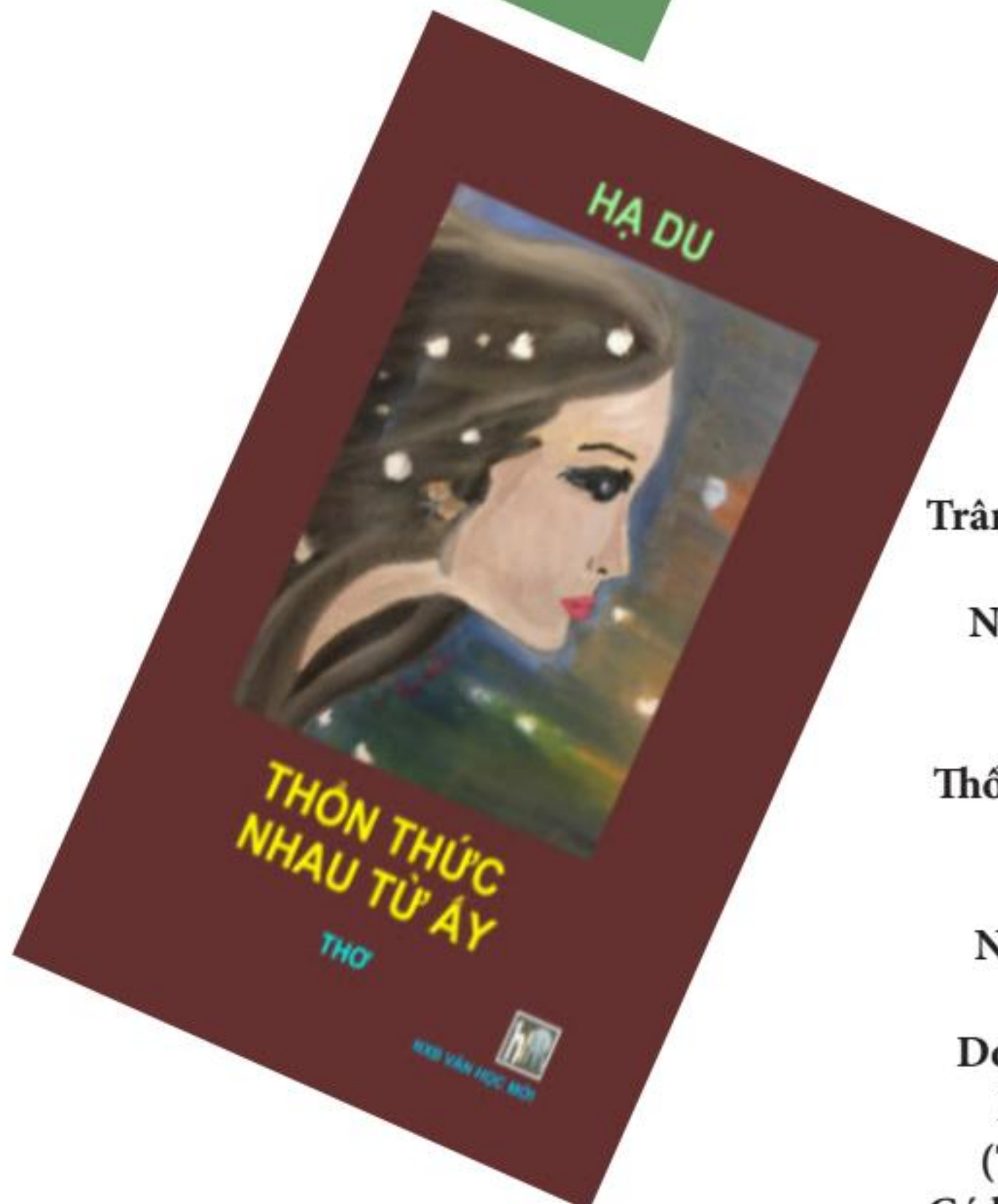
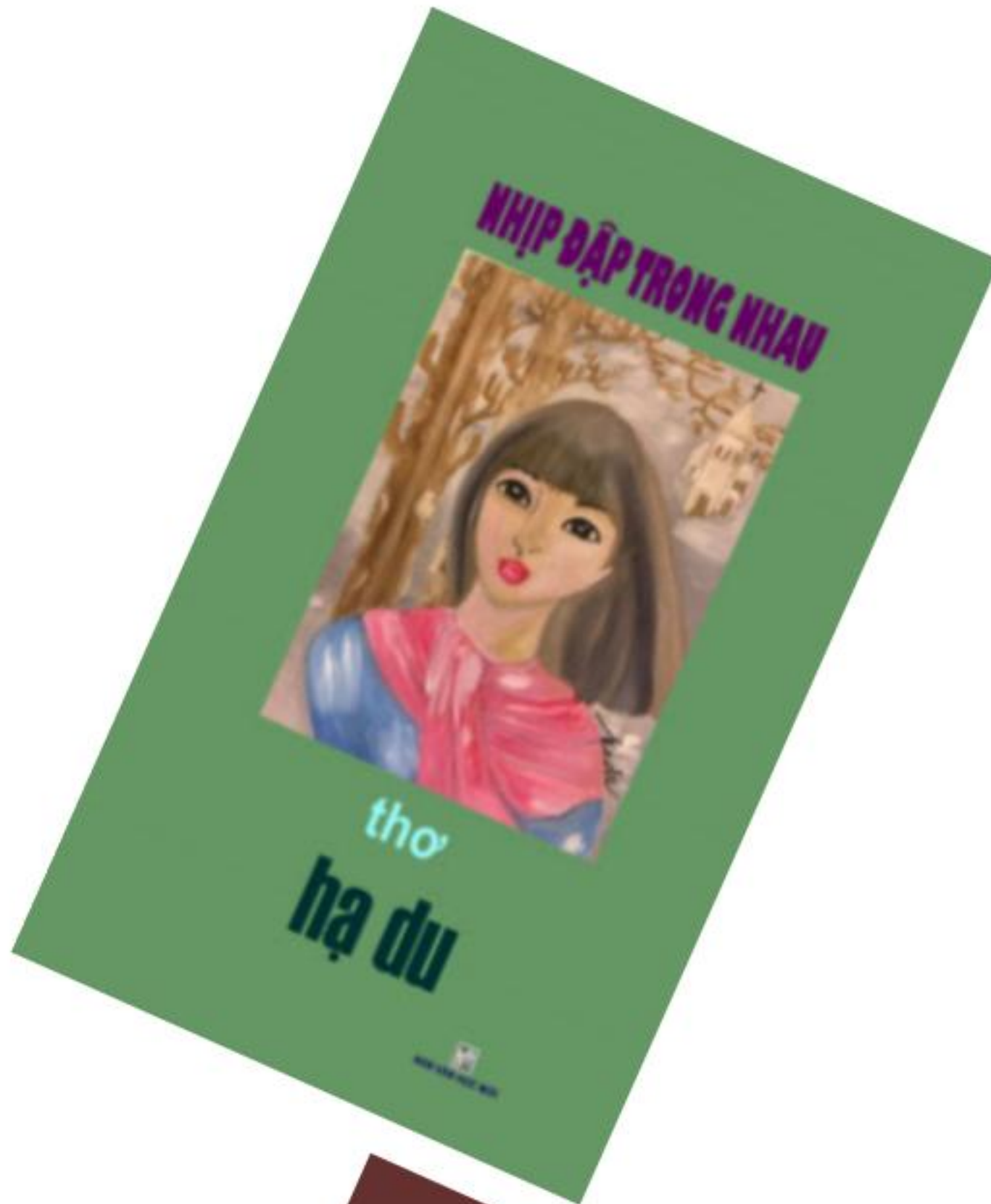
HOA KỲ / MỘT NĂM / \$70.00 / HAI NĂM \$140.00

CANADA / MỘT NĂM / \$80.00 / HAI NĂM \$160.00

Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / \$80.00

HAI NĂM \$160.00

Giá bán tại các nhà sách US \$18.00 / Cuốn
(Giá này áp dụng cho sách bìa mềm)



Trân trọng giới thiệu
2 tập thơ:
**Nhịp Đập Trong
Nhau
Và
Thôn Thức Nhau Từ
Ấy
Của
Nhà Thơ Hạ Du**

Do NXB Văn Học
Mới ấn hành.
(Tháng 5/2019)
Có bán trên Amazon



NXB Văn Học Mới
đã ấn hành 2 tập
thơ :

- 1/ Dấu Mốc
Thơ Tân Hình
Thức
Nguyễn Lương Ba.
(tháng 5 /2019)
- 2/ Vầng Thơ Trên
Đóa Quỳ Vàng
Thơ
Hà Nguyên Du
(Tháng 1/2018)
Có bán trên
Amazon

DOCTOR OFFICE KELVIN MAI INTERNAL MEDICINE



(714) 332-1069

Uy tín - Tận tâm



CHUYÊN TRỊ:

- Bệnh Nội Khoa như bệnh tim mạch, cao áp huyết, cao mỡ, tiểu đường, gan, thận, phổi.
- Các bệnh thần kinh, đau nhức, phong thấp.
- Bệnh đường ruột, đường tiểu.
- Yếu sinh lý cùng bệnh nhòai da, nám da...
- Trị sẹo lồi, đốt mụn cóc, thịt dư...
- Có chích ngừa các loại...
- Có máy đo tim, theo dõi tim suốt 24 giờ.
- Máy thử thính lực và máy đo chức năng phổi.
- Có chích thuốc bổ, thuốc trụ sinh, truyền nước biển.
- Chữa trị đau nhức hiệu quả bằng bấm huyết, nắn xương, chỉnh gân và bắp thịt.
- Chích thuốc đau nhức, chích thuốc nhờn cho đầu gối.
- Có siêu âm gan, thận, mạch máu và các loại siêu âm khác tại phòng mạch.

Chúc Mừng Xuân Kỷ Hợi
An Khang Thịnh Vượng

Địa Chỉ 1:

1002 N. Fairview Street,
Santa Ana, CA 92703
Tel : (714) 332-1069
Fax : (714) 709-4205

Giờ làm việc:

Thứ Hai, Tư, Sáu:
8:30AM – 5:00PM
Thứ Bảy:
8:00AM – 1:00PM
Chủ Nhật: Đóng Cửa
Giờ Lunch:
1:30PM – 2:00PM

Địa Chỉ 2:

12666 Brookhurst Street, #130
Garden Grove, CA 92840
Tel : (714) 332-1069
Fax : (714) 709-4205

Giờ làm việc :

Thứ Ba & Thứ Năm:
8:30AM – 5:00PM
Thứ Bảy:
8:00AM – 12:00PM
chỉ làm hẹn với Bác Sĩ
Kelvin Mai
Chủ Nhật: Đóng Cửa
Giờ Lunch:
1:30PM – 2:00PM



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC MỚI

Chúng tôi NHẬN in ấn tác phẩm thuộc VHNT
Phát hành toàn cầu qua hệ thống Amazon.

Sẽ giao đến tận nhà quý vị. Trên
tinh thần ủng hộ quý Văn Nghệ Sĩ
và thân hữu trong giới sáng tác
Liên lạc Hà Nguyên Du

vanhocmoi68@gmail.com
hanguyendu@gmail.com



văn học mới magazine

Hình bìa: Tranh c32 - Tống Phước Cường
Trình bày bìa: HÀ NGUYỄN DU
Dàn trang : HÀ NGUYỄN DU

Copyright © 2019.vanhocmoi magazine. All rights reserved

ISBN: 978-0-359-62302-0

